GIẢN TƯ TRUNG

đúng việc

một góc nhìn về câu chuyện khai minh



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Dành tặng những aiđã, đang và sẽ dấn thân trên hành trình trở thành
con người tự do!

Đôi lời chia sẻ từ Tác Giả

Nhiều năm trước, tôi có dịp lang thang trên quảng trường Trafalgar ở thủ đô London của nước Anh. Đây là quảng trường được xây dựng để kỷ niệm chiến thắng của hải quân Anh trong trận chiến Trafalgar lừng danh do Đô đốc Nelson chỉ huy. Nằm ngay vị trí trung tâm của quảng trường là một chiếc cột cao 52 mét mà ở trên đỉnh cột là bức tượng vị đô đốc tài ba đứng sừng sững giữa trời. Nhưng điều khiến tôi chú ý nhất không phải là bức tượng sừng sững đó, mà là một dòng chữ ở tấm điêu khắc gần chân cột: "*England expects that every man will do his duty*". (Tạm dịch: Nước Anh mong muốn mỗi người sẽ làm tròn công việc/ bổn phận của mình)

Đó chính là lời hiệu triệu nổi tiếng mà đô đốc Nelson đã gửi cho hạm đội của mình trước trận Trafalgar. Nhưng tôi nghĩ, chọn khắc dòng chữ này ở một trong những vị trí được xem như "trái tim" của nước Anh; người Anh không chỉ đơn thuần muốn kỷ niệm một trận chiến mà có lẽ muốn gửi gắm vào đó nhiều thông điệp hơn thế.

Mỗi công dân Anh (và cả những người không phải là người Anh) khi đứng trước những dòng chữ này hẳn sẻ ít nhiều suy tư về những "công việc" hay "bổn phận" của mình: chúng là những gì, và mình đã làm chưa; nếu đã làm thì đã làm đúng và làm tốt những công việc ấy hay chưa?

"Công việc của mình" – Mấy chữ trên tấm phù điêu về trận chiến Trafalgar năm ấy cũng đã ít nhiều bắt đầu gợi lên và gieo vào trong tôi những suy tư về mình, về thời cuộc, và đặc biệt là về những "trận chiến" diễn ra ở ngay xử sở của mình. Những suy tư đó đã thực sự thôi thúc tôi muốn viết một điều gì đó về "công việc", về làm đúng và làm tốt "công việc", về những "trận chiến" liên quan đến bản chất và chân giá trị của mọi vấn đề.

Đó không phải là những trận chiến hữu hình giữa người với người, giữ gươm với súng như trong quá khứ; mà là những trận chiến giữa cái đúng và cái sai, giữa khai minh và vô minh, giữa cõi phàm và cõi thiêng, giữa cái cao đẹp và cái thấp hèn của con người. Những cuộc chiến vô hình ấy cũng khốc liệt và có sức tàn phá khủng khiếp không kém bất kỳ cuộc chiến hữu hình nào: Các thang giá trị trong xã hội bị đảo lộn; con người bị cuốn vào những vòng xoáy hỗn mang, nghi ngờ chính những điều đã từng được coi là chân – thiện – mỹ; công việc nào, lĩnh vực nào, ngành nghề nào, vấn đề nào cũng có những vấn đề được xem là "vấn nạn chưa có lời giải".

Bất kỳ ai chứng kiến và cảm nhận những điều đó hẳn cũng sẽ đau đáu một câu hỏi nhân sinh như tôi: Căn nguyên của những gì đang diễn ra trong xã hội này, căn nguyên của những vấn đề con người ngày nay đang gặp phải là gì và do đâu?

Có rất nhiều lý do! Mỗi người sẽ chọn một cách lý giải, một cách giải mã riêng, tùy theo góc nhìn của mình. Và "đúng việc", "sai việc", cũng như chuyện *định nghĩa* lại mọi thứ và *trả lại chân giá trị* cho mọi vấn đề là *góc nhìn* và *cách tiếp cận* mà tôi chọn cho mình trong cuốn sách này.

Tôi cho rằng, những thực trạng mà chúng ta nhìn thấy ngày nay của con người, của gia đình, của tổ chức và của xã hội là bắt nguồn sâu xa từ việc có quá nhiều thứ chưa được trả lại chân giá trị vốn có của nó và có quá nhiều người chưa hiểu đúng và làm tốt những "công việc" của mình. Vậy đâu là chân giá trị của mọi vấn đề, đâu là những "công việc" quan trọng nhất và nếu những "công việc" đó được hiểu đúng và làm tốt thì mọi thứ sẽ tốt đẹp hơn và xã hội cũng sẽ được vận hành một cách văn minh"

Những "công việc" quan trọng nhất mà ai cũng phải làm trong đời, chính là: *làm người, làm dân và làm việc*. Khi mà những "công việc" này không được coi trọng và có quá nhiều người không làm đúng việc của mình (tức là làm sai việc) thì những gì mà chúng ta đang chứng kiến (như dân gian vẫn thường nói vui là "người không phải người, dân không phải dân, lãnh đạo không phải lãnh đạo, thầy không phải thầy, nghệ sĩ không phải nghệ sĩ, trí

thức không phải trí thức, doanh nhân không phải doanh nhân, hay đại học không phải đại học, hiệp hội không phải hiệp hội…"), âu cũng là chuyện không đáng ngạc nhiên mấy!

Bởi lẽ, lựa chọn "đúng việc" hay "sai việc" của mỗi người trong từng "công việc" ấy sẽ làm nên chính họ, cũng như làm nên xã hội mà họ sinh sống. Bởi lẽ, con người thì khác với muông thú và cỏ cây; con người tự do thì khác với con người nô lệ hay con người công cụ; công dân thì khác với thần dân hay nô dân; ca sĩ thì khác với thợ hát; nghệ sĩ thì khác với chiến sĩ; trí thức thì khác với trí nô; nhà báo thì khác với hồi bút; sử gia thì khác với sử nô; nhà quản trị thì khác với kẻ cai trị; doanh nhân thì khác với trọc phú hay con buôn…

Nhưng làm sao lựa chọn nếu không hề biết đến sự tồn tại của những lựa chọn, không rõ đâu là sự khác biệt giữa chúng và đâu là "mình" giữa các lựa chọn đó? Làm sao có thể làm "đúng việc" khi chưa biết đâu là cái "đúng"? làm sao "làm ra chính mình", làm sao "hãy là chính mình" khi chưa biết "đâu là mình"...

Đó chính là những trăn trở đã dẫn đến những nội dung bàn trong cuốn sách này. Tuy vậy, cần làm rõ ràng*, mục đích của cuốn sách này là để* ***gợi mở và tranh luận*** *chứ không phải để kết luận và thực hiện, để* ***đặt vấn đ****ề chứ không phải giải quyết vấn đề, để* ***đặt ra các câu hỏi*** *nhằm tìm kiếm câu trả lời chứ không phải là để khẳng định một chân lý (bởi lẽ không ai được phép độc quyền chân lý).*

Vì với một đề tài quá rộng và quá lớn như vậy, làm sao có câu trả lời nào có thể gói gọn được tất cả? cũng như làm sao có một định nghĩa về "đúng" vừa vặn với tất cả mọi người, mọi thời và mọi nơi? Nhưng ít nhất, bằng việc đặt ra những câu hỏi nhân sinh và liên tục, tra vấn mình về nó, ấy là lúc chúng ta có thể tiến gần hơn đến với câu trả lời, đến với việc tìm ra điều gì là "đúng" cho riêng mình, cho xứ sở của mình và cho thế gian này. Và đây chính là hành trình đi tìm chân lý, đi tìm chân giá trị và cũng là hành trình của muôn đời.

Có người bạn hỏi tôi, có bao nhiêu là việc cần phải làm, vì sao lại ngồi lọ mọ viết cuốn sách này. Tôi trả lời rằng, tôi muốn viết cuốn sách này trước hết và chủ yếu là vì tôi thích "thích chia sẻ, bàn luận và học hỏi về việc "đúng việc", về bản chất và chân giá trị của những vấn đề căn cốt của cá nhân, gia đình, tổ chức và xã hội).

Bên cạnh đó tôi cũng cho rằng*, thay đổi đến từ "TÔI"* của mỗi người là con đường tốt nhất dẫn đến sự thay đổi chung của xã hội, đúng như tuyên ngôn bất hủ của bậc hiền triết Mahatma Gandhi: "*You must be the change you wish to see in the world*" (Tạm dịch: "Chính bạn phải là sự thay đổi mà bạn muốn nhìn thấy trong cuộc đời"). Nghĩa là, khi mỗi người (trong chúng ta) tự thay đổi chính bản thân mình trước, tự làm đúng và làm tốt "công việc" của mình, thì xã hội sẽ thay đổi theo chứ không trông chờ vào ai cả. Với quan điểm này, chúng ta có thể thấy rằng hành trình "*tự lực khai hóa*" (theo cách nói của nhà canh tân văn hóa Phan Châu Trinh) của mỗi người chính là con đường tốt nhất để mình tốt hơn, đồng thời cũng góp phần đổi thay xã hội mà mình đang sống. Do vậy, cũng có thể xem "*Đúng việc*" như là một người bạn đồng hành của tôi trên hành trình "Tự lực khai hóa" của mình.

Ngoài ra, như rất nhiều thành viên khác của cộng đồng, tôi cảm thấy mình còn có trách nhiệm công dân trong việc cất lên một tiếng nói, góp vào một giải pháp để thúc đẩy nhanh hơn hành trình tìm kiếm những cái đúng, tìm kiếm một "***hệ điều hành***" ưu việt hơn không chỉ cho riêng mình mà còn cho xứ sở của mình. Với riêng tôi, ngoài sở thích cá nhân, hay sự thôi thúc bởi trách nhiệm công dân, đó còn là trách nhiệm làm nghề (của một người làm giáo dục) nữa.

Cuốn sách này đã được viết với tâm thế ấy, và với ý niệm rằng công việc quan trọng nhất (và có thể nói là công việc/ nghề nghiệp duy nhất) của mỗi người trên cõi đời này, không gì khác chính là "*nghề làm người*", như nhà tư tưởng vĩ đại thời khai minh Jean Jacques Rousseau từng khẳng định. Có thể tiếp tục chi tiết hóa "nghề làm người" này bằng nhiều mảng việc nữa, mà trong đó "làm dân" và "làm việc" là hai phần việc quan trọng bậc nhất. Đó cũng là lý do vì sao mà ba chương chính của cuốn sách sẽ xoay quanh những câu chuyện "đúng việc" về "*Làm người*", "*Làm dân*" và "*Làm việc*". Tôi cũng dành riêng một chương thứ tư để bàn về việc "*Làm giáo dục*", không chỉ bởi đó là công việc hay mối quan tâm của riêng tôi; mà còn bởi vì tính ảnh hưởng sâu sắc của giáo dục đến con người ấy được thụ hưởng hay bị "nhào nặn". Phần cuối cùng chính là *Lời kết* cho những gì mà tôi đã chia sẻ.

Trong quá trình tích lũy nhận thức và phát kiến ý tưởng của riêng mình về những vấn đề

trên, tôi có chịu sự ảnh hưởng và học hỏi của nhiều nhà tư tưởng, nhà nghiên cứu, học giả … của thế giới cũng như của Việt Nam mà độc giả có thể bắt gặp xuyên suốt cuốn sách này. Nếu một ý tưởng, luận điểm, câu chữ… nào đó của cuốn sách có sự tương đồng với ý tưởng, luận điểm, câu chữ của một ai khác mà tên nhân vật đó không được dẫn như ở những phần khác, mong quý vị hãy hiểu rằng đó là một sơ suất không cố ý, một sự trùng hợp tình cờ hoặc một sự nhập tâm một cách vô thức của tôi và thứ lỗi cho sơ suất đó. Tôi cũng rất mong nhận được những sẻ chia, những góp ý, những ý kiến bàn luận của quý vị để câu chuyện "Đúng việc" có thể được hoàn thiện hơn và được tiếp nối ngoài khuôn khổ của cuốn sách.

Cũng nhân đây, tôi xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Tri thức đã xuất bản cuốn sách, cảm ơn những bậc thức giả mà tôi rất kính trọng đã chia sẻ, ủng hộ và góp ý với tôi để hoàn thiện cuốn sách này, trong đó đặc biệt là cảm ơn những chia sẻ kiến thức hết sức quý báu của Nhà nghiên cứu Triết học Bùi Văn Nam Sơn và những góp ý vô cùng quý giá của Giáo sư Nguyễn Văn Trọng về bản thảo.

Và tôi muốn gửi lời cảm ơn đặc biệt tới bạn Nguyễn Thúy Uyên Phương, một người cộng sự lâu năm mà tôi vô cùng quý mến đã giúp tôi lược đi và biên tập một số phần của cuốn sách này. Có thể nói, trong những ngày tháng bộn bề công việc, nếu không có sự hỗ trợ của bạn thì tập sách này khó có thể ra đời như tôi mong muốn. Tôi cũng cảm ơn những người đồng nghiệp đã cùng tôi san sẻ công việc của cơ quan để tôi có đôi chút tĩnh lặng cho chuyện viết lách.

Và đặc biệt, xin cám ơn quý vị đã đón nhận những chia sẻ của tôi. Quá trình viết cuốn sách này đã cho tôi cơ hội nhìn lại chính tôi và thế giới quanh tôi. Và tôi hy vọng rằng quý vị cũng sẽ tìm thấy đâu đó trong những *câu chuyện chung* mang tên "*Đúng việc*" này một *câu chuyện riêng* của chính mình.

Phần 1

Làm người

1. Thế nào là con người? Làm người là… làm gì?

Tại sao cần phải bàn về "làm người"? Chẳng phải ai sinh ra trên cõi đời này cũng mặc nhiên là người rồi sao?

Đó là câu hỏi mà tôi thường xuyên nhận được khi bàn về đề tài này. Mỗi lần như vậy, tôi lại nhớ tới câu chuyện của chị bán nước mía đầu hẻm. Một lần nọ, chị kể với tôi:

"Bác ơi, hôm qua con bé nhà em tự dưng nó hỏi: Má ơi, "người" là gì mà sao lúc nào ba má với cô giáo cũng nói mong con học giỏi để lớn lên "thành người" hết vậy má? Bộ con chưa phải là người hả má? Em kêu nó mày đi hỏi ba mày đi, ba học hết lớp 12 rồi nên biết hết người "nguyên con" luôn, còn má thì mới học hết lớp 9 thôi, nên hông chừng là má mới thành có… "nửa người" à! Nó hỏi ba, ba nó la "không thành người thì chẳng lẽ thành ma hả con?", rồi kêu nó đi hỏi cô giáo, vì cô giáo học Đại học nên chắc là biết rõ hơn. Vào lớp, nó hỏi cô giáo, cô chẳng những không chỉ mà còn nạt nó. "Học hết cơm hết gạo rồi mà không biết thành người là thành gì? Hỏi nữa là cô trừ điểm đó!"

Thật tội nghiệp cho đứa trẻ, nhưng cũng có thể thông cảm cho người lớn trong câu chuyện này. Bởi câu hỏi mà đứa trẻ đặt ra là một câu hỏi vô cùng hóc búa mà biết bao triết gia, biết bao nhà tư tưởng đã tham gia bàn luận và kiến giải từ biết bao thế kỷ nay nhưng vẫn chưa thống nhất được câu trả lời thuyết phục cho toàn bộ nhân loại.

Chính vì vậy, tôi cũng không có ý định trình bày một định nghĩa "con người" thật hoàn hảo trong cuốn sách này. Và tôi tin rằng dù có tìm thấy khái niệm hoàn hảo đó hay không thì cũng không quan trọng, bởi chỉ riêng việc đặt câu hỏi "Thế nào là con người?" và luôn suy ngẫm, chiêm nghiệm về nó trong hành trình cuộc sống và trên đường đời cũng đã giúp chúng ta trở nên "người" hơn.

Theo Paolo – một triết gia vĩ đại thời cổ đại thì: "*Con người là một sinh vật luôn đi tìm ý nghĩa" (của cuộc sống, của mọi thứ…)* Thật vậy, có lẽ không có sinh vật nào lại luôn trăn trở về sự tồn tại của bản thân mình hay về ý nghĩa của mọi thứ, của mọi hành động như con người. Chỉ có con người mới luôn tự vấn *"Sống để làm gì?", "Học để làm gì?", "Làm để làm*

gì?", "Ý nghĩa của đời ta nằm ở nơi đâu?"… Aristotle, một triết gia vĩ đại khác, cũng từng nói: "*Con người là một con vật có mục đích sống. Cuộc đời của anh ta chỉ có ý nghĩa khi luôn hướng tới và nỗ lực cho mục đích sống của mình".*

Như vậy, có thể hiểu điều giúp cho con người trở nên khác biệt chính là **lẽ sống** – là thứ mà anh ta luôn muốn hướng tới, là thứ mà thiếu nó thì anh ta chỉ là một sinh vật vô hồn trong hình hài của giống người.

Có một "lẽ" khác mà chỉ con người mới hiểu và mới chiến đấu vì nó, đó là **"lẽ phải"**. Tôi rất tâm đắc với câu nói của nhân vật Nguyễn Trãi trong vở kịch *Bí mật Lệ Chi Viên: "Con thú có thể cắn chết con người, nhưng vẫn là con thú. Con người mang trong mình lẽ phải có thể bị sát hạt vì lẽ phải, nhưng bảo vệ lẽ phải mãi mãi vẫn là thiên chức con người".*

Câu chuyện về cái chết của triết gia vĩ đại thời Hy lạp cổ đại Socrates cũng là minh chứng cụ thể nhất cho câu nói này. Ông đã bị chính quyền Athens buộc tội gieo rắc sự nghi ngờ các thần linh và làm băng hoại tư tưởng của thanh niên do dám truyền bá về các vị thần mới ngoài hệ thống các vị thần được chính quyền Athens thừa nhận. Ông bị tuyên án phải tự tử bằng thuốc độc, và chỉ có thể thoát án nếu chịu thừa nhận tội trạng của mình.

Socrates đã lựa chọn cái chết, vì với ông sự thật và lẽ phải còn quan trọng hơn sự sống. Trong một bức tranh vẽ lại cảnh tượng trước lúc Socrates qua đời, người ta thấy ông một tay chỉ thẳng lên trời như lời tuyên thệ trung thành với lý tưởng bảo vệ lẽ phải của mình, một tay với lấy chén thuốc độc như sẵn sàng đón nhận cái chết. Trong lời tự biện hộ cho mình trước khi chết, ông nói:

"Dù ở thế giới này hay thế giới bên kia, tôi vẫn sẽ tiếp tục tìm hiểu ai là người thông thái thực sự, ai là kẻ thông thái giả hiệu, ai thì không. Ở thế giới bên kia, người ta không xử tử một người chỉ vì anh ta dám đặt ra những câu hỏi. Vì thế, thưa các vị quan tòa, tôi sẽ đón nhận cái chết với một thái độ hân hoan, và chắc chắn một điều rằng, sẽ không một điều xấu xa nào có thể xảy ra một một con người tử tế, khi còn sống cũng như khi đã chết đi. Giờ khởi hành đã điểm, và chúng ta sẽ đi con đường của mình – tôi đi về cái chết, các vị đi về cái sống. Đường nào tốt hơn thì chỉ có Chúa mới biết."

Thái độ bình thản và không một chút lưỡng lự của Socrates trong việc lựa chọn lẽ phải hay là cái chết khiến tôi ngẫm nghĩ: "Quả thật, có những thứ thường được cho là trên hết – như cái chết. Nhưng với những con người mang trong mình lẽ phải, cái "*trên hết*" của họ thật đặt biệt".

Chẳng hạn, từ nhỏ tôi đã được nghe và được dạy rằng, "Tổ quốc là trên hết", "đồng bào là trên hết", nhưng rồi tôi lại tự nghĩ "đồng loại" lớn hơn "đồng bào" chứ! Nếu làm lợi cho đồng bào mình, quê hương mình, nhưng lại làm hại đồng loại của mình thì điều này khó có thể chấp nhận được. Trong lịch sử đã có bao kẻ nhân danh sự vĩ đại của dân tộc mình, đồng bào mình mà sẵn sàng làm hại đồng loại như Hitler, Pol Pot…

Nhưng hình như đồng loại cũng chưa phải là trên hết?

Đó là câu chuyện trong bộ phim Avata của đạo diễn lừng danh James Cameron – một bộ phim đã đi vào lịch sử điện ảnh thế giới như một trong những siêu phẩm điện ảnh thành công nhất về cả doanh thu lẫn nghệ thuật và công nghệ làm phim. Bộ phim là một câu chuyện diễn ra ở tương lai, với nhân vật chính là một cựu quân nhân được cử đi tham gia đội quân chinh phục một hành tinh trù phú có tên là Pandora. Trong quá trình làm gián điệp để thu thập thông tin về hành tinh này, anh đã nhận ra tính phi nghĩa của chiến dịch xâm lăng đó và anh đã sát cánh cùng những cư dân của hành tinh Pandora để chống lại những người Trái đất và bảo vệ những giá trị văn hóa, lịch sử, tinh thần thiêng liêng của hành tinh xinh đẹp này.

Câu chuyện của bộ phim Avata có vẻ hơi trái với một câu nói quen thuộc chúng ta thường nghe là "Đến cả thú vật cũng không ăn thịt đồng loại của mình!". Nhưng người anh hùng được khán giả khắp nơi yêu mến trong bộ phim này, với "tiếng gọi" của lẽ phải, của lương tri, đã cầm súng chống lại đồng loại của mình. Ví dụ này cho thấy không có giới hạn nào cho *lẽ phải*. Nó có thể vượt lên trên cả tình đồng loại và là điều mà một con người đúng nghĩa sẽ không ngừng sống và chiến đấu vì nó.

Qua đó cho thấy rằng, với con người đúng nghĩa, trên đời này không có gì là "trên hết" ngoại trừ lương tri và phẩm giá của mình. Nói cách khác, với con người thực sự, thế giới vĩ

đại nhất chính là "con người bên trong" của họ và họ sẽ luôn hành động theo "tiếng gọi lương tri từ bên trong" của mình.

Con người tự do/ tự trị

Trong những xã hội xưa, nhất là xã hội Á Đông, quan niệm về việc sống có lẽ sống và lẽ phải thường chỉ dừng lại ở việc nên sống sao cho hướng thiện, vô hại (không làm hại đến người khác), hữu ích (cho càng nhiều người càng tốt) thì trong xã hội văn minh, người ta thường dùng khái niệm "con người tự do"/ "con người tự trị" để khái quát đầy đủ hơn câu chuyện làm người. Và đó cũng là cách hiểu mà khái niệm "làm người" mà chương sách này muốn hướng đến. Nói cách khác, câu hỏi "Thế nào là con người?" cần được hiểu đầy đủ là "Thế nào là con người tự do/ tự trị?"

Có nhiều cách hiểu liên quan đến khái niệm này, nhưng theo cách hiểu của tôi, con người "tự trị"/ "tự do" là con người sở hữu hai thứ: (1) **Tự trọng** và (2) **Tôn trọng**.

"*Tự trọng*" nghĩa là biết coi trọng mình, nhưng không phải theo nghĩa vị kỷ (chỉ biết đến danh lợi của bản thân mình) mà là *coi trọng phẩm giá/ đạo đức của mình*. Một người có tự trọng hay không cũng thường được thể hiện qua câu trả lời hay qua hành xử của anh ta cho những câu hỏi như: "*Điều gì khiến tôi sợ hãi/ xấu hổ?", "Điều gì khiến tôi tự hào/ hạnh phúc?"…*

Người tự trọng tất nhiên sẽ biết sợ sự trừng phạt của nhà nước (sợ pháp lý) nếu làm trái pháp luật và sợ điều tiếng dư luận của xã hội (sợ đạo lý) nếu làm trái với luân thường lẽ phải. Nhưng đó vẫn chưa phải là điều đáng sợ nhất với họ. Điều đáng sợ nhất đối với một người tự trọng là sự giày vò bản thân khi làm những chuyện đi ngược lại lương tri của chính mình, phản bội lại lẽ sống, giá trị sống, nguyên tắc sống mà mình theo đuổi và có cảm giác đánh mất chính mình. Nói cách khác, đối với người có tự trọng, có đạo đức, "*tòa án lương tâm*" còn đáng sợ hơn cả "*tòa án nhà nước*" hay "*tòa án dư luận*".

Người tự trọng thường đối diện với lương tri và phẩm giá của bản thân, đối diện với "con người bên trong" của mình để hành động hơn là đối diện với sự răn đe của luật pháp hay sự phán xét của dư luận bên ngoài. Do đó, họ sẽ khó có thể làm việc xấu, việc sai, ngay cả khi việc xấu, việc sai đó rất có lợi cho mình và nếu có làm thì cũng không sao cả vì việc xấu, việc sai đó đã trở nên phổ biến và bình thường với mọi người.

Chẳng hạn, một người chăm chỉ thì khi làm ở một công ty mà ở đó mọi người đều làm việc chăm chỉ thì anh ta cũng sẽ làm việc chăm chỉ, còn khi đi đến một công ty mà ở đó hầu hết mọi người đều... làm biếng thì anh ta vẫn sẽ làm việc chăm chỉ, làm việc hết mình. Anh ta làm việc không phải vì sự sợ hãi cái nhìn của sếp hay sự đánh giá của đồng nghiệp, mà vì con người anh ta vốn dĩ là như thế, anh ta không muốn sống khác đi, dù là ở đâu. Ngày nay, giới trẻ thường dùng câu nói "*Hãy là chính mình*!" như một câu châm ngôn thời thượng để cổ vũ cho sự tự do, thoải mái làm những điều mình thích. Nhưng không phải ai cũng hiểu và thực hiện phương châm "Hãy là chính mình!" một cách sâu sắc như anh nhân viên trong ví dụ trên.

Hay như một ví dụ khác: *Tôi từ chối nhận phong bì vì tự tôi cảm thấy khó chấp nhận được điều đó, dù rằng tôi đang rất cần tiền và nếu tôi có nhận phong bì thì cũng không sao, vì ở đây ai cũng nhận phong bì cả"*. Người tự trọng làm vậy vì phẩm giá của họ và vì lương tâm chức nghiệp của họ, chứ không vì tác động từ bên ngoài như dư luận hay luật pháp hay tiếng tăm. Nếu không được sống đúng với con người của mình, họ sẽ xin nghỉ việc và tìm một nơi khác, chứ không chấp nhận sự thỏa hiệp đến mức phản bội chính mình để rồi mình không còn là mình nữa.

Người tự trọng có hạnh phúc, có tự hào khi được sự ghi nhận, mến trọng hay ngưỡng mộ của người khác dành cho mình không? Câu trả lời đương nhiên là "Có, rất hạnh phúc, rất tự hào". Nhưng đó chưa phải là hạnh phúc lớn nhất. Niềm hạnh phúc lớn nhất với họ là niềm tự hào sâu kín và riêng tư từ bên trong con người của họ về những việc mà họ làm, về những điều mà họ theo đuổi. Chính vì được dẫn dắt bởi nội tại của bản thân hơn là bị chi phối từ bên ngoài, người tự trọng thường rất tự do và tự trị khi hành động.

Nói cách khác, *người tự trọng/ tự trị thường không muốn làm điều xấu, ngay cả khi không ai có người biết việc họ làm; họ sẵn lòng làm điều tốt ngay cả khi không có ai biết đến; họ sẵn lòng làm điều đúng mà không hề để ý đến chuyện có ai ghi nhận việc mình làm hay không.* Nếu tình

cờ có ai đó biết và ghi nhận thì cũng vui, nhưng nếu không có ai biết đến và cũng không có ai ghi nhận điều tốt mà mình làm thì cũng không sao cả, vì phần thưởng lớn nhất đối với người tự do/ tự trị/ tự trọng là "*được sống đúng với con người mình*", tất nhiên đó là con người phẩm giá, con người lương tri mà mình đã chọn.

Tỷ phú Warren Buffet - một trong những người giàu nhất thế giới và cũng là người làm từ thiện thuộc loại nhiều nhất thế giới - có một nguyên tắc: không cho phép dùng tên ông để đặt cho bất kỳ một công trình nào do ông hiến tặng tiền bạc để xây dựng, và hàng năm ông vẫn cho đi một số tiền lớn trong gia sản của mình đến các quỹ từ thiện. Năm 2014, ông bị rớt một bậc trong danh sách những người giàu nhất thế giới của Forbes sau khi đóng góp 28 tỷ USD cho quỹ Bill & Meanda Gates, nhưng có lẽ ngôi vị "người giàu nhất hành tinh đó có lẽ cũng không phải là chuyện khiến ông bận tâm cho lắm. Bởi điều ông quan tâm hơn chắc hẳn là suy nghĩ xem là nên dùng số tiền từ thiện của mình vào việc gì cho hữu ích nhất, và đặc biệt hơn là, một mạnh thường quân đích thực làm từ thiện chắc hẳn không phải hành động đó sẽ được ca ngợi hay được người ta mang ơn, mà vì niềm hạnh phúc lớn lao khi được san sẻ bớt nỗi bất hạnh của đồng loại hay thúc đẩy sự phát triển của con người.

Không phải chỉ những con người vĩ đại mới có hạnh phúc bên trong, mà ta có thể bắt gặp điều này ở những con người nhỏ bé trong những hành động tưởng chừng như rất bình thường trong cuộc sống hàng ngày.

Chẳng hạn, có hai chị em, cô chị 18 tuổi và cậu em 10 tuổi. Hai chị em được một người cho hai cái bánh rất ngon, một cái lớn và một cái nhỏ. Cô chị rất thương em và luôn muốn dành những gì tốt đẹp nhất cho em mình. Nhưng cô chị biết rằng, nếu được chọn trước thì thế nào cậu em sẽ chọn cái bánh lớn, như thế cô sẽ biến em mình thành một người tham lam. Thêm nữa, cô chị cũng rất muốn nhường cái bánh lớn nhưng lại không muốn cậu em e ngại vì được chị nhường. Với nhận thức và suy nghĩ như vậy, cô chị đã lén lấy cái bánh nhỏ để ăn và để lại cái bánh lớn cho cậu em. Khi thấy cậu em ăn cái bánh lớn một cách ngon lành và không hề biết gì về suy nghĩ và hành xử của chị mình, cô chị thầm hạnh phúc và rất tự hào vì đã làm được điều gì đó rất hay ho cho cậu em thân yêu của mình. Niềm tự hào sâu kín này, hạnh phúc riêng tư này chắc hẳn còn lớn hơn cả hạnh phúc nếu như cậu em biết rằng cô đã nhường cho cậu và cảm ơn cô vì điều đó.

Ngược với con người *tự do* là con người *nô lệ* (nô lệ cho người khác, cho tiền bạc, cho quyền lực, cho danh vọng…), và ngược với con người *tự trị/ nội trị* là con người *bị trị/ ngoại trị* (bị trị/ ngoại trị bởi người khác, bởi tiền bạc, bởi quyền lực, bởi danh vọng. . .).

Khi được dẫn dắt bởi "*con người ở bên trong*" (lương tri, lương tâm, đạo đức, phẩm giá, phẩm hạnh, giá trị, nhân cách, lẽ sống, lẽ phải…), ta sẽ trở nên hướng thiện và hướng thượng hơn, và đặc biệt là mọi hành vi của ta sẽ không bị phụ thuộc bởi ngoại cảnh. Nói cách khác, ta có khả năng "tự trị"/ "nội trị" bởi lương tri và phẩm giá bên trong con người mình, hơn là "bị trị"/ "ngoại trị" bởi ai đó hay bởi tiền tài, địa vị, danh vọng hay bởi cái gì khác bên ngoài con người mình. Và vì thế, ta là con người tự do, tự do với những chi phối từ bên ngoài trong những hành vi của mình.

Ranh giới của tự do

Tuy nhiên, hành động của con người tự do thì không chỉ dựa trên sự "**tự trọng**" đối với chính mình, mà còn cần có cả sự "**tôn trọng**" đối với người khác, vì nếu không tôn trọng sự tự do của người khác thì rất khó yêu cầu người khác tôn trọng sự tự do của cá nhân mình.

John Stuart Mill, tác giả của tác phẩm kinh điển *On Liberty* (*Bàn về tự do,* bản dịch tiếng Việt của học giả, dịch giả Nguyễn Văn Trọng) cho rằng, mỗi người đều có quyền tự do mưu cầu hạnh phúc riêng của mình, "*trong chừng mực ta không mưu toan xâm phạm đến hạnh phúc của người khác hoặc ngăn trở những nỗ lực của người khác đạt được hạnh phúc của họ".*

Có nghĩa là, một người được *tự do hoàn toàn đối với mọi thứ liên quan đến anh ta*, nhưng anh ta sẽ phải *giao nộp một phần tự do của cá nhân mình* nếu như sự tự do đó làm phương hại đến người khác. Chẳng hạn, hút thuốc là quyền của mỗi người, nhưng anh ta không được phép hút thuốc ở những nơi công cộng bởi nó sẽ làm ảnh hưởng đến sức khỏe của những người xung quanh. Và đồng thời, cũng như không ai có quyền hạn chế tự do của người khác với lý do là nó sẽ giúp cho người đó trở nên hạnh phúc hơn. Quay trở lại ví dụ trên, chúng ta chỉ có thể cấm một người hút thuốc lá khi nó làm phương hại sức khỏe người

xung quanh, chứ không có quyền bắt anh ta không được hút thuốc với lý do điều đó sẽ làm anh ta khỏe hơn. Hay một nhà cầm quyền không được phép áp đặt người dân của mình phải theo đuổi tư tưởng hay đức tin này và cấm đoán họ không được đi theo một tư tưởng hay đức tin khác với lý do chỉ có tư tưởng hay đức tin đó mới khiến cho họ trở nên hạnh phúc. Bởi lẽ, hiểu thế nào là hạnh phúc là phạm trù thuộc tự do tuyệt đối của mỗi người.

Đầu năm 2015, một sự kiện khủng bố nhằm vào tòa soạn tạp chí Charlie Hebdo ở thủ đô Paris của nước Pháp đã làm rúng động cả thế giới, và theo sau đó là một cuộc tranh luận sâu rộng chưa từng có về giới hạn của tự do và đâu là ranh giới giữa tự do và trách nhiệm.

Charlie Hebdo là một tờ tuần báo trào phúng của nước Pháp, thường đăng các biếm họa, bản tin, bút chiến, và truyện cười. Từ lâu, tờ bảo này đã trở thành mục tiêu nhắm đến của nhiều phần tử cực đoan trên khắp thế giới vì những nội dung mà nó đăng tải. Chẳng hạn năm 2006, tờ này từng đăng 12 bức biếm họa nhà tiên tri Mohammed - Vị thánh của những người theo đạo Hồi. Rồi năm 2013 tạp chí này lại tiếp tục chọn nhà tiên tri Mohammed là nhân vật để châm biếm trong những mẩu truyện tranh của mình. Và ngày 7/1/2015, một nhóm khủng bố đã xông vào tòa soạn này và bắn chết 12 người, trong đó có tổng biên tập và nhiều biên tập viên khác của tờ báo.

Sau vụ thảm sát đẫm máu này, một làn sóng tuần hành ủng hộ lẫn phản đối Charlie Hebdo đã nổ ra trên khắp thế giới. Hàng triệu người thuộc mọi sắc dân, trong đó có cả những người Hồi giáo, đã giơ cao những tấm áp phích với dòng chữ tiếng Pháp "Je suis Charlie” (Tôi là Charlie) để ủng hộ quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí mà nước Pháp là tác giả, và phản đối chủ nghĩa khủng bố. Nhưng đồng thời, cũng có cả những cuộc biểu tình phản đối việc tờ báo này đăng các biếm họa về Mohammed. Hay có tới 42% số người được hỏi ở Pháp cho rằng các bức biếm họa về nhà tiên tri Mohammed, như những hình ảnh mà tạp chí Charlie Hebdo đăng tải, là xúc phạm tới người Hồi giáo và không nên được xuất bản công khai.

Hai làn sóng trái ngược nhau này khiến người tự hỏi mình: Tôi nên là Charlie (ủng hộ), hay tôi không nên là Charlie (không ủng hộ)?

Cá nhân tôi khẳng định, “Tôi là Charlie”, vì như Voltaire, một đại văn hào và là một triết gia vĩ đại người Pháp đã nói: “Tôi không đồng ý với quan điểm của bạn, nhưng tôi sẵn sàng chết để bảo vệ quyền được nói của bạn”. Nói cách khác, tôi ủng hộ Charlie bởi vì tôi ủng hộ quyền tự do cá nhân của Charlie, mà cụ thể ở đây là quyền tự do ngôn luận, quyền tự do báo chí, quyền tự do biểu đạt ý kiến của cá nhân - vốn là một trong những giá trị căn bản của một nền cộng hòa và một xã hội văn minh. Tôi ủng hộ Charlie còn vì tôi ngưỡng mộ sự dũng cảm và tinh thần dẫn thân của họ. Sự dũng cảm và tinh thần dẫn thân này của Charlie đã góp phần giúp thế giới quan tâm hơn và hiểu hơn về quyền tự do nói chung và quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí nói riêng. Và một lý do nữa khiến tôi ủng hộ Charlie bởi đó cũng là cách tôi bày tỏ sự phản đối của mình đối với cách hành xử vừa man rợ, vừa “vô pháp, vô thiên” của những kẻ khủng bố đã làm hại Charlie.

Nhưng song song đó, tôi cũng khẳng định: “Tôi không là Charlie". Tôi không ủng hộ Charlie, bởi vì tôi không thích thể hiện quyền tự do ngôn luận của mình bằng cách xúc phạm đức tin tôn giáo của người khác, do tôi tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của họ. Ngoài ra, tôi thấy rằng tôi phải “vâng theo xã hội”, phải “giao nộp một phần tự do cá nhân của mình” nếu hành vi của tôi có ảnh hưởng đến người khác (theo cách nói của John Stuari Mill).

Vì vậy, làm thế nào để cân bằng giữa hai cán cân tự trọng và tôn trọng? Nên coi trọng bản thân mình đến mức nào để không là một con người tự do hoang dã? Nên giao nộp tự do của mình đến mức nào để không đánh mất bản thân mình? Đâu là ranh giới giữa kiểm soát xã hội và quyền tự do cá nhân? Đâu là ranh giới giữa tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội?… Đó là những câu hỏi không dễ trả lời, nhưng là những câu hỏi mà con người phải luôn luôn tìm cách giải quyết trên hành trình hướng tới tự trị/ tự do của mình.

Chân thắng và chân ga

Như vậy, nếu ví von cuộc đời của con người như một cỗ xe thì lẽ sống, lẽ phải, giá trị sống, nguyên tắc sống, lương tri, lương tâm, phẩm giá… (tức là "con người bên trong” của mình, là sự “tự trọng” và ”tôn trọng” nói trên của mình) sẽ vừa là “chân ga”, vừa là “chân

thắng” (cái phanh) của chiếc xe đó.

Chính cái “chân ga” này sẽ giúp cho “chiếc xe cuộc đời” có thể vượt qua được bao đèo cao, là động lực không bao giờ cạn giúp ta được mục đích mà mình theo đuổi, và cũng chính “chân thắng” này đã ngăn “chiếc xe cuộc đời” không rơi xuống vực sâu, không cho phép ta làm những điều rất không nên làm, giúp ta giữ được mình.

Không chỉ là động lực mạnh mẽ nhất giúp ta bền bỉ theo đuổi những mục tiêu, “chân ga” bên trong con người mình (lương tri, phẩm giá) còn thúc đẩy ta phải hành động, phải làm những việc mà ta không muốn làm. Chẳng hạn như khi chứng kiến một cô gái đi xe Honda SH gặp nạn (trong vụ bị bọn cướp chặt tay để cướp xe ở cầu Phú Mỹ, Sài Gòn) thì hẳn là anh xe ôm cũng muốn chạy thật nhanh để tránh rước họa vào thân, nhưng “con người bên trong” của anh trỗi dậy và buộc anh phải quay xe lại và tri hô lên để mọi người cùng cứu cô gái và sau đó cứu được.

Không chỉ lực cản mạnh mẽ nhất giúp ta ngăn chặn được những hướng đi lầm lạc, “chân thắng” bên trong con người mình (lương tri, phẩm giá) còn ngăn chặn ta, không cho ta làm những việc mà ta rất muốn làm.

Chẳng hạn, khi vào nhà của người thân, ta thấy rất nhiều tiền để lung tung khắp nơi, mà người thân thì lại ở trên lầu. Lúc đó ta lại đang rất kẹt tiền, nếu có lấy một xấp bỏ vào túi thì cũng khá dễ dàng và cũng không ai biết. Nhưng ta lại không lấy, vì con người bên trong của ta đã ngăn ta lại, không cho ta làm điều đó, cho dù ta đang rất thiếu thốn về tiền bạc.

Khi “mình” (phẩm giá bên trong) chiến thắng được “ta” (bản năng sẵn có) một cách ngoạn mục trong những hoàn cảnh “ngặt nghèo” như vậy thì “ta” sẽ rất tự hào về “mình”, còn ngược lại thì “chính ta” sẽ khinh bỉ “chính mình”. Và nếu ta không có “con người bên trong”, mà chỉ có “con người bản năng”, có nghĩa là ta không có “chân thắng”, thì không có gì mà ta không dám làm (vì hành động chủ yếu theo bản năng), khi đó ta sẽ tự hỏi, ta có còn là "con người" không, nhân tính của ta sẽ ra sao?

Và trong vô số cái không hay cần phải có "chân thắng" để ngăn ta lại thì có một cái mà rất đáng để ta lưu tâm, đó chính là "nguyên tắc vàng" của Khổng Tử "Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân" (Điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác). Và trong rất nhiều thứ tử tế cần có "chân ga" để ta có thể dấn thân thì có thêm một điều cũng rất đáng để ta lưu tâm, đó chính là "nguyên tắc vàng" của Đức Giáo hoàng Francis: "Hãy làm cho người khác những gì bạn muốn họ làm cho mình".

Ở khía cạnh xã hội, nhất là người trẻ, hầu hết đều xem việc trở thành một người thành công/ thành đạt là mục tiêu của cuộc đời mình. Đó là một mục tiêu hết sức chính đáng và nó sẽ là một "chân ga" thúc đẩy họ tìm kiếm con đường để đạt được mục tiêu đó. Tuy nhiên, chọn con đường nào và làm sao để tiến nhanh trên con đường ấy mà không bị "lạc tay lái" (đến mức trái với đạo sống của bản thân và đánh mất mình, phản bội chính mình, đến mức trái với cả pháp lý của nhà nước lẫn đạo lý của xã hội) thì lại hoàn toàn là do "chân thắng" - tức những giá trị văn hóa, đạo đức - mà họ đã lựa chọn cho cuộc đời mình.

2. Để làm được “người”, cần có những năng lực nào?

Có thể thấy rằng, nếu hiểu "con người" theo nghĩa "con người tự do" như trên thì không phải ai sinh ra cũng có sẵn "năng lực làm người". Vậy, "năng lực làm người" cụ thể là những năng lực gì? Thật khó để đưa ra một câu trả lời xác đáng. Trong phạm vi cuốn sách này, tôi muốn bàn về hai loại năng lực tạm gọi tên là "năng lực khai phóng" và "năng lực khai tâm".

Trước hết, hãy nói về năng lực khai phóng (khai minh và giải phóng) bản thân. Vậy "khai minh" là gì? Hiểu một cách nôm na, "minh" là sáng và "khai" là mở, nên "khai minh" có nghĩa là mở toang con người tăm tối, con người vô minh, giáo điều, ấu trĩ của mình ra để đưa ánh sáng của chân lý, sự thật và tự do vào. Lâu nay chúng ta thường quen dùng từ "khai sáng", nhưng về mặt ngữ nghĩa thì từ "khai minh" sẽ chính xác hơn. Triết gia Immanuel Kant từng định nghĩa một cách ngắn gọn về hai chữ "khai minh" như sau: "Khai minh là việc con người đi ra khỏi sự không trưởng thành do chính mình tự chuốc lấy" (cách dịch của học giả, dịch giả Bùi Văn Nam Sơn). Như vậy, con người cần phải thoát khỏi tình trạng "không trưởng

thành" do chính mình tự gây ra cho bản thân, bắt đầu bằng việc tư duy lại, nhận thức lại những quan niệm của bản thân về những vấn đề quan trọng nhất trong cuộc đời.

Còn khai tâm, nói đơn giản, đó chính là ta có một trái tim "có hồn", một trái tim biết rung lên trước cái hay cái đẹp (nhất là cái đẹp vô hình, cái đẹp không nhìn thấy, không sờ thấy, mà chỉ có thể cảm thấy), biết thổn thức trước những nỗi đau, biết phẫn nộ trước cái sai, cái xấu và cái ác. Một người mà không còn xúc cảm, không còn tin vào điều gì, nhất là những điều tốt đẹp trong cuộc đời này, cũng như không còn biết đau chung nỗi đau của con người thì về cơ bản, người đó đã "chết lâm sàng" hay có vấn đề về "nhân tính".

Khai phóng: Để có một cái đầu sáng!

Hãy cùng bàn thêm về hai loại năng lực đặc biệt này của con người thông qua vài mẩu chuyện nhỏ dưới đây!

Ví dụ, hai gia đình nọ có hai cậu con trai ngang tuổi nhau, học cùng lớp, cùng trường, cả hai gia đình này đều rất giàu có và cùng ở trong một khu biệt thự sang trọng. Cậu con trai của gia đình A mỗi khi ra đường, nếu đi xe hơi thì ít ra phải là Lexus, nếu đi xe máy thì tệ lắm phải là SH, và mỗi lần sinh nhật thì phải tổ chức ở Hong Kong, Singapore, hoặc tệ lắm thì cũng phải ở một khách sạn 5 sao nào đó... Có như vậy thì cậu cảm thấy xứng tầm, xứng đáng với đẳng cấp của mình, và cậu ấy rất hạnh phúc, rất tự hào về cái "đẳng cấp" này. Tuy nhiên, cậu con trai của gia đình B (nhà B thậm chí còn giàu hơn cả nhà A) thì lại sống khá giản dị và hòa đồng, cậu hầu như không bận tâm đến chuyện đi xe gì hay tổ chức sinh nhật của mình ở đâu. Vậy cậu con trai nhà B có niềm tự hào hay niềm kiêu hãnh của mình không? Chắc là có! Niềm kiêu hãnh hay niềm tự hào đó là gì thì chưa cần biết, nhưng chắc chắn là nó không nằm ở nhà to hay xế xịn. Điều gì làm nên sự khác biệt trong cách hành xử của hai cậu con trai nhà giàu nói trên? Đó chính sự khác biệt trong quan niệm về điều gì làm nên giá trị của con người, điều gì là thứ đáng để tự hào của hai cậu bé và của hai gia đình mà các cậu bé đang sống. Nếu quan niệm rằng giá trị của một con người được đo bằng những của cải mà người đó sở hữu, lẽ đương nhiên là người ta sẽ ước muốn những thứ xa xỉ như vậy và tìm mọi cách để có được nó. Trái lại, nếu tin rằng giá trị của con người nằm ở những thứ khác thì cho dù được bao phủ bởi của cải, người ta cũng không màng đến việc dùng chúng để "tô điểm" cho bản thân mình. Nên sự khác biệt trong tư tưởng có thể dẫn đến sự khác biệt về số phận (như người ta vẫn thường nói "Tư tưởng quyết định số phận") là vậy! Bởi lẽ, theo cách hiểu của tôi, tư tưởng chính là hệ thống các quan niệm nền tảng làm cơ sở cho việc hình thành các ước muốn, cũng như các nguyên tắc và cách thức nhằm đạt được những ước muốn đó. Hệ thống các quan niệm nền tảng này cũng có thể gọi là "hệ điều hành" hay "hệ giá trị" hay "ý thức hệ" của mỗi người.

Những quan niệm nền tảng này thường là lời đáp cho những câu hỏi: Thế nào là con người? Thế nào là công dân? Thế nào là "đúng việc" trong công việc, nghề nghiệp hay sự nghiệp của mình?... Hay các câu hỏi bổ sung như: Thế nào là thành công? Thế nào là hạnh phúc? Sống để làm gì? Ý nghĩa của đời tôi nằm ở nơi đâu? Điều gì thật sự đáng tự hào?...

Do đó, cái mà chúng ta cần quan tâm không phải là thay đổi ước muốn của con người mà là khai thông quan niệm của họ/ của mình. Khi quan niệm, ý niệm, tâm niệm thay đổi thì ước muốn cũng thay đổi, kéo theo nguyên tắc và cách thức đạt được ước muốn cũng sẽ thay đổi tương ứng. Nếu ta có những quan niệm đúng đắn (gần với chân lý và tự do) về những vấn đề hệ trọng trong đời, và cả đời này sẽ sống đúng với những quan niệm đó thì ta sẽ có cuộc đời mong muốn, còn nếu ta mang trong mình những quan niệm sai lầm, lệch lạc (mà mãi đến cuối đời mới nhận ra là sai lầm, lệch lạc; hay thậm chí đến khi chết vẫn chưa nhận ra là sai lầm, lệch lạc) thì hậu quả sẽ ra sao, cuộc đời ta sẽ ra sao?

Nói cách khác, không phải thay đổi ước muốn ("tôi không nên ước muốn có nhiều của cải nữa") mà thay đổi quan niệm/ tâm niệm ("điều gì khiến tôi thực sự tự do và hạnh phúc") mới là thứ thực sự thay đổi gốc rễ số phận một con người.

Chẳng hạn như với cậu bé thích xài sang trong câu chuyện trên, mọi nỗ lực thay đổi ước muốn của cậu như "con mặc áo này đi, sao phải mặc áo hiệu đó", "sao con xài xa xỉ quá vậy, tiết kiệm bớt đi" sẽ là vô vọng (bởi bắt một ai đó từ bỏ điều khiến họ hạnh phúc thật là khó). Nhưng nếu cậu có thể hiểu được: Thế nào là con người? Thế nào tự do, tự trị? Thế nào là thành công? Thế nào là hạnh phúc? Sống để làm gì? Ý nghĩa cuộc đời mình nằm ở nơi

đâu?... thì tự cậu sẽ "cải biến" mình và biết lựa chọn điều gì cho mình.

Chính là những quan niệm/ tâm niệm về những vấn đề trọng yếu nói trên sẽ quyết định con người ta được dẫn dắt đến gần hơn hay là bị đẩy lùi xa khỏi cái đích khai phóng (khai minh và giải phóng bản thân ra khỏi những giáo điều, ấu trĩ, u mê, vô minh để đến gần với chân lý và tự do).

Với cái đầu được khai minh, khai phóng (cái đầu "sáng"), con người sẽ có khả năng minh định được ai là ai, cái gì là cái gì, mình là ai.

Minh định ("minh" là "sáng" và định" là "phân") có nghĩa là có khả năng phân biệt một cách sáng suốt được "ai là ai", có khả năng nhìn nhận được sự khác biệt giữa người này với người khác. Chẳng hạn, nếu nhìn vào giới có học thì sẽ minh định được ai là trí thức, ai là trí ngủ, ai là trí dởm, ai là trí gian và ai là trí nô; nhìn vào giới làm ăn thì sẽ minh định được ai là doanh nhân, ai là trọc phú, ai là con buôn; nhìn vào giới ca hát thì sẽ minh định được ai là nghệ sĩ và ai là thợ hát; nhìn vào báo giới thì minh định được ai là nhà văn và ai là bồi bút...

Trong những xã hội mà kim tiền lên ngôi, vàng thau đều khó phân, các thang giá trị bị đảo lộn, việc minh định được "cái gì là cái gì" (đâu là phải - trái, đúng - sai, lẽ sống - lẽ chết, chân - giả, thiện - ác, chính - tà, tốt - xấu, hay - dở, nên - không nên, đáng trọng - đáng khinh...) quả thật không dễ chút nào! Vậy làm sao để có thể minh định được "đúng - sai"? Dựa vào đâu để mà xác định là "đúng", dựa vào đâu để xác định là "sai"?

Mỗi người có thể có một "hệ quy chiếu" (chính là tư tưởng, hệ thống quan niệm, "hệ điều hành") riêng để dựa vào đó mà "vạch lằn ranh" cho mình. Tuy nhiên, có một hệ quy chiếu chung để minh định được đúng - sai, phải - trái, đó là, người ta thường sẽ dựa vào sự phù hợp với bốn cái "đạo" sau đây:

- "Đạo luật" (hiến pháp của nhân dân, pháp luật của nhà nước, luật pháp quốc tế)
- "Đạo lý" (của gia đình, của tổ chức, của địa phương, của dân tộc, của thế giới tiến bộ)
- "Đạo thiêng" (nếu theo một tôn giáo nào đó, như đạo Phật, đạo Hồi, đạo Thiên Chúa...)
- "Đạo sống" (của bản thân - chính là "con người bên trong" của mình)

Nếu việc gì, điều gì phù hợp với cả bốn cái đạo này thì thường được xem là “đúng"/"tốt", nhưng nếu chỉ cần vi phạm một trong bốn cái đạo này thường bị xem là "sai"/"xấu".

"Thường" là vậy, chứ không phải "luôn luôn", bởi vì cũng có những trường hợp người ta không dựa vào cả bốn cái "đạo", mà chỉ dựa vào một hay hai cái trong bốn cái "đạo" này để xác định "đúng - sai" hay để hành động mà thôi.

Câu chuyện về phong trào đấu tranh chống phân biệt chủng tộc trên xe buýt của nước Mỹ là một ví dụ tiêu biểu. Ở thành phố Montgomery, tiểu bang Alabama của Mỹ vào năm 1955, sẽ là phạm tội hình sự nếu như một người da đen từ chối nhường chỗ cho một người da trắng khi được đề nghị. Thế nhưng, vào một ngày nọ, một phụ nữ da đen tên là Rosa Parks đã nhất quyết không nhường chỗ cho một người đàn ông da trắng bước lên xe buýt và chấp nhận bị cảnh sát áp tải đi sau đó. Hành động thách thức của Rosa Parks đã làm dấy lên phong trào tẩy chay hệ thống xe buýt Montgomery và mở màn cho một phong trào rộng lớn hơn là tranh đấu nhân quyền cho người da màu tại Hoa Kỳ. Và lãnh tụ của những phong trào đó, bằng phương thức đấu tranh bất bạo động, không ai khác chính là vị mục sư vĩ đại Martin Luther King, Jr.

Thông thường thì "đạo luật" sẽ đi từ "đạo lý" và hai cái này thường không mâu thuẫn nhau. Nhưng trong câu chuyện trên cho thấy, đạo luật và đạo lý (hay nói cách khác, pháp lý và đạo lý) lại không khớp nhau và thậm chí lại trái nghịch nhau, vì pháp lý đã không xuất phát từ đạo lý.

Với những người làm cách mạng, họ thường chỉ quan tâm đến đạo sống mà họ theo đuổi chứ không quan tâm đến pháp lý hay đạo lý, vì họ không công nhận cái pháp lý hay đạo lý đó và họ muốn làm cách mạng để thay đổi nó. Đó cũng là lý do vì sao mà những người cách mạng lại sẵn sàng vi phạm pháp lý và chấp nhận tù đày, thậm chí hi sinh cả tính mạng hay chấp nhận bị bôi nhọ danh dự trong xã hội để đấu tranh cho đạo lý và đạo sống tốt đẹp mà

họ tin theo.

"Đạo lý" của xã hội rất đa dạng, có thể là đạo lý của làng, đạo lý của nước, đạo lý của thế giới tiến bộ, và đạo lý của các "xã hội" này có khi lại rất mâu thuẫn nhau. Vậy mình phải minh định được đâu là "đúng - sai", "tốt - xấu" để chọn cho mình cách hành động phù hợp.

Và đôi khi, "đạo sống" của bản thân cũng không trùng với "đạo lý" của xã hội, không trùng với những cái mà xã hội xem là "bình thường". Chẳng hạn, ở một số xã hội thì việc ăn thịt chó được cho là bình thường, nhưng đối với một số người thì ăn thịt chó là hành động không thể chấp nhận được, vì chó được xem là "bạn" của con người, nên con người không thể ăn thịt "bạn" của mình được!

Ngoài ra, có những người chọn đạo lý của thế giới tiến bộ làm "đạo sống" cho mình, nhưng họ lại sống trong những xã hội mà "luân thường đạo lý" của xã hội đó lại khác xa với các chuẩn giá trị của thế giới văn minh, tiến bộ. Trong trường hợp này thì chắc chắn sẽ xảy ra mâu thuẫn giữa "đạo lý" của xã hội và "đạo sống" của bản thân. Khi đó, chắc hẳn là người đó sẽ chọn hành động theo đạo sống của bản thân, theo lẽ sống, giá trị sống, nguyên tắc sống... của chính mình.

Ngược lại, có những người sống lâu trong những xã hội mà "luân thường đạo lý" của xã hội đó lại khá xa lạ với các chuẩn giá trị của thế giới văn minh, và "đạo lý" của xã hội đó đã ngấm sâu vào mình và trở thành "đạo sống" của mình lúc nào không hay. Chuyện gì sẽ xảy ra khi người đó được chuyển đến sống trong thế giới văn minh, tiến bộ? Chắc hẳn để có thể tồn tại một cách bình thường thì người đó sẽ phải khai phóng bản thân để minh định được "đúng - sai" và điều chỉnh "đạo sống" của mình.

Nhiều người thường cho rằng chỉ cần sống với "đạo sống" của mình là đủ, mà không cần phải nghĩ nhiều đến ba cái đạo kia. Thực ra, những người suy nghĩ sâu xa thường sẽ biết cách xác lập và hình thành "đạo sống" của bản thân sao cho "đạo sống" này vừa "đúng" và "tốt" với mình, vừa không trái với "đạo luật" của nhà nước, không trái "đạo lý" của xã hội (nhất là xã hội văn minh, tiến bộ), và cũng không trái với giáo lý và đức tin tôn giáo mà họ đã chọn (vì khi đó Phật hay Chúa hay Thánh cũng đã ở trong lòng họ, và giáo lý cũng là một phần hiển nhiên trong nguyên tắc sống của họ). Khi đó họ chỉ cần "sống đúng với con người của mình" là đủ.

Nếu như việc minh định được "ai là ai" và "cái gì là cái gì" như đã phân tích ở trên là điều rất khó, thì việc minh định được “mình là ai" có lẽ là điều còn khó khăn hơn nữa với bất cứ ai.

Vì trong tất cả những ngộ nhận của con người thì ngộ nhận về bản thân mình là đáng sợ nhất. Ngộ nhận về sự hiểu biết của mình, ngộ nhận về tài năng của mình, ngộ nhận về văn hóa của mình, ngộ nhận về đóng góp của mình, ngộ nhận về uy tín và phẩm giá của mình... Và trong tất cả các ngộ nhận về bản thân thì có lẽ ngộ nhận về phẩm giá và ngộ nhận về sự hiểu biết của mình là nguy hại nhất.

Do vậy, minh định được "mình là ai", "đâu là mình", hiểu biết của mình ra sao, mình giỏi cái gì và giỏi cỡ nào, mình đóng góp được gì... là một phần trọng yếu trong năng lực "khai phóng" của mỗi người.

Khai tâm: Để có trái tim nóng!

Năm 2009, giáo sư Robert Sapolsky là nhân vật được đại học Stanford mời phát biểu trong buổi lễ tốt nghiệp của sinh viên trường này. Bài phát biểu của khách mời trong lễ tốt nghiệp của đại học Stanford luôn là tâm điểm chú ý của cộng đồng đại học thế giới, nhất là giới trẻ, chứ không chỉ của riêng sinh viên trường này, vì nó thường chứa đựng những thông điệp, những tư tưởng hết sức độc đáo. Chẳng hạn năm 2005, bài phát biểu của Steve Jobs tại lễ tốt nghiệp trường này với thông điệp “Hãy khát khao, hãy dấn thân!” đã làm trẻ khắp thế giới "dậy sóng". So với Steve Jobs, giáo sư Robert Sapolsky ít nổi tiếng hơn với đại chúng, nhưng trong giới thần kinh học, ông là cái tên hàng đầu. Bài phát biểu của ông năm đó có chủ đề "Thứ riêng có của giống người" (The uniqueness of humans), và nó cũng đã khiến không ít người phải suy ngẫm.

Bài phát biểu có đoạn:

"Chúng ta là người không phải bởi vì tế bào não bộ của chúng ta khác biệt, thực ra thì cấu trúc căn bản của bộ não chúng ta cũng giống như của một con ruồi mà thôi... Chúng ta độc đáo...

không phải bởi vì chúng ta là sinh vật duy nhất có sức mạnh giết chóc, kể cả là giết chóc có tổ chức. Một nhóm tinh tinh cũng có khả năng tụ lại cùng nhau, tổ chức tuần tra ở biên giới lãnh địa của chúng và nếu phát hiện thấy một con ở nhóm khác xâm nhập thì chúng sẽ giết ngay kẻ xâm nhập đó..."

Robert Sapolsky còn nói rằng, điều khiến loài người chúng ta trở nên độc đáo không phải là khả năng "*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*" (ai cho ta cái gì thì ta cho lại cái ấy), hay "*kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*" (cái gì ta không muốn thì cũng đừng làm cho người khác); vì loài vật cũng có tập quán "có qua có lại" đó. Mà con người độc đáo vì chúng ta có thể không trả đũa lại người khác ngay cả khi họ làm điều tồi tệ với mình (biết tha thứ). Con người cũng không phải là sinh vật duy nhất biết đồng cảm với đồng loại của mình. Điều độc đáo của con người, thứ riêng có của giống người là chúng ta có khả năng đồng cảm với cả những giống loài khác, biết rung cảm trước những giá trị vô hình, chẳng hạn như có thể rơi nước mắt trước một bức tranh.

Và điều quan trọng nhất khiến chúng ta là con người, là khả năng khiến những điều tưởng chừng như không thể thành những điều có thể nhất... Có một vị nữ tu nọ tên là Helen Preịean, và bà đã dành cả đời mình để xoa dịu về tinh thần cho những phạm nhân đang chờ tử hình ở một nhà tù bang Louisiana. Ở đó có những phạm nhân là những sinh vật đáng sợ nhất, đáng lên án nhất trên trái đất này, và người ta thường hỏi bà: "Tại sao sơ lại dành thời gian cho những hạng người như vậy?". Bà thường trả lời một cách rất đơn giản rằng: "Hành động nào càng không thể tha thứ được, chúng ta lại càng phải tha thứ. Người nào càng đáng ghét, chúng ta lại càng phải tìm cách để yêu thương họ". Câu trả lời ấy đã khiến tôi kinh ngạc vì một thứ năng lực tuyệt vời đến mức không thể tin được của giống người".

Như vậy, bài phát biểu của giáo sư Robert Sapolsky đã nhắc đến một "năng lực làm người" quan trọng khác là năng lực khai tâm. Nói đơn giản, năng lực làm người, ngoài cái đầu khai phóng, còn cần có một trái tim "có hồn", một trái tim biết rung lên trước cái đẹp (không chỉ là cái đẹp hữu hình, mà đặc biệt là cái đẹp vô hình, cái đẹp không nhìn thấy và không sờ thấy), một trái tim biết thổn thức trước những nỗi đau, một trái tim biết biết phẫn nộ trước cái sai cái xấu và cái ác, một trái tim tràn đầy tình thương yêu và giàu lòng trắc ẩn. Một người mà không còn xúc cảm, không còn tin vào điều gì, nhất là những điều tốt đẹp trong cuộc đời này nữa, cũng như không còn biết đau chung nỗi đau của người khác thì về cơ bản, người đó đã "chết lâm sàng".

Năm 2011, cả đất nước Trung Quốc và nhiều người trên khắp thế giới đã rúng động trước câu chuyện một bé gái ba tuổi bị một xe tải cán rồi bỏ chạy, một xe tải thứ hai cán tiếp vào người em và lại bỏ chạy. Sau đó, trong bảy phút em nằm giãy giụa trên vũng máu, 18 người qua đường nhìn em rồi bỏ đi mà không một chút thương cảm, cứ thờ ơ như không hay biết chuyện gì. Chỉ tới khi người thứ 19, một bà nhặt ve chai xuất hiện, em mới được đưa vào bệnh viện nhưng đã không qua khỏi. Toàn bộ sự việc này đã được một camera đường phố ghi lại. Và việc này đã làm rúng động xã hội và báo động đỏ về vấn đề nhân tâm và nhân tính trong xã hội Trung Quốc ngày nay.

Nhưng đó vẫn chưa phải là giới hạn tận cùng của sự vô cảm của con người trong câu chuyện này.

"Bà Muội người có cử chỉ cao quý đã bị báo chí "săn lùng" ráo riết. Ai cũng hỏi tại sao bà làm thế trong khi bà không thể hiểu nổi tại sao họ lại hỏi thế. Những người hàng xóm đặt nghi ngờ, thậm chí là giễu cợt - "Bà làm thế để nổi tiếng à?", "Bà kiếm được bao nhiêu trong vụ này?". Những câu hỏi chế giễu ấy đeo bám bà hàng ngày. Người ta cười khẩy với bà ở bất cứ góc phố nào bà đi qua.

"*Việc tôi làm là hết sức bình thường. Tôi thấy cháu bé nằm ngã ra như thế nên kéo lên. Ai ngã tôi cũng đến nâng dậy cả*" - bà bày tỏ khi được phỏng vấn. Câu trả lời đơn giản đó như chưa làm các phóng viên hài lòng. Điện thoại của bà liên tục reo và các phóng viên quây lấy căn phòng trọ nhỏ bé của bà để phỏng vấn, khiến người chủ nhà đe dọa sẽ cắt hợp đồng thuê nhà... "

(Trích bài báo "Nỗi đau tận cùng về sự vô cảm" của tác giả Khải Nguyên, đăng trên báo Phụ nữ ngày nay số ra ngày 21/10/2011)

Có lẽ chưa bao giờ mà sự vô cảm lại tràn lan, còn sự rung cảm lại trở thành một thứ "dị

thường" đến thế trong xã hội hiện nay. Chuyện một cô gái bị đánh đập ngay giữa phố đông người nhưng chẳng ai quan tâm đến, chuyện mọi người thản nhiên lao vào "nhặt của rơi" khi xe chở hàng bị đổ ra đường... đã trở thành "chuyện thường ngày ở huyện" trên mặt báo.

Rồi đỉnh điểm là năm 2014, vụ án thẩm mỹ viện Cát Tường ở Hà Nội làm chết và ném xác khách hàng xuống sông để phi tang đã làm cả xã hội Việt Nam bàng hoàng vì sự táng tận lương tâm đến cùng cực của nó. Nhưng có một chi tiết khiến tôi suy nghĩ mãi, đó là trên hành trình tìm kiếm thi thể của nạn nhân, chỉ trong khoảng một cây số trên sông Hồng và trong thời gian một vài tuần, người ta đã tìm thấy nhiều thi thể khác không rõ danh tính. Mỗi khi có tin tìm được một thi thể nghi là của nạn nhân như vậy, dư luận lại đổ xô vào theo dõi, bàn luận, rồi lại thở dài thất vọng khi biết đó không phải là nạn nhân của vụ Cát Tường. Tôi thường tự hỏi người ta sẽ làm gì với những thi thể chưa rõ danh tính đó, liệu có ai sẽ tiếp tục điều tra xem chuyện gì đã xảy ra với họ, hay họ sẽ lại bị lãng quên vì không phải là nạn nhân của vụ án nổi tiếng, không phải là đối tượng đang được chú ý. Lẽ nào chúng ta chỉ biết đồng cảm với những gì được đưa vào tâm điểm truyền thông, còn những gì "ngoài tầm chú ý" thì mặc kệ? Phải chăng đó cũng là một dạng vô cảm khác?

Albert Einstein, một nhà bác học vĩ đại, cũng là một hiền triết, từng nói: "Thế giới trở nên nguy hiểm, không phải bởi những kẻ gây ra tội ác, mà là vì những người chỉ đứng nhìn mà không làm gì cả". Nói một cách cụ thể hơn, trong bất kỳ một xã hội nào những người tử tế luôn nhiều hơn những kẻ ba trợn, nhưng nếu những người tử tế chỉ đứng nhìn mà không làm gì cả thì những kẻ ba trợn thiểu số đó sẽ quậy tan nát cái xã hội này. Do đó, thế giới này, xã hội này trở nên nguy hiểm chính là vì những người tử tế chỉ đứng nhìn và không làm gì cả.

Vì vậy, nếu con người chỉ sống vô hại (không làm gì xấu cho ai là được!) thì có khi vẫn chưa thực sự là "vô hại", bởi điều đó rất gần với "vô hồn", "vô tâm" và "vô cảm", thậm chí cả "vô minh" nữa. Hơn thế nữa, chúng ta có thể vô tình tiếp tay cho cái ác tràn lan bởi sự vô tâm, vô cảm đó của chính mình mà không hề hay biết.

Như vậy, có thể nói một cách hình tượng rằng để có thể "làm người" đúng nghĩa, mỗi cá nhân cần có một cái đầu sáng để minh định và một trái tim nóng để rung cảm. Và tất nhiên, chúng sẽ "sáng" và "nóng" hơn khi được cất giữ trong một cơ thể khỏe mạnh. Nhưng đáng tiếc là số đông loài người thường chỉ quan tâm đến việc "trang hoàng" cho sức vóc bên ngoài hay cho cái "túi vật chất" của mình mà dễ bỏ quên hai cái "túi" rất quan trọng là "túi văn hóa" (gồm hai ngăn là đầu "minh định" + tim "có hồn") và "túi chuyên môn" (gồm hai ngăn là đầu "chuyên gia” + tim "yêu nghề"). Nếu hai "túi" này nghèo nàn, thì dù có muốn làm người, e cũng không được, vì khi thiếu năng lực làm người, con người khó mà đạt được sự thăng hoa, viên mãn trên hành trình sống và làm việc của chính mình. Thêm nữa, nếu không có hai cái "túi" này mà kiếm được nhiều tiền, nhiều quyền hay nhiều danh thì chắc chắn là bằng con đường "tà đạo".

Có người hỏi rằng: Sao tôi thấy có khối người "đầu tối, tim nguội" mà họ vẫn cứ sống... nhơn nhơn, thậm chí là giàu có và đầy tự hào về bản thân mình đấy thôi? Đó là một thắc mắc rất phổ biến, ngay cả triết gia Socrates thời xưa cũng từng bị phản biện như vậy.

Chuyện kể rằng:

Triết gia Socrates đã tìm ra một nguyên lý tuyệt đối tối cao cho đức hạnh như sau:

Ăn ở đạo đức còn hơn là phạm tội. Khi đã phạm tội thì thà bị xử còn hơn lẩn trốn.

Các ngụy biện gia phản bác lại rằng: Người ta thấy rất nhiều kẻ phạm tội vẫn sống giàu có sung sướng ngoài vòng pháp luật.

Socrates bàn: Người có bệnh được bắt trúng bệnh có sướng hơn không?

Trả lời: Có!

Socrates: Người có bệnh được uống thuốc đắng để chữa trị có tốt hơn không?

Trả lời: Có!

Socrates: Kẻ có tội cũng giống người có bệnh vậy, nó được bắt đúng tội, được trừng trị đúng tội sẽ tốt hơn. Còn bảo nó giàu, nhưng lương tâm cắn rứt làm sao mà hạnh phúc?!

Khổ một cái, nếu một người không có lương tâm, không có "con người bên trong" thì lấy gì mà cắn rứt (như dân gian vẫn thường đùa: lương tâm nó bị... rụng hết răng rồi, nên không cắn hay không rứt gì được!). Nếu một người mà "bên trong" không có "tí lòng" nào cả

thì làm gì có chuyện "thẹn với lòng" mình. Hoặc có lương tâm, có "tí lòng" nhưng lại không minh định được ai là ai, cái gì là cái gì và mình là ai thì có khi làm sai cũng không biết là sai (thậm chí còn tưởng là đúng), nói chi là cắn rứt lương tâm. Nên cũng chẳng có gì là lạ khi dù có gây họa cho mình và cho người thì có khi những người này vẫn bình thường, thậm chí có khi còn vui vẻ, thoải mái hay tự hào nữa.

Cuộc sống luôn tồn tại những mâu thuẫn và giằng xé lạ lùng như vậy. Chính vì vậy mà nó đòi hỏi con người phải thường xuyên dùng đến cái đầu khai phóng, trái tim có hồn, phải dùng đến cái đầu sáng và trái tim nóng, cũng như phẩm chất tự tin của mình để giải quyết những vấn đề của mình, mà không hẳn là lúc nào cũng giải quyết được. Nhưng đó chính là công việc của "nghề làm người", bởi như Pascal từng nói: "Con người là một cây sậy, nhưng là cây sậy biết suy nghĩ". Chính khả năng minh định và trái tim rung cảm là thứ làm nên sức mạnh thượng đẳng của con người, của giống người, là thứ mà nếu không có nó thì con người sẽ chẳng khác gì so với những loài sinh vật khác.

3. Làm thế nào để có được "năng lực làm người"?

Vậy, làm thế nào để có được "năng lực làm người", hay nói cách khác, là lấp đầy cái "túi văn hóa" của mình?

Rất nhiều nhà tư tưởng đã đồng tình rằng, biết tự vấn và hoài nghi không ngừng nghỉ về sự hiểu biết của mình có thể giúp con người khai phóng bản thân. Chẳng hạn như Karl Marx, khi được con gái hỏi câu châm ngôn ưa thích nhất của ông là gì, đã trả lời: "Hãy biết hoài nghi về mọi thứ!".

Bởi vì nếu không liên tục "phản tỉnh chính mình" hay "phản tư bản thân" thì nhiều người trong chúng ta – kể cả những người được cho là có tri thức hay có ảnh hưởng nhất định trong xã hội - cũng sẽ dễ trở thành người ấu trĩ trong một số vấn đề (kể cả những vấn đề thuộc chuyên môn hay sở trường của mình), mà nói nôm na bằng ngôn ngữ bình dân là: dốt mà không hề biết là mình dốt.

Có thể tạm chia những người có ảnh hưởng trong xã hội ngày nay thành năm nhóm sau đây: có quyền, có tiền, có tiếng, có bằng, và có chữ.

Một biểu hiện của bệnh ấu trĩ ở những người có quyền là việc họ thường xuyên đưa ra những quyết sách tồi nhưng bản thân họ lại không nhận ra được điều đó. Một nhà lãnh đạo giỏi có thể không cần phải biết tất cả mọi thứ, giỏi tất cả mọi việc, nhưng sẽ biết ai là người mình nên lắng nghe và biết cái gì là thứ mà mình nên theo đuổi, sẽ có khả năng minh định được đâu là quân tử và đâu là ngụy quân tử, đâu là thực tài và đâu là ngụy tài. Nhà lãnh đạo ấu trĩ thường không có khả năng này, bởi họ đã mất đi khả năng minh định ai là ai, cái gì là cái gì và mình là ai.

Những người có tiền lại ảnh hưởng đến xã hội thông qua cách họ kiếm tiền và xài tiền. Lâu nay, xã hội vẫn thường hay lên án đồng tiền, điều này không ổn. Bởi lẽ, đồng tiền là vật trung tính, nó không tốt, cũng chẳng xấu, mà xấu hay tốt là do cách người ta kiếm tiền và xài tiền. Kiếm tiền bằng cách này là tốt, còn kiếm tiền bằng cách kia là xấu; xài tiền vào việc này là tốt, còn xài tiền vào việc kia là xấu. Người có tiền ấu trĩ thường là những người kiếm tiền bằng những cách không chính đáng nhưng lại rất tự hào về điều đó, và/ hoặc dùng tiền họ kiếm được để cổ xúy cho những cái không hay ho gì nhưng lại rất kiêu hãnh về nó.

Tương tự như vậy, những người có tiếng ấu trĩ không tự ý thức được cái "tiếng" mà mình có được là theo kiểu nào (danh tiếng hay tai tiếng), và mình sẽ dùng nó như thế nào. Nên mới có chuyện một cô người mẫu rất tự hào vì mình đã trở nên nổi tiếng nhờ việc khoe thân khắp các trang mạng, hay rất nhiều người mang danh là "nghệ sĩ" nhưng công chúng hiếm khi thấy họ khoe những tác phẩm nghệ thuật hay sáng tạo nghệ thuật mà chủ yếu là khoe nhà, khoe xe, khoe áo quần. Thực ra khoe không phải là xấu, nếu mình thích khoe thì cứ tự do khoe thôi. Nhưng một người mang danh "nghệ sĩ" mà lại toàn khoe những thứ phi nghệ thuật hay ít văn hóa thì liệu có phải là "nghệ sĩ" không? Hay có những người tối ngày khoe sản phẩm, tác phẩm "nghệ thuật" nhưng hầu như những thứ đó lại không có nghệ thuật gì mấy, do bởi cũng chưa hiểu thực sự thế nào là... nghệ thuật.

Những người có bằng thường cũng được cộng đồng vị nể và những hành xử của họ thường được xem là chuẩn mực để người khác hướng theo. Thế cho nên, cái tai hại mà sự

ấu trĩ của họ gây ra là nó khiến cho những người xung quanh họ mất đi niềm tin vào những giá trị chuẩn mực, nhất là chuẩn mực nghề nghiệp. (Theo kiểu "Ôi trời, đến tiến sĩ mà còn hành xử như thế thì mình làm vậy cũng có gì đâu mà ngại!").

Có một nghịch lý là sự ấu trĩ của một người có thể gia tăng tỷ lệ thuận với số bằng cấp mà họ sở hữu, nhất là khi cái bằng đó không phải là kết quả của một quá trình học tập để có cái “túi văn hóa" (đầu sáng + tim nóng) và "túi chuyên môn" (đầu chuyên gia + tim yêu nghề) mà chỉ là một vật trang sức để làm bản thân họ thêm lấp lánh. Bởi lẽ, cái bằng đó có thể khiến cho họ ngộ nhận rằng mình cũng hơn người hoặc cũng chẳng kém ai mà quên đi rằng vẫn còn quá nhiều điều cần phải học hỏi để nâng cao nhận thức và hiểu biết của mình.

Những người có chữ (hay còn gọi là "tinh hoa") là một trường hợp đặc biệt. Bởi họ luôn được xem là "đôi mắt" hay "tầm nhìn" của xã hội, cho dù họ có thể không có quyền hay có tiền... Là "tinh hoa", "trí thức" nên tất nhiên họ sẽ không có những cái ấu trĩ bình thường của những người bình thường.

Nhưng điều đó không có nghĩa là họ không có "điểm mù". Liệu họ có thực hiện được trách nhiệm xã hội của người hiểu biết là chia sẻ "cái đúng" và giúp cho mọi người nhận ra "cái đúng", nhất là cái đúng trong ngành nghề, lĩnh vực của mình? Liệu họ có thoát ra được những giới hạn của thời đại mình đang sống để có được một viễn kiến xa hơn, rộng hơn, vượt ra khỏi thời đại của mình? Liệu họ có hướng xã hội của mình đi vào một thời đại mới tốt đẹp hơn bằng chính tầm nhìn, trí tuệ đó của mình, hay vẫn chỉ loay hoay với những thị phi trong chính thời đại của mình?

Nói tóm lại, ai trong chúng ta cũng có thể mắc phải căn bệnh ấu trĩ. Bởi như Einstein từng nói: "Có hai thứ được coi là vô tận: Vũ trụ và sự ngu dốt của con người". Và ông còn nói thêm rằng: “về phần vũ trụ thì tôi không chắc lắm". Chính vì vậy, việc giữ cho mình một tâm thế luôn hoài nghi về sự hiểu biết của bản thân, luôn phản tư và phản tỉnh chính mình (như triết gia Socrates từng nói là "Tôi chỉ biết một điều là tôi không biết gì cả" hay như cổ nhân nói Tôi biết rõ là tôi không biết cái gì" - như thế mới thực sự là người hiểu biết) sẽ giúp chúng ta không bị lún sâu vào cái dốt mênh mông ấy.

Tuy nhiên, không phải ai trong chúng ta cũng có được sự thông thái về bản thân đó như các bậc hiền triết. Vì vậy, trong tiến trình khai minh của xã hội thường có sự hiện diện của những nhà văn hóa lớn ở vai trò người dẫn dắt.

Nhưng không ít người, dù ngậm ngùi, cũng phải đồng tình với nhận xét của nhà giáo Trần Hữu Dũng (Hoa Kỳ) trong một bài viết trên số báo Xuân 2011 của Thời báo Kinh tế Sài Gòn rằng Việt Nam đang ở trong "Thời vắng những nhà văn hóa lớn":

"Một nhà văn hóa lớn cống hiến cho xã hội một hệ tư tưởng, nhất là trong lĩnh vực xã hội và nhân văn, có khả năng khuấy động những trao đổi, đóng góp của những người khác trong lĩnh vực đó, và qua đó, làm giàu cho sinh hoạt tư tưởng của xã hội...

Có người sẽ hỏi: Tại sao chúng ta cần những nhà văn hóa lớn? Chúng ta có rất nhiều nhà khoa học, giáo sư, kỹ sư mọi ngành cần thiết cho sự phát triển của đất nước (và chúng ta không bao giờ thiếu những nhà thơ, nhà văn!).

Như vậy không đủ sao? Tôi nghĩ là không đủ. Đúng là chúng ta cần phát triển kinh tế, cần cơm ăn áo mặc, cần một đời sống văn hóa không đến nỗi nghèo nàn... Nhưng chúng ta cũng cần những tinh hoa vượt trội. Dù bầu trời đã lấp lánh muôn sao, chúng ta vẫn cần những ngôi sao thật sáng. Đó là những ngôi sao chỉ đường, bởi lẽ một xã hội phải biết hướng tiến cho văn hóa của xã hội ấy."

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mọi thứ sẽ vô vọng nếu ta không may sinh ra trong một thời đại, một xã hội thiếu vắng sự dẫn đường. Trái lại, nếu mọi thứ càng tệ hại, càng đi xuống thì càng có nhiều thứ cần làm và mỗi người càng phải dấn thân, càng phải làm điều gì đó. Vì nếu cá nhân nào cũng trông mong có ai khác sẽ làm điều đó thay mình thì rốt cuộc sẽ chẳng có "ai" xuất hiện cả. Nhưng hành động của một người, dù nhỏ nhoi, có thể sẽ là nguồn cảm hứng để một người khác hành động và cứ như thế, sẽ tiếp nối nhau tạo ra những thay đổi lớn dần.

Có một lần tôi đi xem kịch, màn 1 kết thúc, cô MC nói xin quý vị khán giả một tràng pháo tay. Cả khán phòng đầy ắp khán giả nhưng chỉ lác đác, lẹt đẹt có mấy cái vỗ tay. Tôi hỏi anh

bạn ngồi bên cạnh, kịch có hay không anh? Anh trả lời một hơi: - Hay quá, không ngờ kịch lại hay như vậy. Nhiều năm nay tôi không đi xem kịch, bữa nay vì người ta tặng vé nên đi thử, không ngờ kịch hay như thế. Lần sau, nếu không ai tặng vé thì cũng sẽ mua vé để đi coi. - Nhưng lúc nãy tôi thấy anh không vỗ tay, tôi hỏi. Và anh ấy trả lời một cách rất tự nhiên rằng, đã có người khác vỗ rồi, nên mình không vỗ cũng được.

Vậy là rõ rồi, anh ấy và hầu hết mọi người trong khán phòng đều không vỗ tay, không hẳn vì họ không thích vở kịch. Họ không vỗ tay là vì ai cũng nghĩ rằng, "đã có người khác vỗ rồi, nên mình không vỗ cũng được". Và vì ai cũng nghĩ như vậy nên rốt cuộc chẳng mấy ai vỗ tay.

Có mấy điều suy nghĩ từ câu chuyện này:

Một là, về khán giả của vở kịch. Chuyện gì sẽ đến khi mà hầu hết khán giả tiết kiệm một tràng vỗ tay để cổ vũ và tán thưởng, dù các nghệ sĩ rất xứng đáng được như vậy? Điều đó có thể khiến cho người nghệ sĩ biểu diễn mất dần cảm hứng, và những tiết mục càng về sau của họ sẽ không còn xuất sắc như lúc đầu nữa. Và người thiệt thòi chính là khán giả chứ không phải ai khác. Trái lại, nếu mỗi người đều có ý thức vỗ tay thì sẽ tạo nên những tràng pháo tay vang dội, khiến cho người nghệ sĩ cảm thấy mình được trân trọng, phần biểu diễn của họ sẽ càng trở nên thăng hoa hơn và khán giả sẽ được thưởng thức nghệ thuật đích thực.

Hai là, về phương diện xã hội, nếu như ai cũng thoái thác trách nhiệm của mình, ai cũng ỷ lại người khác như vậy thì xã hội sẽ ra sao?

Ba là, về phương diện cá nhân, nếu mình thấy vở kịch hay thì cứ vỗ tay, còn ai có vỗ tay hay không là chuyện của họ, mình không bận tâm lắm, đó mới là cách nghĩ và cách hành xử của con người tự do và tự trị. Nói cách khác, con người tự do/ tự trị sẽ hành động theo "tiếng gọi bên trong" của mình, họ sẽ không hành xử theo kiểu bầy đàn (mọi người sao thì mình vậy, luôn giống mọi người), họ sẽ không hành động theo kiểu khuôn mẫu (hồi trước sao thì bây giờ sẽ như vậy), họ sẽ không hành xử theo kiểu luôn khác (tôi phải luôn khác biệt với mọi người), và họ cũng không ỷ lại cho người khác (nếu đó là trách nhiệm cá nhân của mình thì mình sẽ làm, không cần biết là người khác có làm hay không).

Tôi cho rằng, mỗi người chỉ có một cuộc đời, do đó phải biết rõ là ta sẽ dùng đời mình vào việc gì và việc đó có đáng để dùng không. Khi mọi thứ hỗn loạn mà ta có thể minh định mọi chuyện và dùng cuộc đời vào những việc mà mình tin là đúng và tốt thì điều đó lại càng có nghĩa hơn. Người ta chỉ vô vọng khi chẳng biết làm gì cả hay khi đặt ra cho mình quá nhiều điều to tát nhưng lại không làm được. Cho dù không thể tạo ra ngay những thay đổi lớn, nhưng nếu có thể học tập mẹ Teresa "Nếu không làm được việc lớn thì sẽ làm việc nhỏ với tình yêu lớn, làm những việc tầm thường với tấm lòng phi thường" thì ai cũng có thế tạo ra những bước tiến nhất định cho bản thân mình và cho xã hội.

Hãy để tôi kết lại phần này bằng một câu chuyện có tên là "Những con sao biển". Chuyện kể như sau:

Một sớm tinh mơ, một người đàn ông chạy bộ dọc bãi biển. Ở phía xa, ông thấy một cậu bé có vẻ bận rộn. Cậu chạy lăng xăng, cúi nhặt những vật gì đó rồi quăng nó xuống biển. Thoạt đầu, ông tưởng cậu đang chơi trò chơi ném đá. Nhưng khi tiến lại gần, ông nhận ra những"viên đá" đó thì ra là những con sao biển bị mắc cạn trên bãi. Và vị cứu tinh nhỏ này đang cố gắng đưa chúng trở lại với biển, chạy đua với mặt trời mà chỉ vài giờ nữa thôi sẽ trở nên gay gắt và không tài nào chịu đựng nổi. Vừa thả những con sao biển xuống nước, cậu vừa nói: "về nhà ngay nhé, bố mẹ mày đang đợi đấy!"

Người đàn ông thầm nghĩ: những cố gắng của cậu bé rồi sẽ chỉ là công cốc thôi. Làm sao có thể đưa hàng vạn con sao biển về nhà của chúng được? Ông gọi to: "Này nhóc, làm thế làm gì? Làm sao em cứu được tất cả những con sao biển?"

Cậu bé lại cúi xuống, nhặt một con sao biển và hét trả lời: "Nhưng cháu có thể cứu được con này mà. Nó sẽ được về nhà!" Cậu bé vung tay quăng con vật bé nhỏ xuống biển. Rồi lại lập tức cúi xuống với một con khác...

Câu trả lời của cậu bé khiến ông như bừng tỉnh! Rõ ràng cậu bé không quan tâm đến việc có vô số những con sao biển trên cát. Cậu chỉ nhìn thấy những sự sống mà cậu đang nắm trong tay. Người đàn ông thầm nghĩ: Cái mà cậu bé nhìn thấy, dù chỉ là một con số nhỏ nhoi

nhưng đầy ý nghĩa. Còn ông thì chỉ nhìn thấy một con số quá khổng lồ đến mức vô vọng.

Thế là ông cúi xuống nhặt một con sao biển lên và đưa nó về nhà.

Và khi thấy hai chú cháu làm như vậy, rất nhiều người khác trên bãi biển cũng nhặt những con sao biển để đưa chúng "về nhà".

Chẳng bao lâu sau, hàng vạn con sao biển trên bãi biển hôm đó đã được "về nhà"...

Một câu chuyện giản dị nhưng thông điệp của nó không hề đơn giản. Đôi khi nhìn vào xã hội rộng lớn, chúng ta cũng có cảm giác tuyệt vọng giống như người đàn ông trên bãi biển. Có quá nhiều vấn đề, làm sao giải quyết được hết? Làm sao có thể cứu giúp tất cả những người đói nghèo trên thế giới? Làm sao để xã hội không còn những điều bất công? Làm sao để giải quyết được sự hủ bại về văn hóa của cả xã hội... Câu hỏi nào cũng quá lớn lao mà chúng ta thì nhỏ bé. Nhưng hãy nhớ đến câu nói của cậu bé nhặt sao biển: "Nhưng cháu có thể cứu được con này mà!".

Hành động nào cũng có giá trị của riêng nó. Và nhiều hành động nhỏ sẽ làm nên hành động lớn. Một con én thì không làm nên mùa xuân, nhưng lại có thể báo hiệu mùa xuân đến. Khi có nhiều con én như thế, đó là lúc mùa xuân đang đến thật gần!

Đó là chưa kể đến một cách hiểu rất hay nữa mà Giáo sư Cao Huy Thuần từng chia sẻ: "việc của én là đưa thoi, còn mùa xuân có đến hay không, én không đặt vấn đề". Đối với một con người tự do và tự trị thì tự họ họ luôn hành động theo lương tri và phẩm giá của họ, họ cảm thấy nên làm, cần làm và phải làm thì họ sẽ làm thôi (tất nhiên là làm trong khả năng của họ), và khi họ hành động như một con người tự do thì khi đó họ cũng thật sự là một công dân có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội của mình.

Vì thế, ta hãy bắt đầu từ chính mình và bắt đầu với những con "sao biển" ở quanh ta. Hãy nghĩ rằng: Thay đổi đến từ TÔI!

4. "Ta là sản phẩm của chính mình"

Việc quyết định mình là ai và mình sẽ dùng cuộc đời vào việc gì hoàn toàn là tự do lựa chọn của riêng mỗi người, nhất là khi đã trưởng thành. Để dễ hình dung hơn, từ những nghiên cứu và trải nghiệm của bản thân, tôi đã đúc kết thành một mô hình "Ta là sản phẩm của chính mình" (còn gọi là mô hình "quản trị cuộc đời", và đây cũng là hành trình của "con người tự do/ tự trị") gồm năm cấu phần như sau:



(i) Khai phóng bản thân

"Khai phóng", hiểu một cách đơn giản nhất, là "khai minh và giải phóng bản thân để trở thành một con người tự do". Ở đây, "giải phóng bản thân" và "tự do" không phải chỉ mang ý nghĩa là thoát ra khỏi một ách áp bức, một chế độ bạo quyền như cách chúng ta thường hiểu khi nhắc đến những từ ngữ này, mà là giải phóng bản thân khỏi những yếu tố nô lệ/ bị trị/ ngoại trị (bởi tiền bạc, quyền lực, danh vọng, sự sợ hãi...), và bắt đầu hành trình trở thành một con người tự do/ tự trị/ nội trị.

Tất nhiên, để đi đến cái đích đó, ta phải bắt đầu từ việc khai minh bản thân. Như đã giải thích ở phần trên, "khai" tức là "mở", còn "minh" tức là "sáng". Khai minh, nói nôm na là mở con người tăm tối của mình ra để đưa ánh sáng vào, bao gồm cả ánh sáng trí tuệ và ánh sáng tâm hồn, ánh sáng của chân lý và tự do. Nói một cách rõ hơn, khai minh tức là hành trình nhận chân ra con người của mình và thấu hiểu nhân tình thế thái, rồi dẫn dắt bản thân thoát khỏi sự vô minh, u mê, giáo điều, ấu trĩ để có một cái đầu minh định và trái tim có hồn.

Và hành trình khai minh thường bắt đầu bằng sự tự ý thức rằng mình luôn có thể đã, đang hay sẽ mắc phải căn bệnh "ấu trĩ" với rất nhiều "điểm mù" về bản thân, về người khác và về mọi thứ, cũng như rèn luyện thói quen phản tỉnh (tự xét lại những tư tưởng và hành vi của mình, tự tra vấn bản thân để hiểu đúng về mình). Điều này nghe thì có vẻ đơn giản, nhưng không phải ai cũng làm được. Và có vẻ như khi càng bị bao vây bởi quyền lực, tiền bạc, danh vọng, sự sợ hãi... thì điều đó lại càng khó hơn.

Hẳn nhiều người trong chúng ta cũng đã biết đến câu chuyện "Bộ quần áo mới của hoàng đế" của nhà văn Andersen (Đan Mạch). Chuyện kể đại ý như sau:

"*Ngày xưa, có một vị hoàng đế nọ rất quyền lực và giàu sang. Ông ta có một sở thích đặc biệt là luôn muốn mình là người đầu tiên sở hữu những bộ quần áo đẹp nhất, mới nhất trong thiên hạ. Một lần nọ, có hai người tự xưng là thợ dệt tìm đến và tâu với vua rằng họ có thể dệt được một bộ quần áo may bằng một chất liệu kỳ lạ: chỉ có những người tài năng và làm việc tốt thì mới có thể nhìn thấy nó, còn những kẻ bất tài và ngu xuẩn thì không.*

…

Hoàng đế rất nóng lòng muốn thử nên sai hai thợ dệt đưa ngay bộ quần áo mới cho mình mặc. Nhưng bộ quần áo cứ vô hình trước mắt ông, ngay cả khi hai thợ dệt báo là đã mặc xong quần áo mới cho hoàng đế. Hoàng đế thấy... kỳ kỳ, nhưng ông nghĩ thầm: "Bây giờ mà mình bảo mình không thấy gì thì chúng nó biết mình dốt", nên cũng bấm bụng khen... đẹp.

Mặc xong, hoàng đế bèn gọi tể tướng sang xem. Tể tướng nhìn "bộ quần áo đặc biệt" và than thầm: "Trời ơi, mình chẳng trông thấy gì cả! Nhưng giờ mà nói thật thì hóa ra là... mình dốt", nên ông ra sức tán tụng bộ quần áo mới của hoàng đế. Để chắc ăn, hoàng đế còn gọi thêm vài vị quan trong triều nữa đến ai cũng trầm trồ khen ngợi. Hoàng đế đắc ý lắm, nên diện bộ quần áo ấy ngày càng thường xuyên hơn.

Mãi cho đến một hôm, khi hoàng đế đang diện "bộ quần áo đặc biệt đi dạo quanh thành, một đứa trẻ bỗng thốt lên: "A, hoàng đế cởi truồng!"

Andersen chỉ kể đến đây, ông không cho biết hoàng đế phản ứng thế nào với câu nói đó. Nhưng tôi đồ rằng có ba kịch bản sau:

Kịch bản 1: Hoàng đế cho rằng đứa trẻ cố tình sỉ nhục mình. Ông tức giận, và ra lệnh... tru di cửu tộc của đứa trẻ vì tội "khi quân phạm thượng".

Kịch bản 2: Hoàng đế biết rằng đứa trẻ nói sự thật. Tuy nhiên, nếu bây giờ thừa nhận sự thật đó thì quá mất mặt. Ông bèn ban hành lệnh yêu cầu tất cả thành viên của vương quốc đều phải khen bộ quần áo đẹp, ai dám nói khác đi sẽ bị trừng trị.

Kịch bản 3: Hoàng đế về nhà thay quần áo mới.

Trong ba kịch bản trên, có thể gọi kịch bản 1 là kịch bản "*ấu trĩ*" (dốt mà không biết mình dốt), kịch bản 2 là kịch bản “*dối trá*" (biết sự thật là gì, nhưng cố tình che đậy nó đi), còn kịch bản 3 là kịch bản "*có hậu*" (nhận ra cái dốt của mình và mạnh dạn thay đổi).

Đối với con người tự do/ tự trị thì có lẽ không có cảm giác nào đớn đau hơn là mình (con người lương tri bên trong) cảm thấy ta (hành vi thực tế bên ngoài) đáng bị khinh bỉ, bị coi thường; và trên đời này cũng khó có hạnh phúc nào lớn hơn là khi mình được tự hào về ta, hạnh phúc vì "trong" và "ngoài" hòa quyện.

Câu chuyện khai phóng của mỗi người, mỗi tổ chức cũng như của xã hội đã bắt đầu chưa và còn bao xa nữa thì đến nơi, điều đó tùy thuộc vào việc chúng ta lựa chọn "kịch bản" nào cho mình và trong ba kịch bản nói trên, đâu là "con người mình" và với "con người mình" được thể hiện qua hành vi thực tế như vậy thì ta đáng bị khinh bỉ bởi chính mình hay chính mình sẽ được tự hào về ta!?

(ii) Tìm ra chính mình

Khi đã khai phóng được bản thân, con người sẽ tìm ra chính mình ở hai khía cạnh quan trọng nhất: *con người văn hóa và con người chuyên môn* của mình.

Ở khía cạnh con người văn hóa, đó là việc tìm ra được đâu là lương tri và phẩm giá của mình, đâu là lẽ sống và giá trị sống của mình; đâu là những giá trị làm nên chính mình, là những thứ mà vì nó hay để bảo vệ nó, mình sẵn lòng hi sinh mọi thứ khác; đâu là "chân ga" (để giúp mình vượt qua bao đèo cao) và đâu là "chân thắng" (để giúp mình không rơi xuống vực sâu).

Ở khía cạnh con người chuyên môn (hay con người công việc, nghề nghiệp, sự nghiệp), đó là việc tìm ra mình thực sự thích cái gì, mình giỏi cái gì, hiểu được mình giỏi đến đến mức độ nào để đặt mình vào một công việc phù hợp nhất với "cái chất" con người mình. Khi làm công việc mà mình giỏi nhất, mê nhất và phù hợp với "cái chất" con người của mình nhất thì khi đó con người chuyên môn cũng nằm trong con người văn hóa, và khi đó làm việc cũng là làm người, khi đó mình làm việc nhưng cũng là sống với con người của mình.

Trong phần này, tôi muốn bàn nhiều hơn về việc tìm ra chính mình trong công việc, nghề nghiệp, chuyên môn, không chỉ bởi vì khía cạnh này chưa được đề cập nhiều như khía cạnh còn lại (khía cạnh con người văn hóa, con người tự do/ tự trị) trong chương này, mà còn bởi vì theo quan sát của tôi, có không ít người cho đến cuối cuộc đời vẫn còn loay hoay không biết nên dùng cuộc đời của mình vào việc gì, hay vẫn thấy có cái gì đó còn "thiêu thiếu" trong việc mình làm mà không biết là... thiếu cái gì.

Người ta thường cho rằng đó là do thiếu các hoạt động định hướng nghề nghiệp dành cho giới trẻ. Nhưng tôi thấy lý do đó không còn đúng trong thời đại thông tin ngày nay. Hàng năm, cứ đến mùa tuyển sinh đại học, hàng loạt các chương trình tư vấn nghề nghiệp lại được tổ chức, và việc tìm hiểu tính chất của một ngành nghề nào đó bây giờ cũng đã trở nên dễ dàng hơn rất nhiều nhờ có Internet và nhiều phương tiện truyền thông khác. Theo tôi, lý do chính là vì chúng ta đang... làm ngược.

Lẽ ra, cái ta phải chọn trước hết là chọn lẽ sống, giá trị sống của mình (tức là chọn cuộc đời để sống, mình phải biết rõ là mình muốn trở thành một con người như thế nào và sống một cuộc đời ra sao); và khi ta đã biết mình sống để làm gì và muốn dùng cuộc đời của mình cho mục đích gì rồi, ta mới chọn công việc, nghề nghiệp, sự nghiệp phù hợp với cuộc đời đó. Đằng này, ta lại nỗ lực đi "*chọn nghề*" trong khi vẫn còn hết sức mù mờ về "*chọn đời*", "chọn người", để rồi khi nhận ra rằng ta không tìm thấy con người mình trong cái nghề đó thì bắt đầu mất phương hướng và chán nản. Ngoài ra, cần phải "*chọn nghề*" trước rồi mới "*chọn trường*" sau, chứ không phải cứ theo trào lưu rồi chọn những trường mà được mọi người cho là "*ngon*" để học bốn năm ra trường và đi làm rồi mới chợt nhận ra rằng nghề này không hợp với mình...

Như vậy, lý tưởng nhất là, sẽ chọn người, chọn đời, rồi mới chọn nghề và chọn nghề rồi mới chọn trường; chứ không nên làm ngược lại là, chọn trường rồi mới chọn nghề và chọn nghề rồi mới chọn đời, chọn người. Dù những lựa chọn này có thể thay đổi không ít lần trong đời.

Điều đó cũng giống như sự lúng túng của cô bé Alice trong tác phẩm Cuộc phiêu lưu của Alice vào xứ sở thần tiên của văn hào Lewis Carroll. Trong tác phẩm, có một đoạn hội thoại giữa Alice và một con mèo biết nói khi cô bé lạc vào xứ sở này như sau:

Alice hỏi con mèo: Tớ đi đường nào bây giờ?

Con mèo trả lời: Điều đó tùy thuộc vào việc cậu muốn đến đâu chứ?

Alice đáp lại: Tớ thật sự chẳng quan tâm lắm về cái nơi mà mình muốn đến.

Con mèo: Thế thì cậu cũng không cần quan tâm là nên đi đường nào! Một khi cậu đã không quan tâm đến cái nơi mà mình tới thì đi đường nào mà chẳng được!

Quả thật, chẳng phải con mèo chịu thua trong việc chỉ đường cho Alice, mà ngay cả

những người thông thái nhất cũng đành lắc đầu khi phải chỉ đường cho một người không hề biết rõ đích đến của mình là nơi đâu. Tương tự vậy, nếu không biết rõ đích đến của đời mình, thì việc chọn nghề nào cũng sẽ trở nên vô nghĩa với người chọn. Khi ấy, chuyện chọn sai, chọn nhầm, chọn ẩu và không tìm ra được chính mình trong công việc âu cũng chẳng phải là chuyện đáng ngạc nhiên lắm.

Nếu như "*tìm ra chính mình*" ở khía cạnh con người văn hóa là tìm ra "***con người bên trong***" của mình, con người lương tri, con người phẩm giá của mình, là tìm ra lẽ sống và giá trị sống của đời mình, thì "tìm ra chính mình" ở khía cạnh con người công việc chính là trả lời được câu hỏi: Rốt cuộc là mình thật sự mê việc gì, ghét việc gì, giỏi việc gì và giỏi cỡ nào?

Vậy làm sao để tìm ra chính mình?

Đây là một câu hỏi làm khốn khổ không biết bao nhiêu người, nhất là các bạn trẻ. Có rất nhiều cách để tìm ra chính mình (nhất là tìm ra "con người công việc" của mình). Chẳng hạn:

- Hỏi những người uyên bác nhất mà mình biết và họ cũng hiểu phần nào về mình xem họ nhận xét về mình ra sao.

Tất nhiên, không dễ gì để cho người khác nói cho mình nghe nhận xét thực của họ về mình, về tố chất và tiềm năng của mình, về cái hay, cái dở của mình. Và những gì họ nói không hẳn là cái gì cũng đúng, nhưng cho dù đúng hay không thì cũng cho mình có thêm góc nhìn về mình, từ đó giúp mình hiểu mình hơn.

- Tự đánh giá lại quá khứ học hành, công việc và cuộc sống của mình xem rốt cuộc là mình mê gì, ghét gì, giỏi gì và giỏi cỡ nào.
- Dám đặt ra mục tiêu cao hơn sức mình để dấn thân nhằm biết mình là ai.
- …

Và có một cách nữa, là hãy thử chiêm nghiệm mình thông qua câu chuyện sau. Đây là một câu chuyện "cây nhà lá vườn" mà tôi đã "sáng tác" và chia sẻ trên nhiều diễn đàn trong suốt hơn chục năm nay:

Hãy thử tưởng tượng bạn đang làm việc cho một công ty. Bạn xứng đáng với mức lương 10 triệu, nhưng công ty của bạn chỉ trả cho bạn mức lương 5 triệu. Trong tình huống đó, nếu không thích thì bạn sẽ không nhận làm và như vậy không có gì phải bàn tiếp. Nhưng nếu bạn vẫn nhận làm thì bạn sẽ làm việc theo kiểu... mấy triệu?

Đáp án a: kiểu 5 triệu

Đáp án b: kiểu 10 triệu

Đáp án c: kiểu 15 triệu

Đáp án d: kiểu 2,5 triệu

Đáp án e: kiểu 1,5 triệu

Bạn sẽ chọn đáp án nào?

Lẽ thường tình, bạn sẽ phải tính toán thiệt hơn, được mất rồi mới chọn!

Nếu bạn chọn đáp án a - làm theo kiểu 5 triệu - thì bạn được gì và mất gì? Nếu làm theo kiểu này thì bạn không mất tiền, vì họ trả 5 triệu thì bạn làm theo kiểu 5 triệu, như vậy là "fair" (công bằng). Tuy nhiên, khi làm theo kiểu 5 triệu thì có thể không mất tiền, nhưng lại "mất mình" (mất uy tín và mất phẩm giá của mình). Vì trong môi trường làm việc hiện nay thường là trả lương kín, nên người khác sẽ không biết bạn nhận lương bao nhiêu, nhưng họ vẫn thấy bạn làm việc không hết mình (chỉ làm việc theo kiểu "nửa mình") và họ sẽ nghĩ về bạn không hay (bị mất uy tín, mất danh dự).

Ta vẫn thường nói với nhau rằng, mình làm ra tiền, chứ không để tiền làm ra mình. Nhưng khi người ta trả mình 10 triệu thì mình làm theo kiểu 10 triệu, khi người ta trả mình 5 triệu thì mình lại làm theo kiểu 5 triệu. Vậy thì mình làm ra tiền hay tiền làm ra mình đây? Vậy thì mình có còn là mình nữa không hay là mình đã đánh mất mình, đã sống trái với con người của mình rồi?

Nếu bạn chọn đáp án b - làm theo kiểu 10 triệu thì được gì và mất gì? Nếu làm theo kiểu này thì bạn sẽ bị mất tiền, vì họ trả 5 triệu mà bạn lại làm tới tận 10 triệu, như vậy là thiệt mất 5 triệu. Tuy nhiên, khi làm theo kiểu 10 triệu này thì có thể bị mất tiền, nhưng lại

không "mất mình" (giữ được uy tín với mọi người và đặc biệt là giữ được phẩm giá của mình, sống đúng với con người của mình).

Vậy người khôn ngoan sẽ chọn làm theo kiểu 5 triệu hay 10 triệu? Nhiều người sẽ có câu trả lời ngay rằng, người khôn ngoan sẽ làm theo kiểu 10 triệu. Đúng vậy. Nhưng thật khó tin là có cả những người dù khả năng của họ là 10 triệu, được trả 5 triệu, nhưng khi đi làm thì họ sẽ không làm theo kiểu 5 triệu, cũng không làm theo kiểu 10 triệu, mà sẽ làm theo kiểu 15 triệu.

Vì sao vậy? Vì họ hiểu rằng, "*Cách tốt nhất để biết mình là ai, đó là hãy quên mình đi khi làm điều gì đó hay khi phục vụ người khác*" (Mahatma Gandhi).

Với những người này, họ hiểu rằng, khi làm theo kiểu 10 triệu thì chỉ bị mất tiền chứ không bị "mất mình" (vì vẫn sống đúng với con người của mình và không mất uy tín với người khác), nhưng lại bị mất một thứ cũng hệ trọng không kém (đặc biệt là với những người chưa tìm ra chính mình), đó là mất đi một cơ hội để biết mình là ai. Do vậy, dù khả năng ở mức 10 triệu và chỉ được trả có 5 triệu nhưng họ vẫn làm theo kiểu 15 triệu. Vì họ luôn xem sự quên mình trong công việc là "cách tốt nhất để biết mình là ai". Tuy "mất tiền" nhưng có khi lại "được mình" (tìm ra chính mình) điều này là vô giá, nhất là với những người trẻ.

Đừng nghĩ rằng họ không phải là người khôn ngoan. (Vì người khôn ngoan thường được cho là khi làm gì họ cũng thường nghĩ cho mình). Trong trường hợp này, những người làm theo kiểu 15 triệu cũng vì bản thân họ trước hết chứ không hẳn chỉ là vì công ty. Chẳng hạn, họ xem đó là cách để họ đạt được "thành tựu" mà họ đặt ra cho mình trước 30 tuổi là phải biết mình là ai, mình mê gì, ghét gì, mình giỏi gì, giỏi cỡ nào. Nhưng với sự ích kỷ này của họ thì công ty lại được hưởng lợi. Một sự ích kỷ thiệt là dễ thương!

Trên thực tế, cũng có những người, dù khả năng của họ là 10 triệu, công ty trả cho họ 5 triệu, nhưng khi làm thì họ sẽ không làm theo kiểu 10 triệu, không làm theo kiểu 5 triệu, cũng không làm theo kiểu 15 triệu, mà họ sẽ làm theo kiểu 2,5 triệu thôi, làm theo kiểu xìu xìu, ển ển.

Chưa hết, cũng có một loại người nữa, dù khả năng của họ là 10 triệu, công ty trả cho họ 5 triệu, nhưng khi làm thì họ sẽ không làm theo kiểu 10 triệu, không làm theo kiểu 5 triệu, không làm theo kiểu 15 triệu, cũng không làm theo kiểu 2.5 triệu, mà họ làm theo kiểu 1,5 triệu, nhưng lúc nào cũng "biểu diễn" cho cấp trên và mọi người thấy là họ đang làm theo kiểu 15 triệu.

Tôi thường nói vui rằng: Nếu làm theo kiểu 15 triệu là làm "quên mình", làm theo kiểu 10 triệu là làm "hết mình", thì làm theo kiểu 5 triệu là làm "nửa mình", làm theo kiểu 2,5 triệu là "mất mình" và làm theo kiểu 1,5 triệu là "bán mình". Nói ngắn gọn hơn, làm theo kiểu 15 triệu là "đam mê" hoặc "dấn thân", làm theo kiểu 10 triệu là "trách nhiệm", còn làm theo kiểu 5 triệu, 2,5 triệu và 1,5 triệu là "đối phó". Và một trong những biểu hiện rõ nhất cho sự đam mê hay dấn thân, đó là, mình sẵn sàng dốc lòng để làm những điều mà ngay cả khi không được trả tiền để làm điều đó. Còn nếu được trả tiền cho những đam mê hay dấn thân của mình thì còn gì bằng!

Có thể thấy, trong xã hội có đủ năm loại người với năm thái độ làm việc tiêu biểu này. Những người làm theo kiểu 5 triệu, 2,5 triệu và 1.5 triệu sẽ nghĩ gì về những người làm theo kiểu 10 triệu và 15 triệu? Đồ điên! Ngu! Không hiểu nổi!... Còn những người làm theo kiểu 10 triệu và 15 triệu sẽ nghĩ gì về những người làm theo kiểu 5 triệu, 2,5 triệu và 1,5 triệu? Có lẽ họ sẽ không nghĩ gì nhiều, không coi thường, cũng không thương hại, có lẽ họ chỉ thầm tự hào về mình thôi. Bởi lẽ, có khi ngày trước mình cũng thế. Mình chỉ may mắn là nhận ra một số điều sớm hơn những người kia một chút, và nhờ đó, thái độ sống và thái độ làm của mình cũng khác đi.

Sở dĩ những người làm theo kiểu 5 triệu, 2,5 triệu và 1,5 triệu thường chửi những người làm theo kiểu 10 triệu và 15 triệu là "ngu", là "điên"... do họ không thể hiểu nổi trong đầu những người này nghĩ cái gì và vì sao lại hành động như thế. Như người ta thường nói, "chim sẻ thì không thể hiểu được bụng của đại bàng". Bởi vì, "chim sẻ" đã bao giờ làm "đại bàng" đâu mà hiểu được đại bàng nghĩ gì! Nhưng "đại bàng" (hàm ý là một tầm vóc về văn hóa cao hơn) thì lại hoàn toàn có thể hiểu được bụng của "chim sẻ", vì trước khi trở thành

"đại bàng" thì đã từng là "chim sẻ", và thậm chí trước khi thành "chim sẻ" thì đã từng là "ruồi muỗi" (xuất thân nghèo hèn chẳng hạn), nhờ cố gắng phi thường mới có thể thành được "chim sẻ" (như số đông mọi người) và sau đó thành "đại bàng" (có tầm vóc văn hóa cao hơn), khi đó, không chỉ hiểu được "chim sẻ" mà có khi còn nhìn thấu được nhân gian.

Ai cũng biết, nếu muốn thành công lớn và bền thì phải được làm những điều mà mình thực sự đam mê (do what you love). Nhưng tôi không biết mình mê cái gì thì làm sao? Nếu muốn tìm ra "what you love" (đam mê của mình) thì trước hết cần phải "love you do" (dấn thân cho những gì mà mình làm).

Và ở đây, ta cũng có thể nói thêm một thông điệp quan trọng bậc nhất mà huyền thoại công nghệ Steve Jobs đã từng chia sẻ trong buổi lễ tốt nghiệp trang trọng của Đại học Stanford (Mỹ) năm 2005: Stay Hungry! Stay Foolish! (Hãy cứ khát khao! Hãy cứ dại khờ!). "Hãy cứ khát khao" thì có vẻ dễ hiểu và dễ hình dung, nhưng "hãy cứ dại khờ" thì quả là không dễ hiểu chút nào.

Nói rõ ràng ra hơn, chỉ khi ta "ngu ngu" một tí để dấn thân, để đam mê, để quên mình cho những việc mà mình làm, cho những mục tiêu ý nghĩa hay những lý tưởng cao cả thì mới có cơ hội tìm ra mình và đạt tới những thành tựu to lớn, và ngược lại, nếu ta cứ quá toan tính thiệt hơn với những thứ nhỏ lẻ, những điều lợi thiệt trước mắt thì khó mà tựu thành được điều gì đáng kể.

Và trong năm loại người nói trên, ai sẽ thành công trong công việc? Muốn biết ai sẽ thành công thì cần phải biết làm sao để thành công trong công việc? Có một "công thức" thành công mà tôi hay chia sẻ vui như vầy:

Thành công = May mắn.

Nhưng "may mắn" bằng cái gì?

May mắn = Chuẩn bị tốt + Cơ hội đến

Tại sao cơ hội đến với ta và với mọi người nhưng người khác thì nắm được cơ hội, còn mình thì không? Bởi lẽ, người ta đã chuẩn bị cho cái ngày này lâu lắm rồi, khoảng 2 năm, 5 năm, 10 năm, 20 năm nay rồi, còn mình, nếu giờ mới bắt đầu chuẩn bị thì nhanh lắm cũng phải mất 2 năm, 5 năm, 10 năm hay 20 năm nữa mới có thể nắm được cơ hội.

Tại sao cơ hội đến với người ta quá nhiều, còn mình thì bói một cơ hội cũng không có? Cụ thể, trong năm loại người với năm thái độ làm việc nói trên (15 triệu, 10 triệu, 5 triệu, 2,5 triệu và 1,5 triệu) thì cơ hội sẽ đến với ai nhiều nhất? Chắc hẳn, những cơ hội tốt nhất sẽ đến với loại người làm theo kiểu 15 triệu, những cơ hội nào người 15 triệu chê thì sẽ lọt vào tay của những người làm việc theo kiểu 10 triệu, còn đến những người làm việc theo kiểu 5 triệu, 2,5 triệu và 1,5 triệu thì chắc không còn "bánh" nữa, nên chỉ còn cách đi "lượm lá" thôi, vì sống kiểu đó, làm kiểu vậy thì rất khó để có cơ hội nào đáng giá và tử tế dành cho mình.

Tất nhiên sẽ có người nói rằng, thời buổi bây giờ có những môi trường mà ở đó làm đối phó cũng vẫn có thể có nhiều cơ hội và cũng thành công, thậm chí ở những môi trường đó, nếu làm theo kiểu đam mê hay trách nhiệm sẽ không có đất sống... Vậy môi trường đó là môi trường nào và sự thành công ở đó hiểu theo nghĩa nào? Không cần nói ra thì ai cũng có thể đoán được môi trường làm việc kiểu đó là môi trường nào và thành công được nói đến là thành công gì! Bởi ai cũng hiểu rằng, nếu không có "túi văn hóa", cũng chẳng có "túi chuyên môn" và không có thái độ làm việc tốt mà vẫn có được chức to, tiền nhiều thì con đường đó chỉ có thể là "tà đạo" (làm lợi cho mình bằng cách làm hại người khác).

Hay nhiều người cũng sẽ than, tôi cũng có muốn "mất mình" hay "bán mình" đâu, nhưng ở trong môi trường đó thì phải vậy thôi! Vậy thôi, có nghĩa là có tiền, có quyền, có danh..., có đủ mọi thứ nhưng lại không "có mình", tức là mình không còn là mình nữa, mình đã phản bội mình rồi, mình đã đánh mất mình rồi.

Nếu còn thiếu "túi văn hóa" và "túi chuyên môn", chỉ cần cố gắng thực học và khổ học (sự học khai phóng) thì mấy túi rồi cũng sẽ sớm có; nếu còn chưa "tìm ra chính mình" thì cứ sống dấn thân, làm quên mình thì sớm muộn cũng sẽ tìm ra "mình". Và khi đã có năng lực và đã tìm ra mình, ở Việt Nam hiện có khoảng 600.000 doanh nghiệp, còn thế giới có hơn 200 quốc gia, chẳng lẽ không có nơi nào khác tử tế để làm, chẳng lẽ không có chỗ đàng hoàng nào khác để dung thân mà cứ phải chui vào những môi trường mà mình không muốn sao!?

(iii) Làm ra chính mình

Tìm ra chính mình rất quan trọng, nhưng để ta có được cái "chính mình" đó, để hình thành được "con người bên trong" đó thì phải cần đến cả một quá trình để làm ra nó, vì từ nhận thức đến hành động bao giờ cũng có khoảng cách.

Cuộc đấu tranh giữa "ta" (con người bản năng) và "mình" (con người lương tri) là một cuộc đấu tranh vô hình và âm thầm nhưng không kém phần giằng xé và khốc liệt so với bất kỳ cuộc đấu tranh hữu hình nào khác mà chúng ta từng biết.

Thường thì "mình" sẽ ngủ yên, và chỉ khi rơi vào những lựa chọn khó khăn hay những lựa chọn sinh tử thì mới biết "đâu là mình", vì chỉ khi đó thì "mình" mới xuất hiện và lên tiếng. Nếu trong những hoàn cảnh như vậy, không có "mình" mà chỉ có "ta", hoặc có "mình" nhưng "mình" lại quá yếu ớt và nhỏ bé thì khi đó sẽ chẳng có giằng xé gì cả mà sẽ lựa chọn khá dễ dàng vì "mình" đã bị "ta" đè bẹp.

Tìm ra chính mình và làm ra chính mình là một hành trình khó khăn và cũng rất dễ bị ngộ nhận. Thực tế cho thấy, không ít trường hợp, những tưởng là ta đã tìm thấy và đã làm ra được "chính mình", nhưng khi đứng trước một lựa chọn mang tính quyết định thì rốt cuộc "ta" vẫn là "ta", còn "mình" thì đâu chẳng thấy.

Chẳng hạn, hãy thử tưởng tượng rằng bạn đang nắm giữ một vị trí quản lý thu mua vật tư của một công ty. Ở vị trí đó, bạn có rất nhiều điều kiện để nhận tiền "lót tay" của các nhà cung cấp, nhưng bạn luôn muốn mình là một con người trung thực và trong sạch.

Hôm nay, có một đối tác lại đưa cho bạn một "*phong bì*" để mong bạn tìm cách gạt các đối thủ khác để giúp họ thắng một hợp đồng (lý do mà họ đưa phong bì cho bạn là vì sản phẩm của họ rất tệ về chất lượng so với những đối thủ khác cùng đấu thầu), bạn có nhận hay không?

"Không, tôi sẽ từ chối, vì tôi muốn là một con người trung thực và trong sạch, và đặc biệt là tôi không muốn làm hại công ty của mình vì việc chọn đầu vào kém chất lượng". Trong hoàn cảnh bình thường, chắc là không khó để thốt lên câu nói đó. Nhưng liệu quyết định của bạn có bị thay đổi trong những hoàn cảnh sau đây:

- Chồng/ vợ bạn gọi điện thoại và cho bạn hay rằng con bạn đang bị bệnh, cần một khoản tiền để chữa bệnh cho con. Đồng thời, nhà cung cấp cũng nài nỉ bạn hãy giúp họ vì nếu không thắng được hợp đồng này, công ty họ sẽ đứng bên bờ vực phá sản.
- Chồng/ vợ bạn gọi điện thoại và cho bạn hay rằng con bạn đang bị bệnh, cần một khoản tiền để chữa bệnh cho con. Đồng thời, nhà cung cấp cũng nài nỉ bạn hãy giúp họ vì nếu không thắng được hợp đồng này, công ty họ sẽ đứng bên bờ vực phá sản. Và khả năng có một ai đó biết được việc bạn nhận số tiền này là bằng không.

Nếu như bạn cảm thấy lựa chọn của mình bị lung lay, hoặc phải "gồng" lên với lựa chọn của mình, có thể hiểu rằng bạn vẫn đang còn trong quá trình tranh đấu giữa "ta" và "mình". Khi chưa có chính mình, việc ta dễ bị lung lạc và thay đổi, nay thế này mai thế khác là điều rất hay xảy ra. Còn với người đã làm ra được chính mình rồi, họ thường sẽ lựa chọn một cách rất nhẹ nhàng và rất nhất quán trong hành động của mình. Hoặc nếu vì lý do gì đó mà buộc phải làm điều trái với "con người của mình" thì họ sẽ vô cùng khổ sở vì lương tâm bị giày vò. Họ sẵn lòng làm điều tốt ngay cả khi không có ai biết và không được ai ghi nhận, cũng như không làm điều xấu ngay cả khi không có ai khác biết được và nếu có ai đó biết được thì cũng chẳng sao.

Hành trình làm ra "*chính mình*", một "*chính mình*" đủ lớn và đủ mạnh để đè bẹp "*ta*" bản năng (hay "*ta*" hoang dã) một cách dễ dàng trong những lựa chọn khó khăn của cuộc sống và cuộc đời, quả thật rất gian nan, nhưng không phải là không làm được. Có một câu nói rất hay của Samuel Smile: "*Gieo hành động gặt thói quen, gieo thói quen gặt bản tính, gieo bản tính gặt số phận*". Nghĩa là, cần bắt đầu từ những hành động nhỏ và biến nó thành thói quen của mình, cho đến khi thói quen ấy trở thành giá trị, thành bản tính của mình hay nói cách khác là trở thành con người của mình.

Nếu được như vậy, "*ta*" bản năng sẽ phục tùng "*mình*" lương tri; có những thứ mà "ta" rất không muốn làm nhưng "mình" thôi thúc "ta" phải hành động; có những thứ mà "ta" rất muốn hành động nhưng "mình" lại không cho phép làm; khi đó, "mình" vừa là "chân ga", lại vừa là "chân thắng" để dẫn dắt và kiểm soát đời ta; khi đó, ta là con người tự do/ tự trị/ nội

trị chứ không phải là con người nô lệ/ bị trị/ ngoại trị.

(iv) Sống với chính mình

Khi đã làm ra chính mình, ta chỉ việc sống đúng với con người ấy. Có lẽ, khó có niềm hạnh phúc nào lớn bằng niềm hạnh phúc này, hạnh phúc được sống đúng với con người của mình, như Mahatma Gandhi, nhà hiền triết vĩ đại và cũng là nhân vật đứng thứ hai trong danh sách những con người có ảnh hưởng nhất của thế kỷ 20 (theo bình chọn của tạp chí Time), từng nói: "Hạnh phúc, là khi những gì bạn nghĩ, bạn nói và bạn làm nhất quán và hòa quyện với nhau".

Và không chỉ Mahatma Gandhi, nhà tâm lý học trứ danh Abraham Maslow cũng chia sẻ trong "Tháp nhu cầu Maslow" nổi tiếng của mình rằng, trong tháp nhu cầu của con người gồm năm mức thì mức cao nhất cũng có hàm ý nhu cầu "được sống đúng với con người của mình", nhu cầu "được là (chính mình". Đây cũng chính là nhu cầu đặc biệt nhất của con người tự do/ tự trị/ nội trị.

Nói cách khác, một trong những hạnh phúc lớn nhất của con người, một trong những nhu cầu cao nhất của con người là "được sống đúng với con người của mình", được sống đúng với "đạo sống" (lẽ sống, giá trị sống, lương tâm, phẩm giá...) mà mình đã chọn và xác lập, và đạo sống này không trái với đạo luật của nhà nước và đạo lý của xã hội (nhất là xã hội văn minh, tiến bộ), cũng như "đạo thiêng" của tôn giáo mà mình chọn.

Mỗi người sẽ có một cách định nghĩa về hạnh phúc của riêng mình, do đó có vô số khái niệm và cách hiểu về hạnh phúc. Theo quan sát của tôi, có ba cách định nghĩa về hạnh phúc khá phổ biến sau đây:

- Nhóm 1: Hạnh phúc là có được danh lợi, tiền tài, địa vị, danh vọng.
- Nhóm 2: Hạnh phúc là có được sự kính trọng, thương yêu, quý mến của mọi người.
- Nhóm 3: Hạnh phúc là trở thành một con người tự do/ tự trị (được là chính mình, nhưng vẫn có cuộc sống đủ đầy và không trái với pháp lý nhà nước hay đạo lý xã hội).

Đã có rất nhiều ý kiến phân tích về nhóm 1 (chỉ cần có tiền, quyền, danh), nên tôi sẽ không bàn thêm ở đây. Nhóm 2 có lẽ là đích đến của không ít chúng ta, nhưng phương tiện mà mỗi người lựa chọn để đi đến cái đích "hạnh phúc" đó lại làm nên sự khác biệt rất lớn giữa họ. Có bốn loại phương tiện thường được dùng để có được hạnh phúc nhóm 2 là: tiền, quyền, tài và tâm.

Nhiều người miệt mài kiếm tiền, thậm chí ngay cả khi đã có rất nhiều tiền rồi họ vẫn miệt mài kiếm tiếp bằng mọi giá, không phải bởi vì cần thêm tiền xài, mà bởi vì họ tin rằng khi họ có nhiều tiền hơn thì mọi người sẽ quý trọng họ hơn. Nhưng trong nhiều trường hợp, nỗ lực này có thể sẽ khiến họ bị đẩy xa khỏi cái đích "được quý trọng" của mình và trở thành nô lệ cho tiền bạc như nhóm 1.

Quyền lực liệu có đảm bảo mang lại cho ta sự kính trọng của người khác? Không chắc! Có những vị tổng thống được nhiều người yêu quý và kính trọng, nhưng cũng có những vị tổng thống, những nguyên thủ đứng đầu một quốc gia nếu ra đường có thể sẽ bị người dân ném đá hay cà chua, trứng thối.

Còn tài thì sao? Cũng chưa chắc! Có những người rất tài giỏi, nhưng có khi vẫn bị khinh ghét như thường đó thôi.

Và ngay cả cách mà nhiều người thường chọn, là sống không làm hại đến ai (vô hại) cũng chưa chắc sẽ mang lại cho ta sự kính trọng, bởi vì với cách sống đó có thể ta cũng sẽ không mang lại giá trị gì cho ai cả.

Như vậy, tiền, quyền, tài, tâm đều không phải là con đường để đi đến "sự kính trọng" của người khác. Chỉ còn một cách khả dĩ để tìm kiếm được, để có được sự quý trọng của người khác, đó là mang lại giá trị gì cho mọi người và không gây hại gì cho ai cả. Nói nôm na hơn là, kiếm bằng cách "mang" và không "gây". Đó là con đường tìm kiếm sự yêu mến và lòng kính trọng của người khác mà bất kỳ ai cũng có thể đi được, nếu muốn.

Tuy nhiên, đối với nhiều người, sự yêu mến hay kính trọng của người khác vẫn chưa phải là đích đến cuối cùng của họ. Đó chính là những người thuộc nhóm 3 - những người làm một điều gì đó chỉ đơn giản là bởi vì khi ấy, họ được là chính họ, họ được sống với "chính mình" trong hành động đó.

Chúng ta thường cho rằng, chỉ có những bậc thánh nhân mới đạt được tới mức độ giải

phóng mình khỏi những yếu tố ngoại trị (kể cả đó là những thứ rất quan trọng như tình cảm, sự yêu mến của người khác) như thế. Nhưng thực sự, ta hoàn toàn có thể bắt gặp niềm hạnh phúc "được sống với chính mình" giản dị đó ngay ở chính những con người có vẻ bình thường, nhỏ bé quanh mình.

Đó là những người giống như bà Muội - người phụ nữ nhặt rác đã cứu đứa bé bị xe cán ở Trung Quốc. Bà đã không thể trả lời câu hỏi: "Điều gì đã khiến bà làm như vậy?" hay bà cũng không hiểu vì sao hành động của mình lại được trân trọng và đánh giá cao đến thế. Bởi vì với bà, đó là chuyện bình thường, là lẽ đương nhiên phải làm. Và khi làm, chắc bà cũng không quan tâm đến chuyện sẽ được nổi tiếng hay được quý trọng vì hành động cứu người của mình.

Hay như câu chuyện "làm theo kiểu mấy triệu" trong phần "Làm ra chính mình" ở trên. Cho dù người ta trả mình 5 triệu hay 10 triệu đi nữa, một khi mình đã nhận làm thì mình sẽ làm và sẽ sống đúng với con người mình, mình sẽ làm theo kiểu, làm cho "ra người", làm cho "ra việc" rồi thì sẽ "ra tiền". Khi làm ra tiền thì có hạnh phúc cấp độ 1; khi làm "ra việc" thì được quý trọng, đó là hạnh phúc cấp độ 2; còn khi làm cho "ra người" thì được là chính mình, đó là hạnh phúc cấp độ 3.

Để rõ hơn, hãy cùng phân tích một câu chuyện khác về hạnh phúc của một ông thầu khoán:

Có một ông Việt kiều về nước cũng nhiều năm và thường thất vọng về các dịch vụ mà ông ấy thuê ngoài. Có lần ông ấy thuê một ông thầu khoán chỉnh trang lại căn nhà của mình. Khi ông thầu khoán báo rằng đã làm xong thì ông Việt kiều nghĩ thầm trong bụng chắc là chất lượng dịch vụ cũng như những lần trước thôi, nhưng thôi, mình cứ đưa tin đi cho rồi, dây dưa với mấy người này làm gì, mệt lắm, rồi đưa ngay cho ông thầu khoán một cái phong bì và nói, đây là tiền công của ông.

Nhưng ông chủ nhà hơi sựng lại khi nghe ông thầu khoán nói, không, ông cứ đi xem lại hết các hạng mục sửa chữa đi đã, nếu chỗ nào chưa ổn thì tôi sẽ cho sửa lại và tôi chỉ lấy tiền khi mà ông thấy mọi thứ đã được sửa tốt, đúng thỏa thuận và đúng ý ông. Ông chủ nhà hết sức ngạc nhiên về thái độ này của ông thầu khoán, và nghĩ thầm, người ta đàng hoàng vậy mà mình lại nghĩ không hay về người ta. Sau khi đi một vòng kiểm tra các hạng mục công trình, ông chủ nhà rất hài lòng về chất lượng sửa chữa. Ông đã trao phong bì tiền công cho ông thầu khoán kèm thêm một số tiền thưởng và không ngớt lời khen ngợi ông thầu khoán. Ông thầu khoán vui vẻ nhận tiền, cảm ơn và ra về.

Ông thầu khoán trong câu chuyện này cũng có ba trạng thái, ba cấp độ hạnh phúc khi đi làm:

- Trạng thái 1: Cảm thấy hạnh phúc nhất là khi nhận được phong bì tiền công từ chủ nhà = > *Hạnh phúc khi kiếm được, có được cái mà mình muốn* => Hạnh phúc khi mình có **lợi lộc**, khi mình có được cái gì đó => Thuộc dạng người "To Have" (chiếm hữu).

- Trạng thái 2: Khi nhận được tiền thì cũng rất hạnh phúc, nhưng cảm thấy hạnh phúc hơn vì công việc của mình được chủ nhà hài lòng và khen ngợi => *Hạnh phúc khi được người khác trân trọng và ghi nhận* = > Hạnh phúc khi mình có **uy tín**, khi mình **cống hiến** được cái gì đó = > Thuộc loại người "To Give" (cống hiến). Thực ra, dạng người "To Give" cũng là loại người "To Have" nói trên (vì họ cũng muốn có được cái gì đó), nhưng cái họ muốn rất chi là dễ thương!

- Trạng thái 3: Khi nhận được tiền hay được khen ngợi về công việc của mình thì cũng rất hạnh phúc, nhưng cảm thấy hạnh phúc hơn vì khi đã làm xong công việc rồi, tự mình đi một vòng kiểm tra các hạng mục và cảm thấy rất hài lòng với chất lượng công việc của mình = > *Hạnh phúc thầm kín, không hổ thẹn với lương tâm chức nghiệp của mình và thấy tự hào về con người mình. Bởi lẽ, chất lượng công việc cũng chính là "chất lượng con người" của mình, cả về năng lực lẫn phẩm cách. Bởi lẽ, mình đã nhìn thấy "con người của mình" trong công việc. Bởi lẽ, không có niềm tự hào nào lớn hơn niềm tự hào thầm kín về "con người của mình" khi nó được hiện thực hóa trong cả công việc hàng ngày lẫn trong cuộc sống đời thường của mình* = > Hạnh phúc khi mình có **phẩm giá**, khi mình được **là mình** = > Thuộc loại người "To Be" (là mình).

Như vậy, hạnh phúc ở trạng thái 3 hay cấp độ 3 nói trên là hạnh phúc của người tự do/

tự trị/ nội trị, là hạnh phúc của người có đạo đức, nhân cách, lương tâm, phẩm giá. Nếu khi đi làm cứ cố gắng làm cho "ra người" (cấp độ 3) và làm cho "ra việc" (cấp độ 2) thì nhất định sẽ "ra tiền" (cấp độ 1). Nói cách khác, đối với những con người tự do/ tự trị thì "làm cho ra người" mới là mục đích thật sự khi làm việc, còn cấp độ 2 (tình cảm, sự quý trọng) và cấp độ 1 (tiền bạc, quyền lực, danh phận...) chỉ là hệ quả tất yếu mà họ sẽ nhận được. Với họ, đây mới thực sự là "*được sống đúng với con người của mình*" trong công việc, và đây mới đúng là "*được là chính mình*" hay "*hãy là chính mình*" trong công việc.

Tôi vẫn thường nói vui là, để nhìn thấy mình thì ta cần có hai cái gương, cái thứ nhất làm bằng thủy tinh, cái thứ hai được làm bằng một chất liệu đặc biệt, đó là "*công việc mà mình đã làm*". Nếu như cái gương thứ nhất giúp ta nhìn thấy hình hài của mình, thì cái gương thứ hai giúp ta nhìn thấy "*con người*" của mình. Nói cách khác, nếu muốn nhìn thấy hình hài của mình thì mình sẽ nhìn vào gương thủy tinh, còn nếu muốn nhìn thấy "con người" của mình thì mình sẽ nhìn vào "gương công việc" mà mình đã làm, khi đó "ta" sẽ được tự hào về "mình", tự hào về "con người" của mình (niềm tự hào thầm lặng và niềm hạnh phúc sâu kín), hay "ta" sẽ phải thẹn với "mình" (lòng mình), thậm chí "ta" sẽ bị lương tâm cắn rứt (nếu như lương tâm của ta vẫn có... răng).

Ngoài ra, có một điểm nữa mà chúng ta không thể không nói tới khi bàn về chủ đề "sống với chính mình", đó là:

Liệu ta có thực sự hạnh phúc không, khi mà con người mà ta muốn thể hiện ra bên ngoài cho mọi người thấy (cũng là kiểu người mà trong xã hội ai cũng muốn hướng tới) không phải là con người thực của mình, mà chỉ là con người "biểu diễn" thôi?

Hạnh phúc đích thực là khi con người mà ta muốn thể hiện ra bên ngoài cho mọi người thấy cũng chính là con người thực của mình. Khi đó, ta chỉ cần "*sống với chính mình*", "*sống đúng với con người của mình*" là đủ.

(v) Giữ được chính mình

Mỗi khi bàn về vấn đề này, tôi lại nhớ đến hai câu chuyện về hai người bạn của tôi.

Người bạn thứ nhất của tôi là giám đốc của một sở rất quan trọng ở một tỉnh miền Tây. Một hôm, anh gọi điện cho tôi và báo rằng anh vừa chuyển lên Sài Gòn. Tôi cứ ngỡ anh được lên chức vì anh vốn là một gương mặt lãnh đạo trẻ khá tiềm năng của tỉnh thì anh cười và bảo rằng anh tự xin chuyển lên đây, làm ở một vị trí chuyên viên bình thường. Trước sự ngạc nhiên của tôi (và tôi đoán rằng nhiều bạn bè và người thân khác của anh còn ngạc nhiên hơn vậy), anh bảo: "Sau rất nhiều trăn trở, mình lựa chọn thay đổi. Vì làm càng lâu thì tự dưng lại càng thấy hình như mình không còn là mình nữa, mình đã đánh mất chính mình rồi".

Một người bạn khác của tôi là một chuyên gia hiện đang làm việc lâu năm tại Nhật Bản. Một lần về nước, anh hỏi tôi: "Này, tôi đang suy nghĩ có nên quay về nước làm việc hay không. Ở bên kia thì lúc nào cũng đau đáu về quê hương, nhưng cũng lo không biết khi về thì sẽ ra sao. Mảng của tôi, cậu biết đấy, phức tạp lắm! Cậu hiểu tình hình ở nhà hơn, theo cậu cái gì sẽ là thách thức lớn nhất đối với tôi khi quay về?"

Tôi nói nửa đùa nửa thật: "Cậu có xem phim Khiêu vũ với bầy sói chưa? Làm thế nào để sống được với "sói" mà không bị sói ăn thịt, và cũng không bị... trở thành sói, mà "vẫn là mình", đấy là cái khó nhất! Chắc phải có khả năng khiêu vũ với bầy sói rồi".

Anh lặng thinh suy nghĩ trước câu nói của tôi, giống như tôi đã lặng thinh suy nghĩ khi nghe lý do anh bạn miền Tây của tôi quyết định bỏ việc lên Sài Gòn. Thực sự, trong một thế giới ngày càng trở nên phức tạp với đầy những bất ổn, việc làm sao để "giữ được chính mình" đang là một trăn trở không hề nhỏ của không ít người - như hai anh bạn của tôi. Làm sao để trung thành với những giá trị mà mình đã lựa chọn, làm sao để không phản bội lại chính mình? Làm sao bảo vệ mình trước những tác động bên ngoài để không đánh mất cái "mình" mà ta đã dày công đi tìm và làm ra nó?

Chắc chắn đó là điều không dễ, nếu không muốn nói là rất khó. Khó đến mức để tồn tại, nhiều người đã phải chấp nhận thỏa hiệp, đến mức ngay cả những người khó tính nhất cũng buộc phải chấp nhận vì không còn giải pháp nào khác. Nhưng câu hỏi đặt ra là: thỏa hiệp đến mức nào để mình vẫn còn là mình?

Vì trong tất cả các tội, có lẽ phản bội chính mình là tội nặng nhất. Và trong tất cả các

đánh mất, khó có đánh mất nào lớn bằng là đánh mất chính mình.

Câu chuyện là làm sao giữ được chính mình?

Khi có "túi văn hóa" tức là sẽ có được "chính mình", có được "con người bên trong" của mình, có được "chân thẳng và chân ga" ở bên trong mình. Nhưng có lẽ có "túi văn hóa" mà thiếu "túi chuyên môn" (tài năng trong một công việc hay một nghề nghiệp nào đó) thì dù có muốn cũng rất khó có thể làm con người tự do.

Chẳng hạn, trong suốt buổi nói chuyện với nhóm bạn, có một người không ngừng nói xấu về sếp và về công ty nơi anh ấy đang làm việc. Một người bạn trong nhóm hỏi anh ấy, sao anh ghét công ty mình như thế mà anh không xin nghỉ việc và tìm chỗ khác phù hợp hơn? Anh ấy trả lời, củng muốn nghỉ lắm chứ, nhưng không nghỉ được. Bởi vì, chỗ này tuy mình không thích, không hợp, nhưng được cái thu nhập cao, bảo đảm cho gia đình một mức sống tốt, mỗi tháng đưa cả nhà đi du lịch một lần, hai con học trường quốc tế.... Giờ nếu nghỉ và chuyển qua chỗ khác thì thu nhập chắc chỉ còn một nửa, chuyện du lịch hàng tháng sẽ phải bỏ, con đang học trường quốc tế sẽ phải chuyển sang trường thường... Do vậy, dù mình rất không thích nơi làm việc, dù làm ở đây phải thỏa hiệp và nhiều khi cảm thấy không còn là mình nữa, nhưng vì thu nhập và cuộc sống gia đình nên đành chịu thôi, anh ấy kết luận.

Có lẽ chúng ta cũng không nên phê phán anh ấy, vì "*mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh*", chúng ta ở bên ngoài, không hiểu hết chuyện được. Nhưng có một điều rõ ràng là khi ta bị hạn chế về chuyên môn hay hạn chế về năng lực làm việc thì sẽ không có nhiều lựa chọn trong công việc, vậy tự do cũng ít đi, và khả năng giữ được mình cũng khó hơn. Như vậy, trở thành một chuyên gia ưu tú trong một công việc hay một nghề nghiệp nào đó cũng là cách để mình có thể trở thành một con người tự do.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người ta cũng có những cách khác và sẵn sàng hi sinh nhiều thứ để có thể thoát khỏi tình trạng "đánh mất mình". Chẳng hạn, Abraham Lincoln, một trong những tổng thống được kính trọng nhất trong lịch sử nước Mỹ, đã từng làm luật sư trước khi trở thành một chính khách vĩ đại, và ông từng viết về nghề của mình như vậy: "Hãy quyết tâm sống chân thật trong mọi sự; nếu bạn thấy mình không thể trở thành một luật sư trung thực, thì hãy cố gắng sống trung thực mà không cần phải làm luật sư".

Đó là suy nghĩ và tầm nhìn của một vĩ nhân, nhưng có một câu chuyện có thật khác xảy ra với một con người rất bình thường ở Việt Nam, đó là câu chuyện của người bán vé số "chê" 6,6 tỷ đồng - chị Phạm Thị Lành ở thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Anh Tuấn, một người chạy xe ba gác chở thuê đã mua của chị Lành 20 tờ vé số với giá là 200.000 đồng. Tuy nhiên, anh Tuấn chỉ mua qua điện thoại, cũng không nhớ số những tờ vé số mà mình mua, và anh Tuấn mua thiếu, chưa trả tiền. Nhưng chị Lành dò số thì 20 tờ vé số này lại trúng độc đắc với tổng trị giá giải thưởng là 6,6 tỷ đồng. Chị Lành đã điện thoại cho anh Tuấn và nói rằng 20 tờ vé số của anh đã trúng độc đắc và nói anh Tuấn đến quán café để nhận vé, nhưng anh Tuấn không tin, và cứ nghĩ là chị Lành đùa để anh tới trả tiền mua vé số. Tuy nghĩ là đùa, nhung anh Tuấn vẫn nói tí nữa khi xong việc anh sẽ tới trả tiền vé số. Nhưng khi gặp chị Lành và dò số thì đúng là trúng độc đắc thiệt.

"*Hồi nhận mấy tờ vé trúng, tôi còn nói với cổ rằng nếu cổ không muốn đưa thì tôi cũng không làm gì được. Tôi nghe mấy người rành luật nói giao dịch này chưa hoàn thành, cổ có giữ lại tôi cũng không làm gì được. Mà nói thiệt, cô Lành không nói thì vợ chồng tôi cũng không biết*", anh Tuấn kể.

"*Nhiều người nói nếu chị không giao vé số cho anh Tuấn cũng không ai làm gì chị, bây giờ nghĩ lại chị có tiếc không*?" - chúng tôi hỏi. Cười hồn hậu, "Lành vé số" trả lời không cần suy nghĩ: "*Hồi đó tới giờ tôi bán vé số bị ế, anh Tuấn mua ủng hộ, dù không trúng vẫn trả tiền đầy đủ. Mấy tờ vé số này ảnh chưa trả tiền, trúng hay trật cũng là của ảnh, tôi mà không trả thì thiên hạ coi tôi ra gì nữa*!" (Trích báo Thanh niên, ngày 29/12/2011).

Điều đặc biệt là gia cảnh chị Lành rất nghèo, nhà anh Tuấn cũng không khá giả gì hơn. Khi được anh Tuấn tặng lại một tờ vé số, chị Lành dành số tiền đó để làm nhà cho ba mẹ, còn anh Tuấn dù trúng độc đắc số tiền lớn nhưng vẫn tiếp tục nghề chạy xe ba gác chở hàng thuê... Giữ được chính mình trong những hoàn cảnh như chị Lành và anh Tuấn thật đáng

ngưỡng mộ.

Trên đây là năm cấu phần của mô hình "*Ta là sản phẩm của chính mình*". Mô hình này có tên như vậy vì ta sẽ trở thành ai hay cuộc đời ta sẽ ra sao hoàn toàn phụ thuộc vào lựa chọn của chính ta: Lựa chọn của bạn, Cuộc đời của bạn/Your choices, Your life!

Vòng tròn trong mô hình ở trên không có điểm kết thúc, điều đó có nghĩa là quá trình: Khai phóng bản thân, Tìm ra chính mình, Làm ra chính mình, Sống với chính mình và Giữ được chính mình có thể lặp đi lặp lại nhiều lần. Bởi những gì ta tìm thấy ngày hôm nay có thể sẽ không còn đúng ở ngày mai, vì cái dốt là mênh mông và chân lý cũng không hẳn vĩnh cửu mà sẽ tiến triển cùng với quá trình tự nhận thức, tự khai minh không ngừng nghỉ của con người.

5. Thay lời kết về câu chuyện "Làm người"

Còn rất nhiều điều có thể bàn bạc, tranh luận về câu chuyện rất mênh mông này, nhưng tôi xin dùng câu chuyện "Rời hang" (đây là câu chuyện mà tôi lấy cảm hứng từ câu chuyện "Dụ ngôn hang động" trong tác phẩm Cộng hòa của Platon) để tạm kết lại việc lạm bàn về chủ đề "làm người" của mình:

"*Ngày xửa ngày xưa, xưa ơi là xưa, có một cái hang và có một cộng đồng lớn sống trong cái hang đó. Vì cái hang ấy vô cùng lớn với các ngóc ngách rất lắt léo và cộng đồng ấy đã sống ở đó qua nhiều thế hệ nên lâu ngày họ mặc nhiên tin rằng cái hang ấy là cả thế giới và ánh sáng từ đống lửa trong hang là ánh sáng duy nhất mà họ có.*

Cho đến một ngày nọ, có một người bỗng vô tình lọt ra được ngoài hang. Ban đầu, anh ta cảm thấy đau đớn vì bị lóa mắt trước ánh mặt trời và cơ thể chưa thích ứng được với khí hậu và thời tiết của thế giới ngoài hang. Nhưng khi đã quen dần và cảm nhận được sự ấm áp của ánh mặt trời, sự sinh động huyền ảo của vạn vật, của cỏ cây hoa lá, anh ta nhận ra rằng đây mới thực sự là thế giới của "con người .

Và sau một thời gian, anh ta quyết định quay trở về hang và ra sức thuyết phục, tìm cách đưa mọi người rời hang để về với thế giới. Thế nhưng sau khỉ nghe anh ta kể câu chuyện ở thế giới bên ngoài hang; những người trong hang không những không tin, mà còn quyết định giết chết anh ta, vì cho rằng đó là những điều bịa đặt, và vì lo sợ rằng, những nỗ lực và việc làm của anh ta sẽ gây ra sự rối loạn, cũng như đe dọa cuộc sống êm ấm hạnh phúc bao đời của cộng đồng trong hang.

Mỗi khi ngẫm nghĩ về câu chuyện này, tôi lại tự hỏi mình rằng: Mình đã "rời hang" chưa? Gia đình mình, tổ chức mình, cộng đồng mình... đã "rời hang" chưa? Mình thuộc kịch bản nào trong các kịch bản sau đây:

Kịch bản 1: Đã rời hang và ra với ánh sáng rồi.

Kịch bản 2: Chưa rời hang và biết rõ điều đó.

Kịch bản 3: Còn ở trong hang nhưng cứ tưởng là đã rời hang rồi.

Kịch bản 4: Đã rời hang thật rồi, nhưng không phải rời hang để ra với ánh sáng, mà là rời cái hang này để chui vào một cái hang khác, to hơn, tăm tối hơn, nhưng lại cứ ngỡ đó là "ánh sáng", lúc nào cũng đầy kiêu hãnh về hành trình "rời hang ra ánh sáng" của mình, và không bao giờ nghĩ đến chuyện "rời hang" nữa.

Nếu mình thuộc kịch bản 1 thì thật là tuyệt vời. Nhưng nếu mình thuộc kịch bản 2 thì cũng không phải là điều tệ hại, vì mình sẽ từng bước tìm cách rời hang. Còn nếu mình thuộc kịch bản 3 thì quả là bất hạnh (dù mình không hề nghĩ là mình bất hạnh). Nhưng nếu mình thuộc kịch bản 4 thì còn bất hạnh hơn vô vàn lần.

Và mỗi con người, ai cũng có thể có đến mấy "cái hang" (chứ không phải chỉ một). Gia đình mình, tổ chức mình, xứ sở mình, và thậm chí cả thế giới này đều có thể là những cái hang. Nhưng "cái hang" to nhất, tăm tối nhất chính là cái hang "vô minh và ấu trĩ" bên trong con người của mình.

Nếu như hành trình khai minh và giải phóng bản thân, đưa bản thân "rời hang" để trở thành một con người tự do/ tự trị đã khó, thì hành trình khai minh của xã hội và cùng cộng đồng mình "rời hang" lại càng gian nan gấp bội phần. Đó là một hành trình đầy gian khó, rất

dài lâu và nhiều hiểm nguy, nhưng là một hành trình tất yếu mà chắc hẳn ai trong chúng ta cũng thay rằng không thể không bước tiếp.

Phần II
LÀM DÂN

Tại sao phải bàn về "làm dân"?

Mỗi chúng ta, trong hành trình làm người của mình, đều gắn bó với một xứ sở nào đó. Đó có thể là mảnh đất nơi ta được sinh ra, hoặc có thể là một mảnh đất khác mà ta tự nguyện chọn lựa để gắn bó. Và khi đã là "dân" của một xứ sở, dù là theo cách nào, không ai là không mong muốn xứ sở đó sẽ trở nên văn minh, thịnh vượng nhất có thể. Nhưng viễn cảnh tốt đẹp đó của một xứ sở, của một quốc gia hay của một hành tính có đạt được hay không lại bắt đầu từ chính việc "làm dân" của mỗi người như thế nào.

Bởi vì, không một đất nước nào ngay từ khi sinh ra đã là cường quốc. Người Mỹ có câu: "*Chúng ta không phát hiện ra nước Mỹ hùng mạnh mà chúng ta xây dựng nên nó*" là vì vậy. Lịch sử nhân loại cho thấy một quốc gia trở nên vĩ đại thường không phải nhờ dân số đông hay sử lâu đời, mà bởi vì quốc gia đó có những lãnh đạo vĩ đại và đặc biệt là góp phần lớn người dân trong quốc gia đó hiểu đúng và làm tốt công việc "làm dân" của mình. Tương tự như vậy, một đất nước chỉ có thể đi từ nô lệ đến tự do khi đất nước đó có những con người thực sự hiểu thế nào là tự do, luôn khát khao tự do và săn sàng chiến đấu vì điều đó.

Đó là chưa kể đến, nếu như mục tiêu lớn nhất trong đời là sống cho ra một "con người" thì ta không thể "làm người" nếu như không làm dân" và làm việc, vì "làm dân" và làm việc là một phần quan trọng và không thể thiếu của làm người". Nói cách khác, "làm dân" hay "làm việc" chính là cách để hiện thực hóa chuyện "làm người" trong đời sống công việc hay đời sống xã hội.

Cụ thể hơn, nếu trong lòng ta có quê hương xứ sở, có quốc gia dân tộc, có quốc dân đồng bào... thì khi ta "làm người" (ta sống đúng với con người của mình) cũng là lúc ta "làm dân" đúng nghĩa nhất.

Với cách hiểu đó, "làm dân" không phải là một nghĩa vụ mà tổ quốc vẫy gọi theo kiểu của John F. Kennedy (thường được nhiều người trích dẫn) là: "*Đừng hỏi tổ quốc có thể làm gì cho ta mà hãy hỏi ta có thể làm gì cho tổ quốc*", mà là một nghĩa vụ tự thân của mỗi người. Những gì ta làm, ta dấn thân cho quê hương xứ sở, cho quốc gia dân tộc, cho quốc dân đồng bào, thậm chí cho thế giới...- là xuất phát từ "*tiếng lòng*" (tiếng gọi bên trong) của ta, là xuất phát từ sự chia sẻ lương tri và phẩm giá của ta với các mối quan hệ với bên ngoài, trong đó bao gồm cả quốc gia dân tộc thế giới loài người.

Tuy nhiên khi bàn về "làm dân", ngoài giác độ cá nhân ("làm dân" cũng là "làm người" nói trên, còn có một giác độ nữa để bàn về vấn đề này, đó là, góc độ quốc gia. Vậy, ở góc độ quốc gia, một quốc gia nên được quản trị/ vận hành như thế nào, một công dân quốc gia đúng nghĩa sẽ có những quyền gì và được hưởng gì khi sống trong quốc gia đó, và ngược lại, nên có và cần có nghĩa vụ tự thân gì, trách nhiệm công dân gì với quốc gia của mình? Chuyện "làm dân" cũng là "làm người" đã được bàn nhiều trong Chương I, nên trong chương này, ta sẽ chủ yếu mổ xẻ nó ở giác độ quốc gia nên được vận hành như thế nào, cũng như "công dân" là ai và ở đâu trong mỗi quốc gia sẽ là khía cạnh chính mà ta sẽ bàn quanh câu chuyện "làm dân" này.

Ngày nay, khái niệm "dân chủ" thường được nhắc đến như tiêu chí của một xã hội văn minh, tiến bộ mà hầu hết quốc gia đều hướng tới. Vậy nên nếu như biết làm người là biết cách làm chủ chính mình, thì biết làm dân đúng nghĩa là biết cách làm chủ đất nước của mình. Làm chủ không chỉ là quyền, mà còn là trách nhiệm tự thân của mỗi công dân.

Đến đây, một câu hỏi khác tiếp tục được đặt ra là: Công việc "làm chủ" đất nước của một công dân gồm những gì? Cần phải có những năng lực gì để thực hiện được công việc "làm chủ" đó? Và cần học gì để có được năng lực "làm chủ" này?

Làm chủ công ty và làm chủ quốc gia

Có rất nhiều tài liệu, sách giáo dục công dân, hiến pháp của các quốc gia... đã bàn về vấn

đề này. Để góp phần "*bình dân hóa*" đề tài nghe có vẻ rất to tát và khó hiểu này, chúng ta sẽ tiếp cận khái niệm này một cách gần gũi với cách mà người Việt Nam thường liên tưởng khi nhắc đến hai chữ "làm chủ": Đó là thử so sánh việc làm chủ một đất nước với việc làm chủ một doanh nghiệp.

Tất nhiên, việc làm chủ một doanh nghiệp thì không giống với việc làm chủ một quốc gia, dù rằng, về nguyên lý, hai việc "*làm chủ*" này có không ít điểm tương đồng. Và chúng ta cũng biết rằng, khoa học quản trị quốc gia đã có từ lâu đời và hoàn chỉnh hơn rất nhiều so với khoa học quản trị doanh nghiệp. Do vậy, theo lẽ thường thì cần học hỏi cách quản trị quốc gia để biết cách quản trị doanh nghiệp. Nhưng những quốc gia mà khoa học quản trị quốc gia còn khá xa lạ với đa số dân chúng thì việc tìm hiểu quản trị quốc gia bắt đầu từ việc tìm hiểu quản trị doanh nghiệp (một khái niệm đã tương đối phổ biến trong xã hội) cũng là một cách tiếp cận khá thú vị.

Hãy thử hình dung một câu chuyện như sau:

Công ty cổ phần A có 1.000 cổ đông và 2.000 nhân viên. Trong đó ban giám đốc gồm 10 người và 10 người này chỉ nắm giữ 10% số cổ phần của công ty. Vậy ai là người chủ của công ty này và họ thực hiện quyền làm chủ của mình bằng cách nào?

Trong ví dụ trên, người chủ thực sự của công ty A chính là 1.000 cổ đông (những người nắm giữ 90% cổ phần của công ty), dù họ không trực tiếp làm việc ở đó và họ cũng không quản lý công ty, còn ban giám đốc 10 người chỉ là những người đi làm thuê cho 1.000 cổ đông của công ty A này (vì họ chỉ nắm giữ 10% số cổ phân).

Thoạt tiên ta nghĩ rằng, 1.000 cổ đông (người chủ công ty) này sẽ chỉ kiểm soát được công ty của mình một cách chặt chẽ nhất khi họ trực tiếp tham gia điều hành nó. Nhưng trên thực tế, ngay cả với những công ty có quy mô nhỏ hơn công ty A rất nhiều thì việc tất cả các cổ đông cùng tham gia vận hành là không khả thi, vì như ngạn ngữ phương Tây nói thì "quá nhiều đầu bếp sẽ làm hỏng món súp", còn ông bà ta cũng đã từng đúc kết rằng "lắm thầy nhiều ma"!

Thực tế cho thấy, không ít trường hợp người có tiền thì không đủ khả năng quản lý công ty và người có khả năng quản lý công ty thì lại không có đủ tiền để sở hữu toàn bộ công ty, nên buộc hai bên (bên có tiền vốn và bên có khả năng quản lý) sẽ phải hợp tác với nhau theo cơ chế như công ty A nếu họ muốn hiện thực hóa ý tưởng của mình.

Vậy khi có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền quản lý trong một công ty như công ty A, các cổ đông (hàng ngàn người) sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ "làm chủ" của họ bằng cách nào?

Họ làm chủ công ty tức là họ có quyền định đoạt số phận công ty đó, nhất là quyền thiết kế guồng máy vận hành và cách thức kiểm soát guồng máy đó, quyền về chọn đội ngũ lãnh đạo, quyền về tài chính, quyền quyết định hướng phát triển của công ty... Cụ thể như sau:

(1)Thiết kế "guồng máy" vận hành doanh nghiệp: Cơ quan đại diện cho tất cả các cổ đông là Đại hội đồng cổ đông. Do vậy, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong công ty cổ phần, quyết định tất cả những vấn đề căn cơ nhất, đặc biệt là quyết định về cách thức thiết kế, tổ chức guồng máy vận hành doanh nghiệp và cách thức kiểm soát guồng máy đó. Cách thức thiết kế guồng máy vận hành doanh nghiệp và cách thức kiểm soát guồng máy đó được quy định rõ trong Điều lệ công ty.

Điều lệ này, khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua một cách hợp lệ và phù hợp với luật pháp liên quan, sẽ là cơ sở quan trọng nhất cho toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp và sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để quản lý và điều hành công ty. Điều lệ công ty do “ông chủ" ban hành nên tất nhiên các quy định trong bản Điều lệ này sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, hợp lệ và hợp lý của "ông chủ", tránh cho các chủ thể khác có liên quan của công ty có cơ hội làm ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của "ông chủ".

(2) Chọn lãnh đạo cấp cao để vận hành “guồng máy” đó:

Đại hội đồng cổ đông bầu chọn ra Hội đồng quản trị, là những người họ tin cậy là có đủ khả năng thay mặt họ để dẫn dắt doanh nghiệp. Hội đồng quản trị chính là cơ quan thường trực của Đại hội đồng cổ đông, có quyền nhân danh những người chủ sở hữu của công ty để ra quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà họ được giao phó. Đại hội đồng cổ đông cũng có quyền bãi nhiệm Hội đồng quản trị nếu không còn tin tưởng về năng

lực, phẩm chất hay sự phù hợp của những người trong Hội đồng này.

Tương tự như vậy, Hội đồng quản trị có thể tiếp tục chọn ra một Tổng giám đốc để giúp mình trực tiếp quản lý doanh nghiệp. Nếu như Hội đồng quản trị là đại diện của chủ sở hữu thì Tổng giám đốc là người đại diện cho công ty về đối nội và đối ngoại, có toàn quyên điều hành công ty theo Điều lệ công ty mà Đại hội đồng cổ đông thông qua và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc nếu làm không tốt, không được tin tưởng hay không còn phù hợp cũng có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm bất kỳ lúc nào, trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác.

(3) Đưa ra cơ chế để kiểm soát quyền lực của lãnh đạo:

Để ngăn chặn và hạn chế khả năng những người được giao quyền lãnh đạo sẽ lạm dụng nó để trục lợi cho bản thân, gây hại cho công ty, gây tổn thất cho người sở hữu, ngoài các cơ chế kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông còn trực tiếp bầu ra Ban kiểm soát. Ban kiểm soát này là một phần trong cơ chế kiểm soát quyền lực của guồng máy quản lý cấp cao của doanh nghiệp.

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông cho phép công ty trả tiền công, có nhiệm vụ kiểm soát tất cả những hoạt động của Hội đồng quản trị và thậm chí của cả guồng máy quản lý công ty. Nếu phát hiện Hội đồng quản trị có hành vi sai trái, Ban kiểm soát sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông để cơ quan này xử lý, kể cả cách chức, miễn nhiệm Hội đồng quản trị. Để đảm bảo tính khách quan trong công tác giám sát, Ban kiểm soát có vị thế khá cao và tương đối độc lập với Hội đồng quản trị chi phối và kiểm soát). Họ cũng không nhất thiết phải là cổ đông hay người lao động của công ty. Có thể nói một cách ví von làm, nếu ví Hội đồng quản trị là "vỏ quýt dày" thì Ban kiểm soát sẽ được Đại hội đồng cổ đông xem như "móng tay nhọn".

Đến lượt mình, Hội đồng quản trị cũng có thể "đẻ" ra một Ban kiểm soát con để giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành của công ty, trong đó có hai hoạt động quan trọng là hoạt động tài chính và việc thực thi chiến lược, nghị quyết của Hội đồng quản trị... Ví dụ, Hội đồng quản trị quyết năm nay chỉ đầu tư vào du lịch mà Tổng giám đốc lại ôm tiền đầu tư chứng khoán thì lúc đó Ban kiểm soát phải tuýt còi, và báo cáo Hội đồng quản trị ngay.

Ngoài Ban kiểm soát thì còn nhiều cơ chế và cách thức khác để kiểm soát quyền lực và ràng buộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (chẳng hạn nguyên tắc giải trình, công khai, minh bạch...) nhằm bảo đảm rằng những người quản lý và lãnh đạo công ty luôn làm hết mình cũng như không thể làm những điều có thể gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, hợp lý của cổ đông và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trên đây là cách mà những người chủ của một công ty cổ phần thường dùng để kiểm soát doanh nghiệp mà mình sở hữu nhưng lại không tham gia quản lý công ty, cũng không "ngồi" trong công ty.

Dù sự so sánh giữa việc làm chủ một công ty và việc làm chủ một đất nước khá khập khiễng nhưng khi soi rọi những nguyên tắc nói trên (nguyên tắc người làm "ông chủ" nhưng lại không điều hành, còn người làm điều hành thì lại không làm "ông chủ") dưới góc độ quản lý quốc gia, có thể dễ dàng nhận thấy không ít điểm tương đồng thú vị.

Nếu xem quốc gia tương ứng với công ty, thì người dân chính là "ông chủ", là những "cổ đông" của "công ty quốc gia" này. Và ba đầu việc quan trọng bậc nhất mà những "cổ đông công dân" này cần làm để thực hiện quyền và trách nhiệm "làm chủ" của mình (cũng như để bảo vệ các quyền và lợi ích hiển nhiên của mình) sẽ được thể hiện như sau:

(1) Thiết kế guồng máy vận hành quốc gia:

Nếu như với doanh nghiệp, Điều lệ công ty là "bản thiết kế" thì với quốc gia, bản Điều lệ đó chính là Hiến pháp, là thiết kế guồng máy vận hành quốc gia (nhà nước, hệ thống chính trị) và những cách thức nhằm kiểm soát quyền lực của các cơ quan, người lãnh đạo trong guồng máy đó để bảo vệ quyền và lợi ích của "ông chủ" (nhân dân).

Hiến pháp của quốc gia chỉ có giá trị khi do người dân trực tiếp phúc quyết hay phê chuẩn và chỉ nhân dân mới có quyền lập hiến (cũng như Điều lệ công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thông qua Điều lệ công ty và không trao quyền này cho bất kỳ ai khác). Nói cách khác, nhân dân là chủ thể duy nhất của quyền lập hiến. Nhân dân có thể trực tiếp phúc quyết Hiến pháp hoặc nhân dân sẽ bầu ra

một quốc hội với một chức năng duy nhất là soạn lập Hiến pháp để nhân dân phê chuẩn và quốc hội này sẽ giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ, còn gọi là quốc hội lập hiến. Nghĩa là quốc hội lập hiến (làm ra và ban hành hiến pháp) sẽ khác với quốc hội lập pháp (làm ra và ban hành luật pháp).

Thử hình dung, nếu như Điều lệ công ty do Hội đồng quản trị hay Tổng giám đốc soạn thảo và ban hành thì Điều lệ này sẽ không có mấy ý nghĩa. Bởi lẽ, ai sẽ tin vào một bản Điều lệ mà trong đó chứa đựng những quy định do mình ban hành ra để quản lý chính mình? Tương tự như vậy, một bản hiến pháp không tuân thủ những nguyên tắc ra đời như đã nói ở trên sẽ không đúng bản chất để được gọi là "hiến pháp", vì thế cũng không có giá trị lắm. Và một khi hiến pháp không có giá trị lắm thì luật pháp do nhà nước ban hành cũng không thực sự tốt cho người dân (dù những luật đó không vi hiến). Bởi lẽ, những luật pháp này thể hiện ý chí của nhà cầm quyền nhiều hơn là ý chí của người dân. Chẳng hạn, ở một số quốc gia, hiến pháp thực chất là do quốc hội lập pháp làm ra và ban hành. Nhưng quốc hội lập pháp lại là một nhánh quyền lực của nhà nước nên những bản hiến pháp như vậy sẽ không thực đúng với bản chất của hiến pháp. Sẽ khó có thể tin cậy được rằng những bản hiến pháp đó sẽ bảo vệ quyền và lợi ích của người dân một cách tốt nhất; Bởi con người thường có xu hướng thiên vị cho bản thân mình, người nào ban hành luật thì luật đó sẽ ngả về phía họ (dân ban hành thì sẽ có xu hướng bảo vệ quyền và lợi ích của dân nhiều hơn, nhà nước ban hành thì sẽ có xu hướng bảo vệ quyền, lợi ích cho nhà nước và cho lãnh đạo nhà nước). Đó cũng chính là lý do mà trong một công ty, bản Điều lệ nhất thiết phải do Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành chứ không phải do Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Ban giám đốc ban hành.

(2) Chọn lãnh đạo để vận hành guồng máy đó:

Người dân lựa chọn người để vận hành guồng máy quốc gia (chọn lãnh đạo và đại diện của mình trong hệ thống nhà nước các cấp) thông qua bầu cử (bao gồm việc đề cử, giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu). Tùy theo Hiến pháp của quốc gia quy định mà cử tri có thể bầu ra Quốc hội/ Nghị viện, Chính phủ, Tổng thống/ Thủ tướng và Tòa án, Viện kiểm sát ở cấp quốc gia, cũng như bầu ra người lãnh đạo, đại diện mình ở cấp địa phương. Nhìn dưới một góc độ nào đó, có thể thấy Quốc hội/ Nghị viện, Chính phủ, Tổng thống/ Thủ tướng và Tòa án, Viện kiểm sát của một quốc gia cũng có một vài điểm tương tự như Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát của một công ty cổ phần. Nhân dân (cổ đông, công dân) phải có quyền bầu chọn ra lãnh đạo trong hệ thống nhà nước nói trên, và việc bầu chọn này phải tuân theo hiến pháp (tất nhiên, hiến pháp này phải là "hiến pháp đúng nghĩa"!). Nếu nhân dân không có quyền này, hoặc có quyền này nhưng chỉ là "giả hiệu" thì có thể hiểu rằng: Tuy nhân dân mang danh nghĩa là "ông chủ" của đất nước thật, nhưng quyền "làm chủ" đất nước chỉ là giả. Giống như, tôi là chủ của căn nhà (có giấy tờ hợp pháp hẳn hoi) nhưng tôi lại không có quyền gì với căn nhà của mình, thậm chí người ta vào ở trong nhà mình mà mình không muốn hay người ta đuổi mình ra đường thì mình cũng không làm gì được.

Theo Jeane Kirkpatrick, cựu đại sứ Mỹ tại Liên Hiệp Quốc, một cuộc bầu cử chỉ thực sự phản ánh quyền lựa chọn của công dân và không là "bầu cử hình thức" khi nó đáp ứng bốn tiêu chí sau đây:

Tính cạnh tranh: có nhiều bên xứng đáng tham gia tranh cử và các bên được bình đẳng trong quá trình tranh cử, được tự do ngôn luận, được sử dụng các phương tiện truyền thông để vận động tranh cử mà không bị hạn chế hay kiểm soát.

Tính định kỳ: sau một thời gian nhất định, các lãnh đạo phải được cử tri xem xét và quyết định có ủy nhiệm cho tiếp tục nắm giữ chức vụ hay không.

Tính đại diện: một chính phủ chỉ do một nhóm nhỏ nào đó bầu ra không thể được coi là một chính phủ dân chủ. Chẳng hạn, phụ nữ hay người da màu ở các quốc gia đã và đang phải đấu tranh để giành quyền bầu cử cho mình, bởi làm sao có thể kỳ vọng chính phủ sẽ thực sự quan tâm đến quyền lợi của phụ nữ hay người da màu nếu như việc bầu ra chính phủ đó không có sự tham gia lựa chọn của chính họ.

Tính chung cuộc: các lãnh đạo được bầu ra có thể dựa vào Hiến pháp để thực thi quyền và nghĩa vụ của mình.

(3) Đưa ra cơ chế để kiểm soát quyền lực của lãnh đạo:

Nếu như trong một công ty, cơ chế giám sát được đảm bảo qua hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và việc phân chia quyền lực giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc thì trong một quốc gia theo chế độ pháp quyền, quyền lực nhà nước sẽ được phân thành ba nhánh: quyền lập pháp (làm ra luật), quyền hành pháp (thực thi luật) và quyền tư pháp (chế tài luật). Ba cơ quan này được tổ chức độc lập, song song với nhau, kiểm soát và đối trọng lẫn nhau (check and balance). Không có cá nhân hay tổ chức nào được nắm toàn bộ ba quyền lực hay hai trong ba quyền lực nhà nước nói trên để đảm bảo tạo lập một thể chế (một guồng máy vận hành quốc gia) mà ở đó các quyền và lợi ích mặc định của người dân, cũng như sự tự do của công dân được tôn trọng và bảo vệ. Cụ thể là:

- Quyền lập pháp được trao cho Quốc hội/ Nghị viện gồm các đại biểu/ nghị sĩ.
- Quyền hành pháp được trao cho chính phủ, thường do Tổng thống/ Thủ tướng đứng đầu.
- Quyền tư pháp được trao cho các tòa án và chỉ xử án dựa trên pháp luật. Montesquieu - nhà tư tưởng chính trị lỗi lạc người Pháp, cha đẻ của thuyết "tam quyền phân lập" này từng viết trong tác phẩm Tinh thần pháp luật của ông như sau:

"Khi mà quyền lập pháp và hành pháp nhập lại trong tay một người hay một Viện Nguyên lão thì sẽ không có gì là tự do nữa, vì người ra sợ rằng chính ông ta hoặc Viện ấy chỉ đặt ra những luật độc tài để thi hành một cách độc tài. Cũng không có gì là tự do nếu quyền tư pháp không tách rời quyền lập pháp vi hành pháp. Nếu quyền tư pháp được nhập với quyền lập pháp, thì người ta sẽ độc đoán với quyền sống, quyền tự do của công dân; quan tòa sẽ là người đặt ra luật. Nếu quyền tư pháp nhập lại với quyền hành pháp thì quan tòa sẽ có sức mạnh của kẻ đàn áp. Nếu một người hay một tổ chức của quan chức, hoặc của quý tộc, hoặc của dân chúng, nắm cả ba thứ quyền lực nói trên thì tất cả sẽ mất hết".

"Vua chủ", "dân chủ" và "nhóm chủ"

Điển hình của một xã hội "độc đoán với quyền sống, quyền tự do của công dân" mà Montesquieu mô tả là xã hội phong kiến hay chính xác hơn là xã hội theo chế độ "quân chủ" hay "vua chủ". Hãy thử so sánh một xã hội phong kiến với một xã hội dân chủ và văn minh để hiểu rõ hơn sự khác biệt của người làm dân trong hai xã hội trên.

"VUA CHỦ" / DÂN CHỦ

Vua / Nhân dân "ông chủ" (sở hữu đất nước)?

Vua / Nhân dân lập Hiến pháp (Lập hiến)?

(Vì bộ máy nhà nước được hình thành theo Hiến pháp và cả lãnh đạo nhà nước cũng được bầu chọn theo Hiến pháp, nên nhân dân sẽ dùng quyền lập hiến để tạo ra Hiến pháp và dùng Hiến pháp này để tạo ra nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước nhằm buộc nhà nước phải phục vụ mình và bảo vệ các quyền và lợi ích hiển nhiên của mình).

Nếu nhân dân không trực tiếp phúc quyết Hiến pháp thì nhân dân sẽ bầu ra quốc hội lập hiến để soạn thảo Hiến pháp và toàn dân phê chuẩn; và khi sửa đổi Hiến pháp thì phải được toàn dân phúc quyết. Quốc hội lập hiến này chỉ có chức năng duy nhất là lập hiến, sau khi lập hiến xong là giải tán. Quốc hội lập hiến không phải là một cơ quan của bộ máy nhà nước, nên sẽ không kiêm nhiệm chức năng lập pháp, và ngược lại, quốc hội lập pháp (một cơ quan của bộ máy nhà nước) sẽ không được kiêm nhiệm chức năng lập hiến.

Nếu quốc hội lập pháp kiêm nhiệm chức năng lập hiến thì Hiến pháp đó sẽ không có mấy giá trị. Vì Hiến pháp là công cụ của nhân dân để kiểm soát nhà nước (chứ không phải công cụ của nhà nước để quản lý nhân dân).

Vua ban luật (Lập pháp) / Nghị viện/ Quốc hội (một cơ quan của bộ máy nhà nước) được nhân dân trao quyền lập pháp (trao quyền thông qua Hiến pháp).

Vua thực thi luật (Hành pháp) / Chính phủ/ Tổng thống/ Thủ tướng (một cơ quan của bộ máy nhà nước) được nhân dân trao quyền hành pháp (trao quyền thông qua Hiến pháp).

Vua xét án (Tư pháp) / Tòa án (một cơ quan của bộ máy nhà nước) được nhân dân trao quyền tư pháp (trao quyền thông qua Hiến pháp)

Trong xã hội phong kiến, theo chế độ quân chủ, đất nước là của vua và điều đó được thừa nhận như một lẽ tự nhiên, là "trời định sẵn" (thiên định), là hiển nhiên và mặc nhiên, không có gì phải suy nghĩ, không có gì phải bàn cãi.

Điều này hiển nhiên đến mức như cựu hoàng Bảo Đại từng mô tả quang cảnh lúc ông đọc tuyên ngôn thoái vị trong hồi ký của mình như sau: "Tất cả các vẻ mặt đều tỏ vẻ ngạc nhiên cùng cực. Nam và nữ đều ngẩn ngơ. Bản tuyên ngôn thoái vị của tôi như tiếng sét đánh xuống ngang đầu. Họ lặng người đi". Có lẽ trong thời đại ấy, không mấy người dân thắc mắc chuyện tại sao lại có một cá nhân, một nhóm người mặc nhiên được trao quyền định đoạt số phận của mình; mà chuyện một ông vua bỗng dưng từ bỏ giang sơn của mình mới thực sự là chuyện phi lý! Chính vì vậy nên ai cũng mặc định rằng trung với vua chính là trung với nước, chết vì vua cũng là chết vì nước. ("Trung thần bất sự nhị quân; quân xử thần tử, thần bất tử, bất trung" - "Bầy tôi trung không thờ hai vua; vua khiến bầy tôi chết, bầy tôi không chết là bất trung").

Trong những xã hội dân chủ và văn minh, tư tưởng "trung quân ái quốc" kiểu ấy đã không còn được chấp nhận và phải nhường chỗ cho một tư tưởng tự do, bình đẳng và bác ái hơn: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. (Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và cũng là lời mở đầu Tuyên ngôn độc lập năm 1945 của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa).

Dưới triều đại phong kiến, người làm ra luật là vua, người thực thi luật là vua và người chế tài luật cũng là vua. Tất nhiên là vẫn có triều đình và các cơ quan giúp việc cho vua, nhưng về gốc rễ thì những quyền này đều từ vua mà ra và do vua ban cho, chứ không phải là quyền mặc định hay quyền tự nhiên của triều đình và các cơ quan giúp việc cho vua. Vậy nên trong các bộ phim cổ trang thường có cảnh rất chi... kịch tính là khi ông quan tuyên án tử hình một bị cáo và đầu sắp rơi thì “Thánh chỉ tới”, xóa tội, thế là... thôi và ai về nhà nấy. Do đó, trong xã hội này, vua là người duy nhất đứng trên pháp luật và đứng ngoài pháp luật. Thứ duy nhất chi phối vua là đạo đức của ông hay khát vọng của ông. Và khi vua làm sai, người ta cũng chỉ có thể trông chờ ở sự phán xét của "tòa án lương tâm" hay "tòa án tâm linh", ở khả năng tự phê bình, tự kiểm điểm" của ông. Những khái niệm hay ý niệm như "tam quyền phân lập" hay "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" hoàn toàn không hiện diện ở những xã hội này.

Nhưng có lẽ cũng thông cảm cho vua. Vì ông là "thiên tử", tức "con của trời", thay trời sở hữu đất nước và cai trị đất nước nên chuyện ông đặt mình đứng trên và đứng ngoài pháp luật âu cũng là chuyện thường tình và rất hợp lý.

Nhưng, nếu trong một xã hội tự xưng là "dân chủ" mà lại có một người hay một nhóm người có cách hành xử theo kiểu "vua chủ" thì sẽ cần phải xem lại đó có phải là "dân chủ thực sự" không, hay chỉ là "dân chủ giả hiệu", tức là khoác cái áo dân chủ bên ngoài nhưng bản chất bên trong thực chất là một chế độ phong kiến trá hình. Chẳng hạn, dù trong xã hội đó có dùng pháp luật để cai trị thiên hạ, nhưng lại được ngầm hiểu rằng, có một người hay một nhóm người có quyền đứng trên và đứng ngoài pháp luật, có quyền ban sống, ban chết, ban có tội hay ban vô tội cho muôn dân.

Trong suốt chiều dài lịch sử hàng ngàn năm kể từ khi khái niệm "quốc gia" được hình thành, có khá nhiều công trình nghiên cứu và đúc kết về các mô hình quản trị quốc gia. Nhưng tôi thường hay nói vui là có thể tạm chia chúng ra thành ba mô hình chính: Một là mô hình "vua chủ" (xã hội phong kiến), hai là mô hình "dân chủ" (xã hội văn minh) và ba là mô hình "nhóm chủ" (về hình thức "dân chủ", nhưng thực chất là "phong kiến").

Trong ba mô hình phổ biến nhất này (dân chủ, quân chủ và nhóm chủ) thì mô hình dân chủ được xem là mô hình văn minh và tiến bộ nhất cho đến nay. Còn mô hình "nhóm chủ" (một nhóm nắm quyền làm chủ đất nước, có quyền đứng trên và đứng ngoài pháp luật, muốn làm gì thì làm) thường là mô hình "nói dzậy mà không phải dzậy". Lý do là trong mô hình này có sự trái nghịch về hình thức và bản chất, cụ thể hơn là có sự trộn lẫn giữa hình thức và bản chất của "triều đình phong kiến", "giáo hội tôn giáo" và "nhà nước dân chủ". Mô hình này thường làm cho người ta rất khó hiểu, thậm chí đôi khi không thể hiểu nổi, vì tốt -

xấu, hay - dở, thực - hư lẫn lộn. Bởi lẽ họ thường khoác "cái áo" của một tổng thống (hình hài kiểu dân chủ), nhưng lại có cái đầu của một quân vương (cai trị kiểu phong kiến) và có trái tim của một giáo chủ (giáo dục kiểu tôn giáo). Nên một trong những đặc điểm nổi bật ở những xã hội này là: nhà nước thường nghĩ một đằng, nói một nẻo, và làm thì một kiểu! Đối với những quốc gia có nhà nước kiểu này thì lãnh đạo vẫn có thể "phát ra" những điều hay ho, thậm chí có những diễn văn kiểu "áng thiên cổ hùng văn" nhưng chỉ để lừa mị dân chúng, chứ thực ra bản thân họ chẳng bao giờ sống với những nội dung hay lý tưởng chứa đựng trong đó, thậm chí có khi còn không bận tâm hay không hiểu những gì mình nói.

Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp

Trong một xã hội văn minh, thay vì phải trông chờ vào đạo đức hay đức tin của người lãnh đạo đất nước, người ta sẽ thiết kế một guồng máy nhà nước và cơ chế kiểm soát mà ở đó mọi cá nhân được giao quyền quản trị đất nước đều phải làm đúng việc, làm hết mình và không dám làm bậy, giống như tổng thống Thomas Jefferson từng nói: "Một chính quyền hiệu quả nhất là một chính quyền ít phải quản trị nhất, vì mọi thành viên của nó đều đã tự đưa mình vào kỷ luật".

Guồng máy nhà nước được thiết kế kiểu này sẽ khiến các cá nhân và tổ chức bên trong hệ thống kiểm soát và đối trọng lẫn nhau, bất kỳ kẻ nào không làm đúng việc, không làm hết mình hay dám làm bậy sẽ bị phát giác, bị trừng trị hay đào thải. Đó là chưa kể đến, nhà nước trong những xã hội này sẽ phải minh bạch hóa hầu hết mọi thông tin và chịu sự giám sát cao độ của người dân và các cơ quan báo chí, truyền thông sẽ có rộng quyền tự do ngôn luận ở bên ngoài. Chính vì vậy, phần lớn sự làm biếng, lạm quyền hay tham nhũng của guồng máy nhà nước được triệt tiêu hầu hết trong những xã hội này.

Để có được một bộ máy nhà nước như vậy, người ta thường phân chia quyền lực nhà nước thành ba nhánh là lập pháp, hành pháp và tư pháp, không bao giờ trao ba nhánh quyền lực này vào tay một cá nhân, một nhóm người hay một tổ chức nào cả, vì điều đó sẽ dễ dàng dẫn đến việc lạm quyền, lộng quyền, chuyên quyền, độc tài và toàn trị của người này hay nhóm người này hay của tổ chức này. Nói cách khác, về mặt nguyên lý khoa học quản trị, nếu cả ba nhánh quyền lực nhà nước đều nằm trong tay một người, một nhóm người hay một tổ chức thì sẽ trở thành vua cá nhân hay vua tập thể, và chế độ của họ sẽ là chế độ dân chủ giả hiệu hay phong kiến trá hình. Do vậy, ba nhánh quyền lực nhà nước này cần phải được phân chia cho ba cơ quan độc lập khác nhau và ba cơ quan quyền lực nhà nước này sẽ kiểm soát và đối trọng lẫn nhau (check and balance).

Chúng ta cũng thấy rằng, khi một người hay một nhóm người nắm được trong tay cả ba nhánh quyền lực nhà nước (có nghĩa là công lý và chân lý sẽ nằm trong tay họ) thì họ cũng sẽ cố gắng nắm luôn những công cụ đầy sức mạnh như quân đội và pháp luật (sức mạnh cứng), báo chí, giáo dục, nghệ thuật và tôn giáo (sức mạnh mềm). Vì chỉ có cách nắm được những sức mạnh cứng và mềm này trong tay thì họ mới có thể thao túng xã hội một cách dễ dàng và thoải mái làm mọi thứ theo cách mà họ muốn mà không ai làm gì được.

Trong một xã hội dân chủ thực sự, khi ba nhánh quyền lực nhà nước được phân chia cho ba cơ quan trong bộ máy nhà nước thì quân đội, giáo dục, báo chí, nghệ thuật, tôn giáo... sẽ khá độc lập với chính trị.

Quân đội sẽ thề trung thành với tổ quốc và bảo vệ nhân dân chứ không trung thành với bất cứ tổ chức hay cá nhân nào. Chẳng hạn như ở Hoa Kỳ, tổng thống cũng đồng thời là tổng tư lệnh quân đội, nhưng binh sĩ mọi cấp trong quân đội Hoa Kỳ không tuyên thệ trung thành với tổng thống hay bất kỳ một lãnh đạo, một thể chế nào. Họ chỉ có một lý tưởng: Bảo vệ tự do - tự do cho nhân dân Hoa Kỳ và cho sứ mệnh quốc tế của họ. Và binh sĩ các cấp trong quân đội phải tuân thủ mọi mệnh lệnh của chỉ huy cấp trên, nhưng họ lại có quyền bất tuân thượng lệnh nếu như mệnh lệnh đó yêu cầu họ phải nã súng vào nhân dân của mình.

Bên cạnh đó, chính quyền cũng không được độc tài về giáo dục. Trong một bản khuyến nghị năm 1997 của mình, UNESCO từng đưa ra khái niệm "tự do học thuật" và định nghĩa "là quyền không bị hạn chế bởi những tư tưởng giáo điều được định sẵn, được tự do giảng dạy và thảo luận, được tự do nghiên cứu, chia sẻ và xuất bản những kết quả của nghiên cứu đó,

được tự do bày tỏ chính kiến về thể chế và cơ quan mà họ làm việc, không bị kiểm duyệt bởi chính quyền, được tự do tham gia vào những tổ chức chuyên môn, mang tính đại diện cho mình".

Một thể chế không cho phép tự do học thuật thì nhiều khả năng là người dân sẽ bị ngăn chặn không được tiếp xúc với chân lý và sự thật, bị biến thành nô lệ và công cụ của thể chế đó.

Nhà khoa học Galileo từng bị chính quyền Vatican kết tội và suýt bị đưa lên giàn hỏa thiêu chỉ vì ông khăng khăng khẳng định rằng: trái đất quay quanh mặt trời chứ không phải Thiên Chúa tạo ra vũ trụ trong sáu ngày với quả đất đẹp được mặt trời xoay quanh như Kinh Thánh đã viết. Với chính quyền và giáo hội, điều đó đồng nghĩa với việc ông phủ nhận Chúa và quyền năng của Chúa. Dù chân lý đã được khẳng định sau đó nhưng phải đến gần 400 năm sau, Vatican mới xóa án cho Galileo khi đích thân Đức Giáo hoàng thừa nhận rằng "Galileo và những nhà khoa học khác đã đóng góp vào sự hiểu biết đức tin tốt hơn". Câu nói nổi tiếng của Galileo "Dù sao thì trái đất vẫn quay" đã đi vào lịch sử nhân loại như một cột mốc đánh dấu cho hành trình tự do của "nhà trường" để nhà trường bước ra khỏi "nhà thờ" và "nhà nước". Và nhà trường thường chỉ đúng nghĩa là nhà trường nếu như nó chỉ tôn thờ chân lý và sự thật, chứ không tôn thờ Chúa, tôn thờ lãnh tụ hay tôn thờ lợi nhuận.

Ví dụ trên cho thấy rằng, chừng nào giáo dục còn bị độc quyền bởi một thế lực (thế quyền hay than quyền), chừng đó những "án oan" như Galileo sẽ còn tiếp diễn. Câu chuyện trên cũng phần nào phản ánh quyền năng của tôn giáo, nhưng điều đó không có nghĩa là cần phải hạn chế tôn giáo mà trái lại, quyền tự do tín ngưỡng của người dân là một trong những quyền con người căn bản mà nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ. Hoặc ngay cả khi nhà nước tuyên bố cho phép người dân tự do tín ngưỡng nhưng lại giữ quyền bổ nhiệm người lãnh đạo của tôn giáo (hay chi phối ngầm việc bổ nhiệm lãnh đạo tôn giáo) thì đó vẫn không phải là tự do thực sự mà thực chất là sự lũng đoạn tôn giáo của nhà nước để phục vụ cho những mục tiêu chính trị vị kỷ của mình.

Các xã hội văn minh cũng thường hạn chế sự can thiệp của nhà nước với báo chí và truyền thông đại chúng. Vì trao đổi thông tin là cách để người dân tiến gần hơn với chân lý và sự thật, và cũng là phương tiện để người dân kiểm soát quyền lực của nhà nước. Như vậy, ta có thể thấy rằng, chỉ có những chính quyền nào sợ chân lý và sự thật thì mới phải sợ tự do ngôn luận và tự do học thuật. Và chỉ những chính quyền dối trá và bịp bợm thì mới phải sợ chân lý và sự thật.

Nhưng cũng có câu rằng: "Nhân dân nào, lãnh đạo đó!". Bởi những đất nước may mắn có được những lãnh đạo xuất chúng do "trời ban cho” (theo cách nghĩ của dân gian) thường chỉ đếm trên đầu ngón tay. Còn lại, chính việc tham gia xây dựng một hệ thống mà ở đó mọi "ông quan" hay "ông tướng" khi được đặt vào vị trí của mình đều sẽ làm đúng việc và làm hết mình mới là cách giúp người dân làm chủ đất nước của mình tốt nhất. Giống như người xưa thường nói rằng: có ba loại quan: "quan thái bình", "quan tham" và "quan đúng nghĩa". "Quan thái bình" không làm bậy nhưng không làm gì cả. "Quan tham" thì làm bậy. Còn "quan đúng nghĩa" là làm việc hết mình vì vua, vì nước. Ngay cả khi quan không làm bậy nhưng cũng không làm đúng việc của mình và không làm hết mình thì cũng chỉ là một dạng "quan thái bình". Và đất nước cũng không thể đi lên khi trong hệ thống có quá nhiều "quan thái bình" như vậy.

Mặc định, Hiến định và Luật định

Quyền hiến định là những quyền do Hiến pháp quy định, quyền luật định là những quyền do luật pháp quy định. Còn quyền mặc định tức là những quyền tự nhiên, hiển nhiên, do tạo hóa ban cho con người khi sinh ra (còn gọi là quyền thiên định, quyền mặc nhiên), không cần phải bàn cãi, không ai có thể tước đoạt hay xâm phạm (kể cả nhà nước), cũng không cần phải hiến định đưa vào hiến pháp) hay luật định (đưa vào luật), vì nó quá hiển nhiên như là tôi có quyền hít thở khí trời, quyền ăn uống, quyền đi vệ sinh... Tương tự, những quyền con người (nhân quyền) như là quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc... cũng là quyền mặc định.

Nhân quyền - quyền con người (quyền làm chủ bản thân và quyền tự do cá nhân) và dân

quyền - quyền công dân (quyền làm chủ đất nước và quyền tự do công dân), là những quyền mặc định của dân (bên cạnh những quyền hiến định và luật định khác mà họ có). Khi đã là quyền mặc định thì họ sẽ nghiễm nhiên có nó mà chẳng cần hiến pháp hay luật pháp quy định mới có, cũng chẳng cần bất cứ cá nhân hay tổ chức nào ban cho mới được.

Nhân dân có quyền mặc định, nhưng nhà nước thì không. Nhà nước chỉ có quyền hiến định và luật định. Vì mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân và từ nhân dân mà ra. Và nhân dân tạo ra nhà nước là để nhà nước phục vụ mình, bảo vệ các quyền của mình, nhất là quyền mặc định của mình.

Chẳng hạn như trong phần trên, chúng ta thấy rằng nhà nước trong các xã hội dân chủ bị hạn chế quyền can thiệp với học thuật hay truyền thông vì ở đó, quyền tự do học thuật hay tự do ngôn luận hay các quyền tự do khác cũng là đương nhiên như quyền hít thở không khí, quyền ăn cơm và uống nước. Nếu trong hiến pháp hay pháp luật không ghi rõ là người dân có quyền hít thở không khí, có quyền ăn cơm hay uống nước thì người dân vẫn mặc nhiên có những quyền này. Vì đây là những quyền mà "tạo hóa đã ban cho họ", những quyền "không ai có thể xâm phạm được, không ai có thể chối cãi được".

Voltaire, đại văn hào và cũng là một triết gia của nước Pháp từng có một câu nói rất nổi tiếng về quyền tự do ngôn luận như sau: "Tôi không đồng tình với những gì bạn nói, nhưng tôi sẵn sàng chết để bảo vệ quyền được nói của bạn". Điều này cũng đã ăn sâu vào nhận thức của người dân ở những xã hội dân chủ khác. Tổng thống Obama, trong bài phát biểu của mình tại Phiên họp thứ 67 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, cũng đã từng tự hào nói với thế giới: "Là Tổng thống của Hoa Kỳ và Tổng tư lệnh của quân đội, tôi chấp nhận rằng mọi người sẽ réo tên tôi như những thứ xấu xa mỗi ngày - và tôi sẽ luôn luôn bảo vệ quyền để họ làm như vậy". Những tràng pháo tay đã vang lên khắp khán phòng của Liên Hiệp Quốc sau câu nói này, bởi nó đã khái quát một cách ngắn gọn mà súc tích ý nghĩa của khái niệm "tự do ngôn luận". Ông cũng kể thêm rằng, tại Hoa Kỳ có vô số các ấn phẩm kích động lòng thù hận của người Hồi giáo đối với người Mỹ. Có rất nhiều người hỏi ông tại sao không cấm những ấn phẩm như vậy, và câu trả lời của ông luôn luôn là: "Nó được định rõ trong luật pháp của chúng tôi: Hiến pháp của chúng tôi bảo vệ quyền thực thi tự do ngôn luận... Người dân Hoa Kỳ đã chiến đấu và hi sinh trên khắp thế giới để bảo vệ quyền của tất cả mọi người được bày tỏ quan điểm của họ, ngay cả những quan điểm mà chúng tôi hết sức không đồng ý". Tất nhiên, kể cả khi Hiến pháp hay luật pháp của nước Mỹ không ghi rõ quyền tự do ngôn luận của người dân thì người dân Mỹ vẫn có quyền đó. Nhưng một nhà nước có trách nhiệm sẽ luôn tìm cách bảo vệ và thực thi những quyền mặc định của người dân một cách đàng hoàng như vậy!

Có rất nhiều quyền khác của dân mà chúng ta có thể nhắc đến. Nhưng trong tất cả các quyền thì quyền nào là quan trọng nhất, mà nếu nhân dân không có quyền này một cách thực chất thì khái niệm "dân chủ" ở những quốc gia này chỉ là nói cho vui?

Đó là quyền "lập quyền". Quyền lập quyền là "quyền mẹ", còn các quyền lực nhà nước như quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp là "quyền con". Nói một cách khác, quyền lập quyền là "quyền gốc" thì các quyền lực nhà nước như quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp là "quyền nhánh".

Vậy quyền "lập quyền" cụ thể ở đây là quyền gì? Quyền "lập quyền" ở đây còn được gọi là quyền "lập hiến". Tức là nhân dân sẽ làm ra hiến pháp và dùng hiến pháp để tạo ra nhà nước (hay để thay đổi nhà nước) và trao các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp cho các cơ quan nhà nước. Mục đích chính của hiến pháp đó là để kiểm soát, khống chế nhà nước và để bảo vệ những quyền mặc định của người dân như quyền sống, quyền bình đẳng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Nếu như nhà nước có quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp để quản lý xã hội thì nhân dân có quyền lập hiến (làm ra Hiến pháp) cũng như có cách bảo hiến (bảo vệ Hiến pháp) để kiểm soát nhà nước, và tất nhiên, pháp luật do nhà nước tạo ra không được vi hiến (vi phạm Hiến pháp). Bất cứ văn bản quy pháp luật nào của nhà nước ban hành mà vi hiến thì đều không có giá trị pháp lý (ở nhiều quốc gia, thường có "tòa bảo hiến" để phán xử việc này). Chủ thể duy nhất của quyền lập hiến trong một xã hội dân chủ và chế độ pháp quyền là nhân dân. Và chỉ khi nhân dân có quyền lập quyền này một cách thực chất và thực thi quyền

này một cách triệt để thì khi đó mọi quyền lực nhà nước mới xuất phát từ nhân dân và nhà nước chỉ có một số quyền khi những quyền đó là do nhân dân trao cho (thông qua Hiến pháp).

“Pháp quyền”, “Pháp trị” và “Nhân trị”

Hiện nay, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, đôi lúc ta thấy khái niệm "pháp quyền", rồi "nhà nước pháp quyền" và đôi khi ta lại thấy khái niệm "pháp trị", và thỉnh thoảng lại nghe về "nhân trị" và "đức trị". Vậy những khái niệm này khác nhau thế nào?

"Pháp quyền" là khái niệm xuất phát từ châu Âu, còn “pháp trị" là khái niệm xuất phát từ Anh - Mỹ. Còn ở Trung Hoa cổ đại cũng có khái niệm "pháp trị" (đại diện tiêu biểu là Hàn Phi Tử), nhưng khái niệm "pháp trị" (rule by law) ở đây đưa ra là nhằm đối nghịch với khái niệm "đức trị” (rule by moral) của các nhà tư tưởng trước đó (đại diện tiêu biểu là Khổng Tử). Cụ thể là, theo tư tưởng "pháp trị" của Trung Hoa cổ đại thì "pháp trị" có nghĩa là nhà nước/ hoàng đế sẽ dùng pháp luật để cai trị nhiều hơn là dùng đạo đức để cai trị và coi pháp luật là kỷ cương, và kỷ cương là sức mạnh. Tuy nhiên, trong tư tưởng "pháp trị" của Trung Hoa cổ đại, nhà nước/ hoàng đế vẫn là tối thượng, và pháp luật ở đây thể hiện ý chí của nhà nước/ hoàng đế, là công cụ của nhà nước/ hoàng đế để cai trị dân chúng, chứ không hề thể hiện ý chí của nhân dân, không hề là công cụ của nhân dân để kiểm soát nhà nước. Cũng theo tư tưởng này, trong một quốc gia, nhà nước/ hoàng đế là người đứng trên và đứng ngoài pháp luật, pháp luật thể hiện ý chí của nhà nước/ hoàng đế, còn muôn dân thì đứng dưới và đứng trong pháp luật.

Còn ở Anh - Mỹ, khái niệm "pháp trị" (rule of law) được đưa ra là để làm rõ sự đối nghịch với khái niệm "nhân trị" (rule of person) của chế độ quân chủ. Nghĩa là, "xã hội được cai trị bởi pháp luật", chứ không phải là "xã hội bị cai trị bởi con người". Theo tư tưởng này, quốc gia sẽ lấy pháp luật làm tối thượng, chứ không lấy con người làm tối thượng (dù người đó là hoàng đế hay nhà vua). Và trong tư tưởng này, không có bất kỳ ai được đứng trên và đứng ngoài pháp luật cả (kế cả khi người đó là hoàng đế hay nhà vua).

Như vậy, có thể thấy, khái niệm “pháp tự” của Anh - Mỹ thì khá tương đồng về bản chất với khái niệm “pháp quyền" của châu Âu, nhưng khái niệm "pháp trị" của Anh - Mỹ thì khác hẳn với khái niệm “pháp trị" của Trung Hoa cổ đại.

Quả thật, những khái niệm này không hề dễ hiểu chút nào, vì chúng vừa ẩn chứa chiều sâu pháp lý, vừa ẩn chứa chiều sâu triết học. Thực ra thì việc mổ xẻ câu từ, ngữ nghĩa sâu xa là công việc của các bậc thức giả và các nhà chuyên môn, còn với đại chúng thì có lẽ chỉ muốn quan tâm cái tinh thần cốt lõi của các khái niệm này là đủ. Tinh thần cốt lõi ấy là:

Trong một quốc gia, điều quan trọng nhất là cần bảo đảm cho được "tinh thần thượng tôn pháp luật"; quyền lực của nhà nước phải được kiểm soát (bằng Hiến pháp do nhân dân phê chuẩn hay phúc quyết một cách thực chất) và không có bất cứ ai, không có bất cứ tổ chức nào, hay nhóm người nào được đứng trên và đứng ngoài pháp luật cả.

Hay nói cách khác là: nhà nước và mọi người dân đều bình đẳng trước hiến pháp và pháp luật.

Khi đã đúng về bản chất, thì việc dùng khái niệm "pháp quyền" hay “pháp trị", "nhà nước pháp quyền" hay nhà nước pháp trị cũng không quan trọng nữa vì đó chỉ là hình thức diễn đạt mà thôi.

“Nô dân”, “Thần dân” và “Công dân”

Tương ứng với chế độ "chủ nô" là "nô dân", tương ứng với chế độ "vua chủ" (phong kiến) là "thần dân", còn tương ứng với chế độ "dân chủ" là "công dân". Vậy "nô dân", "thần dân" và "công dân" khác nhau như thế nào?

Một công dân đúng nghĩa có sự hiểu biết sâu sắc về con người tự do/ tự trị, về hiện trạng xã hội mình đang sống, cũng như biết rằng xã hội đó nên được quản trị như thế nào thì tốt và cùng tham gia xây dựng bộ máy quản trị đó từ vai trò cá nhân và trong cuộc sống hàng ngày của mình. Trái lại, một nô dân hay thần dân sẽ không để ý, hay thậm chí là không thèm quan tâm đến những vấn đề này. Anh ta xem "xã hội tốt đẹp" là việc của ai đó chứ

không liên quan tới mình, và chờ đợi để được người khác dắt đi (mà nhiều khi cũng không rõ mình sẽ được dắt đi đâu). Câu nói cửa miệng của những người này là: "Ôi, nghĩ ngợi mà làm gì, đã có nhà nước lo!".

Trong trường hợp nhà nước cấm cản không cho công dân có được những quyền và nghĩa vụ hiển nhiên (mặc định) thuộc về anh ta, người công dân cũng sẽ "đòi" cho bằng được nó và buộc nhà nước phải bảo vệ những quyền và nghĩa vụ đó của mình, nếu không, họ (công dân) sẽ thay đổi nhà nước hiện tại bằng một nhà nước khác. Còn "thần dân" thường sẽ bằng lòng vô điều kiện với những gì anh ta được ban phát. (Ngay cả khi bị xử chết thì cũng phải dập đầu "đội ơn bệ hạ đã ban cho chết"!).

Với công dân, tự do thường có nghĩa là anh ta được làm những gì mà pháp luật không cấm (tất nhiên pháp luật này không được vi hiến, và Hiến pháp này thực chất là do nhân dân ban hành) và không vi phạm "đạo lý" (chuẩn hành xử) của xã hội hay "đạo thiêng" của tôn giáo mà mình chọn, cũng như không vi phạm "đạo sống" của bản thân. Với một thần dân, anh ta chỉ dám làm những gì mà nhà nước cho phép hay ban phát. Thậm chí anh ta cũng có thể làm những điều trái với đạo sống hay đạo đức của bản thân và vi phạm đạo lý của xã hội để làm vừa lòng nhà nước mà anh ta phục tùng, bởi vì anh ta tin rằng nhà nước hay chế độ là Trời là Phật, là chân lý và công lý.

Một con người tự do và một công dân có trách nhiệm của một xã hội văn minh sẽ sẵn lòng nhận lấy trách nhiệm tự thân của mình mà không cần biết là người khác có yêu cầu hay ghi nhận không, dù điều đó đôi khi có thể sẽ khiến anh ta phải hy sinh xương máu và lợi ích cá nhân của mình. Nếu không có những công dân như vậy, loài người sẽ mãi mãi sống trong những xã hội mông muội. Trong lịch sử của mỗi quốc gia và của cả nhân loại luôn có sự hiện diện của những chân dung như thế.

Những năm 1940, khi chủ nghĩa Apartheid bắt đầu dấy lên tại Nam Phi, chàng thanh niên Nelson Mandela đã chọn con đường đứng về phía những người da đen bị áp bức để bảo vệ quyền lợi cho họ thông qua việc bào chữa miễn phí cho họ cũng như khởi xướng các phong trào đấu tranh. Chính quyền Apartheid đã kết án chung thân đối với Mandela vì tội "lên kế hoạch phá hoại nhà nước". Trong suốt 27 năm ngồi tù, ông đã không ít lần từ chối các điều kiện trả tự do của nhà cầm quyền như một lời tuyên bố trung thành với lý tưởng chiến đấu của mình: "Tôi đã chiến đấu chống lại sự thống trị của người da trắng, và tôi cũng chiến đấu chống lại sự thống trị của người da đen. Tôi yêu mến lý tưởng về một xã hội dân chủ và tự do trong đó mọi người dân sống với nhau hòa thuận và bình đẳng. Đó là lý tưởng mà tôi hy vọng sẽ sống vì nó và đạt được nó. Nhưng nếu cần, tôi cũng sẵn sàng chết vì lý tưởng đó". Sau khi rời khỏi nhà tù, Nelson Mandela vẫn tiếp tục đấu tranh để xóa bỏ những hận thù của quá khứ. Câu nói nổi tiếng của ông về ngày mà ông được trả tự do: Khi bước ra khỏi khung cửa dẫn đến cánh cổng sẽ đưa tôi đến với tự do, tôi biết nếu tôi không để lại sự chua xót và căm thù ở lại phía sau, tôi vẫn còn ở trong ngục tù" đã trở thành tuyên ngôn của tính thần hòa giải dân tộc. Ông đã gạt bỏ những hận thù yêu ghét của cá nhân để chọn lấy con đường tốt nhất cho đất nước mình, và đó là điều khiến ông trở thành một công dân vĩ đại nhất mà đất nước Nam Phi từng có.

Một chân dung khác vĩ đại không kém là mục sư Martin Luther King - người dẫn dắt phong trào đấu tranh chống kỳ thị chủng tộc tại Hoa Kỳ. Khác với Nelson Mandela, Martin Luther King đã phải trả giá cho lý tưởng tranh đấu bằng chính mạng sống của mình (ông bị ám sát vào năm 1968), nhưng có lẽ ông sẽ không bao giờ hối hận vì điều đó. Bởi theo ông: "Cuộc sống của chúng ta bắt đầu chấm dứt vào cái ngày mà chúng ta trở nên câm lặng trước những vấn đề hệ trọng".

Trước khi làm nhà lãnh đạo vĩ đại, Nelson Mandela hay Martin Luther King đều đã "làm dân" một cách hết sức xuất sắc trong bổn phận tự thân của mình. Nhưng không có nghĩa là chỉ có những nhà lãnh đạo vĩ đại mới có thể làm được điều đó mà bất kỳ công dân đúng nghĩa nào cũng có thể làm được như vậy.

Mới đây, cả thế giới phải rúng động với phong trào biểu tình đòi quyền tự chọn lãnh đạo của người dân Hồng Kong với giới học sinh, sinh viên là lực lượng nòng cốt. Thủ lĩnh của phong trào đó là cậu học sinh 17 tuổi Joshua Wong. Ở cái tuổi mà nhiều thanh thiếu niên vẫn còn "ăn chưa no, lo chưa tới", Joshua Wong đã có những phát biểu về trách nhiệm công

dân khiến cho nhiều người phải suy nghĩ:

"Bởi vì học sinh cũng là người dân trong xã hội, dù họ chưa đến tuổi trưởng thành, chưa có nghề nghiệp, địa vị xã hội hay chức tước, họ vẫn có vai trò can thiệp vào những chính sách của chính phủ... Người ta thường cho rằng những ai tham gia các phong trào xã hội là vì có ai đó làm gương... Ta không cần phải có ai đó làm gương thì mới tham gia một phong trào xã hội. Ta chỉ cần quan tâm về các vấn đề".

"Tôi không muốn cuộc đấu tranh cho dân chủ phải truyền lại cho thế hệ sau. Đây là trách nhiệm của chính thế hệ chúng tôi".

Vẫn còn đó những tranh cãi xoay quanh việc liệu Joshua Wong có thực sự đã chín chắn với con đường của mình hay đó chỉ là những bốc đồng nhất thời của tuổi trẻ, nhưng có một điều mà chắc chắn không ai có thể phủ nhận được ở cậu thiếu niên 17 tuổi này, đó là tinh thần dám nhận lãnh trách nhiệm tự thân của một công dân. Lời tuyên ngôn đầy mạnh mẽ của cậu "Đây là trách nhiệm của chính thế hệ chúng tôi!" chính là một ví dụ cụ thể và sống động cho tinh thần "Chính bạn phải làm những thay đổi mà bạn mong muốn được nhìn thấy trong thế giới này" mà Mahatma Gandhi từng khởi xướng.

“Dân trí”, “Dân quyền” và “Dân sinh”

Có rất nhiều tư tưởng thường được nhắc đến khi bàn về con đường để "làm dân" là như thế nào, hay con đường để hình thành xã hội nên ra sao. Chẳng hạn, phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh khởi xướng ở Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 đã giương cao ngọn cờ "Tự lực khai hóa" và "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", hay chủ nghĩa Tam dân do Tôn Trung Sơn khởi xướng ở Trung Quốc (cũng vào đầu thế kỷ trước) cũng có tôn chỉ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (Dân tộc Độc lập, Dân quyền Tự do, Dân sinh Hạnh phúc). Hay trong thời Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản, nhà khai minh Fukuzawa Yukichi cũng có tuyên ngôn “Trời không tạo ra người đứng trên người và cũng không tạo ra người đứng dưới người, tất cả đều do sự học mà ra”. Rồi từ Mahatma Gandhi ở Ấn Độ đến Nelson Mandela ở Nam Phi, hay từ châu Mỹ sang châu Âu, tất cả đều bàn luận về con đường đó.

Cá nhân tôi cho rằng, làm sao có thể có "dân sinh" hạnh phúc, nếu không có "dân quyền" tự do; cũng như không thể có "dân quyền" tự do nếu không có "dân trí" khai phóng. Do vậy, con đường mà các quốc gia chưa thịnh vượng hay chưa văn minh nên chọn đi để có thể trở thành quốc gia thịnh vượng và văn minh chỉ có thể là con đường: "Dân trí, dân quyền và dân sinh". Có "dân trí" thì sẽ có "dân quyền" và "dân sinh".

Nói cách khác, ở bất cứ xã hội nào, nếu không có "dân trí" thì không thể có dân chủ thực sự, dân chủ đúng nghĩa (tuy có thể có dân chủ giả hiệu hay dân chủ hình thức) và cũng không thể có "dân sinh" thịnh vượng và văn minh. Tất cả phải bắt đầu từ dân trí; mà dân trí của mỗi người thì bắt đầu từ sự học khai phóng của chính bản thân mình.

"Dân trí" ở đây có nghĩa là năng lực làm người (để là con người tự do), năng lực làm dân (để là công dân trách nhiệm) và năng lực làm việc (làm công việc/ nghề nghiệp) của đại đa số người dân.

Nếu không có thứ "dân trí" này thì "dân chủ" hay "dân quyền" hay "dân sinh" chỉ là sáo rỗng, chỉ là thứ "trang sức" lòe loẹt bên ngoài để lừa mị dân chúng. Và nếu không đủ "dân trí" thì dân chúng thường sẽ dễ dàng bị lợi dụng, bị điều khiển hay bị thao túng bởi những kẻ đầu cơ về chính trị mà có khi không hề hay biết.

Nói cụ thể hơn, chỉ khi nào đa số người dân thực sự muốn làm dân, hiểu rõ làm dân là làm gì và có đủ năng lực để làm dân và làm người (có "dân trí") thì chừng đó mới có thể có dân chủ hay dân quyền hay nhân quyền thực sự. Và dù sớm hay muộn, dù bằng cách này hay bằng cách khác, một quốc gia muốn đến được với thịnh vượng và văn minh thì con đường "dân trí, dân quyền, dân sinh" sẽ phải là con đường tất yếu.

Làm sao để có được “năng lực làm dân”?

Làm dân trước hết là làm một con người tự do và là một công dân có trách nhiệm - trách nhiệm với cộng đồng và xã hội mà mình đang sống và trách nhiệm tạo ra một nhà nước để bảo vệ các quyền tự do của mình và của người khác.

Không ai sinh ra đã là con người đúng nghĩa Tương tự như vậy, để trở thành một công dân biết làm đúng việc của mình, mọi người cũng cần phải trải qua một hành trình khai minh để hiểu "làm dân" nghĩa là gì và trang bị cho mình những năng lực cần thiết để thực hiện sứ mệnh thiêng liêng đó. Năng lực cần thiết này chính là hình thành "dân trí" cho chính mình.

Nếu như hành trình làm người tự do, tự trị đòi hỏi con người phải "rời hang" để đến với ánh sáng của chân lý và tự do thì để có được "năng lực làm dân", con người cần phải nhìn ra thế giới (đặc biệt là thế giới văn minh) để tìm hiểu xem những đất nước khác đang được quản trị như thế nào, những người dân ở các nước đó đang thực hiện công việc "làm dân" của họ bằng cách nào và năng lực làm dân của họ ra sao để so sánh, đối chiếu, chọn lựa và học hỏi cái hay, cái hợp nhất với mình.

Có một câu nói mà nhiều người vẫn thường dùng để châm chọc những người ưa bàn những chuyện có vẻ to tát là: "Ăn khoai lang mà đòi bàn chuyện thế giới!". Nhưng nếu không thể phóng tầm mắt của mình ra khỏi lũy tre làng để học hỏi xem làng bên đang trồng những hoa màu gì khác thì có lẽ viễn cảnh phải ăn khoai lang suốt đời cũng chẳng có gì là đáng ngạc nhiên!

Người dân cũng thường xuyên phải đưa ra những quyết định chọn lựa quan trọng: chọn mô hình quản trị quốc gia, chọn người lãnh đạo đất nước, chọn cách thực hiện quyền lập hiến..., nên khả năng minh định được ai là ai (ai thực tài ai ngụy tài, ai thực tâm ai dã tâm, ai quân tử ai ngụy quân tử...), cái gì là cái gì (đâu là đúng - sai, phải - trái, tốt - xấu, chân - giả, thiện - ác, chính - tà) và mình là ai (trong vô vàn lựa chọn, vậy đâu là mình) cũng là một năng lực thiết yếu. Năng lực này thường tỷ lệ thuận cùng với nỗ lực dành cho việc đọc và học, quan sát và đánh giá để biết - hiểu - cảm - ngộ của mỗi người.

Đáng tiếc là môn học "Giáo dục công dân", môn học quan trọng có chức năng giúp người dân hiểu rõ và hiểu đúng nhất về công việc làm dân của mình, lại là một môn học đang bị ghẻ lạnh, bị xem thường và bị "mất giá" bậc nhất trong nhà trường ở không ít quốc gia kém phát triển hiện nay.

"Là môn học gần như theo suốt cả chặng đường 12 năm đèn sách của mỗi học sinh và luôn được kỳ vọng là "nguồn nước mát" góp phần tưới tắm, hình thành nhân cách của các công dân tương lai, thế nhưng hiện nay tại hầu hết các cơ sở giáo dục trên cả nước, môn học Giáo dục công dân (GDCD) đang "mất giá" một cách thê thảm với những tiết học "giá như không có thì hơn" hoặc tệ hơn bị học trò coi là lúc để... xả hơi. Vì sao?

"Mỗi lần tới tiết GDCD là trò gật gù... ngủ còn cô thì gần như chỉ dạy cho có...". Một thành viên khác lại mong muốn: "Đáng lý dành cho việc dạy cách làm người, dạy các chuẩn mực đạo đức còn hơn, tiên học lễ hậu học văn, đến trường đâu riêng để học kiến thức, còn học làm người nữa chứ. Thế mà môn GDCD lớp 10 học như triết, lớp 11 học như kinh tế chính trị, còn 12 thì học pháp luật như của đại học, vừa khó hiểu lại chả phù hợp tí nào cả". Thành viên có nick "Anh Dang" thì rầu rĩ so sánh điểm môn GDCD với xếp loại hạnh kiểm: "Điểm trung bình môn GDCD 9,8 mà hạnh kiểm thì yếu. Bó tay!"

(Trích bài báo "Môn học Giáo dục công dân bị mất giá!?" đăng trên báo Pháp luật).

Làm thế nào để trả lại giá trị xứng đáng cho môn học quan trọng bậc nhất này của giáo dục phổ thông, đó là câu hỏi mà không chỉ những nhà giáo dục mà cả những nhà lãnh đạo đất nước cũng cần phải suy ngẫm. Nhưng ngay cả khi không có môn học này, người dân vẫn có thể đạt được sự minh định trong những lựa chọn và quyết định của mình. Nelson Mandela từng tóm tắt lại thành một nguyên tắc rất cô đọng mà súc tích như sau: "Hãy để sự lựa chọn của bạn phản ánh niềm hi vọng của bạn, chứ không phải nỗi sợ hãi của bạn". Khi người dân bỏ phiếu lựa chọn mô hình quản trị quốc gia, chọn người lãnh đạo, chọn cơ chế kiểm soát... vì nỗi sợ hãi chứ không phải đó là điều họ hi vọng mà muốn hướng đến, đó chắc chắn không phải là lựa chọn sáng suốt.

Thomas Jefferson cũng từng nói một ý tương tự: "Khi người dân sợ chính quyền thì độc tài xuất hiện. Khi chính quyền sợ người dân thì tự do xuất hiện".

Câu chuyện người dân đã chiến thắng nỗi sợ hãi để dẫn dắt đất nước mình đi đến một tương lai tốt đẹp hơn như thế nào luôn là chất liệu đắt giá nhất trong câu chuyện lịch sử của mọi dân tộc. Đó chắc chắn là một hành trình gian khó và có những người đã ngã xuống trên hành trình đó. Nhưng điều đó chưa bao giờ khiến những người đi sau phải chùn bước. Trái lại, nó lại càng khiến cho sứ mệnh làm dân trở thành một sứ mệnh cao quý mà việc nhận lãnh nó là một vinh hạnh thiêng liêng của những người dân tâm huyết với xứ sở của mình.

"Chính chúng ta, những người còn sống, mới phải hiến dâng mình cho công việc dở dang mà những người chiến đấu ở đây đã tiến hành một cách cao quý.

Chính chúng ta mới là những người phải hiến dâng mình cho nhiệm vụ lớn còn ở trước mặt - rằng từ những người chết được vinh danh này chúng ta sẽ nhận lấy sự tận tụy nhiều hơn cho sự nghiệp mà họ đã cống hiến đến hơi thở cuối cùng - rằng chúng ta ở đây sẽ có quyết tâm cao để cho những người đã ngã xuống sẽ không hy sinh một cách phí hoài - rằng quốc gia này, dưới ơn trên của Chúa, sẽ chứng kiến một cuộc sinh nở mới của tự do - và rằng nhà nước của dân, do dân và vì dân, sẽ không biến mất khỏi trái đất này." (Trích diễn văn Gettysburg bất hủ của tổng thống Abraham Lincoln, cũng là một áng thiên cổ hùng văn của nước Mỹ và nhân loại)

Không ai có thể làm người một cách trọn vẹn mà thờ ơ với đất nước, với xứ sở của mình. Hơn tám mươi năm về trước, cụ Tản Đà từng viết hai câu thơ mà đến nay vẫn làm triệu người phải đau đáu: "Dân hai nhăm triệu ai người lớn. Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con".

Có bao giờ ta tự hỏi: Xứ sở của mình đã thoát "phận trẻ con" hay chưa? Trong xứ sở đó, mình là "nô dân", "thần dân" hay "công dân"? Mình sẽ làm gì cho xứ sở của mình?

Câu trả lời nằm ở chính mỗi người, ở tôi, ở bạn và ở chúng ta!

Hiến pháp là cái gì và để làm gì?

Nhân dân là chủ nhân của đất nước, còn nhà nước là bộ máy được nhân dân thuê để quản lý đất nước và để bảo vệ các quyền mặc định và lợi ích hiển nhiên của mình. Và hiến pháp là công cụ để nhân dân tạo ra nhà nước, trao quyền cho nhà nước và kiểm soát nhà nước, chứ không phải là công cụ của nhà nước để trao quyền cho nhân dân và quản lý nhân dân. Do vậy, quyền lập hiến (hay còn gọi là quyền "lập quyền" vì quyền này sẽ tạo ra quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp) phải thuộc về nhân dân. Nhà nước cũng không có quyền lập hiến mà chỉ có quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mọi hành động của nhà nước không được vi hiến. Nếu điều luật hay đạo luật hay hành động nào của nhà nước bị tòa bảo hiến tuyên là vi hiến thì điều luật hay đạo luật đó sẽ bị vô hiệu và hành động đó sẽ bị cấm.

Quyền của nhân dân và quyền của nhà nước

Nếu như nhà nước chỉ được làm những gì mà hiến pháp và pháp luật cho phép thì người dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm (tất nhiên những luật này không được vi hiến). Đây cũng là một trong những nguyên tắc cơ bản của một xã hội dân chủ và nhà nước pháp quyền.

Với nguyên tắc này, người dân được tự do, được hưởng các quyền tự do mặc định và hiển nhiên của mình, và quyền của người dân gần như là vô hạn (thường chỉ bị giới hạn những quyền mà có thể phương hại đến người khác). Những quyền mà người dân bị cấm hay bị giới hạn này sẽ được quy định rõ trong pháp luật. Còn quyền của nhà nước sẽ rất bị giới hạn. Trong hiến pháp và pháp luật luôn phải làm rõ nhà nước được làm gì (đây là quyền nên thích thì làm không thích thì thôi), phải làm gì (đây là nghĩa vụ buộc phải làm cho dù có muốn hay không) và cấm làm gì (đây là nghĩa vụ không được làm cho dù rất muốn làm). Ngoài những quyền và nghĩa vụ được quy định rõ này, nhà nước không được phép thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác.

Phần III
LÀM VIỆC

"Làm việc" cũng là "làm người"!

Lần nọ trong lớp học, một học viên chợt giơ tay hỏi tôi: "... Làm thế nào để cân bằng giữa cuộc sống và công việc?". Tôi trả lời: "Với tôi, không có khái niệm cân bằng giữa cuộc sống và công việc bởi công việc chính là cuộc sống".

Thật vậy, ai trong chúng ta cũng gắn với một (hay một số) nghề nghiệp hay công việc và dành phần lớn cuộc đời của mình để làm nghề hay làm việc đó. Thời gian một ngày của chúng ta chủ yếu được dành cho công việc, chúng ta "sống" ở nơi làm việc có khi còn nhiều hơn ở nhà. Nhưng điều quan trọng hơn hết là: Rất hiếm ai có một cuộc sống hạnh phúc mà lại không hạnh phúc với việc mình làm. Hay nói cách khác nếu "đạo sống" và "đạo nghề" của một người không hòa quyện với nhau hay thậm chí trái ngược nhau thì người đó rất khó có được một cuộc sống hay cuộc đời trọn vẹn.

Như vậy, "làm việc" cũng chính là "làm người, và "làm người" thì không thể không "làm việc". Con người của mình cũng sẽ được thể hiện rõ qua công việc của mình, qua chất lượng công việc mà mình làm, qua lý tưởng công việc mà mình theo đuổi. Nếu ta nhìn vào cách mà mình làm việc, cách mà mình sống thì đó chính là "tấm gương" trung thực phản chiếu "con người" mình. Khi đó tự ta sẽ cảm thấy "thật sự tự hào về con người của mình" hay "mình không đáng được tôn trọng, thậm chí đáng bị khinh".

Nếu như "đạo sống" (làm người) là những giá trị mà ta lựa chọn cho cuộc đời của mình thì "đạo nghề" (làm việc) chính là lý tưởng nghề nghiệp của công việc mà ta làm. Nói cách khác, "đạo nghề" mà mình chọn chính là cách để mình hiện thực hóa "đạo sống" của mình trong công việc và nghề nghiệp mà mình làm. Chẳng hạn, ta thích trở thành cảnh sát giao thông vì ta yêu sự bình yên của phố phường, hay là vì ta thích "núp lùm" để thổi phạt? Ta muốn trở thành người dạy học là vì ta yêu con người, yêu sự phát triển mỗi ngày của đứa trẻ hay yêu thứ quyền lực mà ta có thể thị uy với nó? Ta chọn nghề nấu ăn vì đó cũng là một nghệ thuật và ta muốn nhìn thấy niềm vui trên khuôn mặt thực khách khi họ được thưởng thức một món ăn ngon, hay vì muốn kiếm lợi từ việc chế biến lại những thực phẩm kém an toàn?...

Nói cách khác, "đạo nghề" chính là "đạo sống" trong công việc. Làm việc mà không có lý tưởng nghề nghiệp cũng giống như sống mà không có mục đích. Làm một nghề "vô đạo" thì không chỉ bản thân người làm nghề mà cả xã hội cũng có thể bị ảnh hưởng.

Hành trình "tìm thấy chính mình" của con người, xét về bản chất, là hành trình tìm kiếm con người văn hóa và con người chuyên môn của mình. Đáng tiếc là khi nhìn vào bức tranh xã hội ngày nay, nhất là ở những quốc gia chưa phát triển, có vẻ như không nhiều người tìm thấy được điều đó. Hằng ngày, vào giờ tan sở cũng như lúc bắt đầu ngày mới, chúng ta nhìn thấy trong dòng người đông đúc trên đường phố nhiều gương mặt mỏi mệt vô hồn hơn là những con người "sáng sáng háo hức đi làm, tối tối hăm hở về nhà".

Rồi chúng ta cũng nhìn thấy cả những con người mang danh là làm nghề mà rốt cuộc những việc họ làm lại chệch rất xa khỏi sứ mệnh hay cái đạo của nghề đó: Bác sĩ lẽ ra phải chữa bệnh cứu người thì lại "làm tiền", vòi vĩnh bệnh nhân, mặc cả với cả mạng sống của người bệnh. Cô giáo lẽ ra phải là một điểm tựa thì lại là nỗi sợ hãi của học trò. Không ít cảnh sát không phải là người thực thi pháp luật hay người bảo vệ, mà là "hung thần" trong mắt người dân. Dường như còn quá ít người (trong đó có thể bao gồm chính chúng ta) là làm "đúng việc" của mình!

Trong tác phẩm Những ngày thứ ba với thầy Morrie cũng có đoạn: "Quá nhiều người quẩn quanh với một cuộc đời vô nghĩa. Họ có vẻ lờ đờ, ngay cả khi họ đang bận rộn làm những việc mà họ cho là quan trọng. Đó là bởi vì họ đang theo đuổi những thứ không đúng. Cách để làm cho cuộc đời bạn trở nên có ý nghĩa là cống hiến bản thân bạn để yêu thương người khác, cho cộng đồng xung quanh bạn và để tạo ra một thứ gì đó khiến bạn cảm thấy có mục đích và có ý nghĩa".

Để có thể tạo nên một thành tựu đủ lớn trong công việc thì ta phải yêu nó, ta phải hạnh phúc cống hiến cuộc đời mình cho công việc đó. Nhưng để yêu nó, trước hết ta phải hiểu nó. Bởi lẽ, làm sao có thể yêu một thứ mà mình không hiểu?

Ngay cả với những mục đích "ít nhuốm màu lý tưởng" hơn (chẳng hạn như làm việc không phải là để tìm thấy ý nghĩa của cuộc đời mình trong đó, mà là để tìm kiếm danh lợi)

thì nguyên tắc này vẫn đúng. Vì không bao giờ có thể thành công với một công việc nếu không làm tốt nó, mà sẽ không thể làm tốt nó nếu như không yêu nó, và cũng không thể yêu nó nếu như không hiểu nó. Hơn nữa, khi ta hiểu, yêu và làm tốt một công việc thì danh lợi sẽ đến như một hệ quả tất yếu, như câu tục ngữ ông bà ta vẫn thường nói là "công thành danh toại" (phải có "công" (công lao) rồi mới có "danh" (danh vọng)).

Làm việc mà không có lý tưởng nghề nghiệp cũng giống như sống mà không có mục đích. Nhưng làm thế nào để biết, liệu là mình có thực sự hiểu "đúng" bản chất của cái nghề, cái việc mà mình đang lựa chọn và theo đuổi hay không?

Theo tôi, có thể bắt đầu bằng hai câu hỏi:

Mình có đang hiểu đúng và làm tốt sứ mệnh của nghề/ của việc không?

Việc mà mình chọn làm có đúng với con người của mình không?

Nhưng mục tiêu của chương sách này không phải là nhằm đưa ra đáp án cho những câu hỏi đó. Bởi hơn ai hết, mỗi người sẽ biết đâu là cái "đúng" nhất với bản thân mình, mình nên lựa chọn cái gì và chịu trách nhiệm gì với lựa chọn đó. Thay vào đó, chương này sẽ thử phác thảo chân dung một số nghề (như là một số ví dụ minh họa để bàn về chủ đề "đúng việc" này) trong xã hội dưới hình thức các "cặp đối ngẫu" để độc giả có thêm những góc nhìn, những đối sánh cần thiết, cũng như tự mình chiêm nghiệm ra đâu là cái "đạo" quan trọng nhất của nghề đó và người làm nghề này cần có những "đạo sống" gì. Chẳng hạn như các nghề sau:

- Quản trị hay cai trị? (Nghề lãnh đạo/ chính khách)
- Đầy tớ hay phụ mẫu? (Nghề công chức)
- Doanh nhân, trọc phú hay con buôn? (Nghề kinh doanh)
- Nhà báo hay bồi bút? (Nghề viết báo)
- Nhà văn hay bồi bút? (Nghề viết văn)
- Ca sĩ hay thợ hát? (Nghề làm nghệ thuật)
- Bác sĩ hay lang băm? (Nghề y)
- Luật sư hay lê sư? (Nghề luật)
- Sử gia hay sử nô? (Nghề viết sử)
- Và một số nghề khác...

Thậm chí chuyện chúng ta có tìm được câu trả lời hay không cũng không quá quan trọng. Bởi như một câu châm ngôn đã nói: "Ta trở nên khôn ngoan hơn bằng cách đặt ra các câu hỏi, và cho dù không trả lời được, ta cũng sẽ trở nên khôn ngoan hơn, vì một câu hỏi được gói ghém tốt tự thân nó cũng đã chứa đựng câu trả lời, giống như con ốc sên lúc nào cũng gắn chặt với cái vỏ ốc trên lưng vậy".

Vì vậy, hãy cứ bắt đầu từ những câu hỏi!

Quản trị hay cai trị?

Trong một số buổi giao lưu với sinh viên của các trường đại học trong nhiều năm qua, khi tôi hỏi "Ước mơ của các bạn là gì?", rất nhiều bạn trẻ có chung một câu trả lời rằng: "Em muốn trở thành một nhà lãnh đạo". Có vẻ như lãnh đạo đang là một trong những nghề "hot" nhất hay việc "hot" nhất (nói theo ngôn ngữ thời thượng của giới trẻ) trong xã hội ngày nay.

Điều đó hoàn toàn dễ hiểu, bởi nhìn bên ngoài, người làm lãnh đạo thường có vị trí "ăn trên ngồi trốc" so với người khác. Các vị nguyên thủ quốc gia trông đầy quyền uy và bề thế, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp cũng oai phong không kém với "quyền sinh quyền sát" công ăn việc làm của bao nhiêu người trong tay. Tóm lại, dù là điều hành một quốc gia hay một tổ chức, một bộ phận lãnh đạo luôn là một "cái chức" rất to, một "cái ghế" rất sang trong mắt nhiều người.

Có lần nọ, tôi ghé thăm nhà một người bạn mà lâu năm rồi không có dịp gặp gỡ. Anh vừa tâm sự vừa giãi bày với tôi: "Trời ơi, dạo này mình bận tối mắt tối mũi chẳng còn thời gian cho gia đình bạn bè. Làm lãnh đạo vất vả lắm cậu ạ!". Đứa con trai út 7 tuổi của anh đang ngồi học bài gần đó bỗng lên tiếng: "Ba ơi, con cũng muốn làm lãnh đạo!" - "Có biết lãnh đạo là gì không mà đòi làm hả ông tướng?" - "Dạ biết, là thường xuyên mặc đồ vét đẹp đi cắt băng đỏ trên tivi á!". Anh cười khà khà, còn tôi thì nhớ ra đúng là trong những dịp hiếm hoi gặp nhau, lần nào anh cũng đang vừa đi dự lễ khánh thành ở đâu đó về. Và dường như

trong đầu óc non nớt của con trai anh, làm lãnh đạo có nghĩa là đi... cắt băng khánh thành, và lãnh đạo là một cái nghề rất oai, làm gì cũng lên tivi!

Không ít nhà lãnh đạo ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt ở các quốc gia chậm phát triển, cũng mang một chân dung tương tự như thế. Họ luôn tất bật, bận bịu, nhưng qua thời gian giữ chức của họ, thứ hiếm hoi thay đổi là số băng khánh thành mà họ cắt, còn lại những thứ trọng yếu khác của đất nước thì hầu như vẫn như cũ hay thậm chí còn tệ hơn. Họ là những người mang danh lãnh đạo và ngồi ghế lãnh đạo nhưng thực chất không hề làm việc của lãnh đạo.

Và trái lại, cũng có những người mặc dù không ngồi bất kỳ một "ghế" nào nhưng vẫn là những nhà lãnh đạo đích thực. Cô gái Paskistan Malala Yousafzai - người vừa được trao giải Nobel hòa bình năm 2014 và là gương mặt trẻ tuổi nhất trong lịch sử giải Nobel là một chân dung như thế. Cô bé nữ sinh 17 tuổi này đã không ngừng đấu tranh cho quyền được đi học cho trẻ em gái, bất kể những hiểm nguy mà mình phải đối mặt khi lựa chọn con đường đó. Lời tuyên ngôn "Hãy cầm sách và cầm bút lên! Chúng sẽ trở thành vũ khí mạnh mẽ nhất của chúng ta!" của Malala đã truyền cảm hứng và tiếp sức cho nhiều phụ nữ và trẻ em trên hành trình tìm đến sự học của mình, cũng như đã góp phần thay đổi cái nhìn và cách đối xử của nhiều xã hội đối với phụ nữ theo hướng tốt đẹp hơn. Malala đã trở thành một nhà lãnh đạo được nể trọng mà không cần bất kỳ chức tước nào, bất chấp cả tuổi đời non trẻ, nhờ những thay đổi tích cực, lớn lao mà cô đã góp phần lan tỏa cho cộng đồng của mình.

Do đó, lãnh đạo hoàn toàn không phải là "cái chức" hay "cái ghế", mà là một công việc; thậm chí đó còn là một công việc khó khăn và nhiều trọng trách. Có thể phác họa chân dung một nhà lãnh đạo đích thực bằng một số nét chính sau đây: (1) giúp cho quốc gia, cộng đồng, tổ chức, cá nhân mà mình lãnh đạo hiểu được những tinh thần, tư tưởng, giá trị tiến bộ, biết tự do lựa chọn và sống với những tinh thần, tư tưởng, giá trị tiến bộ đó, (2) giúp cho quốc gia, cộng đồng, tổ chức, cá nhân đó đạt được những thành tựu đề ra và có sự thay đổi đáng kể, và (3) đó là những thành tựu, thay đổi theo hướng tích cực, tiến bộ. Hay đơn giản hơn, để xác định một nhà lãnh đạo có đang "đúng việc" hay không, hãy thử đặt câu hỏi: Người đó đang "quản trị" hay đang "cai trị" cộng đồng, tổ chức của mình?

Hiểu một cách nôm na, "quản trị" hay "cai trị" đều là quản lý, điều hành. Nhưng nếu nhà lãnh đạo làm điều đó chủ yếu bằng quyền lực và áp đặt thì gọi là “cai trị"; còn bằng năng lực và tự do thì gọi là quản trị .

Thực tế cho thấy mọi biện pháp cai trị, cho dù bằng mệnh lệnh, quy định hay bằng kiểm tra, kiểm soát hoặc thậm chí gây sức ép, đe dọa, đều chỉ có giá trị nhất thời, bởi cách làm đó thường tạo ra một lớp "thần dân" chỉ biết làm việc theo mệnh lệnh, bằng mặt nhưng không bằng lòng. Ngược lại, một nhà lãnh đạo có năng lực quản trị giỏi sẽ có khả năng "khiến cho người khác muốn làm điều gì đó mà bạn muốn anh ta làm bởi vì chính anh ta cũng muốn làm điều đó" (Dwight Eisenhower). Khi đó, mỗi người dân hay nhân viên sẽ hiểu, chia sẻ hoài bão, sứ mệnh của quốc gia, của cộng đồng, của tổ chức và tự thân sẵn sàng chung sức, chung lòng chiến đấu cho sự phát triển và trường tồn của xứ sở, của tổ chức mà họ luôn tự xem nó là của mình, của chúng ta.

Tất nhiên, nếu "người khác" là những người có cái đầu khai phóng và trái tim có hồn thì việc "khiến cho người khác muốn làm cái việc mà mình muốn làm" sẽ rất dễ, nếu việc đó đúng luật và có đạo (đạo lý, đạo thiêng và đạo sống), còn ngược lại thì vô cùng khó, thậm chí trong nhiều trường hợp còn là... không thể.

Qua khá nhiều chiêm nghiệm, tôi cho rằng, một nhà lãnh đạo đích thực sẽ biết cách tìm ra "tiếng nói" của riêng mình trong mọi chuyện và đồng thời giúp cho mỗi thành viên trong đội ngũ của mình tìm ra "tiếng nói" của họ, tìm ra thôi thúc của họ, và những tiếng nói, thôi thúc này sẽ được hòa quyện với nhau một cách tự nhiên trong các mục đích chung.

Có thể đúc kết công việc của nhà lãnh đạo thành một "công thức" kiểu như sau: [Lãnh đạo = (Chiến lược + Đội ngũ)]; trong đó: [Đội ngũ = (Con người + Hệ thống + Văn hóa)]

Cho dù mục đích của quốc gia, cộng đồng, tổ chức là gì đi nữa thì nhà lãnh đạo luôn có hai công việc hệ trọng bậc nhất, đó là: Hoạch định chiến lược và kiến tạo đội ngũ để hiện thực hóa chiến lược đó (hay có thể nói nôm na dân dã là "tìm đường" và "dụng nhân"). Nếu không làm hai việc này, nhà lãnh đạo vẫn chưa phải là một nhà lãnh đạo đúng nghĩa, cho dù

anh ta đã làm các việc khác và làm tốt những việc đó.

Có một chủ doanh nghiệp nọ hỏi tôi tại sao anh ta làm việc quần quật ngày đêm, sát sao mọi việc từ lớn đến bé mà công ty của anh ta vẫn chẳng tiến lên là mấy, tôi bèn hỏi lại: Thế anh dùng thời gian của mình vào những việc gì? Thì ra là từ khâu tuyển người cho đến sản xuất hay bán hàng, gần như không có khâu nào mà anh ta không nhúng tay vào; duy chỉ có... việc lãnh đạo (làm chiến lược, xây đội ngũ) là không để tâm làm. Đó là một trường hợp điển hình của việc "là lãnh đạo mà không làm lãnh đạo". Thực tế thì lãnh đạo hoàn toàn có thể tham gia cùng làm công việc của đội ngũ, cùng hỗ trợ công việc của đội ngũ, nhưng cần ý thức rằng, không ai ngoài mình có thể làm công việc của "lãnh đạo" khi mình đang ngồi ghế lãnh đạo.

Và ở cấp vĩ mô cũng vậy, có những lãnh đạo vô cùng xông xáo, bận tối mắt tối mũi với trăm công ngàn việc, hôm nay đăng đàn ở mặt trận A, mai họp ở mặt trận B, ngày mốt đưa ra sáng kiến ở mặt trận c...; nhưng khi hỏi chiến lược 5 năm, 10 năm, 20 năm... của lĩnh vực mà vị lãnh đạo đó chịu trách nhiệm là gì thì... hầu như lại không ai biết!

Để đưa ra được một chiến lược đúng đắn nhà lãnh đạo nhất thiết phải có viễn kiến tương lai, phải có tầm nhìn - tầm nhìn cho tổ chức, cộng đồng, quốc gia mà mình lãnh đạo và tầm nhìn cho bản thân mình. Bởi làm sao có thể đưa ra cách đi đúng khi mà còn chưa rõ bản thân mình muốn đi đâu về đâu hay mình muốn dẫn tổ chức, cộng đồng, quốc gia của mình đi đến cái đích nào!

Chẳng hạn, tầm nhìn của đất nước Hàn Quốc (do tổng thống Lee Myung-Bak, tổng thống đầu tiên xuất thân là doanh nhân trong lịch sử Hàn Quốc đưa ra) có thể được tóm tắt bằng ba con số 7 - 4 - 7 cho những thập niên tiếp theo: đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc dân hàng năm lên 7%, nâng gấp đôi thu nhập bình quân đầu người từ 20.000 USD lên 40.000 USD và đưa Hàn Quốc lọt vào top 7 quốc gia hùng mạnh và văn minh của thế giới; với ý nghĩa rằng đất nước sẽ bay vọt lên như tên gọi của một loại máy bay nổi tiếng (Boeing 747).

Còn nước Mỹ lại có một "giấc mơ Mỹ" (American Dream) được đưa ra bởi những người cha lập quốc cách đây gần 2,5 thế kỷ, với phương châm tưởng như rất giản dị mà vô cùng mạnh mẽ, đó là, biến nước Mỹ thành một nơi mà ở đó "Bất kỳ ai cũng có thể thành công bằng tài năng và sự chăm chỉ của mình". Nếu giấc mơ "giản dị" này thành hiện thực thì chuyện nước Mỹ trở thành siêu cường số 1 về kinh tế, số 1 về khoa học, số 1 về quân sự, số 1 về tầm ảnh hưởng văn hóa... của thế giới là hệ quả tất yếu và là chuyện đương nhiên.

Tầm nhìn và mối quan tâm của một nhà lãnh đạo cũng là yếu tố then chốt quyết định anh ta là lãnh đạo tồi, lãnh đạo giỏi, lãnh đạo lớn hay lãnh đạo vĩ đại.

Một lãnh đạo tồi thường chỉ quan tâm đến chức vụ, quyền lực, bổng lộc mà anh ta kiếm được là gì.

Một lãnh đạo giỏi sẽ quan tâm nhiều đến công việc (làm sao để làm tốt việc lãnh đạo của mình), đến năng lực (mình cần có những năng lực gì để làm tốt việc đó), đến sự học (mình cần học gì để có được những năng lực đó).

Một lãnh đạo lớn bên cạnh những điều mà một lãnh đạo giỏi quan tâm thì còn quan tâm đến uy tín (đánh giá của bên ngoài) và phẩm giá (những giá trị bên trong) của bản thân mình. Nói cách khác là bên cạnh tài năng, nhà lãnh đạo lớn còn một nhân cách khiến người khác phải nể trọng.

Còn một lãnh đạo vĩ đại thì không chỉ tạo ra những thành tựu vĩ đại, mà quan trọng là họ sẽ "tìm thấy bản thân mình trong sự phục vụ những người khác", như một câu nói của Mahatma Gandhi. Với một nhà lãnh đạo vĩ đại, không phải là địa vị quyền lợi hay được người khác công nhận, mà là niềm hạnh phúc lớn lao ở bên trong khi được cống hiến, được giải quyết một vấn đề nào đó cho xã hội của mình mới là động lực thôi thúc nhất!

Tuy nhiên, công việc của nhà lãnh đạo đúng nghĩa không phải là trở thành vĩ đại hay trở thành người hùng, mà là tạo ra người hùng, không phải là duy trì đám đông mà là kiến tạo đội ngũ. Bởi nếu không quy tụ được một ê-kíp tài năng có trái tim nóng và cái đầu sáng, sẵn sàng cùng nhau chiến đấu vì chính mình và vì mục tiêu chung, nhà lãnh đạo khó có thể tự mình đi đến cùng cái đích đã vạch ra. Mà những người tài thì luôn luôn tìm kiếm và đòi hỏi nhiều hơn từ những người dẫn dắt mình, như một câu châm ngôn đã nói rằng:

"Người tài có thể dễ dàng rời bỏ một ông sếp, nhưng khó mà rời bỏ một nhà lãnh đạo.

Người tài có thể dễ dàng rời bỏ một công việc, nhưng khó mà rời bỏ một sứ mệnh. Người tài có thể dễ dàng rời bỏ một tổ chức, nhưng khó mà rời bỏ một đội ngũ/ ê-kíp".

Như vậy, với một người tài (có tài năng về một chuyên môn hay công việc nào đó) có cái đầu khai phóng và có trái tim có hồn, khi đi làm họ không chỉ cần tiền và những thứ mà ai cũng cần, mà họ còn cần ba thứ nữa, đó là: lãnh đạo, sứ mệnh và ê-kíp.

Điều đó cũng có nghĩa là: Nếu một nhà lãnh đạo trông giống một ông sếp hơn một người dẫn dắt, quanh mình có một đám đông hơn là một đội ngũ, và không thấy một ý nghĩa nào trong những việc mình đang làm, rất có thể người đó đang "cai trị" hơn là "quản trị"!

Tóm lại, có thể nói rằng để đạt được đến vị trí lãnh đạo đã khó, nhưng để trở thành một nhà lãnh đạo đúng nghĩa chứ không phải "nhà cai trị" lại càng khó hơn. Một người bạn học là doanh nhân của tôi nói vui rằng, "lãnh đạo" có nghĩa là con đường lạnh lẽo (lãnh = lạnh, đạo = đường). Tôi thì trộm nghĩ, con đường ấy rất lạnh lẽo với những "nhà cai trị" - những người tự đặt mình ở trên một đỉnh cao chót vót và dùng quyền lực, mệnh lệnh như công cụ để sai khiến người khác và tư lợi cho bản thân. Nhưng với một nhà lãnh đạo chân chính thì dẫu có những khoảnh khắc cô đơn khó tránh khỏi của một người phải đứng "đầu sóng ngọn gió", đó vẫn sẽ là một con đường ấm áp. Bởi trên hành trình ấy, anh ta luôn có những người đi cùng, và sẽ cùng anh ta đi được thật xa. Như một câu ngạn ngữ của người châu Phi: "Nếu bạn muốn đi nhanh, hãy đi một mình. Nếu bạn muốn đi xa, hãy đi cùng nhau!".

Đầy tớ hay phụ mẫu?

Ngày 19/09/2014, báo Đời sống và Pháp luật đưa tin về một sự việc diễn ra tại một cơ quan công quyền của tỉnh Bình Phước như sau:

"Ngày 15/8 vừa qua, gia đình ông Võ Văn Chương (thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước) đã đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước để làm việc theo giấy hẹn.

Khi vừa vào phòng làm việc, bà Nguyễn Thị Kim Thoa (vợ ông Chương) bị một nữ nhân viên không đeo bảng tên, không mặc đồng phục, quát tháo: "Tại sao ngày hôm qua mời mà không đến"? Trong khi đó, giấy mời ghi ngày 15/8 và bà Thoa đã đến đúng ngày, đúng giờ.

Chưa kịp trả lời, bà Thoa tiếp tục bị nữ nhân viên quát: "Lần trước gọi điện thoại sao không đến?". Trước thái độ gay gắt của cán bộ Cục Thi hành án dân sự tỉnh, bà Thoa đặt câu hỏi: "Em làm gì ở đây và em tên gì?". Ngay lập tức, nữ cán bộ này xẵng giọng: Cô là dân mà sao dám hỏi tôi câu đó!"

Bức xúc trước thái độ của công chức nhà nước khi tiếp dân, bà Thoa yêu cầu được gặp Cục trưởng để phản ánh thì nữ cán bộ tiếp tục thách thức rồi bỏ đi. Khi gặp được ông Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, người này trả lời cộc lốc: "Vào trong mà làm việc!"

Nhiều độc giả bình luận rằng đây là "chuyện thật nhưng không lạ" ở xứ mình. Vì cho dù hai chữ "nhân dân" luôn chiếm một vị trí "hoành tráng" trong tên gọi và biển hiệu của các cơ quan công quyền (ủy ban nhân dân, tòa án nhân dân, quân đội nhân dân...) thì có vẻ như trong tâm trí của những người được giao nhiệm vụ làm công tác phục vụ nhân dân, nó lại không hề "hoành tráng" như vậy! Bằng chứng là trong dân gian lâu nay đã lưu truyền câu chơi chữ "cơ quan hành chính - hành là chính" như một cái lắc đầu ngao ngán khi nhắc đến "chốn công quyền" với thái độ "cửa quyền".

Mặc dù vậy, khi đọc mẩu tin trên, tôi vẫn cứ cảm tưởng rằng câu nói: "Cô là dân mà sao dám hỏi tôi câu đó" không phải được thốt ra từ miệng của một người nữ cán bộ thời nay, mà là của một ông quan thời phong kiến nào đó. Vào thời phong kiến, "quan chi phụ mẫu", tức là quan được xem như cha mẹ của dân, coi dân như con.

Hiểu theo nghĩa tốt, là quan có nghĩa vụ lo lắng chăm sóc cho dân như con của mình. Nhưng đồng thời, quan cũng xem dân như đối tượng để ban ơn, dạy dỗ. Là phận con, nên "cha mẹ" cho gì thì "con" ơn nấy, bảo gì biết nấy, làm gì được quyền chất vấn hay bắt bẻ, vì như thế là... hỗn hào với cha mẹ!

Có lẽ không chỉ riêng mình tôi mà nhiều người khác cũng có cảm nhận tương tự. Báo Người đô thị (ngày 29/09/2014) cũng phát biểu một cách đầy hài hước là "người nữ cán bộ Bình Phước vừa đột nhiên khôi phục chế độ phong kiến". Bình luận về câu nói trên, tác giả bài báo này còn viết: "Nó càng không phải câu hỏi, vì bộc lộ từ tiềm thức người nói. Nhờ một bác sĩ thần kinh và tâm lý người Áo có tên Sigmund Freud, người ta hiểu được rằng

cuộc sống con người không chỉ bị chi phối bởi những gì con người tự giác nhận biết, mà còn bởi vô thức - nơi hun hút những trải nghiệm quá khứ, những quan điểm, xác tín nén chặt tự bao giờ. Khi ý thức mất kiểm soát để tiềm thức hé lộ, đó chính là lúc thành thật nhất của con người... Lúc thành thật nhất của người nữ cán bộ Bình Phước là khi chị ta xẵng giọng: "Chị là dân...".

Câu hỏi đặt ra ở đây là: tại sao sau bao nhiêu năm nỗ lực đổi mới và cải cách hành chính, tư tưởng "quan chi phụ mẫu" ấy vẫn ăn sâu vào tiềm thức của các cán bộ công chức đến vậy?

Ngay từ năm 1945, Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã viết những lời sau: "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng; đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh vác việc chung cho dân chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta".

Rồi những năm sau đó, chính phủ ở trung ương và chính quyền các địa phương cũng đều đưa ra các chương trình cải cách toàn diện cho bộ máy của mình. Các bộ ngành cũng có hẳn một chương trình cải cách hành chính từ cả mấy chục năm nay. Vậy thì phải chăng chúng ta đã trục trặc ở đâu đó trong cách làm của mình?

Ở các quốc gia phát triển, người ta thường phân loại những nhóm người làm việc trong cơ quan công quyền rất rõ ràng, và thường có ba loại phổ biến sau: Chính khách, quan chức và công chức. Chính khách là sản phẩm dân cử, còn quan chức là sản phẩm bổ nhiệm (thường do chính khách lựa chọn và bổ nhiệm), còn công chức là sản phẩm tuyển dụng. Chính khách và quan chức có thể thay đổi thường xuyên theo nhiệm kỳ, nhưng công chức thì thường khá ổn định vì họ là đội ngũ vận hành nền hành chính quốc gia.

Còn ở ta, "cán bộ là đày tớ của dân" thường là khẩu hiệu được nêu cao trong các chiến dịch cải cách hành chính. Cách diễn đạt này có thể làm "mát ruột" các "ông chủ" nhân dân, nhưng trong thực tế lại không hiệu quả lắm. Tôi nghĩ vui, đang từ vị thế cha mẹ của dân mà đùng một cái bị "đánh tụt hạng", mà lại bị tụt xuống tận vị trí... đày tớ (cứ tưởng bị hoán đổi vị trí làm con cái của dân là quá lắm rồi!) thì quan hay cán bộ nào mà chịu cho nổi! Hơn nữa, tên gọi "đày tớ" trong xã hội Việt Nam thường mang nghĩa thấp hèn. Trong thâm tâm, không ai muốn phải mang một thân phận hèn kém hay làm một công việc hèn kém, huống chi là những người vốn được coi là "phụ mẫu" từ xưa. Phải chăng đó là một trong những lý do khiến khẩu hiệu này dù được "truyền" mãi trong các cơ quan công quyền nhưng phần lớn các cán bộ vẫn chưa "thông" nổi?

Vậy thì quan chức, công chức nên là gì trong mối quan hệ với dân?

Trong tiếng Anh, người ta thường dùng từ "service" để chỉ các dịch vụ, và từ "servant" để chỉ người làm công việc này. Những từ này đều bắt nguồn từ từ "serve", tức hành động phục vụ một ai đó. Vì vậy, nên chăng gọi công chức là "người phục vụ" hơn là "người đày tớ" (dù trong tiếng Anh thì cả hai từ này đều là "servant"). Không chỉ bởi vì nó mang đến một tâm thế dễ chịu, dễ chấp nhận hơn cho các cán bộ công chức, mà còn xác lập một ý thức rằng họ không ban ơn cho ai mà cũng không hèn kém hơn ai. Họ cũng đang làm một nghề như bao nghề khác trong xã hội. Mà suy cho cùng, bản chất của mọi nghề trong xã hội đều là phục vụ: bác sĩ phục vụ bệnh nhân, chủ nhà hàng phục vụ thực khách, nhà báo phục vụ độc giả... Huống chi ở đây, đối tượng mà công chức phục vụ lại là đối tượng cao quý nhất: nhân dân.

Có người đề nghị rằng công chức nên xem người dân là khách hàng, vì dân chính là người trả lương cho họ thông qua tiền thuế. Đó cũng là một cách xác lập mối quan hệ khá công bằng và hợp lý cho cả hai bên. Chỉ có điều, chừng nào mà "ông chủ" của công chức (tức người giúp cho họ cái ghế đó và ngồi vững cái ghế đó) không phải là "khách hàng" nhân dân mà là... ai đó khác, chừng nào mà những câu chuyện phải tốn kém hàng trăm triệu để "chạy" vào vị trí công chức vẫn còn phổ biến, thì chừng đó khách hàng... còn lâu mới là thượng đế!

Einstein từng nói rằng: "Chỉ có một cuộc đời phục vụ người khác là cuộc đời đáng sống". Và mình sẽ tìm thấy mình, tìm thấy ý nghĩa của đời mình trong "cuộc đời phục vụ" đó. Suy cho cùng, cái tên chỉ là cái tên. Dù được gọi bằng cái tên gì - người đày tớ, người phục vụ,

người bán hàng..., tất cả cũng như trở thành vô nghĩa nếu như người công chức không cảm nhận được sứ mệnh thiêng liêng trong công việc phục vụ nhân dân của mình và đặt sự "đáng sống" của cuộc đời mình ở những thứ khác. Và chừng nào chưa làm được điều đó, công cuộc cải cách hành chính vẫn chỉ là những khẩu hiệu treo trên tường!

Doanh nhân, trọc phú hay con buôn?

Bàn về vai trò của kinh doanh, gần 100 năm trước, Lương Văn Can - một nhà yêu nước, một trí thức lớn và cũng là nhà kinh doanh - đã khẳng định trên tờ Thực nghiệp Dân báo: "Đương buổi thế giới cạnh tranh này, các nước phú cường không đâu là chẳng đua tài thi sức ở trong trường thương chiến, văn minh càng tiến bộ buôn bán càng thịnh đạt, buôn bán thịnh thời trong nước giàu mạnh không biết đến đâu là cùng; buôn bán suy thời trong nước nghèo yếu không biết đâu mà kể, cứ xem cái trình độ buôn bán một nước nào cao hay thấp, rộng hay hẹp thời xét được dân nước ấy giàu hay nghèo, văn hay dã. Việc buôn bán thịnh suy có quan hệ đến quốc dân thịnh suy như thế, ta há nên coi thường, xem khinh được sao"

Thế nhưng mãi đến những thập niên gần đây, vai trò của người làm kinh doanh mới được bắt đầu được công nhận bằng hai chữ "doanh nhân" (thay cho tên gọi "con buôn" có phần mang màu... rẻ rúng trước kia). Chỉ ít lâu sau đó, doanh nhân thoắt trở thành một nghề "thời thượng". Hình ảnh doanh nhân được tôn vinh khắp các mặt báo, và có hẳn cả một ngày dành riêng cho doanh giới. Trong những năm phát triển nóng của nền kinh thương Việt Nam sau gia nhập WTO, có người còn nói vui là: "Đếm doanh nhân... mỏi tay!".

Nhưng rồi ngay chính giữa những ồn ào đó, người ta bắt đầu đặt câu hỏi: Phải chăng cứ làm nghề kiếm tiền thì được gọi là doanh nhân, cứ kiếm thật nhiều tiền thì là doanh nhân giỏi? Những cái chép miệng "bọn trọc phú ấy mà!", những tiếng tặc lưỡi: "ôi dào, chung quy lại cũng chỉ là phường con buôn!" bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều, cùng với những vụ làm ăn bê bối bị vỡ lở, những cú vung tay cho những thú vui xa hoa... Nhưng khách quan mà nói, xã hội Việt Nam (và nhiều xã hội khác cũng vậy) vẫn còn định kiến với đồng tiền, với sự giàu có. Vậy thì làm thế nào để phân biệt một doanh nhân đúng nghĩa với trọc phú và con buôn một cách khách quan nhất?

Người ta thường nói, "giàu có gắn liền với tội lỗi", điều đó là không đúng. Đồng tiền không có lỗi gì hết, đồng tiền chỉ là vật trung tính, bản thân nó không tốt cũng chẳng xấu gì cả. Tốt hay xấu chính là cách người ta kiếm tiền và cách người ta xài tiền. Đó cũng là lý do vì sao mà người ta thường nói, đằng sau một gia tài khổng lồ có thể là một cống hiến lớn, cũng có thể là một tội ác lớn, cũng có thể là cả hai. Nếu một người rất giàu nhưng lại không làm rõ được nguồn gốc của sự giàu có đó có hợp pháp và hợp đạo không thì chắc hẳn là ai cũng có thể hình dung được cách kiếm tiền của họ là cách gì. Do vậy, tùy theo cách kiếm tiền mà ta có thể phân biệt các nhóm người trong giới làm ăn.

Có ba cách kiếm tiền:

- Kiếm bằng cách mang (mang lại một giá trị cho người khác).
- Kiếm bằng cách gây (gây hại cho người khác).
- Kiếm bằng cách vừa mang, vừa gây (vừa mang lại giá trị cho người này, lại vừa gây hại cho người kia).

Và đó cũng chính là điều làm nên sự khác biệt giữa ba nhóm người: doanh nhân, trọc phú và con buôn.

Trọc phú và con buôn đều giống nhau ở chỗ kiếm được tiền bằng cách lừa ai đó hoặc hại ai đó, chỉ khác nhau về quy mô (con buôn thì quy mô nhỏ, còn trọc phú thì quy mô lớn). Còn doanh nhân thì không lừa ai, không hại ai, mà kiếm tiền bằng cách dùng sản phẩm hay dịch vụ của mình để đáp ứng một nhu cầu của khách hàng hay giải quyết một vấn đề của xã hội, và họ luôn xem sứ mệnh của mình là không ngừng nâng cao đời sống con người và thúc đẩy xã hội phát triển bằng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất. Chẳng hạn, vấn đề mà một công ty bán sữa tham gia giải quyết là góp phần "cải tạo giống nòi", vấn đề mà một công ty phân bón tham gia giải quyết là "dinh dưỡng cho cây trồng".

Để đánh giá một người có phải là doanh nhân hay không, người ta cũng không nhìn vào quy mô mà nhìn vào bản chất cách kiếm tiền của họ. Doanh nhân phải là những người làm nghề kinh doanh đúng nghĩa, và kinh doanh là kiếm tiền bằng cách phụng sự xã hội và

không làm hại đến cộng đồng.

"Phụng sự xã hội" ở đây có nghĩa đáp ứng nhu cầu của khách hàng hay giải quyết vấn đề của xã hội thông qua các sản phẩm hay dịch vụ của mình. Còn "xã hội" ở đây có thể là một đối tượng nào đó, một ngôi làng, một thành phố, một quốc gia hay toàn cầu. Nếu như xã hội của bà tạp hóa là khu phố của mình, thì xã hội của Wal-Mart là toàn cầu. "Làm hại" có thể được hiểu như làm hàng giả, hàng nhái, hàng độc hại, gây ô nhiễm môi trường, quảng cáo sai sự thật, đối xử không tốt với người lao động và các chủ thể có liên quan... Cơ sở để xác định có "làm hại" hay không chính là pháp lý và đạo lý. Nếu một hành vi mà hoặc trái luật hoặc trái đạo thì sẽ bị xem là sai, là làm hại.

Khi kinh doanh mà không lừa ai, không hại ai, mà đưa ra được những sản phẩm, dịch vụ giúp kiến tạo xã hội hay đáp ứng các nhu cầu hợp pháp như vậy, lợi nhuận, thương hiệu, tiếng tăm... sẽ đến như một hệ quả tất yếu. Nói ngắn gọn, doanh nhân là những người "kiếm" bằng cách "mang" và không "gây".

Chẳng hạn, bà bán trái cây dạo cũng có thể là doanh nhân (nếu bán trái cây tử tế, không có thuốc trừ sâu, không phun hóa chất để bảo quản trái cây...), Cũng có thể là con buôn (nếu trái cây của bà ấy mua từ những nguồn độc hại, và được bảo quản bằng hóa chất...). Một bà bán tạp hóa cũng có thể là doanh nhân nếu cửa hiệu nhỏ của bà giải quyết được những vấn đề của khách hàng mà chợ và siêu thị không làm được như sự thân thiện, thuận tiện (gần nhà, mua giờ nào cũng được, bất kể sớm khuya...)/ luôn bán những sản phẩm đáng tin cậy với mức giá rẻ nhất hay có thể được thiếu nợ (mua về dùng trước, trả tiền sau).

Như vậy, một doanh nhân, một người làm nghề kinh doanh sẽ thật sự hạnh phúc khi nào? Có ba cấp độ hạnh phúc trong công việc của một doanh nhân như sau:

Cấp độ 1: Hạnh phúc khi kiếm được tiền (vì tiền là mục đích của kinh doanh).

Cấp độ 2: Hạnh phúc khi kiếm được tiền, có uy tín và được mọi người quý trọng (có uy tín và được quý trọng vì những cống hiến mà mình đã mang lại cho mọi người).

Cấp độ 3: Hạnh phúc khi kiếm được tiền, có uy tín và được mọi người quý trọng, và đồng thời được sống đúng với "đạo sống" của mình, sống đúng với đam mê và tình yêu của mình trong công việc.

(Vì khi một doanh nhân thực sự làm việc vì niềm tin, vì giá trị và vì đam mê của mình, anh ta chắc chắn sẽ gìn giữ và xác lập được nhân cách của mình trong kinh doanh và đồng thời có nhiều cống hiến cho mọi người. Và khi đó, tiền bạc và sự quý trọng của mọi người sẽ đến với anh ta như là hệ quả tất yếu).

Như vậy, một doanh nhân sẽ hạnh phúc trọn vẹn nhất, viên mãn nhất khi mà tiền bạc, uy tín, quý trọng, giá trị và đam mê đều thống nhất và hòa quyện với nhau trong công việc kinh doanh của mình, đó cũng là hạnh phúc của một con người tự do, con người tự trị khi chọn kinh doanh làm sự nghiệp của mình.

Chúng ta có thể hiểu sâu sắc hơn về hạnh phúc cấp độ 3 của một doanh nhân qua câu chuyện của một doanh nhân Nhật Bản sau đây:

Sukiyabashi Jiro và món ăn sushi

Ít ai có thể ngờ được một nhà hàng chỉ với 10 chỗ ngồi lại là nơi sở hữu món sushi ngon nhất thế giới.

Nhắc đến đẳng cấp Michelin, người ta thường nghĩ tới những nhà hàng sang trọng với không gian lung linh từ ánh đèn và muỗng nĩa sáng choang. Thế nhưng trên thực tế, nhiều nhà hàng nằm ngoài chuẩn mực cao cấp này vẫn được công nhận và trao tặng sao Michelin, dựa trên những tiêu chuẩn sáng tạo và khác thường của mình. Sukiyabashi Jiro chính là một trong số đó.

Sukiyabashi Jiro - viên ngọc trong đá

Nhận được một sao vàng đã là niềm mơ ước và mục tiêu to lớn của bất kỳ nhà hàng nào, và chỉ cần một sao thôi cũng đã đủ đưa nhà hàng đó lên tầm cao mới trong con mắt giới chuyên môn ẩm thực và khách hàng. Thế nhưng với Sukiyabashi Jiro, dù được trao tặng tới ba sao Michelin, nhà hàng vẫn khá khiêm tốn về mặt bằng lẫn phong cách.

Giữ nguyên thiết kế cổ điển của nhà hàng sushi truyền thống, với bàn ghế gỗ vỏn vẹn 10 chỗ ngồi, nằm khiêm tốn trong tầng hầm một tòa nhà tại khu Ginza, Tokyo, ít ai ngờ rằng đây lại là nơi làm nên món sushi khiến đầu bếp Pháp lừng danh Joel Rabuchon phải thốt lên: "Sukiyabashi Jiro đã cho tôi thấy thế nào là nghệ thuật sushi thực thụ!".

Đứng đầu bởi ông Jiro Ono đã 90 tuổi, nhà hàng sushi hàng đầu thế giới này đã tồn tại hàng chục năm lâu dài, trước khi những đầu bếp và nhà phê bình ẩm thực nổi tiếng đến thử món ăn tại đây. Họ đều bị sửng sốt và thuyết phục bởi chất lượng ẩm thực tuyệt hảo trong không gian quá sức giản dị. Danh tiếng của Sukiyabashi Jiro được đẩy cao hơn nữa vào năm 2011, khi bộ phim tài liệu "Jiro: Dreams of sushi" được phát hành.

Bộ phim mở ra bí mật về sự kỳ công, nhiệt huyết và kỹ thuật nấu nướng có một không hai bên trong nhà hàng sushi nhỏ bé này, bộ phim đã đóng vai trò quan trọng trong việc đưa nhà hàng sushi của Jiro ra thế giới - nơi thật sự xứng đáng với tầm cỡ của nó.

Nhà hàng hạng nhất của đầu bếp hàng đầu

"Liệu người ta có thể nào yêu một lát cá sống hơn cả yêu ai đó không?" - câu hỏi hài hước ấy của người dẫn chuyện trong bộ phim "Jiro: Dreams of sushi" lại là sự miêu tả chính xác nhất về ông chủ nhà hàng - Jiro Ono. Nhỏ bé và trầm tĩnh, Jiro gây ấn tượng với người khác bởi thái độ dửng dưng với mọi lời ca tụng lẫn giải thưởng danh giá người ta trao tặng cho ông. Trái lại, xuyên suốt cả bộ phim tài liệu, phỏng vấn, Jiro chỉ tập trung nói về tình yêu của mình với nghệ thuật sushi.

Không những thế, có lẽ chỉ riêng với Jiro, sushi mới thăng hoa thành một loại hình nghệ thuật bay bổng như vậy: "Ý tưởng về việc làm sushi đến với tôi vào mỗi giấc ngủ. Trong mơ, việc sáng tạo sushi của tôi được thành hình".

Mối lương duyên với sushi của Jiro đã sớm nảy nở từ thời niên thiếu. Sinh ra trong một gia đình nghèo khó với người bố nát rượu, từ năm 9 tuổi, Jiro đã phải rời khỏi nhà để tự kiếm sống. "Không có nhà để nghĩ đến chuyện trở về" - với tâm thế đó - Jiro đã khởi nghiệp bằng công việc phụ giúp cho một cửa hàng sushi truyền thống rồi tiếp tục làm công việc này suốt 79 năm.

Với kinh nghiệm làm việc gần tám thập kỷ trong lĩnh vực sushi, Jiro khiến các đầu bếp khác phải nể phục bởi kinh nghiệm cũng như khả năng giữ gìn nét đẹp sushi truyền thống trong các món ăn của mình. Tự tay ra chợ lựa chọn nguyên liệu vào mỗi sáng sớm, sẵn sàng bỏ cả phần cá chỉ vì ngâm muối thiếu một vài phút, trở thành từ điển sống về hương vị và cách sử dụng hàng chục nguyên liệu sushi khác nhau,... ông chính là bảo tàng lưu giữ những kiến thức, kỹ năng, và phẩm chất quý giá của nghệ thuật sushi.

Sukiyabashi Jiro và những nguyên tắc có một không hai

Lâu đời trong nghề, Jiro Ono đặc biệt trân trọng những tiêu chuẩn truyền thống của sushi. Điều này cũng ảnh hưởng đến phong cách ở Sukiyabashi Jiro khi nhà hàng luôn trung thành với những quan niệm cổ điển về nấu nướng lẫn ăn uống. Jiro Ono không bận tâm đến việc mở rộng nhà hàng, đầu tư cho quảng cáo hay những dịch vụ đi kèm để lôi kéo khách hàng.

Nằm ngoài vòng xoay của thời đại nấu ăn - kinh doanh kết hợp ấy, Jiro vẫn tin tưởng vào vẻ đẹp dung dị của quán sushi mười chỗ ngồi, nơi lôi kéo thực khách bằng hương vị và chỉ bằng hương vị món ăn mà thôi.

Ở Sukiyabashi Jiro, bạn sẽ được phục vụ theo kiểu "một kèm một". Thực khách ngồi trên ghế đối diện với bàn chế biến của đầu bếp, làm xong món sushi nào thì đầu bếp sẽ trao cho thực khách thưởng thức luôn. Do đó bạn đừng bất ngờ, khi nhà hàng ba sao Michelin tiếng tăm này lại chỉ có vỏn vẹn năm nhân viên, bao gồm ông chủ Jiro cùng con trai và các học trò. Cũng đừng bất ngờ, khi muốn trải nghiệm ẩm thực tại Sukiyabashi Jiro, bạn phải đặt chỗ... một, hai năm mới có suất.

Lý do đầu tiên là bởi có quá nhiều người muốn tới đây, nhưng số ghế nhà hàng chỉ có vỏn vẹn mười theo đúng mô hình quán sushi truyền thống. Thêm nữa, Jiro cần có thời gian chuẩn bị nguyên liệu và lên thực đơn để đảm bảo sự hoàn hảo của bữa ăn.

Một nguyên tắc bất ngờ khác của Sukiyabashi Jiro là bạn sẽ... không được gọi món. Tùy vào thời điểm bạn tới nhà hàng là mùa gì và có thức gì ngon, thì đầu bếp sẽ chuẩn bị cho bạn theo nguyên liệu đó. Sự tươi mới của thực phẩm và nét độc đáo của những đặc sản theo mùa là kết quả của việc luôn tuân thủ nguyên tắc này.

Việc thưởng thức sushi cũng không thể tùy tiện. Chính Jiro là người sẽ quyết định cho bao nhiêu wasabi vào miếng sushi của bạn bởi theo quan niệm truyền thống, không có ai hiểu rõ món sushi ấy hơn chính người đầu bếp. Nếu bạn có tiền bạc và thời gian chưa chắc bạn đã được thưởng thức sushi của Jiro. Điều quan trọng trong cả chế biến lẫn tận hưởng sushi là thái độ trân trọng, cẩn thận và nâng niu từng nét đặc trưng của món ăn. Đấy chính là tinh thần mà Jiro muốn

truyền tải thông qua nhà hàng của mình. (Theo Tsubaki)

Qua câu chuyện này ta có thể thấy, có thể việc kiếm được tiền cũng làm cho Jiro vui, khi được mọi người quý mến cũng có thể làm cho Jiro hạnh phúc. Nhưng chắc hẳn điều làm cho Jiro hạnh phúc nhất chính là việc ông được sống với niềm tin của mình, sống đúng với những giá trị, tình yêu và niềm đam mê trong công việc.

Với món suhi hảo hạng nhất thế giới của mình, có lẽ, trong công việc, Jiro cũng là một trong những người hạnh phúc nhất thế giới.

Ngoài ra, không chỉ chuyện kiếm tiền, mà cách tiêu tiền của một người cũng quyết định họ là doanh nhân, trọc phú hay con buôn. Có vô lý quá không, bởi "tiền của tôi thì tôi có quyền tiêu, miễn tôi kiếm tiền "sạch sẽ" là được". Đúng vậy, khi đồng tiền là của mình thì mình có quyền được dùng nó. Nhưng có khi cách ta dùng tiền dù không trái luật, nhưng lại có thể trái đạo. Chẳng hạn, tôi hoàn toàn có quyền được sống xa hoa giữa một ngôi làng nghèo đói, về mặt pháp lý tôi không sai nhưng nếu nói về đạo lý hay đạo sống thì liệu tôi có thể thấy hạnh phúc, vui sướng không khi quanh nhà mình, ngay trước mặt mình đều là những cảnh đời khốn khó. vấn đề xã hội đang nói đến khi bàn về cách tiêu tiền này không phải là pháp lý, mà là đạo lý, đạo sống. Không phải là chuyện đúng hay không đúng mà là chuyện nên hay không nên. Một người có văn hóa, có lòng trắc ẩn thì khó có thể thản nhiên hưởng thụ xa hoa ngay trước những nỗi khổ của đồng loại quanh mình như thế được!

Nếu như việc kiếm tiền của doanh nhân là rất khó, thì việc tiêu tiền lại càng khó hơn. Khi kiếm tiền vượt qua ngưỡng của những nhu cầu tiêu dùng cho bản thân, gia đình và cộng đồng nhỏ xung quanh mình, thì việc ứng xử với một "núi" tiền lại là một thách thức không nhỏ đối với những người giàu và những người rất giàu.

Một câu chuyện điển hình là cách đây không lâu, khi hai trong số những người giàu nhất thế giới là Bill Gates và Warren Buffet khởi xướng chiến dịch *"Giving Pledge"* (tạm dịch là "Cam kết cho đi") nhằm kêu gọi các tỷ phú Mỹ dành phần lớn số tài sản của mình để góp phần thay đổi xã hội thông qua con đường từ thiện; họ đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ những "đồng nghiệp" tỷ phú.

Đến nay, đã có hơn 70 tỷ phú Mỹ tham gia chiến dịch "cho đi" này. Những món tiền trị giá hơn một nửa hoặc gần như trọn vẹn tài sản của những doanh nhân vĩ đại lần lượt được hiến tặng vì mục đích tiến bộ xã hội. Thế nhưng, khi bước chân sang Trung Quốc - quốc gia đông dân nhất thế giới với hàng loạt hiện tượng "siêu giàu" đang nổi lên, công cuộc thuyết phục của hai người đàn ông huyền thoại này lại không được dễ dàng như thế. Bởi không phải tỷ phú Trung Quốc nào được mời tham dự “buổi tiệc lớn" của hai ông cũng sẵn sàng hay tỏ ra hào hứng với lời mời. "Sợ bị xin tiền" - đó là bình luận phổ biến nhất trên báo chí khi tường thuật lại cuộc thuyết phục chưa thành của Bill Gates và Warren Buffet tại Trung Quốc.

Ở các nước phát triển, các hoạt động văn hóa, khoa học, giáo dục, y tế, môi sinh, dân sinh... chỉ dùng một phần từ ngân sách quốc gia. Một phần không nhỏ họ dùng nguồn quỹ vận động từ các doanh nhân hiến tặng. Vua thép Andrevv Carnegie đã gây xôn xao thế giới khi tuyên bố: *"Cái chết trong sự giàu có là một cái chết đáng hổ thẹn"* và để minh chứng cho việc này, ông đã hiến 90% tài sản của mình. Điều này cùng với truyền thống làm từ thiện lâu nay của các tỷ phú Mỹ, đã làm thay đổi cái nhìn về cách xài tiền, định nghĩa lại sự giàu có và góp phần hình thành *nền văn hóa người giàu* của nước Mỹ nói riêng và thế giới văn minh nói chung.

Do đó, "doanh nhân" là một từ cao quý và rất đẹp. Một người không thể được gọi là doanh nhân nếu không có văn hóa và làm ăn không có văn hóa. Phải có văn hóa mới phân biệt được một doanh nhân với "trọc phú" hay "con buôn". (Cũng như những người có học hàm, học vị cũng chưa chắc là đã có giáo dục, nhiều người không có học hàm, học vị gì cả nhưng lại rất có giáo dục). Văn hóa ở đây được hiểu như là "hệ điều hành" của con người, nó chi phối toàn bộ suy nghĩ và hành động của con người, của doanh nghiệp, của cả nền kinh thương.

Một doanh nhân văn hóa trước hết phải là một con người có văn hóa: Có một cái đầu đã được khai phóng để có khả năng minh định được ai là ai, cái gì là cái gì, mình là ai...., biết sống ở trên đời này vì cái gì...; có một trái tim giàu lòng trắc ẩn, biết rung động trước cái

đẹp (nhất cái đẹp vô hình, cái đẹp không nhìn thấy và không sờ thấy), biết thổn thức trước nỗi đau của đồng loại, biết phẫn nộ trước cái sai, cái xấu và cái ác. Một trong biểu hiện của con người văn hóa là hành xử tín thực, tức là, *nói những gì mà mình thực sự nghĩ và thực sự làm những gì mình nói*; đó là, luôn biết là mình biết cái gì và đặc biệt là biết rõ cái mà mình không biết để tránh đặt mình vào tình trạng ấu trĩ, vô minh mà mình lại không hề biết. Một doanh nhân có văn hóa hay không sẽ biểu hiện rõ nhất ở cách họ kiếm tiền và dùng tiền, như đã bàn ở trên.

Nhiều doanh nhân than thở rằng: trước một bối cảnh xã hội còn ngổn ngang và trong một nền kinh thương còn nhiều khó khăn và đầy bất trắc, nếu làm ăn nghiêm túc, có văn hóa thì khó có thể tồn tại được. Nhưng một câu hỏi đặt ra: Doanh nhân muốn làm ra xã hội hay muốn xã hội làm ra mình? Bởi những người làm doanh nhân là những người làm lãnh đạo, chịu trách nhiệm dẫn dắt cả một cộng đồng, một nền kinh thương sau lưng mình. Và khi làm lãnh đạo thì họ sẽ phải chọn giữa một trong hai con đường: Một là: Hãy để xã hội nhào nặn họ, tạo ra họ, xã hội ra sao thì họ sẽ như vậy, xã hội xuống cấp họ cũng xuống cấp theo.... Hai là: Họ phải góp phần tạo ra xã hội này và làm cho nó tốt đẹp lên, tất nhiên là bằng sản phẩm, dịch vụ của mình, và xa hơn là bằng việc "làm người" của mình trong công việc quản lý và kinh doanh hàng ngày.

Điều này rõ ràng là khó, nhưng nếu "ai cũng chọn việc nhẹ nhàng" thì "gian khổ biết nhường phần ai". Để xã hội tốt lên, mỗi người sẽ tự gánh vác cái phần trách nhiệm của mình, khi ai cũng làm vậy cả thì xã hội sẽ tốt lên. Tất cả những xã hội văn minh, những nền kinh thương văn minh, những con người văn minh và những doanh nhân văn minh đều hiểu và làm như vậy cả.

Những doanh nhân có tài năng, có bản lĩnh, có văn hóa thì sẽ biết cách giữ được mình. Họ không những không bị xã hội cuốn đi, mà còn góp phần phát triển, cải tạo xã hội thông qua công việc làm ăn, làm người, cũng như cuộc sống hàng ngày của họ. Trong dòng chảy cuồn cuộn và khắc nghiệt của nền kinh thương, chúng ta vẫn có thể nhìn thấy chân dung của những doanh nhân thành công, thậm chí là thành công lớn - bằng những cách đàng hoàng và tử tế, bằng việc không ngừng phụng sự xã hội.

Trí thức hay trí nô?

"Trí thức là người quan tâm đến những việc không chỉ của riêng cá nhân mình"

(Nhà triết học, nhà văn người Pháp Jean-Paul Sartre - người từng được trao giải thưởng Nobel văn học vào năm 1964)

"Trách nhiệm của trí thức là nói lên sự thật và phơi bày những điều giả dối"

(Nhà ngôn ngữ học gốc Do Thái Noam Chomsky - người dẫn đầu cuộc bình chọn Những người trí tuệ trên thế giới do tạp chí Prospect của Anh thực hiện).

“Trí thức là những người khởi xướng các ý tưởng và đó là những ý tưởng quan trọng. Những ý tưởng đó có thể đúng hoặc sai, nhưng chúng phải có tầm quan trọng không chỉ với giới trí thức của xã hội, mà đó phải là những ý tưởng ảnh hưởng đến số phận của cả một quốc gia và của nhân loại."

(Nhà kinh tế học người Mỹ Thomas Sowell)

Trí thức và vai trò của trí thức là một đề tài không mới, nhưng chưa bao giờ cũ. Từ lâu nay, đó luôn là đề tài không dễ bàn thấu đáo nhưng lại rất dễ... gây tranh cãi. Tôi đã từng thử tìm kiếm trên Internet cách thế giới định nghĩa về từ "trí thức" thì gần như không có định nghĩa nào giống định nghĩa nào. Còn ở Việt Nam cũng đã có rất nhiều những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, khi luận bàn về vấn đề thế nào là "trí thức". Có thể thấy rằng, đây là một đề tài đầy ý nghĩa đối với bất cứ xã hội nào, trong bất cứ thời đại nào, bởi trí thức thường được ví von như người tiên phong cầm đuốc "soi sáng" cho hành trình khai minh và giải phóng của xã hội, và cũng thường là nhóm người được xã hội dành cho nhiều sự tôn trọng, đề cao nhất.

Tôi chọn cách bắt đầu câu chuyện "trí thức hay trí nô" bằng cách chia sẻ một vài góc nhìn khác nhau, mỗi góc nhìn như vậy cho ta một cách hiểu về trí thức và vai trò của trí thức. Nếu ta có được nhiều góc nhìn về một vấn đề thì ta sẽ có cơ hội hiểu vấn đề đó một cách đầy đủ và sâu sắc hơn, vì khi đó không chỉ thấy "cây", mà còn thấy "rừng". Trong khuôn khổ

cuốn sách này và từ một góc nhìn của riêng mình, tôi cho rằng trí thức là người có trí và luôn dùng cái trí của mình để góp phần thức tỉnh xã hội nhằm hướng mọi người đến cái đúng và cái đẹp.

Nếu ai đó "có trí" (sự hiểu biết) nhưng lại "không thức" (không thức tỉnh xã hội) mà để cho xã hội "ngủ" thì bị gọi là "trí ngủ", chứ không phải là trí thức. Nếu ai đó thích làm cái việc của trí thức là "đánh thức xã hội" nhưng lại "thiểu trí", "lệch trí" hay "vô trí" thì gọi là "trí dỏm" (cũng có học hàm, học vị nhưng đầu óc lại trống rỗng, hoặc cũng có chút hiểu biết nhưng hiểu biết đó lại thể hiện sự lệch lạc và ấu trĩ). Và nếu ai đó "có trí", "có thức", nhưng "thiếu tâm" (thiếu động cơ trong sáng) thì gọi là "trí gian" (gian manh, xu thời, cơ hội). Cả hai loại "trí dỏm" và "trí gian" đều là "ngụy trí thức", còn "trí ngủ" là "trí thức vô trách nhiệm". Và có thể gọi chung nhóm này bằng một cái tên khác là "trí nô" (nô lệ cho bằng cấp, cho tiền bạc, quyền lực, danh vọng và những động cơ không trong sáng).

Có thể hình dung ba điều kiện để hình thành một con người "trí thức", đó là: (1) “sự hiểu biết” (có trí); (2) "thức tỉnh xã hội"; và (3) "vì mục đích cao quý" (hướng xã hội đến cái đúng và cái đẹp, hướng xã hội đến cái chân - thiện - mỹ). Nếu không hội đủ cả ba điều kiện này (mà chỉ có một hay hai trong ba điều kiện) thì hoặc là "trí ngủ", hoặc là "trí dỏm", hay "trí gian", chứ không phải là "trí thức". Hay nói một cách nôm na, trí thức là người "có trí", "có thức" và "có tâm"; hoặc nói một cách văn vẻ hơn, trí thức là một người có hiểu biết sâu sắc, là một con người tự do và là một công dân có trách nhiệm.

Và cũng không phải cứ học cao thì được gọi là trí thức. Trong cuốn sách Trí thức và xã hội, nhà kinh tế học người Mỹ Thomas Sowell từng viết: "Hầu hết chúng ta đều không xem nhà giải phẫu hay kỹ sư là trí thức, cho dù những chương trình huấn luyện mà họ phải trải qua là vô cùng khắt khe và công việc họ làm cũng đầy thử thách. Tương tự, ngay cả một bậc thầy tài chính lão luyện nhất và thành công nhất cũng chưa chắc là một trí thức.

Thành quả đầu ra, hay sản phẩm cuối cùng của một trí thức là những tư tưởng. Sản phẩm cuối cùng của Jonas Salk là vaccine, của Bill Gates là hệ điều hành máy tính. Cho dù để có được những thành quả đó họ đã phải đổ bao nhiêu trí lực, tầm nhìn, tài năng; những cá nhân đó cũng không phải là trí thức. Công việc của một trí thức bắt đầu bằng tư tưởng và kết thúc bằng tư tưởng... Và tất nhiên, có một vấn đề khác còn lớn hơn nữa, là hành động của họ ảnh hưởng đến xã hội mà họ đang sống như thế nào".

Tôi cũng chia sẻ với Thomas Sowell một phần rằng, một kỹ sư giỏi hay một chuyên gia kinh tế giỏi sẽ không là trí thức nếu họ chỉ làm tốt công việc chuyên môn hàng ngày của họ mà không quan tâm lắm đến các vấn đề chung của xã hội, kể cả những vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu của họ. Nhưng tôi cho rằng nếu như kỹ sư giỏi và chuyên gia kinh tế đó dùng kiến thức chuyên môn uyên thâm của mình để chia sẻ với cả xã hội rằng không nên làm đường sắt cao tốc vì kỹ thuật dùng cho dự án này rất lạc hậu và dự án đường sắt cao tốc này sẽ rất không có lợi về mặt kinh tế, nhất là khi dùng vốn nhà nước để làm dự án này, và sau đó nhà nước buộc phải dừng dự án này lại thì khi đó họ thực sự là trí thức.

Từ cách hiểu này, chúng ta có thể thấy rằng, bàn về trí thức hay bàn về sự "đúng việc" của trí thức, thực chất cũng chính là bàn về trách nhiệm xã hội hay thôi thúc tự thân của những người hiểu biết.

Tôi rất thích một câu nói của Einstein "Thế giới này là một nơi nguy hiểm, không phải vì những kẻ xấu xa mà vì những người chỉ biết đứng nhìn và không làm gì cả". Câu nói này nói về trách nhiệm xã hội (trách nhiệm "làm người") của một người bình thường đối với cái xã hội hay cái cộng đồng mà mình đang sống. Một người bình thường vô cảm đã đáng phê phán, một người có hiểu biết sâu sắc và được lắng nghe mà yên lặng thì có khi còn đáng phê phán hơn. Một người bình thường còn có trách nhiệm xã hội như vậy, đối với những người có hiểu biết thì trách nhiệm xã hội này có khi lại càng lớn hơn.

Nói cách khác, vai trò của những người có hiểu biết là: dùng sự hiểu biết (và cả uy tín) của mình để góp phần giúp cộng đồng phân định rõ hơn sự đúng - sai, phải - trái, chân - giả, thiện - ác, hay - dở, tốt - xấu, nên - không nên... trước những vấn đề chung mà xã hội đã, đang và sẽ gặp phải hay trải qua; dùng sự hiểu biết của mình để truyền bá tinh thần, tư tưởng, quan điểm mà mình tin là cần thiết để góp phần thúc đẩy xã hội phát triển theo hướng tiến bộ; dùng sự hiểu biết của mình để góp phần xác lập những chuẩn mực xã hội,

những thang giá trị xã hội và đồng thời ra sức bảo vệ những chuẩn mực và giá trị đó; dùng sự hiểu biết của mình để góp phần định hướng, định hình xã hội... Tất nhiên, sự phân định, sự truyền bá, sự xác lập hay sự định hướng, định hình này cũng cần phải dựa trên cái nền là những giá trị vượt không gian và vượt thời gian, những giá trị có tính phổ quát của thế giới văn minh đương đại hay thế giới tương lai.

Và tất nhiên, để thực hiện trách nhiệm xã hội của mình thì người hiểu biết có thể nói, có thể viết, hay có thể làm gì đó (bởi lẽ không phải tất cả những người hiểu biết đều giỏi nói hay giỏi viết). Vì làm một điều tốt cũng là cách gián tiếp góp phần đấu tranh tiêu diệt cái xấu; làm một điều đúng cũng là cách gián tiếp góp phần chỉ cho người khác thấy những cái sai...

Thêm nữa, khi nói đến trí thức là nói đến vấn đề "chân lý". Không ai được phép độc quyền chân lý, nhưng ai cũng được quyền góp phần xác lập chân lý. Giới trí thức thường tự phân biệt giới mình với những giới khác ở chỗ luôn nỗ lực khám phá chân lý, xác lập chân lý và bảo vệ chân lý. Đó cũng là lý do vì sao mà ta có thể nói rằng, chân lý thường không thuộc về số đông hay "kẻ mạnh", mà thường thuộc về những người có hiểu biết (hay còn gọi là giới trí thức, giới tinh hoa). Nếu chân lý có thuộc về "kẻ mạnh" (nhưng thiếu hiểu biết) thì điều đó chắc chắn cũng chỉ là tạm thời mà thôi.

Khi bàn về trí thức, người ta thường bàn về vai trò, trách nhiệm, công việc, sứ mệnh, thiên chức của trí thức. Tuy nhiên, cũng cần phải bàn về "điểm mù" của trí thức, dù trí thức có cái trí hơn người. Bởi lẽ, trí thức cũng là con người, mà đã là con người thì cũng sẽ có cái nhầm, có lúc sai mà mình không hề biết; bởi lẽ, trí thức cho dù có trí thế nào đi nữa thì sự hiểu biết vẫn chỉ là hữu hạn. Điểm mù ở đây được hiểu là "mình không biết cái mà mình không biết" hay "mình cứ tưởng mình hiểu rất rõ một thứ nhưng thực ra mình chẳng hiểu gì cả hay hiểu một cách lệch lạc". Khi chia sẻ, tranh luận hay góp ý sẽ giúp mỗi người nhìn thấy điểm mù của người và của mình. Khi nhận ra điểm mù của mình cũng là lúc "mình biết rõ cái mà mình không biết"; và khi nhận ra những "cái mà mình không biết" cũng là lúc cảm thấy mình thực sự hiểu biết. Đó cũng là điều kiện để mình có thể hiểu biết thực sự và là cơ hội để đẩy nhận thức và hiểu biết của mình đi xa hơn.

Do vậy, cùng với trách nhiệm "thức tỉnh xã hội" thì trí thức cũng có một trách nhiệm với bản thân là liên tục "phản tỉnh chính mình", phản tỉnh với những điểm mù (nếu có) của mình. Nếu không liên tục "phản tỉnh chính mình" hay thậm chí là "phản tư chính mình" thì người hiểu biết sẽ dễ trở thành người ít hiểu biết hay người ấu trĩ trong một số vấn đề (kể cả những vấn đề thuộc chuyên môn hay sở trường của mình), và khi đó sẽ không chỉ khó thực hiện được tốt cái vai trò "thức tỉnh xã hội" vốn có của mình, mà còn có thể gây nguy hại cho xã hội.

Ở bất cứ xã hội nào thì sứ mệnh của trí thức vẫn thế. Và đối với những xã hội mà trong đó còn đầy rẫy sự bất thường thì một trong những sứ mệnh lớn nhất của trí thức chắc hẳn là góp phần đưa sự bất thường đó trở về sự bình thường. Nói cách khác, trong những xã hội mà sự bất thường của sự việc, sự vô minh của cái đầu, vô cảm của trái tim đang bao trùm thì trách nhiệm của người trí thức, của những người có hiểu biết còn nặng nề hơn (vì có quá nhiều cái cần phải khai sáng, cần phải thức tỉnh) và nguy hiểm hơn (vì không dễ dàng gì để làm cái chuyện khai sáng hay thức tỉnh trong những xã hội này).

Nhưng, đã là người có hiểu biết thì không thể không làm gì cả, bằng cách này hay cách khác, dù nhỏ bé hay lớn lao, dù ồn ào hay lặng lẽ.

Sử gia hay sử nô?

Trong số tất cả những người được xem là có hiểu biết , sử gia thường là người mà sự hiểu biết của họ được xã hội quan tâm đặc biệt. Vì lịch sử được ghi lại ra sao, được truyền lại cho đời sau thế nào, tất cả đều phụ thuộc vào góc nhìn và ngòi bút của họ. Thành ra, việc một người chép sử hay người nghiên cứu lịch sử (có thể gọi chung ở đây là sử gia) có thực sự làm đúng việc của họ hay không cũng thường được người đời đem ra "mổ xẻ".

"Sử gia" khác "sử nô" ra sao? Câu chuyện "Thôi Trữ giết vua" sau đây có lẽ sẽ là câu trả lời dễ hiểu nhất cho thắc mắc đó:

Thời Xuân Thu, tướng quốc nước Tề tên là Thôi Trữ. Thôi Trữ sau khi giết vua Tề là Tề

Trang Công để đoạt quyền lực về tay mình đã cho gọi quan chép sử khi đó là Thái sử Bá đến và ra lệnh: "Nhà ngươi phải viết rằng tiên vương chết vì bệnh nặng".

Thái sử Bá lẳng lặng đưa cho Thôi Trữ bản sử mà ông đã viết xong. Thôi Trữ mở ra, thấy trong đó viết: "Tháng năm mùa hạ, Thôi Trữ giết vua", bèn đùng đùng nổi giận: "Ông phải viết khác đi, nếu không tôi sẽ giết ông!" Thái sử Bá lắc đầu: "Bổn phận của Thái sử là viết đúng sự thật". Thôi Trữ liền chém đầu Thái sử Bá.

Thái sử Trọng là em trai Thái sử Bá, sau khi anh bị giết, được bổ nhiệm thay chức vụ của anh. Thôi Trữ kinh ngạc vì thấy Trọng vẫn viết đúng như anh trai mình, liền rít lên:

Ông không biết Thái sử Bá đã bị chém hay sao?

Trọng đáp:

Thái sử chỉ sợ viết không trung thực chứ không sợ chết.

Thôi Trữ lại chém Thái sử Trọng.

Thái sử Thúc, em trai Thái sử Bá và Thái sử Trọng được vào thay. Ông cũng chép đúng như hai anh của mình và lại bị chém. Thái sử Quý, em út của ba Thái sử trên vào thay, vẫn viết: "Thôi Trữ giết vua". Viết xong, ông nói với Thôi Trữ:

Ông càng giết người thì càng chứng tỏ sự tàn bạo. Nếu tôi không viết thì người khác sẽ viết và thiên hạ cũng biết. Ông có thể giết chết Thái sử nhưng không thể giết chết được sự thật.

Thôi Trữ nghe xong lắc đầu, thở dài, không dám giết tiếp.

Thứ phân biệt "sử gia" với "sử nô", chính là sự thật. Lịch sử là sự thật của quá khứ. Sự thật có phải là thứ mà họ yêu quý nhất, coi trọng nhất trong việc làm nghề của mình không? Họ có khát khao đi tìm sự thật không, hay vì khát khao những thứ khác mà sẵn sàng bẻ cong ngòi bút, phản bội lại lý tưởng của nghề (đạo nghề), của mình (đạo sống).

Nhưng ngay cả khi họ có khát khao đó, thì việc xác định đâu là sự thật cũng không hề dễ. Vì có một thực tế là người chiến thắng hay người nắm quyền lực thường là người xác lập quyền viết sử và chọn những người viết sử theo ý họ. Làm sao để tránh khỏi những thiên kiến về “bên thắng - bên thua", không bị chi phối bởi quyền lực, bởi tiền bạc và bởi những yếu tố cảm tính khác? Làm sao để trong lịch sử không có "địch" và "ta", làm sao để ta không đứng về bên nào (mà chỉ đứng về phía sự thật) khi viết sử, nghiên cứu sử, dạy sử và học sử? Làm sao để thực sự là người đưa xã hội đến gần với sự thật nhất chứ không phải là một ông "tuyên huấn lịch sử", hay một ông "thợ nhào nặn lịch sử"? Bên cạnh một *"trái tim nóng"* (cái dũng, niềm khát khao), người viết sử, nghiên cứu lịch sử sẽ còn phải cần đến một *"cái đầu sáng"* (năng lực minh định) để có thể làm đúng việc của mình.

Sử ký Tư Mã Thiên - kiệt tác lịch sử được người Trung Quốc xem như báu vật của mình đã trở thành một trong những quyển sử có tiếng nhất và có giá trị của nhân loại cũng bởi nhờ tính khách quan, trung thực mà nó mang trong mình. Tác giả của nó - Tư Mã Thiên, đã luôn giữ được một thái độ khách quan, trung thực cần thiết. Ông đã dám phê phán cả vị vua đương thời của mình, bênh vực lẽ phải cho kẻ đối địch, phần nào mà có nghi vấn, chưa chắc chắn thì ghi rõ là có nghi vấn, phần nào có nhiều giả thiết khác nhau thì đưa vào tất cả những giả thiết ấy. Tất cả những trang viết ấy đều có thể khiến Tư Mã Thiên phải trả giá bằng mạng sống của mình, nhưng ông vẫn đặt nó nhẹ hơn lý tưởng theo đuổi chân lý và sự thật của mình. Ở góc độ nào đó, ông cũng là con người tự do khi làm công việc viết sử, khi làm nghề sử gia của mình.

Nhưng có lần tôi trộm nghĩ: "Người như Tư Mã Thiên không hiếm. Ông vua như vua của Tư Mã Thiên mới hiếm kìa. Nếu ông vua ấy đem Tư Mã Thiên ra giết phắt đi hay là đốt hết sách của ông ấy thì liệu ngày nay có ai biết đến cuốn *Sử ký* ấy không?"

Dẫu trộm nghĩ như vậy, nhưng tôi vẫn tin rằng cũng như trong câu chuyện "Thôi Trữ giết vua", Tư Mã Thiên này chết đi thì sẽ tiếp tục có những Tư Mã Thiên khác. *Vì đi tìm sự thật vẫn luôn là khát khao ngàn đời nay của nhân loại. Không gì có thể giết chết được sự thật. Không ai có thể thay đổi được sự thật, người ta chỉ có thể bóp méo nó thôi.*

Không phải chỉ có những người làm nghề phản ánh quá khứ như sử gia mới cần đến sự tín thực. Với những người mà công việc của họ thiên về chuyện phản ánh hiện tại và dự đoán, sáng tạo tương lai như những nhà nghiên cứu khoa học, câu chuyện trung thành với sự thật cũng là câu chuyện chưa bao giờ cũ.

Trong lời mở đầu của ấn phẩm ***Bàn về nhà nghiên cứu khoa học*** của Viện Hàn lâm Khoa

học Quốc gia Hoa Kỳ có đoạn: *"Tổ chức nghiên cứu khoa học, cũng giống như các lĩnh vực hoạt động khác, cần phải được xây dựng trên nền tảng của lòng tin. Các nhà khoa học tin rằng những kết quả nghiên cứu của những người khác là đáng tin cậy. Còn xã hội tin rằng kết quả của những nhà khoa học là sự phản ánh nỗ lực trung thực của họ để mô tả thế giới một cách chính xác và không thiên kiến".*

Cũng như các sử gia, công việc của các nhà nghiên cứu khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học ứng dụng...) là mô tả lại thế giới cho xã hội. Trong bối cảnh thế giới ngày càng trở nên hỗn loạn, thông tin (data) thì rất nhiều nhưng những góc nhìn (insights) thực sự hữu ích thì lại hiếm hoi, sự trung thực, tính khách quan của các nhà nghiên cứu trong công việc lại càng trở nên quan trọng. Chưa kể là kết quả khám phá của một nghiên cứu này lại có thể là thông tin đầu vào của một nghiên cứu khác. Do đó, nếu một nhà nghiên cứu lạc lối, anh ta có thể dẫn cả cộng đồng nghiên cứu lạc lối theo, và hệ lụy xa hơn là những gì xã hội nhận được chỉ là những góc nhìn lệch lạc.

Sự lạc lối đó sẽ xảy ra khi cán cân lợi ích cá nhân và động lực xã hội của nhà nghiên cứu bị mất thăng bằng. Động lực xã hội, như đã đề cập ở trên, là niềm hạnh phúc khi khám phá ra một tri thức mới, làm tăng thêm sự hiểu biết của xã hội về một vấn đề. Còn động lực cá nhân cũng muôn hình vạn trạng, có thể là danh tiếng của bản thân, là những lợi ích về tài chính, địa vị... mà nhà nghiên cứu sẽ nhận được nếu chịu lèo lái góc nhìn của mình theo một sự sai khiến nào đó.

Chẳng hạn, cũng trong tác phẩm *Bàn về nhà nghiên cứu khoa học* nêu trên, phần về "xung đột lợi ích" có đoạn: *"Đôi khi các lợi ích của nhà nghiên cứu xung đột với nhau. Chẳng hạn như một nhà nghiên cứu có lợi ích tài chính ở một công ty thì những kết quả nghiên cứu nào của anh ta có ảnh hưởng đến tương lai của công ty đó sẽ bị ảnh hưởng (ví dụ anh ta được giao nhiệm vụ thẩm định hiệu quả của một sản phẩm mới được phát triển bởi một công ty nhưng đồng thời có cổ phần trong chính công ty đó). Hay anh ta nhận được một bản thảo, một lời đề nghị đánh giá một vấn đề theo những gì mà người ta đã soạn sẵn cho anh ta. Đó đều là những tình huống khó khăn đòi hỏi sự đánh đổi và những lựa chọn cứng rắn".*

Do đó, để làm đúng việc của mình, nhà nghiên cứu cần có cả hai thứ: *tự do học thuật và nghĩa vụ học thuật.* Anh ta được quyền tự do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu của mình, tự do kết nối với những nguồn thông tin cần thiết cho nghiên cứu của mình, tự do công bố kết quả nghiên cứu của mình. Và ngược lại, anh ta phải thực hiện nghĩa vụ học thuật của mình là nói lên sự thật (hay ít nhất là thứ sự thật mà anh ta đã nỗ lực hết sức để tìm hiểu, để trình bày nó một cách khách quan nhất có thể). Khi đó, nhà nghiên cứu sẽ thực sự là những người theo đuổi chân lý và sự thật, chứ không phải là người "múa minh họa", người "nhào nặn kết quả" sao cho "vừa vặn" với thiên kiến của bản thân hay một chính sách, một lập luận, một động cơ đã được bày sẵn. Nói cách khác, chỉ khi liên tục "phản tư bản thân", nhà nghiên cứu mới có thể thực hiện được nghĩa vụ "phản tỉnh xã hội" của một người hiểu biết. Đó là hai mệnh đề luôn đi cùng nhau, không tách rời nhau trong công việc của họ.

Nhưng một khi đã là "một thành viên của một cộng đồng được xây dựng trên những lý tưởng về tín thực và tự do, nơi mà sự chăm chỉ và thành tựu công việc là những điều được trân trọng nhất", đó không chỉ là thách thức, là nghĩa vụ. Đó còn là niềm hạnh phúc riêng của những người hiểu biết trên hành trình khám phá chân lý của mình.

Nhà báo hay bồi bút?/ Nhà văn hay văn nô?

Nghề báo có là một nghề đặc biệt. Đặc biệt, bởi nghề này và giới này được xem là "quyền lực thứ tư" (cùng với quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp) trong đời sống xã hội. Trong thời đại ngày nay, khi thông tin vừa trở thành một quyền lực, vừa trở thành một hàng hóa quý giá và người nắm giữ thông tin là người nắm giữ lợi thế, vai trò của báo chí lại càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Và có lẽ vì tầm quan trọng của nghề báo như vậy, nên đây cũng là một trong những nghề mà vấn đề đạo đức nghề nghiệp thường được đem ra bàn luận và nhắc nhở nhất. Điều đó không có gì là khó hiểu. Bởi "tin tức là bản thảo đầu tiên của lịch sử" - như Phil Graham - Cựu Tổng biên tập tờ báo Washington Post từng nói. Người dân tìm kiếm sự thật và nhìn nhận lịch sử thông qua báo chí. Nhưng sự thật có được công bố hay không, công bố đến

đâu, công bố theo kiểu gì lại do người làm báo quyết định. Đi tìm sự thật và công bố sự thật vừa là một thứ quyền lực lớn lao, vừa là một nghĩa vụ thiêng liêng đến mức chính những người làm báo chân chính thường luôn phải tự nhắc nhở chính mình trước khi đợi được ai khác nhắc nhở.

Nhưng nghề báo cũng là nghề không dễ dàng chút nào!

Nhà báo nổi tiếng người Mỹ Hunter Thompson từng tâm sự: "Sự thật tuyệt đối là món hàng vô cùng hiếm và vô cùng nguy hiểm trong môi trường nghề báo". Hiếm, bởi vì các thế lực trong xã hội luôn tìm cách tác động đến báo chí để "định hướng sự thật" theo cách mình muốn. Nguy hiểm, bởi hành trình tìm thấy sự thật và phơi bày sự thật đòi hỏi người làm báo không chỉ nỗ lực dấn thân, ý chí chiến đấu mà có khi là cả sinh mạng của họ.

Với một nghề mà quyền lực trong tay không nhỏ mà những mối hiểm nguy, rủi ro nếu làm "đúng việc" lại quá lớn như vậy, tìm thấy chính mình đã khó mà giữ được chính mình lại càng khó hơn!

Câu chuyện "đánh mất mình" của người làm báo từng được khắc họa đậm nét trong bộ phim kinh điển về nghề báo có tên là Citizen Kane. Bộ phim thường xuyên dẫn đầu các cuộc bình chọn phim hay nhất mọi thời đại này kể về cuộc đời của Charles Foster Kane - ông trùm báo chí Mỹ. Kane đã bước chân vào nghề báo với đầy ắp đam mê và những lý tưởng tốt đẹp. Ông lập ra "Bản tuyên ngôn nguyên tắc nghề báo" với phương châm: "Tôi sẽ trao cho mọi người ở thành phố này một tờ báo sẽ nói toàn sự thật. Tôi cũng sẽ trao họ một chiến sĩ đấu tranh cho quyền lợi của họ như là những người công dân và là những con người". Ông xông xáo trên mọi mặt trận để chiến đấu cho lý tưởng đó của mình, bất chấp những thiệt hại mà nó gây ra cho bản thân. Chẳng hạn, ông sẵn sàng đăng những bài điều tra sắc sảo, dù như vậy làm ảnh hưởng tới lợi ích của chính công ty mà ông làm cổ đông lớn nhất. Ông cũng dám đăng bài chỉ trích cả Tổng thống Mỹ cho dù người vợ đầu của ông là cháu gái ruột của Tổng thống.

Nhưng rồi cũng chính thứ quyền lực mà Kane có được khi lên đến đỉnh vinh quang của nghề báo và trở thành một trong những người giàu nhất nước Mỹ đã kéo ông trượt xa khỏi lý tưởng mà ông đã chọn lựa. Lời tâm sự của Kane trong bộ phim: "Nếu tôi không giàu như vậy, có thể tôi đã là một con người vĩ đại" đã khiến không ít người phải suy nghĩ. Vì những tưởng ranh giới giữa một nhà báo chân chính và một "bồi bút" (từ thường được dùng để chỉ những người làm báo sẵn sàng bẻ cong ngòi bút của mình vì tiền bạc, danh vọng, lợi ích cá nhân...) là rất rõ ràng, nhưng trên thực tế có khi ranh giới đó cũng rất mong manh. Mong manh đến mức người ta có thể bước qua ranh giới đó lúc nào không hay biết, như Kane.

Thứ sẽ giữ cho những người làm báo không bước qua ranh giới đó, không gì khác, chính là "đạo nghề" của họ. Hiệp hội những người làm báo chuyên nghiệp (Society of Professional Journalists, gọi tắt là SPJ) đã đưa ra bốn nguyên tắc của người làm báo chân chính như sau:

(1) Tìm kiếm và xuất bản sự thật

Đạo đức của nghề báo là chính xác và công bằng. Nhà báo cần phải trung thực và can đảm trong việc thu thập, xuất bản và diễn đạt các thông tin.

(2) Giảm thiểu các thiệt hại gây ra

Đạo đức của nghề báo là đối xử với các nguồn tin, đối tượng đưa tin, các đồng nghiệp và các thành viên trong cộng đồng như những con người xứng đáng được tôn trọng.

(3) Hành động độc lập

Nghĩa vụ cao nhất và căn bản nhất của người làm báo là phục vụ lợi ích của công chúng.

(4) Chịu trách nhiệm và minh bạch

Đạo đức của nghề báo là chịu trách nhiệm về công việc của mình và giải trình những lựa chọn của mình cho công chúng.

Những nguyên tắc trên được trích từ bản Các quy chuẩn đạo đức của SPJ. Còn sứ mệnh mà SPJ lựa chọn cho tổ chức của mình trong suốt hơn một thế kỷ hoạt động là: “Phát triển và bảo vệ nghề báo”. Phát triển nghề là nhiệm vụ phổ biến của bất kỳ hiệp hội nghề nghiệp nào, nhưng "bảo vệ nghề" lại là một nhiệm vụ rất đặc thù và rất quan trọng của các hiệp hội nghề báo. Vì chừng nào mà quyền tác nghiệp của người làm báo chưa được bảo vệ, chừng nào mà môi trường báo chí còn quá nhiều áp lực khiến người làm báo không được tự do thực hiện sứ mệnh của mình, chừng đó cơ hội được biết sự thật của công chúng vẫn còn ít

ỏi. Do đó, có thể nói rằng bảo vệ nghề báo chính là bảo vệ cơ hội tiếp cận sự thật của công chúng.

Có một nghề khác cũng là "nghề cầm bút" như nghề báo là nghề viết văn. Tuy nhiên, khác với nghề báo, sứ mệnh của nghề viết văn không phải là tìm kiếm sự thật. Trong tác phẩm của mình, nhà văn có thể phản ánh hiện thực, hoặc cũng có thể tưởng tượng ra một thế giới khác với hiện thực. Nhưng dù bằng cách nào, sứ mệnh của người viết văn cũng không nằm ngoài việc tìm đến, hướng đến cái chân - thiện - mỹ thông qua những nhân vật (những thân phận) của mình. Nhà văn người Nga Pautovsky từng chia sẻ về nghĩa vụ của người viết văn trong tác phẩm Bụi quý như sau:

"Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xốp của hoa hướng dương đang bay hay lửa sao trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng. Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng thành một hợp kim rồi từ hợp kim đó ta đánh "bông hồng vàng" của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ... Sáng tác của chúng ta là để cho cái đẹp của Trái Đất, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, vì niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn người và sức mạnh của trí tuệ chiến thắng bóng tối và cho chúng rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt."

Nếu như đối lập với một nhà báo chân chính là một "bồi bút", thì đối lập với một nhà văn chân chính là "văn nô" - tức một người sẵn sàng biến mình thành nô lệ, thành một kẻ tay sai cho một "ông chủ" nào đó. Đó có thể là một ông chủ hữu hình, cũng có thể là một ông chủ vô hình như tiền bạc, địa vị, danh tiếng... Một khi đã là "văn nô", người viết văn có thể sẵn sàng tô hồng hoặc bôi đen một điều gì đó, hay viết ra những thứ rẻ tiền dễ dãi chỉ để phục vụ thị hiếu tầm thường của một số người đọc... Khi ấy, văn chương cũng không còn là "món ăn tinh thần" giúp người ta tìm đến cái đúng, cái thiện và cái đẹp mà chỉ là một thứ "vũ khí đánh thuê", một món hàng để trao đổi không hơn không kém.

Cũng tương tự như nghề báo, "đạo nghề" của người viết văn là trung thực với niềm tin của mình, là không viết ra những điều mình không tin, không yêu, hay để làm phương hại lẽ phải. Cái khí phách ấy của người cầm bút từng được nhà văn Phùng Quán miêu tả trong bài thơ "Lời mẹ dặn", với những câu thơ như một bản "tuyên ngôn làm nghề" của chính ông, cũng như của những người viết văn khác:

Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật, chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

Để có thể "đi trọn đời trên con đường chân thật", gần như người cầm bút chỉ có một con đường duy nhất là trở thành một con người tự do - không chỉ là tự do trước những cám dỗ đường mật mà còn là tự do trước những nỗi sợ hãi, những hiểm nguy rình rập đe dọa. Đi trên con đường ấy, đúng là khó khăn hơn cả "làm xiếc đi trên dây". Tuy khó, nhưng đã có rất nhiều người cầm bút đi được con đường ấy một cách trọn vẹn. Chính họ là những "người mở đường" để đưa con người đến gần hơn với chân lý với cái thiện, cái đẹp và chống lại những cái sai, cái xấu, cái ác. Và cũng chính họ, bằng ngòi bút tự do của mình, đã, đang và sẽ đưa con người đến gần hơn với chân lý và tự do.

Ca sĩ hay thợ hát? Diễn viên hay thợ diễn?...

Nhìn vào "showbiz" ngày nay, có cảm giác như rất dễ để trở thành ca sĩ. Bật tivi lên là có thể bắt gặp ngay một chương trình tìm kiếm tài năng ca hát. Và cứ ít lâu lại thấy xuất hiện thêm một "ca sĩ mới nổi", đến mức việc nhớ tên một ca sĩ nào đó bỗng trở thành "chuyện nhỏ mà không nhỏ" với nhiều khán thính giả.

Nhưng ca sĩ thì rất khác với thợ hát (hay cái máy biết hát), cũng như diễn viên thì rất khác với thợ diễn (hay cái máy biết diễn), người mẫu thì rất khác với "chân dài".

Lẽ thường, ai làm nghề ca hát thì công chúng có thể gọi họ là ca sĩ, ai làm nghề đóng phim hay diễn kịch thì người ta sẽ gọi họ là diễn viên. Nhưng không phải ai trong số đó cũng làm "đúng việc" của mình, là làm một nghệ sĩ. Vì đã là nghệ sĩ thì phải làm nghệ thuật, mà làm nghệ thuật hay sáng tạo nghệ thuật là điều không hề dễ dàng. Vì để có khả năng sáng tạo nghệ thuật và trở thành một nghệ sĩ đích thực thì cần phải có năng khiếu, cần phải khổ học, khổ luyện và cần phải đam mê bền bỉ.

Chúng ta thường nhập nhằng giữa "giải trí", "văn hóa" và "nghệ thuật". Thực tình mà nói, rất khó để tách biệt rạch ròi ba khái niệm này. Nhưng dưới góc độ giáo dục, chúng vẫn có sự khác biệt nhất định.

Giải trí là tầng "dễ thấy, dễ cảm" nhất; còn nghệ thuật hay văn hóa ở một tầng khác cao và xa hơn, nhưng đó chính là nơi mà tác phẩm, sản phẩm của những văn nghệ sĩ lớn chạm tới và thăng hoa. Hiểu một cách nôm na, mục tiêu của hoạt động giải trí thường là đáp ứng thị hiếu của công chúng (cả những thị hiếu tốt đẹp lẫn thị hiếu tầm thường), còn những người làm nghệ thuật sẽ luôn nỗ lực tạo ra các sản phẩm/ tác phẩm nghệ thuật đích thực để nâng tâm hồn con người lên, để góp phần giúp con người đào luyện đời sống tinh thần của mình, để dẫn dắt thị hiếu của công chúng đến một tầm cao hơn chứ không phải là chạy theo một thị hiếu nhất thời nào đó. Còn văn hóa thì không chỉ tác động vào tâm hồn, mà còn tác động vào tinh thần, tư tưởng và hệ giá trị của con người, thậm chí góp phần lật lịch sử xã hội sang một trang mới. Những văn nghệ sĩ lớn cũng thường là những con người tự do, những con người có tầm vóc văn hóa lớn và tác phẩm hay sản phẩm nghệ thuật của họ thường đứng ngoài chính trị, không bị chi phối nhiều bởi thị trường và luôn mang trong mình những thông điệp, những giá trị vượt không gian và thời gian. Bởi như Albert Einstein từng nói "tất cả những gì vĩ đại và cao cả nhất đều được tạo ra bởi cá nhân trong sự phấn đấu tự do".

Dù sự phân biệt này có phần hơi khiên cưỡng, nhưng là điều cần thiết phải làm rõ. Vì "phục vụ công chúng" vốn là "chiêu bài" mà không ít người mang-danh-nghệ-sĩ thường đem ra để ngụy biện cho việc làm nghề dễ dãi của mình.

Chẳng hạn, làm phim thì phải nhét bằng được cảnh nóng dung tục (phi nghệ thuật và phi văn hóa) vào, vì "không nóng thì làm sao kéo được khán giả đến rạp", hay ca sĩ lên sân khấu nhất quyết phải cho khán giả "nghe nhạc mỏi mắt" vì "hát chay không thì ma nó nghe". Hay một "ca sĩ nhạc thị trường" rất hot từng đem công chúng ra làm bình phong khi có người phê bình phong cách âm nhạc có phần... tạp nham của mình rằng: Có ai phục vụ được đông đảo công chúng như tôi không. Nếu chê tôi thì tức là chê hàng triệu khán giả đang nghe nhạc của tôi".

Thực ra, làm giải trí cũng không có gì xấu cả, vì ai cũng được quyền làm những gì mà mình muốn miễn là điều đó không phương hại đến ai (không trái luật, cũng chẳng trái đạo). Còn về phía công chúng thì hôm nay người ta có thể vào nhà hát lớn để thưởng thức nhạc thính phòng và mấy bữa sau vẫn có thể đi vào quán bar để nhảy đầm nhằm giảm stress. Bởi lẽ nhu cầu giải trí hay nhu cầu thưởng thức văn hóa, nghệ thuật là nhu cầu tự nhiên và tự do của mỗi người.

Vấn đề nằm ở chỗ, nếu chỉ là giải trí nhưng ít văn hóa và ít nghệ thuật thì cho dù có hàng triệu triệu khán giả cũng không thể là nghệ sĩ lớn được. Vấn đề nằm ở chỗ, nếu chỉ có nhu cầu giải trí và tiêu khiển, nhưng đời sống tinh thần của mình không được đào luyện bởi những sản phẩm văn hóa, nghệ thuật đích thực thì lâu dần con người mình sẽ trở nên "bần hàn" đi (về đời sống tinh thần) và thậm chí bị hủ bại đi nhưng mình lại không hề nhận ra điều đó!

Tác giả Hoài Nam từng nhận xét trong bài báo "Nghĩ về công chúng của nghệ thuật":

Chúng ta thường có thói quen nhận xét về công chúng theo kiểu "túm một mớ", rằng công chúng thế này rằng công chúng thế kia. Nhưng thực tế là trong công chúng, anh A khác anh B có khi một trời một vực. Nói cách khác, có những sự phân hóa trong công chúng của nghệ thuật, có thể đó là sự phân hóa về tuổi tác, giới tính, ngành nghề, quan điểm xã hội, quan điểm thẩm mỹ, v.v và v.v... Tôi muốn nhấn mạnh đến sự phân hóa về trình độ nhận thức thẩm mỹ. Và theo lằn ranh giới (không phải bao giờ cũng dứt khoát) này, có thể tạm nói đến hai loại công chúng nghệ thuật: công chúng tinh hoa và công chúng phổ thông. Công chúng tinh hoa là những người am hiểu nghệ thuật, họ được (hoặc tự) trang bị đầy đủ kiến thức để có thể tiếp cận tác phẩm nghệ thuật, nắm được nội dung, ý nghĩa, giá trị thẩm mỹ của nó một cách khá chính xác. Họ có khả năng phát hiện cái mới ở nó và cũng có khả năng phê phán nó, họ nhìn thấy quá trình sáng tạo âm thầm của tác giả và có thể đặt yêu cầu với anh ta ở quá trình tiếp theo... Còn công chúng phổ thông, đó là những người yêu nghệ thuật một cách bất tự giác, họ đến với nghệ thuật hầu như theo nhu cầu giải trí thuần túy. Họ có thể cũng có sự phẩm bình đánh giá tác phẩm, tác giả, song cơ bản thì đó là sự phẩm bình đánh giá thiên về cảm tính và theo "lẽ phải thông thường" (chữ của Engels). Sau khi đã phân loại để nhận diện hai kiểu công chúng này, phải nói ngay một đặc điểm rất quan trọng: quan hệ giữa công chúng tinh hoa và công chúng phổ thông là quan hệ giữa thiểu số và đa số, hơn nữa, nhận định của hai loại công chúng về nghệ thuật rất thường khi không trùng khít với nhau, nếu không muốn nói là hay trái ngược nhau! Đến đây, đã có thể tạm có câu trả lời cho xu hướng coi công chúng như đại lượng chuẩn để đo lường giá trị của tác giả, tác phẩm nghệ thuật: được số đông công chúng thừa nhận chưa hẳn đã là đủ điều kiện để tấn phong giá trị, nếu như số đông ấy chỉ gói gọn ở công chúng phổ thông".

Tuy vậy, công chúng cũng không phải là đối tượng để... đổ lỗi theo kiểu: "Tác phẩm của tôi "cao" quá nên công chúng không đủ tầm để thưởng thức" mà thỉnh thoảng ta vẫn thường được nghe. Vì trên thực tế, một sản phẩm văn hóa - nghệ thuật có giá trị nhưng không dành cho đại chúng sẽ rất khác so với một sản phẩm mà tự thân nó đã không đến được với ai cả. Điều này cũng đồng thời cho thấy rằng tạo ra được một sản phẩm hay tác phẩm nghệ thuật đã rất khó, nhưng để tác phẩm này đến được với công chúng thành công lại càng khó hơn, vì điều đó còn tùy thuộc rất nhiều vào trình độ thưởng thức văn hóa nghệ thuật của công chúng.

Tại sao việc nâng cao năng lực mỹ cảm (khả năng cảm thụ cái hay, cái đẹp) cho công chúng thường là một việc không hề dễ dàng? "Con người công chúng" nói chung gồm ba phần: thể xác, trí tuệ và tâm hồn. Thể xác được nuôi dưỡng bằng cơm canh thịt cá, trí tuệ được nuôi dưỡng bằng tri thức, khoa học, còn tâm hồn được nuôi dưỡng bằng văn hóa và nghệ thuật. Nhưng oái oăm thay, trong ba phần của con người thì thể xác (phần con) là dễ nuôi nhất và cũng dễ hư nhất, chỉ cần bỏ đói một tí thì nó đã kêu gào lên đòi ăn ngay. Còn trí tuệ và tâm hồn (phần người) thì lại rất "ngoan", cho thì nó ăn, không cho thì nó nhịn, nhịn lâu ngày thì nó sẽ chết; thậm chí là nó đã chết mà chính chủ nhân của nó cũng chẳng hề hay biết.

Điều đó đáng sợ hơn chúng ta nghĩ. Bởi một cái đầu không được khai minh thì sẽ trở nên vô minh, một trái tim không được khai tâm thì sẽ trở nên vô hồn. Khi con người vừa vô minh vừa vô hồn thì sẽ trở nên vô tâm, vô cảm..., mà vô tâm thì rất gần với... nhẫn tâm, và đó cũng là nguồn gốc của mọi cái sai, cái xấu và cái ác.

Có thể thấy rằng, để có được những "con người công chúng" khác, trước hết cần phải có một nền giáo dục, một thứ giáo dục khác. Một thứ giáo dục có thể giúp khai minh trí tuệ con người, giúp cho con người có khả năng minh định được đúng - sai, phải - trái, hay - dở, tốt – xấu... phân biệt được đâu văn hóa và đâu là phản văn hóa, đâu là nghệ thuật và đâu là phản nghệ thuật, đâu là tự do và đâu là hoang dại. Một thứ giáo dục mà có thể giúp khai tâm, kiến tạo tâm hồn con người, làm cho trái tim con người biết xúc cảm, biết rung lên trước cái đẹp (nhất là cái đẹp vô hình, cái đẹp không nhìn thấy hay sờ thấy được mà chỉ có thể cảm thấy), biết thổn thức trước những nỗi đau, biết phẫn nộ trước cái sai cái xấu và cái ác, trái tim chan chứa tình thương yêu và giàu lòng trắc ẩn.

Khi số đông công chúng có cái đầu sáng để minh định và có trái tim nóng để xúc cảm thì những sản phẩm, tác phẩm văn hóa nghệ thuật đích thực nhất định sẽ được thăng hoa.

Nhưng để có tầng lớp công chúng này, chỉ các nhà giáo dục hay các nhà quản lý văn hóa hay các bậc cha mẹ... vẫn là chưa đủ. Chính giới văn nghệ sĩ - những người trực tiếp tác động đến việc hình thành những "con người công chúng" cũng giữ vai trò tiên quyết không kém trong việc nâng nền văn hóa - nghệ thuật của chúng ta lên bằng những sản phẩm, tác phẩm "có trách nhiệm".

Tuy nhiên, khi bàn tới công việc và sản phẩm của người nghệ sĩ, thì ta không chỉ nói về "nghệ thuật vị nhân sinh" (nghệ sĩ sáng tạo tác phẩm nghệ thuật với mục đích phục vụ con người phục vụ xã hội), mà còn nói về "nghệ thuật vị nghệ thuật". Nếu như nghệ thuật vị nhân sinh được hiểu nôm na là nghệ thuật mà nghệ sĩ sáng tạo ra với chủ đích là để phục vụ con người, phục vụ xã hội thì nghệ thuật vị nghệ thuật là thứ sản phẩm nghệ thuật mà người nghệ sĩ tự do sáng tạo ra, và trong quá trình sáng tạo, người nghệ sĩ không bận tâm đến chuyện có ai thưởng thức nó không, không màng đến chuyện mua bán tiền bạc hay các tác động của chính trị và tôn giáo. Những nghệ sĩ tài năng và có tầm vóc văn hóa mà sáng tạo nghệ thuật với tinh thần tự do này thì thường sẽ tạo nên những kiệt tác (về văn học, hội họa, âm nhạc...) cho đời.

Nhưng dù là nghệ thuật vị nhân sinh hay nghệ thuật vị nghệ thuật thì "ý thức nghệ thuật" luôn là thứ mà người nghệ sĩ chân chính cần có. Trong tác phẩm Một bông hồng cho văn nghệ, nhà thơ Nguyên Sa từng đề cập về ý thức nghệ thuật của văn nghệ sĩ như sau: "Nghệ sĩ khi đặt tác phẩm muốn viết hay đã viết trước tấm gương gọi là ý thức không phải chỉ thắc mắc: làm thế nào cho mới, cho hay, cho đẹp, cho sâu sắc. Nó còn tự hỏi: Tác phẩm sáng tạo đó để làm gì? Viết để làm gì? Vẽ để làm gì? Cứu cánh của nghệ thuật là gì... Ngọn lửa ấy phải được thắp lên trong ý thức của mỗi người làm văn nghệ.

…

Có thể ý thức về nghệ thuật được thắp nhờ mồi lửa gọi là cuộc sống. Đối chiếu tác phẩm, những ảnh hưởng gây ra với cuộc vật lộn mưu sinh, với chiến cuộc ngày càng thê thảm, với sự tan nát của đất nước càng ngày càng rõ rệt, với số lượng những tên phung phá băm vằm quê hương mỗi ngày một đông, với sự chết đứng sừng sững ở trước mặt từ bao giờ, lớp ánh sáng buồn chợt hiện ra: Tác phẩm của ta có thể làm được gì? Nên làm gì hay không nên làm gì? Bằng cách này hay cách khác ý thức về nghệ thuật bao giờ củng chuyển mình từ một trạng thái "hỗn độn sơ thủy" sang trạng thái ý thức sáng tỏ và tự ý. Tôi thường nhìn thấy sự chuyển đổi, sự lột xác ghê gớm ấy khi người sáng tạo dừng lại ít ngày ít tháng. Tôi không nói đến những người mượn văn nghệ làm phương tiện, sau khi cứu cánh đã đạt, phương tiện liền bị vứt bỏ như chiếc xe cũ. Tôi muốn nói thêm đến những người mà tác phẩm, sự sáng tạo là hơi thở, là sự sống, là dòng máu bất khả phân với cuộc đời. Thế mà có lúc nó đứng yên nghỉ. Một tháng, nửa năm. Hai năm, ba năm. Trong sự im lặng ngột ngạt đó, tôi mới nghe thấy sự gào thét của biển: Làm thế nào cho mới? Tất cả rồi sẽ đi đến đâu? Rút lại, thế nào là đẹp?”

Đó là những trăn trở tựa "tiếng gào thét của biển" về trách nhiệm của người văn nghệ sĩ. Đến nay đã là gần 50 năm kể từ ngày chúng được xuất bản lần đầu vào năm 1967. Không rõ trong gần nửa thế kỷ đó, những câu hỏi đau đáu đặt ra cho người nghệ sĩ nói riêng và nền văn nghệ nói chung đã được trả lời hay chưa, có bao nhiêu văn nghệ sĩ ngày nay còn đau đáu những câu hỏi đó?

Đó quả thật là những câu hỏi không dễ trả lời!

Và một số nghề khác

Bác sĩ

Trong một lần nhận lời nói chuyện với đông đảo sinh viên trường y, tôi đề nghị các bạn thử dùng một từ duy nhất để mô tả về cái nghề mà các bạn đang học. Kết quả mà tôi nhận được thật đa dạng: nào là nghề đặc biệt, nghề cao quý, nghề danh giá, nghề vất vả, nghề nguy hiểm... Có lẽ tất cả đều đúng và đều khắc họa được những vinh quang lẫn nhọc nhằn của cái nghề mà sự "đúng việc" hay "sai việc" của nó có ảnh hưởng đến sinh mệnh và sức khỏe của cả đời người.

Có rất nhiều người làm nghề y, nhưng không phải ai cũng tạo dựng được một "y nghiệp" cho mình, dù có khi người đó là một bác sĩ rất giỏi nghề, thậm chí là rất giàu có và nổi tiếng

nhờ tay nghề của mình. Vì một "y nghiệp" thường được tạo dựng từ những yếu tố sau đây: y đạo, y đức, y lý và y thuật.

Y đức là yếu tố thường được nhấn mạnh nhiều hơn cả với nghề y, trong bất kỳ xã hội nào, ở bất kỳ thời đại nào. Trong lời thề Hippocrates - lời thề y đức mà người làm nghề y thường trang trọng xưng tụng trước khi bắt đầu hành nghề, có đoạn: "Tôi xin thề sẽ trung thành với quy tắc danh dự và sẽ liêm khiết trong khi hành nghề bác sĩ. Tôi sẽ săn sóc miễn phí cho người nghèo, không bao giờ đòi hỏi một sự thù lao quá đáng so với công sức đã bỏ ra".

Danh y Hải Thượng Lãn Ông cũng từng răn dạy:

"Nếu nhà bệnh có mời, nên tùy bệnh nặng hay nhẹ mà đi xem, đừng thấy người phú quý mà đi trước, nhà nghèo khổ mà đi sau. Xem mạch cho đàn bà con gái, nhất là gái goá và ni cô, phải bảo một người đứng bên để tránh sự hiềm nghi. Đã là nhà làm thuốc phải để ý giúp người, không nên vắng nhà luôn, nhất là đi chơi.

Chữa bệnh cho người nghèo và quan quả cô độc càng cần phải lưu ý, nhất là người con hiếu, vợ hiền hay nhà nghèo mà bệnh trọng thì ngoài việc cho thuốc, ta có thể trợ cấp thêm nếu họ không đủ ăn, như thế mới là nhân thuật. Khi bệnh nhân khỏi, chớ cầu trả lễ nhiều, nên để họ tự xử, vì làm thuốc là thuật thanh cao, thì người làm thuốc phải có tiết thanh cao. Tôi thường thấy các thầy thuốc tầm thường, hoặc nhân người bệnh ốm nặng, hoặc nhân lúc nguy cấp về đêm tối, mà bệnh dễ chữa bảo là khó, bệnh khó bảo là không chữa được; hay đối với người giàu sang quyền quý thì ân cần để tính lợi, với người nghèo túng thì lạnh nhạt coi thường, như vậy là bất lương, coi nghề làm thuốc cũng như nghề buôn bán là không được..."

Có lần vào viện thăm một người thân, tôi thấy người nhà của chị len lén nhét phong bì vào túi của một y tá, dù ngay trên tường của phòng bệnh treo một khẩu hiệu rõ to là: "Nói không với phong bì". Tôi hỏi chị đó là thông lệ của bệnh viện này hay sao, và ngạc nhiên khi chị cho biết rằng bệnh viện này khá "lành", có hay không có “phong bì” thì người ta vẫn chăm sóc tốt. Tôi bèn thắc mắc tại sao chị vẫn làm như vậy thì chị trả lời rằng: "Không đưa thấy... kỳ kỳ sao đó!".

Quả là "kỳ kỳ" làm sao, khi mà chuyện bất thường (đưa phong bì cho bác sĩ) lại trở thành bình thường, còn chuyện bình thường (không đưa phong bì) lại trở thành bất thường như thế. Chưa cần phải đọc đến những câu chuyện đau lòng về bệnh nhân tử vong do bác sĩ tắc trách, chuyện tiêm nhầm vắc-xin... làm xã hội rúng động trong suốt thời gian qua, chỉ riêng điều đơn giản mà tôi được tận mắt chứng kiến này cũng đủ để nói lên rằng có vẻ như khái niệm "y đức" đang dần trở nên xa lạ với nhiều người.

Nếu như y đức là những giá trị đạo đức, những chuẩn mực hành nghề của người làm nghề y thì “y đạo" là việc trả lời câu hỏi "Học y để làm gì? Làm nghề y để làm gì?". "Để chữa bệnh cứu người!". Không khó để đưa ra câu trả lời "mẫu mực" ấy. Nhưng trên thực tế, đáp án có khi lại là: "để... có quyền quyết định với sinh mệnh người khác", "để... mở phòng mạch tư kiếm tiền". Điều này cũng chẳng có gì sai, vì mỗi chúng ta được tự do làm những gì mình muốn, miễn là không làm phương hại đến người khác và không vô trách nhiệm với ai. Tuy nhiên, một sinh viên học y vì yêu sứ mệnh thiêng liêng, cao quý của nghề chắc chắn sẽ trở thành một thầy thuốc rất khác so với một sinh viên quyết định chọn nghề y vì "nghề này ngon, ra trường kiếm được nhiều tiền". Cũng như một bác sĩ coi sự khỏe mạnh của bệnh nhân là hạnh phúc sẽ có thái độ rất khác với một bác sĩ coi sự khúm núm của bệnh nhân trước uy quyền của mình là hạnh phúc. Hiểu theo nghĩa nào đó, "đạo" là con đường. Phải biết mình muốn đi đến đâu, mình chọn con đường nào thì mới biết cách nào là phù hợp để đi tới đó. Không thể có y đức nếu như không rõ y đạo, hiểu sai/ chọn sai y đạo.

Ví dụ, dưới đây là một phiên bản lời tuyên thệ vào ngày nhận bằng tốt nghiệp (của sinh viên Trường Đại học Y khoa Huế trước đây) mà trong đó, "y đạo" được thể hiện rất rõ ràng:

- Trước đấng tối cao mà tôi tin tưởng,
- Trước các y tổ của thế giới và Việt Nam Hippocrates và Hải Thượng Lãn Ông,
- Trước các thầy và các bạn đồng môn đã gây dựng y nghiệp cho tôi,

- Trước các bậc sinh thành ra tôi,
- Và nhất là trước lương tâm chức nghiệp của chính tôi.

Tôi xin tuyên thệ

1. Coi nghề thầy thuốc mà tôi đã tự chọn như một con đường cứu người và giúp đời, chứ không xem như một phương tiện thương mại,
2. Trong khi hành nghề, tôi chỉ dùng mọi hiểu biết về người bệnh để phục vụ y đạo,
3. Vì tình yêu tổ quốc, tôi sẽ cố phát triển những sắc thái đặc biệt của nền y học Việt Nam,
4. Vì tình yêu thương nhân loại, tôi sẽ cứu tất cả mọi người và truyền nghề cho bất cứ những ai có khả năng và thiện chí,
5. Vì tôn trọng sinh mạng của người bệnh và tư tưởng cao đẹp của nghề thầy thuốc, tôi sẽ phải học hỏi và nghiên cứu trọn đời,

Hôm nay chỉ mới là bắt đầu.

"Trước lương tâm chức nghiệp của chính tôi" và "Hôm nay mới chỉ là bắt đầu", đó là hai câu gây ấn tượng nhất với tôi trong lời tuyên thệ này. Thề trước ai cũng không quan trọng bằng thề trước lương tâm con người và lương tâm chức nghiệp của chính mình. Và để đi trọn vẹn trên con đường mình đã chọn hay để trung thành với lời thề của mình là cả một hành trình dài và gian khó mà không ít người đã "lạc lối" và đánh mất chính mình trên con đường ấy; nên rất cần phải tự nhắc mình về điều đó. Rất tiếc là phiên bản lời tuyên thệ này đến nay đã không còn được sử dụng nữa và được thay thế bằng một phiên bản khác - dài hơn, nhưng nhạt nhòa về "y đạo" hơn rất nhiều.

Hay một ví dụ khác về y đạo mà tôi tình cờ bắt gặp khi xem bộ phim truyền hình nổi tiếng của Hàn Quốc - Thần y Huh Joon. Song hành trong suốt bộ phim này là hai nhân vật chính cả hai nhân vật này đều khát khao được vào viện nội y của triều đình. Tuy nhiên, dù ước muốn là giống nhau, nhưng động cơ của hai người này hoàn toàn khác nhau. Một người muốn vào viện nội y vì muốn trở thành ngự y của triều đình, muốn được trở thành người nổi tiếng, có quyền lực và để được người đời xem là danh y. Còn một người muốn vào viện nội y bởi vì chỉ ở đó mới có những tài liệu cổ kim quý giá nhất để tìm tòi, nghiên cứu và học hỏi nhằm có thể có trình độ chữa được nhiều căn bệnh cho nhiều người, và luôn muốn trở thành một tâm y theo như lời dạy của thầy mình.

Muốn trở thành danh y hay tâm y, đó là quyền tự do lựa chọn của mỗi người, người ngoài không có quyền phán xét. Nhưng về mặt cá nhân, vào viện nội y vì kho sách y học hay vì cái ghế ngự y thì chắc chắn sẽ có hai sự nghiệp hoàn toàn khác nhau. Một bên thì có khả năng lên đến đỉnh cao của nghề nghiệp và quan trọng hơn là trở thành con người tự do (tự do trước quyền lực và danh vọng). Còn một bên sẽ khó có thể lên đến đỉnh cao của nghề nghiệp vì đặt trọn tình yêu cho cái ghế hơn là cái nghề của mình, và quan trọng hơn là không thể trở thành con người tự do được, mà sẽ trở thành người nô lệ (nô lệ cho quyền lực, cho danh vọng, cho cái ghế).

Và tất nhiên, nếu chỉ có cái tâm thôi thì cũng chưa đủ, mà yếu tố chuyên môn (y lý và y thuật) cũng rất quan trọng. Y lý là khoa học, là lý thuyết, là nguyên lý; còn y thuật là kỹ năng, là tác nghiệp, là thực hành. Nếu không có hai thứ này, thầy thuốc cũng khó lòng mà "đúng việc" được vì lắm khi "lực bất tòng tâm".

Sir William Osler, vị thầy thuốc lừng danh người Canada, vốn được coi là "cha đẻ" của ngành y tế hiện đại từng nói rằng: "Thầy thuốc giỏi thì chữa lành bệnh. Thầy thuốc vĩ đại thì chữa lành cho người mắc căn bệnh đó". Hai vế của câu nói này thoạt nghe có vẻ như không có gì khác nhau, nhưng thực sự "chữa một căn bệnh" và "chữa cho một con người" là sự khác biệt rất lớn. Một căn bệnh chỉ là một căn bệnh, nhắm chữa được thì nhận không được thì "né", có đủ tiền đóng viện phí thì nhận không đủ tiền thì từ chối. Nhưng một con người thì khác. Con người không thể là một món hàng để trao đổi hay ngã giá, mà là một sinh mệnh, một cuộc đời mà một thầy thuốc vĩ đại sẽ thấy mình có trách nhiệm với nó một cách hết sức tự nhiên.

Bác sĩ nổi tiếng người Mỹ Patch Adams, người mà câu chuyện cuộc đời ông từng được tái

hiện lại bằng một bộ phim cùng tên, cũng từng phát biểu một câu tương tự: "Chữa một căn bệnh, bạn có thể thắng, bạn có thể thua. Chữa cho một bệnh nhân, tôi đảm bảo bạn sẽ luôn thắng, cho dù kết quả ra sao đi nữa". "Thắng" ở đây có nghĩa thắng về "đạo sống" và "đạo nghề" của mình, chứ không hẳn "thắng" là chữa khỏi bệnh. Nếu chữa lành bệnh cho bệnh nhân thì đó là một hạnh phúc, còn khi đã dốc sức, dốc tâm rồi mà cũng không chữa lành bệnh được thì mình cũng không "thẹn với lòng" mình. Và cứ mỗi năm, ông lại tổ chức một nhóm tình nguyện viên đi khắp thế giới, đóng giả làm những chú hề để mang đến niềm vui cho những người bệnh, kể cả những người mà cơ hội sống của họ là rất mong manh.

Một thầy thuốc "đúng việc" không chỉ "cứu sống" chính cuộc đời họ mà còn "cứu sống" cả một cộng đồng xung quanh họ, thậm chí là cả nhân loại. Nhìn lại lịch sử ngành y, chúng ta không thể không biết ơn những con người "vững về y đạo, sáng về y đức, sâu về y lý, giỏi về y thuật như Louis Pasteur, Alexandre Yersin... Mong rằng sẽ có nhiều hơn những chân dung như thế, để chân dung của mỗi người chúng ta và của cả loài người ngày càng sáng hơn, mạnh khỏe hơn.

Cảnh sát, công an, binh sĩ

Tháng 10 năm 2014, cư dân mạng Việt Nam đồng loạt chuyền tay nhau một bản tin với những hình ảnh xúc động về ngày làm việc cuối cùng trước khi nghỉ hưu của một người cảnh sát giao thông già. Đây không phải là lần đầu tiên một nhân vật nào đó trong đời thường được tôn vinh bởi cộng đồng mạng, nhưng có lẽ là một trong số những lần hiếm hoi mà nhân vật chính của câu chuyện lại là người làm một nghề thuộc dạng "ít được thiện cảm" hiện nay trong mắt công chúng. Vậy, người cảnh sát ấy đã làm những việc gì khiến cộng đồng lay động đến mức như vậy?

"Chiều nào đi làm về cũng gặp bác ấy", "Bác ấy rất tốt và hiền lành" hay "À hóa ra đây là bác cảnh sát hay cứu người tự tử trên cầu Chương Dương"... là những dòng chia sẻ của công chúng dành cho người cảnh sát giao thông này. Nhưng một người bà con của tôi cũng làm cảnh sát lâu năm nói rằng khi đọc những dòng ấy, anh vừa vui lại vừa buồn. Anh nói, vui vì "hóa ra người ta vẫn quý cảnh sát chúng tôi đấy chứ!", nhưng cũng buồn vì lẽ ra đó là "việc thường ngày" của người cảnh sát, công an. Vậy mà những hành động tưởng chừng như lẽ đương nhiên ấy lại trở thành "hiện tượng" và được tôn vinh, phải chăng vì có quá ít người ở vị trí này làm đúng việc của mình?

Nhưng không phải lúc nào người cảnh sát, công an làm đúng việc của mình cũng được thương, được quý. Chẳng hạn vào đầu năm 2015, có chuyện một cô người mẫu nọ vi phạm luật giao thông và đã bị cảnh sát bắt giữ do những hành vi chống đối, lăng mạ người thi hành công vụ. Những tưởng câu chuyện quá rõ ràng về mặt pháp lý này chẳng có gì để mà tranh cãi, thế mà nó vẫn làm dấy lên những làn sóng tranh cãi trái chiều, thậm chí là tranh cãi rất kịch liệt trong cộng đồng. Điều lạ là chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong đó là những ý kiến đả kích những người cảnh sát trong sự việc đó (dù anh ấy đã làm đúng việc) như là: "Mấy ông giao thông này thường ngày vẫn ăn tiền của dân, bị chửi là đúng rồi", hay "công an gì mà không bảo vệ dân"...

Vậy rốt cuộc, công việc của người cảnh sát, công an là phải bảo vệ dân hay bảo vệ ai?

Bản thân câu hỏi này cũng rất có vấn đề. Thực ra, câu hỏi đúng sẽ không phải là "bảo vệ ai", mà là "bảo vệ cái gì".

Và "cái gì" đó ở đây chính là bảo vệ pháp luật, bảo vệ tinh thần thượng tôn pháp luật, thực thi pháp luật, đảm bảo mọi người đều bình đẳng trước pháp luật cho dù đó là một chính trị gia, một người nổi tiếng, hay chỉ là một người dân bình thường (Tất nhiên, pháp luật đó phải đi từ hiến pháp và hiến pháp đó phải đi từ nhân dân; đó phải là thứ pháp luật lấy phẩm giá và lẽ phải làm trọng). Đó là một lý tưởng hết sức cao quý mà người chiến sĩ cảnh sát, chiến sĩ công an chỉ có thể làm được khi họ dám đứng ngoài sự chi phối của quyền lực, tiền bạc, hay thậm chí là cảm xúc cá nhân khi thực thi nhiệm vụ của mình. Tất nhiên, không phải pháp luật nào cũng đúng, cũng như nhiều trường hợp không thể chỉ lấy pháp luật ra mà phán xét. Nhưng nguyên tắc hành động của một người bảo vệ pháp luật luôn là "trọng luật mà có tình", chứ không phải là "trọng tình mà phá luật".

Với binh sĩ thì khác. Vì nhiệm vụ của quân đội không phải là bảo vệ pháp luật, hay bảo vệ ai, mà là bảo vệ đất nước. Trong quân đội, trung thành, tuân lệnh là nguyên tắc được đặt

lên hàng đầu với binh sĩ. Nhưng ở nhiều quốc gia, người ta quy định rằng binh sĩ được phép cãi lệnh của cấp trên nếu như lệnh đó yêu cầu anh ta nã súng vào nhân dân mình. Và cũng tương tự như với cảnh sát, công an, câu hỏi người binh sĩ cần đặt ra cho mình để có thể "đúng việc" là mình phải trung với cái gì, chứ không phải trung với ai.

Trong tác phẩm Thế giới như tôi đã thấy, Einstein từng nói: "Dạy cho con người một chuyên ngành thì chưa đủ. Bởi bằng cách đó, anh ta tuy có thể trở thành một cái máy khả dụng nhưng không thể trở thành một con người với đầy đủ phẩm giá. Điều quan trọng là anh ta phải được dạy để có một cảm thức sống động về cái gì là đáng để phấn đấu trong cuộc đời. Anh ta phải được dạy để có một ý thức sống động về cái gì là đẹp và cái gì là thiện. Nếu không, với kiến thức được chuyên môn hóa của mình, anh ta chỉ giống như một con chó được huấn luyện tốt hơn là một con người được phát triển hài hòa. Anh ta cần phải học để hiểu những động cơ của con người, hiểu những ảo tưởng và những nỗi thống khổ của họ để tìm được một thái độ ứng xử đúng đắn với từng con người đồng loại của mình cũng như với cộng đồng".

Như vậy, một con người mà không làm được việc gì hay chẳng có chuyên môn gì cả thì không có gì phải bàn nhiều, nhưng một người chỉ giỏi chuyên môn, chuyên ngành mà không quan tâm tới những vấn đề khác thì chỉ là một "cái máy khả dụng", hay nói cách khác là một "con chó được huấn luyện tốt", chứ không phải là một con người phát triển hài hòa với đầy đủ phẩm giá của con người.

Einstein đã dùng hình ảnh con chó để ví von vì muốn nhấn mạnh đến tính trung thành của loài vật này. Đối với loài chó, ai cho nó ăn thì nó sẽ theo chứ nó không phân biệt được đó là một vị giáo sư đáng kính hay một tên tướng cướp khốn nạn; khi bảo nó cắn ai thì nó cắn chứ nó không thể và không thèm quan tâm là người đó có đáng cắn hay không.

Con người nói chung (chứ không riêng gì cảnh sát, công an, binh sĩ) thì khác, họ trung thành với những chân giá trị, tức là làm gì, theo ai, không phải là theo một cá nhân cụ thể nào đó mà thực ra là theo cái chân giá trị mà cá nhân hay tổ chức đó đang thực sự đại diện. Chẳng hạn, cũng đều làm công nghệ thông tin (IT), nhưng làm IT cho Microsoft và làm IT cho Bin Laden thì giống và khác nhau chỗ nào? Giống nhau là ở đâu cũng làm nghề IT để kiếm sống, nhưng khác nhau ở chỗ mình làm cái đó để phục vụ cho mục đích gì. Nghĩa là, ngoài chuyện cố gắng làm tốt công việc ra, thì mình cũng cần phải quan tâm tới cả sứ mệnh thực sự của cái tổ chức hay cá nhân mà mình đang phục vụ (sứ mệnh đó là lẽ sống hay lẽ chết) và đặc biệt là người ta đang hướng đến mục đích đó bằng cách nào (cách đó là lẽ phải hay lẽ trái).

Hãy quay lại với ví dụ về bộ phim Avatar từng được đề cập ở chương I. Trong phim, anh lính Jake Sully đã không cầm súng nã vào "phe bên kia" (những sinh vật của hành tinh Pandora) như được giao nhiệm vụ, bởi vì anh nhận ra tính phi nghĩa của cuộc chiến, mặc dù "phe bên kia" là một giống loài khác với giống loài của anh. Anh chọn yêu cái đẹp, trung thành với cái đúng, hơn là yêu khoản tiền mà anh được trả để cầm súng hay yêu cái tổ chức trả cho anh những đồng tiền đó.

Tất nhiên, để xác định cái mà mình đang tin yêu có thực sự là cái đúng, cái đẹp hay không là điều không dễ. Để làm được điều đó, con người cần có cái đầu khai phóng, hay nói như Einstein là "được phát triển hài hòa với đầy đủ phẩm giá". Muốn vậy, cần có một nền giáo dục khai phóng mà trong đó con người phải được dạy và được học để có khả năng minh định được cái gì là thực, cái gì là đẹp (lẽ phải), cái gì là quan trọng và đáng để phấn đấu trong cuộc đời (lẽ sống), chứ không phải là nên yêu ai, kính trọng ai, trung thành với ai.

Dưới đây là Lời thề danh dự của Hiệp hội Cảnh sát Quốc tế: "Bằng tất cả danh dự của tôi tôi xin hứa sẽ không bao giờ phản bội lại tấm huy hiệu mà tôi đang đeo, sự tín thực của tôi, nhân cách của tôi hay niềm tin của công chúng. Tôi sẽ luôn luôn có đủ can đảm để giữ cho bản thân tôi và những người khác chịu trách nhiệm về những hành động của chúng tôi. Tôi sẽ luôn tôn trọng hiến pháp, cộng đồng và tổ chức mà tôi phục vụ ".

Đọc lời thề này, có thể thấy rằng điều được nhắc đến đầu tiên và trên hết chính là phẩm giá của con người, và điều được nhắc đến sau chót là "tổ chức mà tôi phục vụ". Nói cách khác, là "cái gì" quan trọng hơn "ai". Nhưng việc minh định "cái gì" là "cái gì", "ai" là "ai" và mình là "ai", và điều đó, con người đó có đáng để mình bảo vệ và trung thành hay không vẫn

luôn là một điều đầy thách thức với con người nói chung và người cảnh sát, công an, binh sĩ nói riêng ở mọi thời đại, mọi quốc gia, mọi xã hội; nhưng đó là một công việc không thể né tránh nếu muốn đi trọn vẹn hành trình làm việc, làm người của mình.

Phần IV

LÀM GIÁO DỤC

Triết học và Định chế

Tại sao sau "làm người", "làm dân" và "làm việc" là "làm giáo dục"? Không khó để trả lời câu hỏi đó! Cũng như không khó để nhận thấy mối tương quan giữa nền giáo dục của một quốc gia và năng lực làm người, năng lực làm dân, năng lực làm việc hay làm nghề của người dân trong quốc gia đó. Nói một cách đơn giản là cứ nhìn vào người dân của một nước, có thể phần nào đoán được nền giáo dục của nước đó như thế nào; và ngược lại.

Xã hội loài người không ngừng thay đổi, đặt ra những đòi hỏi tương ứng đối với giáo dục. Vì vậy mà cải cách hay đổi mới giáo dục là việc mà mọi quốc gia đều đã, đang, và sẽ phải trải qua. Với Việt Nam, điều này đã trở thành một việc cấp thiết và quan trọng đến mức cứ nhắc đến "giáo dục", ta sẽ mau chóng gắn nó ngay với các cụm từ như "cách mạng, cải tổ, cải cách, đổi mới", vấn đề này thực ra không mới, bởi nó đã được nói nhiều, bàn nhiều, làm cũng nhiều. Tuy vậy, hẳn chúng ta dễ dàng thấy là kết quả đến nay vẫn còn xa mức mong đợi.

Công cuộc canh tân giáo dục đặt ra rất nhiều vấn đề cần đổi mới. Nhưng để có thể tạo ra kết quả thực sự, tôi cho rằng ba vấn đề sau đây là ba điểm mấu chốt cần được ưu tiên đổi mới trước hết:

1. Đổi mới về triết lý giáo dục.

(2) Đổi mới về định chế.

(3) Đổi mới về vai trò của các chủ thể then chốt trong hệ thống giáo dục.

Đổi mới về triết lý giáo dục, chính là đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau: Thế nào là con người? Đâu là đích đến của giáo dục? hay đích đến của giáo dục là con người như thế nào? Làm thế nào để có được con người đó? Đã đến lúc chúng ta cần ngồi lại để nghĩ cho đến tận cùng: Chúng ta muốn có những con người như thế nào cho xã hội tương lai? Phải chăng là những con người tự do/tự trị? Những công dân có trách nhiệm? Những chuyên gia ưu tú? Con người tự do, công dân có trách nhiệm và chuyên gia ưu tú nghĩa là thế nào? Câu chuyện này đã được bàn khá nhiều trong Chương I - Làm người, Chương II - Làm dân và Chương III - Làm việc nên tôi sẽ không nhắc lại thêm ở đây.

Còn đổi mới về định chế nghĩa là như thế nào? Trong một xã hội văn minh luôn có ba định chế, đó là nhà nước (khu vực công), thị trường (khu vực tư) và xã hội dân sự (chủ yếu là các chủ thể phi chính phủ và phi lợi nhuận). Nhà nước nắm quyền lực chính trị và thường theo đuổi quyền lực, thị trường nắm quyền lực kinh tế và thường theo đuổi lợi nhuận, còn xã hội dân sự sẽ nắm quyền lực văn hóa và thường theo đuổi chân lý.

Nhà nước thì quốc gia nào cũng có, nhưng nếu không phát triển kinh tế thị trường thì không thể có nền kinh tế hùng mạnh, cũng như không có xã hội dân sự thì không thể có nền văn hóa tiến bộ. Một quốc gia mà thiếu đi kinh tế thị trường hoàn thiện và xã hội dân sự mạnh mẽ thì chắc chắn quốc gia đó không thể thịnh vượng và văn minh.

Mục tiêu giáo dục là con người tự do. Tuy nhiên, sẽ không thể có giáo dục khai phóng và con người tự do nếu như không xác định rằng giáo dục là một "định chế" phần lớn thuộc về xã hội dân sự. Có thể có một phần nào đó trong nền giáo dục thuộc về nhà nước vì có mục đích chính trị hay thuộc về thị trường vì có mục đích kinh doanh, nhưng nếu như giáo dục về cơ bản không phải là một "định chế" thuộc về xã hội dân sự thì cái đích giáo dục khai phóng và con ngươi tự do khó có thể đạt được.

Tuy chậm, nhưng Việt Nam cũng phải bước hướng đến một xã hội văn minh. Cụ thể là, trước đây Việt Nam chỉ có nhà nước, nhà nước ôm mọi thứ, quyết mọi chuyện, không có kinh tế thị trường mà chỉ có kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Nhưng nay thì thay vì ôm mọi thứ và quyết mọi chuyện, nhà nước đã nhường khá nhiều việc lại cho "thị trường" giải quyết, và thực tế cho thấy thị trường giải quyết tốt hơn nhà nước. Nhờ vậy, kinh tế hiện

nay dù còn khoảng cách khá xa so với các nền kinh tế thị trường trưởng thành nhưng cũng đã vượt trội so với thời "bao cấp". Kinh tế sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa khi nhà nước giảm "bao cấp" và giảm can thiệp hơn nữa vào thị trường để quay về với vai trò kiến tạo "luật chơi" và bảo đảm sân chơi công bằng và bình đẳng cho các chủ thể của thị trường.

Còn xã hội dân sự của Việt Nam chỉ mới manh nha thành hình. Nhà nước sẽ cần "nhường" bớt việc cho xã hội dân sự, tương tự như với kinh tế thị trường, nếu muốn công cuộc canh tân văn hóa giáo dục không bị "lạc đường" hay "ngược đường" so với những chuẩn mực cơ bản của một nền văn hóa - giáo dục tiến bộ. Chúng ta thường lo ngại giáo dục bị lạc hậu, nhưng tôi cho rằng lạc đường mới đáng lo hơn. Vì nghĩ một cách lạc quan thì lạc hậu dẫu sao cũng chỉ là đi chậm hơn (nhưng vẫn đúng đường). Còn một khi đã lạc đường hay ngược đường thì càng đi, ta lại càng rời xa cái đích muốn đến.

Tôi muốn dành phần lớn chương này để bàn ***định nghĩa lại vai trò của các chủ thể then chốt trong hệ thống giáo dục***, trả lại chân giá trị cho các chủ thể then chốt trong hệ thống giáo dục, cụ thể là năm chủ thể sau: nhà nước, nhà trường, nhà giáo, gia đình, và người học.

Vì công cuộc đổi mới giáo dục chỉ có thể thực sự diễn ra khi mỗi chủ thể giáo dục hiểu rõ công việc của mình, đồng thời biết giành lấy quyền vốn có của mình và trả lại quyền cho các chủ thể khác. Còn chừng nào mà các chủ thể này chưa "đúng việc", mà vẫn lẫn lộn, mơ hồ, ôm đồm, chối bỏ việc của mình hay "giành việc" của những chủ thể khác thì khi đó, e rằng dù có "đổi" bao nhiêu thì giáo dục cũng không thể "mới" được.

Vậy, đâu sẽ là "đúng việc" (đúng vai trò, đúng sứ mệnh, đúng quyền, đúng nghĩa vụ) của từng chủ thể trong "bộ năm" này?

1. Nhà trường

Dẫu ngày nay việc giáo dục không chỉ diễn ra trong nhà trường, nhưng nhà trường luôn có một vai trò rất riêng và không thay thế được. Nhưng trước khi bàn về vai trò đặc biệt ấy, hãy cùng lướt qua một vài dạng nhà-trường-mà-không- phải-nhà-trường mà chúng ta vẫn gặp đó đây xung quanh mình.

Chẳng hạn, nhà trường sẽ không đúng nghĩa là nhà trường, khi đó là nơi để đào tạo tín đồ cho một tôn giáo nào đó. Trường học có thể dạy về tôn giáo, nhưng nếu đích đến của trường không phải là để tăng sự hiểu biết của học sinh về tôn giáo, mà là để dạy các em phải thờ phụng tuyệt đối một đức tin hay một vị thánh nào đó, ngôi trường ấy sẽ giống một giáo đường hơn.

Lâu nay chúng ta vẫn nghe về những ngôi trường của Nhà nước Hồi giáo (IS), ở đó, trẻ em không được học những bộ môn như triết học, khoa học, lịch sử, nghệ thuật, thể dục thể thao..., vì chúng được xem là không phù hợp với đạo Hồi (theo cách hiểu của IS). Hàng ngày, các em phải đến các trại sharia tập trung để học về tín ngưỡng và tôn giáo, phải tuyên thệ trung thành với những đấng tối cao và những tư tưởng cực đoan. Vì thế, chúng ta có thể choáng váng, nhưng sẽ không ngạc nhiên khi nhìn thấy trên tivi cảnh một chiến binh nhí IS thản nhiên cầm súng bắn chết một tử tù và hô to: "Đấng tối cao vĩ đại!".

Mặc dù không thể phủ nhận rằng trên thực tế vẫn có nhiều ngôi trường rất tốt được sáng lập và sở hữu bởi các tôn giáo, nhưng về nguyên tắc, trường học cần có sự độc lập cần thiết với tôn giáo, nhất là về mục đích và nội dung học tập.

Tương tự như vậy, phần lớn các trường học trong nền giáo dục cũng cần độc lập tương đối với chính trị, nếu không sẽ rất dễ trở thành một dạng "trại tuyên huấn" - nơi nhào nặn ra những con người công cụ cho các chế độ hay nhà cầm quyền chứ không phải là những con người tự do như lý tưởng mà lẽ ra nó phải hướng đến.

Và cũng như thế, nhìn tổng thể nền giáo dục, phần lớn các nhà trường (nhất là trường phổ thông công lập và đại học tinh hoa) sẽ không phải là một doanh nghiệp, nơi giáo dục được xem như một "món hàng" để trao đổi hay một công cụ để tìm kiếm thật nhiều lợi nhuận. Cho đến nay, cuộc tranh luận về việc nhà trường nên là vị lợi nhuận hay phi lợi nhuận hay không vì mục tiêu lợi nhuận vẫn chưa ngã ngũ. Nhưng chắc chắn có một nguyên tắc bất di bất dịch là: nhà trường có thể có lợi nhuận, nhưng không bao giờ được phép vì lợi nhuận mà hi sinh hay bóp méo mục tiêu giáo dục vốn có của một trường học.

Vậy, một nhà trường đúng nghĩa sẽ là... cái gì? Có nhiều quan điểm về vai trò của nhà

trường trong xã hội, nhưng theo tôi, vai trò quan trọng nhất của nhà trường trong xã hội là đại diện cho trí tuệ và tư tưởng của xã hội đó và đại diện cho chân lý, công lý và lương tri mà xã hội đó hướng đến. ("Xã hội" ở đây không chỉ được hiểu là một cộng đồng, một địa phương, một quốc gia, mà còn được hiểu là xã hội toàn cầu).

Nên nếu phải chọn một hình ảnh gần nhất để ví von, tôi sẽ muốn ví nhà trường như một thánh đường thiêng liêng, nhưng "giáo lý" duy nhất được dạy ở đó không gì khác chính là "lương giáo" (lương tri, phẩm giá) và "khoa giáo" (chân lý, khoa học). Tức là dạy làm sao, học làm sao để trở thành những người lương thiện, biết hướng đến và sống với chân - thiện - mỹ, biết yêu chuộng lẽ phải, công lý và sự thật.

Trong một xã hội văn minh, hầu hết các nơi trong nhân gian đều là "cõi phàm", chỉ có ba nơi thường được xem là "cõi thiêng", đó là: nhà thờ, nhà chùa và nhà trường. Nếu như nhà thờ là thánh đường của Công giáo và giáo lý là Kinh Thánh, còn nhà chùa là thánh đường của Phật giáo và giáo lý là Kinh Phật, thì nhà trường có thể được ví như là "thánh đường" của "lương giáo" và "khoa giáo", và giáo lý chính là khoa học và nghệ thuật, chính là chân lý và đạo lý.

Nhưng nếu một xã hội mà phần lớn nhà trường không "đúng việc", mà chỉ toàn là "nhà-trường-mà-không-phải-nhà-trường" thì xã hội ấy sẽ ra sao?

Lịch sử hàng ngàn năm của văn minh phương Tây cho thấy, về cơ bản, xã hội được vận hành bởi triều đình (quyền lực cứng) và giáo hội (quyền lực mềm). Và trường học về cơ bản cũng chỉ là nơi truyền giáo, khoa học đích thực khó có cơ hội phát triển nếu như nó dám đi ngược lại với những tín điều của các tôn giáo, mà câu chuyện của nhà bác học Galileo là một ví dụ điển hình. Vì tin rằng, trái đất hình cầu và trái đất quay quanh mặt trời mà Galileo đã bị giáo hội đưa lên giàn hỏa thiêu. Và chỉ khi buộc phải thừa nhận tín điều của giáo hội là mặt trời quay quanh trái đất thì mới được tha, nhưng ông vẫn lẩm bẩm "Dù sao thì trái đất vẫn quay". Qua đó cho thấy, *phải khó khăn lắm thì nhà trường mới bước ra khỏi nhà thờ, nhưng nếu không cẩn thận thì có khi nhà trường lại bước vào nhà nước hay chui vào "nhà thương" (thương gia, doanh nhân, doanh nghiệp).*

Nói cách khác, nhà trường sẽ khó mà hiện thực hóa được sứ mệnh thiêng liêng của mình, nếu không đạt được vị thế độc lập cần có sau: (1) Độc lập với quyền lực, chính trị; (2) Độc lập với tiền bạc (nhà nước hay nhà tài trợ có thể tài trợ tài chính cho trường học hoạt động nhưng không được phép chi phối hay bóp méo bản chất công việc của trường học; và đồng thời, trường học cũng không được phép để tiền bạc hay quyền lực chi phối hay bóp méo bản chất công việc của mình); (3) Độc lập với tôn giáo.

Nói ngắn gọn hơn, trong một nền giáo dục tiến bộ, có thể có những nhà trường có mục đích chính trị, hay có mục đích lợi nhuận, hay có mục đích tôn giáo, nhưng hầu hết nhà trường (bất kể là trường công, trường tư hay kết hợp công - tư, bất kể là được tài trợ bởi nhà nước hay doanh nghiệp hay nhà thờ, nhà chùa) thì cần phi chính phủ, phi lợi nhuận (hay không vì mục tiêu lợi nhuận) và phi tôn giáo.

Chỉ khi nhà trường có được vị thế "ba độc lập" hay "ba phi" nói trên (độc lập ở một mức độ nào đó) thì may ra mới có thể có "tự do" (tự do học thuật, tự do đào tạo, tự do nghiên cứu...) và "tự chủ" (tự chủ về học thuật, tự chủ về nhân sự, tự chủ về tuyển sinh, tự chủ về tài chính...). Nhưng tóm lại là, chỉ khi có các tiền đề "độc lập", "tự do" và "tự chủ" (nhất là về mặt học thuật) như trên, phần lớn nhà trường mới có thể phát triển theo đúng cái nghĩa mà thế giới văn minh đang hiểu, còn không thì không có gì để bàn nhiều. Tất nhiên, trước khi trao cho nhà trường những thứ này (độc lập, tự do) thì cũng cần một hành lang pháp lý hữu hiệu nhằm bảo đảm nhà trường sẽ phát huy tối đa những tinh thần và lý tưởng tốt đẹp của mình và đồng thời kiểm soát được những vấn đề phát sinh ngoài ý muốn.

Abraham Lincoln là người từng nói rằng: "Triết lý của nhà trường ở một thế hệ này sẽ là nền móng cho xã hội của thế hệ kế tiếp". Victor Hugo cũng nói: "Một cánh cửa nhà trường mở ra, một nhà tù đóng lại". Càng có nhiều nhà trường đích thực thì xã hội hiện tại mới càng tốt đẹp lên và nền móng cho xã hội tương lai mới càng vững chắc hơn. Muốn thế, *nhà trường cần có quyền được quay về với chân giá trị của mình, được trả lại những gì thuộc về mình cũng như được từ chối những thứ gì không thuộc về và không phải là lý tưởng chân chính mà mình cần theo đuổi.*

2. Nhà giáo

Nhà giáo, theo cách hiểu thông thường, là người làm nghề dạy học. Và "dạy" ở đây có nghĩa là giúp cho người ta học. Nhưng trên thực tế, tùy theo "sự dạy" của mỗi người thầy mà xã hội sẽ có những cách nhìn nhận khác nhau về chân dung của họ. Ta có thể tạm khái quát và chia thành năm nhóm sau đây:

Nhóm thứ nhất là "*thầy bình thường*", tức là những người thầy dạy theo cách nếu họ biết được những gì trong lĩnh vực của mình thì sẽ chia sẻ cái biết đó cho học trò của mình. Cách dạy này không có gì đáng để chê trách, vì nó giúp học sinh biết thêm những thông tin, kiến thức mới. Chỉ có điều, khi thầy "cạn vốn" để chia sẻ thì học sinh rất dễ rơi vào tình trạng bị động, lúng túng vì không biết phải tìm kiếm tri thức ở đâu, bằng cách nào; và khi kiến thức của họ bị lỗi thời thì học sinh cũng không biết làm sao để cập nhật nó.

Nhóm thứ hai là "*thầy giỏi*". Khác với "thầy bình thường", cái mà "thầy giỏi" truyền dạy cho học trò không chỉ là kiến thức mà còn là phương pháp học, nói nôm na là "cho cần câu, chứ không chỉ cho con cá". Một khi học sinh đã nắm được phương pháp học (học được cách học) thì ngay cả khi những điều mà các em được dạy không còn phù hợp nữa trong tương lai, các em vẫn dễ dàng tìm được cách để giáo dục tự thân, tự học thêm, tự cập nhật để mình không chỉ luôn mới, mà còn luôn là người tiên phong.

Để dễ hình dung, hãy tưởng tượng bạn là nhân vật chính trong một... bộ truyện kiếm hiệp chẳng hạn. Một ngày nọ bạn gặp nạn và bị đẩy xuống vực sâu hay rơi vào một chốn thâm sơn cùng cốc nào đó. Nhưng trong cái rủi có cái may, tại đó bạn tình cờ gặp được một mối duyên kỳ ngộ, một cơ hội lớn để thay đổi bản thân mình. (Những ai thường đọc thể loại kiếm hiệp hẳn không xa lạ một kịch bản quen thuộc này!). Đó có thể là một cuốn sách ghi lại những bí kíp võ học độc đáo của một cao nhân nào đó để lại. Đó cũng có thể là một cao thủ võ lâm bậc nhất đã quy ẩn lâu nay nhưng quyết định nhận bạn làm đệ tử và truyền lại cho bạn toàn bộ tinh hoa võ học và võ đạo, cũng như các phương pháp luyện công, luyện chưởng mà ông đã tu luyện và đúc kết trong cả đời mình.

Hẳn đến đây bạn đã phần nào hình dung được, một cuốn sách dạy võ bình thường cũng giống như là "thầy bình thường". Bạn có thể học được từ đó 100 chiêu thức để đối phó với 100 tình huống khác nhau, nhưng khi tình huống thứ 101 xuất hiện, bạn sẽ chẳng biết phải làm sao vì... trong sách không có chỉ. Trái lại, vị chân nhân kia có thể chẳng chỉ cho bạn một "chiêu" nào cả, nhưng với những triết lý về võ học, võ đạo mà vị ấy truyền dạy, bạn sẽ tự mình biết cách nên làm gì trong tình huống thứ 101 này. Đó chính là điều "thầy bình thường" không biết hay không làm, nhưng "thầy giỏi" có thể làm được!

Nhóm thứ ba là "*thầy lớn*". Điều lớn nhất mà những người thầy này mang lại cho học trò của mình không chỉ là kiến thức hay phương pháp học, mà còn là động cơ học và lòng hiếu tri (niềm khát khao tri thức và sự hiểu biết; "hiếu tri", chứ không "hiếu điểm" hay "hiếu bằng"). Nói cách khác, họ không chỉ cho học trò của mình con cá hay cần câu, mà quan trọng hơn là cho động cơ đi câu. Bởi nếu một người không hứng thú với việc đi câu thì dù có ấn vào tay anh ta chiếc cần câu xịn nhất thì người đó cũng chỉ ngồi ỳ một chỗ. Ngược lại, một khi đã thích đi câu thì cho dù không được ai cho cái cần câu nào, anh ta cũng sẽ tự mình đi nhặt từng cái que, từng cọng dây để chế ra nó và đi câu.

Cách tốt nhất để giúp người học có động học một điều gì đó, đó là giúp họ hiểu rõ (1) "*Tại sao phải học cái đó*?" và (2) "*Học cái đó để làm gì*?". Và để trả lời được câu hỏi (1) này thì cách tốt nhất là giúp người học nhận chân ra con người của mình, nhận chân ra mức độ hiểu biết, sự dốt nát hay sự ngộ nhận của mình về cái đó; để trả lời được câu hỏi (2) thì cách tốt nhất là giúp người học hiểu được ích lợi của việc học cái đó, cũng như sự tai hại, thiệt thòi nếu như không học cái đó. Sau khi giúp người học trả lời thỏa đáng hai câu hỏi này thì phần còn lại chỉ là nội dung học và phương pháp học.

Có một đứa cháu họ của tôi bình thường rất ghét học các môn xã hội, nhất là môn sử. Theo cách nói của cháu thì đó là môn học "chẳng được tích sự gì" và quá ngán ngẩm khi phải học nó để trả bài và thi hết môn. Nhưng một ngày nọ, bỗng dưng tôi thấy cháu cầm một cuốn sách tóm tắt về lịch sử Việt Nam mà tác giả là một nhà sử học đang sống ở nước ngoài. Tò mò, tôi mới hỏi chuyện thì cháu nói rằng một hôm nọ, cháu tình cờ đọc được một bài

viết của tác giả này trên mạng và nhanh chóng bị cuốn hút. Đó là một bài viết về các đời vua của Việt Nam, nhưng nó rất giản dị, truyền cảm hứng, hoàn toàn khác với những bài học lịch sử khô cứng mà cháu vẫn thường hay học trên lớp. Đọc xong bài viết đó, cháu bỗng nhận ra đây mới đúng là sử và thấy thôi thúc phải đọc, phải hiểu nhiều hơn về quá khứ của dân tộc mình. Nghe đến đó, tôi trộm nghĩ rằng tác giả đó quả thật là một người thầy lớn, ít nhất là ở khía cạnh mà ông muốn chia sẻ trong môn lịch sử. Bởi, ở một mức độ nào đó, ông đã truyền được cho đứa cháu của tôi niềm say mê học lịch sử, cho dù ông chưa hề đứng lớp dạy cháu một ngày nào. Động cơ học quả thật là thứ quan trọng nhất, bởi nếu không có nó thì cho dù được truyền lại phương pháp học từ một vị thầy giỏi, ta cũng sẽ chẳng học được gì mấy!

Nhóm thứ tư là "*thầy khai minh*"/ "thầy khai phong". Thầy khai minh" cũng giống với "thầy lớn” ở khả năng có thể thắp lên và truyền đi niềm khát khao tri thức cho người học. Tuy nhiên, nếu như "thầy lớn" làm điều đó trong phạm vi một lớp học thì "thầy khai minh" có thể làm điều đó trong phạm vi toàn xã hội, khiến cả xã hội thức tỉnh và say mê tìm kiếm tri thức để khai sáng cho bản thân mình, giải phóng con người mình ra khỏi sự vô minh, giáo điều, ấu trĩ.

Từng có một người thầy như thế xuất hiện trong lịch sử nước Nhật, vào thế kỷ 19. Ông là Fukuzawa Yukichi - người được xem là "Voltaire của nước Nhật", là một người thầy vĩ đại của nước Nhật hiện đại. Ông cũng là tác giả cuốn sách Khuyến học với tuyên ngôn nổi tiếng: "*Trời không sinh ra người đứng trên người, trời cũng không sinh ra người đứng dưới người. Tất cả đều do sự học mà ra*". Ông đã phê phán mạnh mẽ lối giáo dục cổ hủ, làm cho người dân Nhật Bản thời kỳ ấy nhận ra sự u mê, tăm tối của mình và không ngừng "thực học" để khai phóng bản thân, đồng thời góp phần đưa đất nước bắt kịp và đua tranh với các quốc gia hùng mạnh và văn minh nhất.

Đôi khi, những người "thầy lớn" hay "thầy khai minh" mang đến cho chúng ta một cảm giác... khó chịu, thậm chí cảm thấy "đau". Khó chịu, bởi chúng ta cứ tưởng rằng mình đã biết rất nhiều, tưởng là không cần học nữa nhưng người thầy ấy lại khiến chúng ta nhận ra sự tăm tối của mình, vỡ òa và nhận chân ra con người thật của mình. Cảm giác ấy không dễ chịu chút nào, nhiều khi nó còn làm ta tổn thương, nhưng đó chính là bản chất của giáo dục khai phóng.

Như nhà văn, nhà văn hóa Nguyên Ngọc từng nói: "Giáo dục làm cho con người bị tổn thương. Vì sao? Vì việc đem lại tri thức làm cho con người thấy hoá ra còn bao nhiêu cái mình chưa biết, càng học càng thấy cái mình biết, cái mới vừa được biết thêm càng vô cùng nhỏ bé trước cái chưa biết, không biết còn lại mênh mông, vô tận. Cảm giác tổn thương đó là một cảm giác lành mạnh. Nó khiến con người thiết tha đi tới trên đường tự khai phóng".

Và nhóm cuối cùng, là những người tuy mang danh "thầy" nhưng thực chất chỉ là "thợ dạy". Họ là những người dạy như một cái máy, chỉ biết tự động lặp đi lặp lại một bài giảng được lập trình sẵn mà không cần biết nó có mang lợi ích gì cho học trò hay không, cũng như không cần để tâm xem học trò có hiểu, có tiếp thu được hay không. Có đôi khi, chính họ cũng chẳng hiểu lắm về điều mình đang dạy nhưng vẫn cứ thế sao chép, lặp lại và truyền đi. Nói dí dỏm là họ dạy học... bằng lưỡi, chứ không phải bằng cái đầu hay trái tim.

Bên cạnh đó, tôi cũng thường nói vui rằng có thể phân chia những người được gọi là "nhà giáo" thành hai "môn phái" là: "chính giáo" và "tà giáo". Những người thầy theo "chính giáo" là những người hiểu được sứ mệnh của mình là truyền bá "lương giáo" (lương tri và đạo lý) và "khoa giáo" (khoa học và nghệ thuật). Họ hiểu và tôn trọng quyền được làm ra chính mình của học trò, giúp học trò trở thành con người tự do, chứ không cố ý nhào nặn học trò, biến họ thành công cụ hay nô lệ cho một mục đích nào đó khác như "tà giáo".

Tôi tin là nhà giáo nào cũng muốn mình đi theo con đường "chính giáo". Nhưng đôi khi, chúng ta từ từ rời xa con đường đó và vô tình lạc vào một con đường khác mà không hề hay biết.

Về điều này, tôi muốn chia sẻ một trích đoạn trong cuốn tiểu thuyết có nhan đề *Lần đầu thấy trăng* của tác giả Võ Diệu Thanh - một cô giáo đang dạy học ở An Giang. Đó là một cuốn truyện viết về một ngôi trường nhỏ, ở một vùng quê nhỏ. Đó cũng chỉ là một lát cắt rất rất nhỏ, có thể là chưa đủ để phản ánh chính xác thực trạng diễn ra quanh chúng ta, nhưng tôi tin rằng không ít người làm nghề dạy học khi đọc trích đoạn này sẽ thấy phảng phất những

mô thức quen thuộc:

"Hậu nói nó muốn được đi học để làm một cô giáo có lương tâm. Muốn được như vậy nó phải hoàn toàn tự do như thầy Độ. Nó thấy thầy cô mình đã bị tước mất tất cả tự do. Từ khi nào? Hình như từ rất sớm. Năm này qua tháng nọ, phải cúi đầu mà làm việc. Thấy sai cũng làm. Riết rồi không biết cái gì là đúng là sai nữa. Một ngày kia chợt nhận ra mình nhút nhát biết bao, hèn mọn biết bao. Nhưng mình đã cảm thấy an toàn trong cái vòng kim cô. Đến độ khi có thể gỡ nó xuống mình tự hỏi liệu có sống nổi không với cảm giác trống trải, mất phương hướng của tự do.

... Dạy trong lớp chỉ ào ào theo những gì quy định, xong tiết bước ra... Họ đuổi theo những kiến thức cao siêu đâu đó. Họ nghiên cứu tâm lý học trò trên sách vở, trên giáo trình một cách nhuần nhuyễn. Khi cần thuyết trình họ nói thao thao bất tuyệt. Khi đứng giảng bài đọc vanh vách những khái niệm đã ăn sâu vào đầu óc họ từ năm này qua tháng kia. Giống như một tín đồ ngoan đạo thuộc làu làu kinh kệ- Những chữ vô tri chẳng đọng lại chút gì trong lòng. Con mắt phải đọc cái câu sống chan hòa với nhân loại cỏ cây. Con mắt trái đã liếc xéo những người tu bằng đường đạo khác mình. Dạy học trò chữ tôn sư trọng đạo nhưng người thầy đứng dạy như một cái xác không hồn, với mớ chữ nghĩa ngổn ngang chằng chịt. Nếu học trò là Bồ Tát mới đủ độ lượng phụng thờ một cái xác chưa kịp chôn vùi".

Thật đau xót khi đọc những lời có tính tự sự ấy. Đúng như tác giả đã viết, để có thể đi theo "chính giáo" và truyền bá "lương giáo" và "khoa giáo", các nhà giáo trước hết phải là những con người tự do. Muốn thế, họ phải biết giành lấy những quyền thuộc về mình mà lâu nay họ chưa hề biết đến hoặc bị tước mất (mà có khi chẳng phải là ai đó tước mất của họ, mà là do họ tự khước từ các quyền vốn có của mình), bắt đầu từ việc đặt ra câu hỏi: "Ngày 20/11 để làm gì?"

Từ bao lâu nay, ngày 20/11 đã trở thành một ngày rất đỗi quen thuộc trong tâm trí của người Việt Nam, thậm chí nhiều người còn xem đó như một ngày tết đặc biệt: "Tết thầy cô giáo". Vì thế, câu hỏi "Ngày 20/11 để làm gì?" thoạt nghe qua có vẻ dư thừa, có khi hơi ngớ ngẩn. Nhưng với các nhà giáo, việc suy nghĩ về chính cái ngày dành cho mình có thể mang nhiều ý nghĩa hơn là một câu hỏi vô thưởng vô phạt.

Trước hết, hãy quay lại tìm hiểu lịch sử hình thành của ngày này:

"Tháng 7 năm 1946, một tổ chức quốc tế các nhà giáo tiến bộ được thành lập ở Paris đã lấy tên là Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục. Năm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản "Hiến chương các nhà giáo" gồm 15 chương với nội dung chủ yếu là đấu tranh chống nền giáo dục tư sản, phong kiến, xây dựng nền giáo dục trong đó bảo vệ những quyền lợi của nghề dạy học và nhà giáo, đề cao trách nhiệm và vị trí của nghề dạy học và nhà giáo.

Công đoàn giáo dục Việt Nam, là thành viên của FISE từ năm 1953 (hội nghị có 57 nước tham dự), đã quyết định trong cuộc họp của FISE từ 26 đến 30 tháng 8 năm 1957 tại Warszawa, lấy ngày 20 tháng 11 năm 1958 là ngày "Quốc tế hiến chương các nhà giáo". Ngày này lần đầu tiên được tổ chức trên toàn miền Bắc Việt Nam. Khi Việt Nam thống nhất, ngày này đã trở thành ngày truyền thống của ngành giáo dục Việt Nam" (Wikipedia).

Lâu nay, chúng ta vẫn mặc nhiên xem rằng ngày 20/11 là ngày để tôn vinh các thầy cô giáo, và các thầy cô giáo cũng hoan hỉ đón nhận sự tôn vinh đó mà quên mất rằng ngày này vốn dĩ được đặt ra không phải là để tôn vinh hay không chỉ là để tôn vinh. Đó là ngày để nhắc nhở nhà giáo về sứ mệnh thiêng liêng của mình. Đó còn là ngày để nhắc nhở giáo giới về hành trình đấu tranh mà họ đã, đang và còn sẽ tiếp tục trải qua, để giành lấy quyền dạy học, quyền tự do thực hiện sứ mệnh thiêng liêng của mình (chứ không chỉ là đấu tranh đòi hỏi và bảo vệ phúc lợi của mình).

Vì thế, sự tôn vinh đầy trân trọng đó của xã hội trong ngày 20/11 một mặt có thể là niềm vui lớn với những người làm nghề dạy học; nhưng ở một mặt khác, nó lại khiến cho những nhà giáo có lương tri cảm thấy đầy áp lực và trách nhiệm. Bởi họ hiểu rằng sự tôn vinh đó cũng đồng thời đi kèm với những đòi hỏi khắt khe hơn, nhất là khi gần đây nghề giáo đang bị một bộ phận xã hội nhìn nhận thiếu tôn trọng vì hàng loạt trường hợp "con sâu làm rầu nồi canh" xảy ra liên tiếp. Với họ, nếu như không làm được gi cho xã hội mà lại nghiễm nhiên đón nhận sự tôn vinh đó từ xã hội thì quả là đáng xấu hổ.

Trong thời đại ngày nay, ý nghĩa của ngày 20/11 sẽ không chỉ dừng lại ở chuyện xác lập và tôn vinh nghề giáo nữa, bởi tầm quan trọng , vị trí, vai trò của nghề này đã mặc nhiên được công nhận mà không cần phải bàn luận thêm. Ngày 20/11 sẽ mang một ý nghĩa lớn hơn, nếu như đó là một ngày để những người làm nghề dạy học tư duy lại và nhận thức lại công việc và nghề nghiệp của mình, cũng như định nghĩa lại vai trò và sứ mệnh của giới mình đối với người học và xã hội. Cho dù xã hội và nhà nước còn nhiều thiếu sót đối với nhà giáo, thì việc những người làm nghề có trách nhiệm ngồi lại cùng nhau để trả lời lại những câu hỏi tưởng chừng như đơn giản nhưng lại liên quan hệ trọng đến công việc, sự nghiệp của mình và có thể giúp mang lại những thay đổi sâu sắc cho bức tranh nghề giáo nói riêng và cả nền giáo dục nói chung. Những câu hỏi đó có thể là: Ai là thầy? Ai là "thợ dạy"? Thế nào là "con người"? Thế nào là khai minh? Thế nào là vô minh? Thế nào là trí thức?..., và hàng loạt những câu hỏi khác có thể nhìn thấy từ đầy rẫy những bức xúc của xã hội.

Những nhà giáo có trách nhiệm hẳn đã không ngừng trăn trở về những câu hỏi sống còn này, vào mỗi ngày đứng bục giảng, chứ không riêng gì ngày 20/11. Nhưng để những suy nghĩ riêng lẻ đó cộng hưởng thành một luồng suy nghĩ mạnh mẽ của cả giáo giới cũng như cả xã hội, bên cạnh việc dành ngày 20/11 như một ngày để suy nghĩ cho nghề, cần có thêm sự hiện diện của một tổ chức chính thức dành cho những người làm nghề. Tổ chức đó có thể là một Hiệp hội nhà giáo Việt Nam, hay một ủy ban quốc tế về chuẩn mực nghề giáo. Sứ mệnh của những tổ chức xã hội nghề nghiệp này sẽ không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ lợi ích của những thành viên là nhà giáo của minh, mà còn là bảo vệ cả những chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực chuyên môn của giới mình và không ngừng nâng cao những chuẩn mực đó nhằm đáp ứng kịp thời những đòi hỏi mới của thời đại.

Nhìn ra thế giới, chẳng hạn như những người làm giáo dục Mỹ đã chuyên nghiệp hóa hoạt động của người thầy bằng cách xây dựng "Bộ quy chuẩn giảng dạy chuyên nghiệp" do một ủy ban quốc gia và hiệp hội nhà giáo ban hành. Nghề giáo là nghề đầy sáng tạo. Bộ quy chuẩn này được xem là một sự sáng tạo chung của nền giáo dục Mỹ, và dựa trên sự sáng tạo chung này, mỗi nhà giáo sẽ có thêm những sáng tạo riêng trong quá trình hành nghề của mình.

Nhìn sang các nghề khác, những người làm kiểm toán đã theo đuổi mục tiêu đạt “chứng chỉ hành nghề” của quốc gia và quốc tế, những người làm nghề y, nghề luật … cũng bắt đầu kết nối mình với những hội nghề nghiệp có uy tín quốc tế lớn … Họ đang chuyên nghiệp hóa và quốc tế hóa trình độ của mình để có thể thực hiện tốt hơn thiên chức nghề nghiệp mà họ đã tự nhận lãnh. Và rất nhiều người làm giáo dục giật mình khi đối diện câu hỏi từ một phụ huynh nước ngoài muốn cho con học tại Việt Nam: "Ở trường bạn, có bao nhiêu giáo viên có chứng chỉ hành nghề và đạt chuẩn chuyên nghiệp?". Giật mình và nhiều người lúng túng nhìn nhau: liệu đã đến lúc chúng ta cần một "cái chuẩn" chung, một "cái chuẩn" mới đầy trí tuệ để chuyên nghiệp hóa hoạt động của người thầy? Cái chuẩn ấy sẽ giúp ta hiểu rõ hơn về đạo đức nghề nghiệp và năng lực chuyên môn của nhà giáo. Chuẩn đạo đức chính là những kim chỉ nam mà bất cứ một nhà giáo nào cũng phải tâm niệm để xác lập phẩm chất của người thầy. Chuẩn chuyên môn chính là yêu cầu về khả năng sư phạm và trình độ chuyên môn mà người thầy cần phải có đối với từng buổi học, môn học, lớp học...

Đặt ra chuẩn mực chính là cách để bảo vệ uy tín, hình ảnh của những người làm nghề giáo trong xã hội và khiến cho tiếng nói của giới (mà tổ chức này làm đại diện) đối với chính quyền, với cộng đồng sẽ trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ. Đó cũng là cách để chúng ta có những người thầy có khả năng đua tranh mạnh mẽ cùng đồng nghiệp của mình trên khắp thế giới, có khả năng tạo ra những người trò tự do và có khả năng sống một cách đàng hoàng và làm việc thành công ở bất kỳ xứ sở nào trên thế giới. Đó còn là cách nhằm đề cao và tôn vinh những người thầy đúng nghĩa, loại khỏi giới nhà giáo những nhân tố có thể làm hoen ố hình ảnh của nghề cao quý này.

Nhưng những thay đổi đầu tiên trong diện mạo của nghề giáo có thể được tạo ra từ chính các nhà giáo, bắt đầu từ những suy tư về chính cái nghề của mình trong thời đại mới, về chính cái ngày dành cho mình... một cách hết sức giản đơn như thế, mà cũng đầy sâu sắc mạnh mẽ như thế. Giản đơn, nhưng cũng đủ mạnh mẽ để thắp lên một đốm lửa nhỏ để từ

đó, niềm tin vào giáo dục lại được thắp lên!

3. “Nhà mẹ”/ Gia đình

Khi bàn về cải cách giáo dục, người ta thường nhấn mạnh việc làm sao để hai chủ thể "nhà trường" và "nhà giáo" làm đúng việc của mình, mà ít khi nhắc đến một "nhà" khác cung không kém phần quan trọng là... "nhà mẹ , tức "gia đình". Gia đình chính là "ngôi trường" đầu tiên mà hầu hết mọi người đều trải qua trước khi đặt chân vào trường học chính thức hay "trường đời". Đó cũng là một trong ba thành tố có ảnh hưởng lớn nhất trong hành trình trưởng thành của một con người và thường được nhắc chung với nhau là nhà trường, gia đình và xã hội.

Trong bối cảnh ngày nay, sự quan tâm và "can dự" của gia đình vào việc giáo dục con mình lại càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, nếu như nhà nước không được xem giáo dục là công cụ để "nhào nặn" người dân thành thứ "dân" mà mình muốn, thì gia đình (chủ yếu là cha mẹ) cũng cũng không nên "nhào nặn" con mình theo kiểu như vậy. Khi cha mẹ thực sự thương con thì sẽ giúp con biết "khai phóng bản thân", "tìm ra chính mình", "làm ra chính mình"... chứ không nên biến con mình thành người mà mình muốn; cũng không nên dùng con để hiện thực hóa những giấc mơ của mình (nhưng lại không phải là giấc mơ của con). Một cha mẹ có hiểu biết và có tấm lòng sẽ xem con mình trước hết là một "con người”, sau đó mới là "con mình". Và "con người" thì luôn to hơn và quan trọng hơn "con mình". Ngược lại một đứa con hiểu biết và hiếu nghĩa cùng sẽ biết làm sao để được sống cuộc sống của mình, nhưng không làm phương hại tới người khác cũng không vô trách nhiệm với ai, và đặc biệt là không làm cho cha mẹ mình phải đau lòng vì nhưng lựa chọn hay cách thức chia sẻ của mình. Một khi gia đình có những người cha người mẹ tự do và đầy tình thương yêu, có những đứa con hiểu biết và hiếu nghĩa thì lý do gì mà gia đình đó lại không được hạnh phúc tròn đầy!

Hiện nay, cánh cửa hội nhập tri thức giữa Việt Nam và thế giới đã được mở rộng rất nhiều so với trước, cũng như với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các trường quốc tế, trường tư thục và nhiều mô hình giáo dục mới khác, lẽ ra cha mẹ sẽ "khỏe" hơn nhiều trong chuyện giáo dục con mới đúng, chứ tại sao lại phải "can dự" nhiều vào việc giáo dục con cái? Chưa kể là điều kiện kinh tế của các gia đình bây giờ cũng tốt hơn nhiều so với trước, nhờ vậy mà cha mẹ cũng có thể thoải mái lựa chọn những giải pháp giáo dục tốt hơn cho con mình.

Tất nhiên, không thể phủ nhận những điểm thuận lợi nêu trên. Nhưng cũng chính những thuận lợi đó đã vô tình góp phần tạo ra hai "vấn nạn" lớn nhất trong tư duy giáo dục con cái nhiều gia đình ngày nay là: (1) Phó mặc con cho nhà trường, và (2) Cho rằng cứ bỏ tiền ra là có thể mua được giáo dục tốt cho con.

Có nhiều lý do khiến cha mẹ phó mặc chuyện giáo dục con cái cho nhà trường: quá bận rộn, quá vô tâm, quá sức... nhưng phần lớn là vì tâm thế cho rằng một khi con đã đi học thì coi như mình không còn là người chịu trách nhiệm chính. Coi như khi ấy, con mình sẽ trở thành ai, ra sao là việc của trường, của các thầy cô giáo. Thế nên mới có chuyện nhiều phụ huynh một ngày nọ nhận được thư mời họp của trường về một chuyện "ngoài sức tưởng tượng" của con thì mới ngã ngửa kêu trời, thậm chí còn đổ lỗi hay trách ngược nhà trường về việc mà lẽ ra mình cũng có một phần trách nhiệm.

Ví dụ có lần, tôi đọc trên báo mẩu chuyện về một ông bố, khi biết con mình bị nhà trường kỷ luật vì đánh nhau với bạn, ông đã xông vào trường đánh giáo viên của con vì cho rằng giáo viên đã chèn ép, thiếu công bằng với con mình, "không biết dạy nên mới để học trò đánh nhau". Tôi chợt nghĩ, có khi chính ông mới là người đã khiến con ông bị kỷ luật chứ không phải là do nhà trường hay ai khác!

Việc cho rằng hễ có tiền thì có thể mua được giáo dục tốt cho con cũng là một lối suy nghĩ rất phổ biến ngày nay, thậm chí là ở cả những phụ huynh rất quan tâm đến việc giáo dục con mình. Nhưng thực sự, nền tảng văn hóa, nền tảng giáo dục của một con người không phải là thứ có thể mua bằng tiền. Tiền bạc không bao giờ là thứ đảm bảo chắc chắn cho giá trị giáo dục mà con cái chúng ta sẽ nhận được (dù nó có thể giúp mang lại cơ sở vật chất, chất lượng dịch vụ tốt hơn).

Có một người mà tôi biết đã dồn hết mọi tiền bạc để cho con đi học ở một trường quốc tế có tiếng và cũng là thuộc diện đắt đỏ bậc nhất ở Sài Gòn, dù gia đình chị cũng thuộc diện tương đối khá giả chứ không phải giàu có lắm, với mong muốn sẽ cho con một nền giáo dục "chuẩn quốc tế" không thua kém bất kỳ ai. Bỗng một ngày nọ, chị nói với tôi rằng chị đang muốn tìm một ngôi trường khác cho con, trường công bình thường cũng được. Chuyện là đứa con của chị xin mẹ cho đi trại hè ở nước ngoài cùng với các bạn cùng lớp, nhưng chị thấy chi phí chuyến đi lên đến - hàng ngàn đô la - một con số quá lớn nên chị không đồng ý. Ít lâu sau, chị tình cờ đọc được tin nhắn của con gửi cho bạn với những lời chê trách chị thậm tệ, thậm chí con còn gọi chị là "bà già lẩm cẩm", rồi "bà già quê mùa không biết gì".

Quá sốc và đau buồn trước những gì mà mình được con đáp trả, chị đâm ra hoài nghi, phải chăng chính vì được học trong một môi trường xa xỉ đắt đỏ với những người bạn giàu có hơn nhà mình rất nhiều mà con đâm ra ích kỉ, chỉ biết đòi hỏi mà không biết ơn những gì những người khác đã làm cho mình. Nên bây giờ chị lại muốn cho con học ở một trường công bình thường để con bớt đua đòi hơn, dù biết rằng có khi trường công cũng có vô số vấn đề không như mình mong muốn.

Tuy nhiên, chuyện trường công hay trường tư, chuyện đầu tư nhiều tiền hay ít tiền cho sự học của con không thể giải quyết được tận gốc những vấn đề mà chị cũng như nhiều phụ huynh khác đang "đau đầu nhức óc". Bởi trong bối cảnh nhiều xáo trộn ngày nay, các bậc làm cha làm mẹ không thể trông cậy hết vào nhà trường, xã hội hay một giải pháp đâu đó bên ngoài trong chuyện giáo dục con mình. Khi mà nhà trường thay vì là một "thánh đường" của lương giáo lại là nơi ngổn ngang quá nhiều vấn đề đáng lo ngại như nạn chạy trường, mua điểm, gian lận thi cư, bạo lực học đường, đua đòi...; khi mà xã hội đang hứng chịu nhiều cú sốc văn hóa và vô số biến tướng về cách sống, cách hành xử như hiện nay thì hi vọng lớn nhất và cũng là giải pháp chắc chắn nhất cho việc dạy con và cứu con mình khỏi những lệch lạc của cuộc sống lại chính là gia đình. Nói nôm na như một phụ huynh từng nói với tôi là: "Nhà trường vầy, xã hội vầy thì sao dám giao con cho ai? Chỉ có mình tự cứu lấy con mình thôi!"

Nhưng đó cũng không phải là chuyện dễ dàng gì với các gia đình, khi mà toàn cầu hóa đang cuốn chúng ta vào một cơn lốc xoáy mãnh liệt, kèm theo bối cảnh khủng hoảng về nhiều mặt, đẩy những đứa trẻ ra khỏi vòng kiểm soát của cha mẹ một cách nhanh chóng. Cùng với nó là khoảng cách thế hệ ngày càng bị kéo giãn bởi những thay đổi như vũ bão của thời cuộc. Tình thương yêu không bao giờ mất đi, nhưng sự đối thoại giữa ông bà, cha mẹ và con cái đang ngày càng khó khăn hơn vì khoảng cách thế hệ quá lớn này. Nếu như trước đây, khoảng cách giữa hai thế hệ thường được xem là khoảng 25 năm thì ngày nay, với sự thay đổi chóng mặt và khôn lường của mọi thứ, có khi chỉ cách nhau mấy tuổi đã là hai thế hệ. Nhưng không đối thoại thì làm sao có thể dạy con? Không đối thoại thì chuyện con nhìn cha mẹ như "đồ cổ", "hàng tồn kho" (hay như "bà già lẩm cẩm" trong câu chuyện của chị bạn nói trên), còn cha mẹ nhìn con như những đứa "không ra thể thống gì", "không thể hiểu nổi" e là chuyện khó tránh khỏi!

Một người chủ một doanh nghiệp lớn mà tôi biết đặt ra một quy định như sau cho gia đình mình: Hàng tuần, cho dù có bận rộn đến mấy đi nữa, cả gia đình phải ăn với nhau ít nhất là một bữa cơm chung. Và hàng chục năm qua, gia đình anh hiếm khi phá vỡ quy định này. Dù bận rộn đến mấy, cứ hàng tuần, vợ chồng con cái dâu rể nhà anh (trong đó có không ít người thành đạt ngoài xã hội) lại sum vầy đông đủ để ăn cơm cùng nhau (trừ trường hợp có ai đó phải vắng mặt vì lý do đi công tác xa) và trong khoảng thời gian đoàn viên đó hầu như không ai đụng tới điện thoại hay máy tính. Anh nói, trong thời đại bận rộn ngày nay, bữa cơm gia đình vừa là "diễn đàn đối thoại" giữa các thế hệ, lại vừa là một "trường học đặc biệt" cho những đứa trẻ. Chỉ là một mâm cơm nhỏ nhưng lại có tác dụng rất lớn trong việc xóa nhòa khoảng cách giữa cha mẹ con cái.

Ai cũng muốn có những bữa ăn ngon, nhưng thế nào là bữa ngon? Có thể hình dung một bữa ăn ngon (nhất là bữa ăn sum họp gia đình) gồm năm yếu tố sau: yếu tố đầu tiên, tất nhiên đồ ăn phải ngon; yếu tố thứ hai là món ăn phải được trình bày đẹp, vì người ta không chỉ ăn bằng miệng mà còn "ăn" bằng mắt nữa; yếu tố thứ ba la khung cảnh của bữa ăn (đây cũng là lý do mà trong những gia đình văn minh, dù nhà có nhỏ hẹp mấy đi nữa thì nơi đẹp

nhất và thoáng nhất thường chính là bàn ăn ở gian bếp); yếu tố thứ tư là những người cùng ăn (ăn cái gì là quan trọng, nhưng ăn với ai đó cũng quan trọng không kém); và yếu tố cuối cùng là câu chuyện của bữa ăn. Đó cũng chính là lý do vì sao mà mâm cơm đầm ấm đã trở thành nơi khởi nguồn cho việc hình thành gia đạo và cũng là trường học vĩ đại bậc nhất của mỗi người, nhất là thuở đầu đời.

Tất nhiên, "mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh", không ai giống ai, không nhà nào giống nhà nào, và không phải cứ đối thoại là sẽ xóa nhòa được khoảng cách thế hệ. Khi ấy, việc xây dựng gia đạo như một "người thầy lớn" giúp dạy con nên người là việc mà các ông bố bà mẹ hoàn toàn có thể chủ động được.

Gia đạo, đó là "con đường" của một gia đình. Con đường ấy có thể được thừa hưởng từ các thế hệ trước, hay do chính thế hệ của mình ý thức tạo dựng nên. Còn "gia pháp", "gia phong , trong mường tượng của nhiều người cũng tựa như một cây roi bên cạnh bàn thờ tổ tiên, không dùng để đánh mắng con cái bao giờ nhưng lúc nào cũng có tác dụng nhắc nhở, răn đe, hướng dẫn con cháu trở về con đường đúng đắn. Nghe những này có vẻ hơi hoài cổ. Nhưng càng hiện đại thì càng cần phải sàng lọc và gìn giữ những nếp nhà tuy xưa cũ nhưng vẫn còn nguyên giá trị. Từ nếp nhà này cộng với những giá trị phổ quát từ thế giới tiến bộ thì mới có thể hình thành một "gia đạo hội nhập" cho con cháu thời nay.

Gia đạo là những thứ mà một gia đình hay đại gia đình đã dày công tạo dựng và lưu truyền qua nhiều thế hệ để hình thành nên bản chất và đặc trưng của chính gia đình ấy, là người thầy có ảnh hưởng thầm lặng nhưng vô cùng lớn tới con cháu. Gia đạo là việc nghệ sĩ Thành Lộc lớn lên và làm nghệ thuật với lời cha dặn: "Nghệ sĩ chân chính thì không hơn thua nhau nơi cánh gà". Gia đạo cũng là việc có những bạn thủ khoa chia sẻ: "Em được may mắn sinh ra trong một gia đình hiếu học". Hay có lúc gia đạo chỉ đơn giản là việc một cô nhân viên nổi trội và được yêu mến trong tổ chức vì luôn tâm niệm lời mẹ dạy: "Ở nhà với mẹ thì sao cũng được, nhưng ra đường thì phải luôn nhớ: Ăn thì nhường mà làm thì giành."

Nhưng không phải gia đạo nào cũng tốt, như các cụ ngày xưa đã nói, có hai loại gia đạo phổ biết nhất mà các bậc cha mẹ có thể tự chọn lựa nhằm để lại cho con cháu đời sau, đó là: (1) "*Cha mẹ hiền thì để đức cho con*"; hoặc (2) "*Đời cha ăn mặn thì đời con khát nước*". Và để gia đình mình có gia đạo nào thì đây phải là sự lựa chọn cả đời, chứ không phải chỉ là lựa chọn vào *cuối đời.*

Gia đạo, một cách văn vẻ hơn, là văn hóa gia đình, là những giá trị làm nên một gia đình, là những thứ mà vì nó và để bảo vệ nó, các thành viên trong gia đình sẵn lòng hi sinh mọi thứ khác. Gia đạo sẽ làm một gia đình được kính trọng hoặc bị coi khinh. Đó cũng là thứ làm cho những đứa con sinh ra, lớn lên và cảm thấy tự hào về gia đình mình. Đó không phải là bố làm lớn, mẹ nhiều tiền hay gia thế lẫy lừng, nhà to, xe xịn, mà là những kỷ cương cần thiết, những giá trị vô hình đủ đẹp để mọi thành viên trong gia đình theo đuổi và làm gương cho con cháu. Gia đạo vừa là "chân ga" vừa là "chân thắng" của gia đình, giúp đứa con có động lực để vượt qua khó khăn để đi đến điều mình muốn, nhưng cũng biết dừng lại đúng lúc trước những cám dỗ.

Lớn lên trong một gia đạo như thế, khó ai có thể phản bội niềm tin, giá trị, truyền thống của gia đình mình, ngay cả khi bối cảnh xã hội xung quanh đầy rẫy những điều ngược lại.

Đó chính là câu chuyện của một huấn luyện viên bóng đá nổi tiếng tại Rwanda tên là Stone. Khi đang trên đỉnh cao sự nghiệp bóng đá của mình, Stone bị một cầu thủ khác cố tình chơi xấu và hệ quả là ông vĩnh viễn không còn có thể chơi bóng được nữa. Trong tình huống đó, điều Stone hoàn toàn có thể làm là trả thù lại người chơi xấu ông, vì trả thù là điều được khuyến khích trong văn hóa Rwanda, một người đàn ông bị chơi xấu mà không trả thù thậm chí còn bị xem là hèn nhát. Nhưng Stone đã chọn cách tha thứ. Rồi ông chọn cách trở thành một huấn luyện viên bóng đá, dạy bóng đá cho những trẻ em đường phố của Rwanda, giúp chúng từ những đứa trẻ lang thang ngỗ ngược thành những cầu thủ thành công, dạy chúng thành những con người tử tế. Ông nói rằng, động lực lớn nhất giúp ông đi ngược lại cái "lẽ thông thường" của xã hội Rwanda chính là những lời mẹ ông vẫn luôn căn dặn từ tấm bé: "Con ạ, hãy biết yêu thương và tha thứ!" Stone được ngưỡng mộ như một biểu tượng của tình yêu thương và lòng tha thứ ở Rwanda, nhưng có lẽ chính người mẹ của ông với gia đạo tuyệt vời của bà mới là người còn đáng ngưỡng mộ hơn!

Không phải ai cũng may mắn được sinh ra trong một gia đình với gia đạo tốt đẹp như Stone. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh đó, chúng ta vẫn có thể thay đổi bản thân mình và thay đổi gia đình mình thông qua việc tái xác lập một gia đạo mới, bắt đầu từ việc xây dựng những "nếp nhà" nho nhỏ. Cách cha mẹ đối xử với ông bà cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến cách con cái đối xử với cha mẹ. Hình ảnh cha mẹ thành kính khi thắp một nén nhang trước bàn thờ tổ tiên sẽ đi vào tiềm thức, tâm thức và ký ức của đứa con về cội nguồn và sự biết ơn để rồi mai này, đến lượt con cũng sẽ biết trân trọng nếp nhà như cha mẹ.

Để rồi nếp nhà ấy sẽ trở thành gia đạo, và gia đạo ấy sẽ quyết định số phận tương lai của gia đình và cả các thế hệ con cháu mai sau.

4. Người học

Người học thường được xem như "sản phẩm" của hệ thống giáo dục, gồm nhiều nhân tố, từ nhà nước, đến nhà trường, nhà giáo và gần gũi nhất là từ gia đình và các tác nhân ngoài xã hội.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy, đồng thời với quá trình chịu tác động của hệ thống giáo dục này, con người còn là "sản phẩm" của chính mình, của một quá trình "giáo dục tự thân".

Chẳng hạn, một số người vẫn bảo rằng, rất nhiều người trong số chúng ta là những sản phẩm bị "lỗi" của nền giáo dục Việt Nam. Nhưng có một thực tế khác: đâu phải tất cả những ai thụ hưởng nền giáo dục trong nước đều bị "lỗi", vẫn có rất nhiều người thành nhân và thành tài mà chưa hề thụ hưởng một nền giáo dục nào khác ngoài những điều đã được học, được dạy trong nhà trường Việt Nam. Tìm hiểu những kinh nghiệm của họ, sẽ rất dễ nhận ra, điểm khác nhau chính là ở nhận thức về sự học và quá trình tự học, tự rèn luyện, tự thân vận động của họ.

Thực tế là không nhiều người xem việc học là một mục tiêu tự thân như vậy. Hầu hết chúng ta khi còn nhỏ thì học vì gia đình, lớn lên thì học vì bằng cấp, vì danh tiếng, hay vì muốn kiếm một chỗ làm tốt lương cao.

Năm 1931, học giả Phan Khôi từng nhận định: "*Người mình coi sự học cũng như cái cục gạch để gõ cửa, khi cửa mở ra rồi thì cục gạch ném đi. Cái học của ta là để gõ cái cửa giàu sang, khi giàu sang rồi thôi không nói đến học nữa*". Còn năm 1959, học giả Nguyễn Duy Cần cũng đã viết trong tác phẩm Tôi tự học của mình như sau:

"Có kẻ đậu năm ba bằng, có người đậu cử nhân tiến sĩ thế mà cũng bị người ta mắng cho là đồ vô học.

Như thế thì người có học" là người như thế nào? Chắc chắn, nó phải có một định nghĩa rõ ràng, nhưng thường được hiểu ngầm hơn là nói trắng ra.

Tôi có quen nhiều bạn đậu kỹ sư điện, thế mà trong nhà có máy điện nào hư, phải đi tìm những anh thợ máy điện đến sửa. Nếu ta bảo họ giảng nghĩa về điện học, thì phải biết, họ sẽ làm cho ta điếc óc. Tôi có biết nhiều ông giáo sư ở trường sư phạm ra, thế mà trong khi dạy học, họ không biết áp dụng một nguyên tắc sư phạm nào cả, học trò vẫn than phiền là giờ dạy của họ buồn ngủ muốn chết, không hiểu được gì cả. Rồi họ còn bảo: "Học trò mà học dở, không phải lỗi tại thầy". Tôi cũng thấy vài ông đậu bằng tiến sĩ hay thạc sĩ triết học, thế mà cách ăn ở với đời vụng dại như một người ngu, không hiểu chút gì về tâm lý con người cả.

Học như thế, không có lợi ích gì cho mình mà còn hạ phẩm cách của con người. Georges Duhamel có nói: "Đừng sợ máy móc của bên ngoài, hãy sợ máy móc của cõi lòng". Một xã hội mà con người chỉ còn là bộ máy thì sứ mạng của văn hóa đã đến ngày tận cùng rồi, mà tinh thần loài người rồi cũng đến lúc diệt vong: có xác mà không hồn. Học mà đưa con người đến tình trạng ấy, tôi tưởng thà đừng học có hơn không? Cái hiện trạng của xã hội ngày nay phải chăng một phần nào đều do những bộ óc "học thức nửa mùa" ấy gây nên?

Tất cả những dòng ấy đều được viết cách đây non một thế kỷ nhưng gần như chẳng khác chuyện thời nay là mấy! Vậy thì phải chăng đã đến lúc người học cần ý thức được vai trò "làm chủ" của mình trong toàn bộ quá trình giáo dục - mà ở đó mọi tác nhân khác như nhà nước, nhà trường hay nhà giáo... chỉ đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung và cung cấp thông tin, kiến thức cho người học để họ tự hoàn thành mục tiêu học tập của chính mình. Nghĩa là, người học vừa là nguyên liệu, vừa là sản phẩm, vừa là nhà sản xuất và cũng lại là trung tâm của cả quá trình giáo dục. Người học cần phải biết nắm lấy sự chủ động cao nhất trong toàn

bộ quá trình này. Và mọi sự đổi thay, mọi sự cải cách hay mọi cuộc cách mạng về giáo dục đều bắt đầu từ sự học, chính xác là bắt đầu từ "cách mạng sự học" của bản thân mỗi người.

Trong một báo cáo toàn cầu về giáo dục vào năm 1996, UNESCO đã định nghĩa lại mục tiêu của việc học dành cho mỗi người như sau: học để hiểu biết, học để làm việc, học để làm người và học để chung sống. Chúng ta cũng có thể có một cách hiểu, một cách diễn đạt khác về những mục tiêu nay, đó là: học làm người, học làm việc và học làm dân. Những mục tiêu này có thể được giải quyết một cách thấu đáo bằng phương pháp luận cơ bản mà tôi gọi là "Sự học 2W1H". Cụ thể, chúng ta sẽ tìm được ý nghĩa thực sự của sự học nói chung, cũng như của từng tiết học, buổi học, môn học, lớp học, khóa học, cấp học, bậc học... với hệ thống câu hỏi: "Why - Tại sao học (lý do) và "For What" - Học để làm gì?" (mục đích); "What - Học cái gì để đạt được mục tiêu đó?" (nội dung học) và How - Học như thế nào?" (phương pháp học). Trước tiên phải xác định được cái "Why & For What", rồi mới đến cái "What" và cái "How".

Hãy bắt đầu bằng một ví dụ cụ thể về chuyện học để làm việc: Một sinh viên bước chân vào khoa điện của một trường đại học. Từ ngưỡng cửa này, có rất nhiều "kịch bản tương lai" mà người sinh viên đó có thể chọn cho mình. Anh ta có thể chọn: "Miễn sao lấy được tấm bằng kỹ sư điện, còn chuyện biết gì về điện hay không tính sau", hoặc là "Chẳng lấy được tấm bằng nào cũng được, chuyện đèn sách ở trường đi về đâu cũng được, miễn có thể trở thành một chuyên gia giỏi về điện nhờ suốt ngày miệt mài đam mê tự nghiên cứu và thực hành"; hay "Nhất định phải vừa có bằng kỹ sư hẳn hoi mà lại rất giỏi nghề." Tùy theo mỗi kịch bản mà chàng sinh viên này sẽ có cách học, nội dung học khác nhau. Nhưng chính anh ta, chứ không ai khác, mới có thể quyết định tương lai của chính mình bằng việc hiểu rõ động cơ thực sự bên trong của mình trong suốt quá trình được đào luyện và tự đào luyện này.

Hay một câu chuyện khác: Có một sinh viên nói với tôi rằng em đang cảm thấy chán nản vì sau giai đoạn học đại cương, em không được xếp vào ngành học mà mình mong muốn. Em rất muốn theo ngành kiểm toán, nhưng lại bị xếp vào ngành tài chính nhà nước. Em đang cảm thấy không còn chút thiết tha nào với việc học và đang suy nghĩ liệu có nên bỏ học hay không. Tôi bèn nói với em: Mục tiêu học của em là gì? Nếu mục tiêu của em là lấy được một tấm bằng chuyên ngành kiểm toán của trường đại học thì đúng là em không nên mất thời gian ở trường đại học nữa, vì chắc chắn em sẽ không đạt được mục tiêu đó. Còn nếu mục tiêu của em là học nghề kiểm toán thì chuyện em được phân vào chuyên ngành nào hay có ngồi trên ghế giảng đường đại học hay không phải là chuyện quan trọng nữa. Bởi cho dù trong khoa tài chính nhà nước người ta không dạy em nghề kiểm toán, nhưng cũng không ai cấm em học thứ em muốn. Một khi em đã thực sự muốn học thì nhất định em sẽ kiếm được cách này hay cách khác để học. Chính em sẽ là người quyết định tương lai nghề nghiệp của em, chứ không phải cái quyết định xếp chuyên ngành của nhà trường.

Qua những ví dụ trên, có thể thấy rằng, tất cả những môn học, những lớp học... và thậm chí cả hệ thống giáo dục, đều có thể được định nghĩa lại bằng 2W1H. Không chỉ định nghĩa lại từ cấp vĩ mô mà còn từ bản thân mỗi người học, không chỉ định nghĩa lại từ cả một đời học mà còn từ mỗi tiết học.

Phải định nghĩa lại, vì *chỉ có học thực mới có năng lực thực; chỉ có năng lực thực mới có thể làm thực; chỉ có làm thực mới có thể tạo ra giá trị thực; chỉ có tạo ra giá trị thực mới có thể sống thực, mới có thể có cuộc đời tự do. Tất cả, bắt đầu từ thực học!*

Và mỗi người sẽ có thể "thực học" thông qua việc "làm chủ" quá trình giáo dục và quá trình tự học của chính mình. Làm chủ sự học, tức là giành lấy một trong những quyền thiêng liêng nhất của con người: quyền được làm ra chính mình, chứ không phó mặc cho mình là một sản phẩm được “nhào nặn" bởi một bàn tay nào khác. Ngay cả một đứa trẻ non nớt cũng cần được tôn trọng quyền này. Nhà giáo dục Maria Montesson - tac giả của *phương pháp Montessori* nổi tiếng thế giới từng đúc kết một câu hết sức súc tích về triết lý giáo dục dành cho trẻ em mà bà tin tưởng là: Help me do it myself" ("Hãy giúp con để con có thể tự mình làm lấy"). Năng lực tự đào luyện mình chính là đích đến quan trọng nhất của sự học và năng lực ấy chỉ có thể được hình thành ở người học khi họ có quyền được làm ra chính mình trong diễn trình giáo dục.

Yếu tố quan trọng nhất của mọi cuộc cách mạng là sự "đổi ngôi": đổi vai trò của nhân dân từ người nô lệ thành người làm chủ, đổi kẻ bị trị thành người cai trị hay tự trị, và ngược lại. Cách mạng sự học cũng tương tự như vậy, nó thay đổi vai trò của người học từ thân phận của kẻ nô lệ của quá trình giáo dục thành người làm chủ quá trình giáo dục, và đổi từ quá trình giáo dục thành quá trình học tập. Khi ấy, tất cả các chủ thể (nhà nước, nhà trường, nhà giáo, nhà mẹ...) phải xoay quanh sự học của người học, lấy đó làm trung tâm phục vụ của mình. Khi ấy, "*ta là sản phẩm của chính mình*" sẽ là câu tuyên ngôn mà người học phải giương cao trong cuộc cách mạng sự học của mình. Chính mỗi người là sẽ người nắm lấy thế chủ động trong hành trình làm ra chính mình, như sử gia người Anh, Edward Gibbon từng nói: "*Mỗi người đều nhận được hai thứ giáo dục: một thứ do người khác truyền cho; một thứ, quan trọng hơn nhiều, do mình tự tạo lấy".*

Khi người học hiểu được rằng "*Ta là sản phẩm của chính mình*" thì sẽ có thêm niềm tin vào giáo dục. Bởi có thể phải mất rất nhiều năm để có thể tạo ra một cuộc cách mạng về giáo dục, trong đó cần đến sự tham gia của nhà nước, nhà trường và cả các bậc thức giả trong xã hội. Nhưng một cuộc cách mạng về sự học của cá nhân có thể diễn ra một cách rất nhanh chóng, chỉ bằng sự chủ động và quyết tâm của chính bản thân mỗi người. Bởi đây là cuộc cách mạng "*của ta, do ta và vì ta*".

Có niềm tin vào việc học, có niềm tin vào giáo dục, thì sẽ có niềm tin vào tất cả. Đó là tiền đề, cũng là cơ sở cho mọi thành công của mỗi cá nhân, của nền giáo dục và của cả xã hội trên con đường dài phía trước.

5. Nhà nước

Chủ thể cuối cùng trong "bộ năm chủ thể" của hệ thống giáo dục của bất kỳ quốc gia nào chính là nhà nước. Nói một cách ngắn gọn, công việc quan trọng nhất của nhà nước là tạo môi trường, tạo điều kiện để các chủ thể khác có thể làm đúng vai trò và phát huy tối đa vai trò của mình trong hệ thống giáo dục. Nếu nhà nước làm đúng việc và làm tốt việc này, khả năng những chủ thể khác cũng làm đúng việc và làm tốt việc của mình được tăng lên rất cao. Ngược lại, nó có thể khiến cho từng chủ thể cũng như toàn bộ hệ thống giáo dục rơi vào tình trạng tê liệt.

Năm 2009, tôi có một báo cáo tại Đại học Tokyo với nhan đề "*Định nghĩa lại giáo dục*" (trong đó đặc biệt là định nghĩa lại vai trò của các chủ thể then chốt trong một hệ thống giáo dục). Và năm 2011, tôi đã phân công TS. Nguyễn Khánh Trung và hai thành viên của Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (gọi tắt là "Viện IRED") thực hiện một đề tài nghiên cứu so sánh giáo dục Việt Nam và Phần Lan (thông qua việc nghiên cứu điển hình giữa hai trường tiểu học công lập của hai nước), để tìm hiểu và làm rõ thêm về vai trò của các chủ thể then chốt trong hệ thống giáo dục hiện nay.

Giáo dục Phần Lan là một trong những nền giáo dục tiến bộ của thế giới, được nhiều quốc gia quan tâm học hỏi. Đặt Việt Nam bên cạnh Phần Lan để so sánh, nghiên cứu này đã chỉ ra những vấn đề đáng trăn trở. Tại sao một quốc gia có điều kiện thiên nhiên khó khăn khắc nghiệt hơn cả Việt Nam, tại sao cũng xuất phát là một đất nước nghèo khó nợ nần sau 40 năm chiến tranh và thuộc phe bại trận mà nay Phần Lan đã trở thành một trong những quốc gia thịnh vượng và văn minh bậc nhất của thế giới và đặc biệt thành công trong giáo dục? Câu hỏi ấy khiến chúng ta không khỏi thắc mắc: điều mà họ đã làm khác chúng ta là gì?

Dưới đây là một phần bảng so sánh về vai trò của các chủ thể trong xây dựng nội dung chương trình giáo dục được trích từ nghiên cứu này:

Vai trò các chủ thể / Việt Nam / Phần Lan

Nhà nước [illegible] khoa, sách giáo viên, các chuyên đề điều chỉnh theo đợt cũng như các nhiệm vụ kế hoạch giảng dạy hàng năm.

[illegible] **chương trình giáo dục** [illegible] viên lên trên thông qua các đợt học tập, hội thảo.

[illegible] chủ động lựa chọn những chất liệu, nội dung phục vụ việc giảng dạy trong lớp.

[illegible] lựa chọn các môn học và thời lượng học thuộc thẩm quyền của trường, cùng với giáo viên lựa chọn một số nội dung và chất liệu học tập trong các tiết học.

[illegible] thư, điện thoại, gặp trực tiếp trao đổi với cán bộ, hiệu trưởng và giáo viên, sử dụng lá phiếu bầu ra các cấp chính quyền đại diện cho tiếng nói của mình. Đóng góp vào những nội dung giảng dạy thuộc thẩm quyền của trường.

Nghiên cứu cũng chỉ ra một số điểm khác biệt đáng lưu ý khác như: Nội dung chương trình giáo dục tại Việt Nam nặng về chính trị, thiên về sự đồng loạt, tập thể; trong khi nội dung chương trình giáo dục tại Phần Lan là nằm ngoài chính trị, ngày càng thiên về hình thức khác biệt hóa, cá nhân hóa trong giảng dạy nhằm hoàn thành mục tiêu đào tạo là "*con người tự do, tự chủ và tự chịu trách nhiệm*". Hay ở Phần Lan, sự khác biệt giữa chủ trương của nhà nước và thực tế đang diễn ra là không lớn, không có tình trạng chủ trương thì "đổi mới" nhưng cách làm thì vẫn như cũ.

Từ những so sánh trên về hai quốc gia, có thể rút ra kết luận rằng nếu nhà nước càng bao trùm và lấn át các chủ thể còn lại thì các chủ thể đó ngày càng trở nên bị động, đối phó.

Albert Einstein từng nói: "*Sự kiểm soát mà một nhà nước áp dụng lên hệ thống giáo dục có thể dẫn đến sự nô lệ hoá của các công dân của nó. Nếu các ủy ban hay các hội đồng nhà trường bắt đầu can thiệp vào sự chọn lựa sách giáo khoa và phương pháp giảng dạy thì việc học thật sự sẽ bị giết chết. Đối với con người kiến thức không quan trọng lắm. Để có kiến thức, con người không cần đến đại học. Cái đó người ta có thể học từ sách. Giá trị của giáo dục đại học không nằm ở chỗ học thuộc lòng thật nhiều kiến thức mà ở chỗ tập luyện tư duy, cái mà người ta không bao giờ học được từ sách giáo khoa. Bởi vì tất cả những gì vĩ đại và cao cả đều được tạo ra bởi cá nhân trong sự phấn đấu tự do*"

Do đo, để đổi mới hệ thống giáo dục, việc trước hết cần làm là phải rà soát và trả lại quyền cho các chủ thể để mỗi chủ thể có thể làm đúng việc của mình. Chừng nào mà chủ thể này còn ôm đồm lấy việc lẽ ra thuộc về chủ thể khác, chừng nào mà mỗi chủ thể còn chưa hiểu được mình có những quyền gì để mà giành lấy; chừng đó sẽ vẫn còn một khoảng cách lớn giữa chủ trương và thực tế đổi mới giáo dục. Nói cách khác, là dù cờ "đổi mới" được phất đi phất lại không biết bao nhiêu lần, nhưng "đổi" hoài mà vẫn chưa thấy "mới"!

Bên cạnh việc tạo ra một "hệ sinh thái" lành mạnh cho các chủ thể, vai trò của nhà nước còn là thắp lên ngọn lửa cho sự học của mỗi người và sự học của cả một dân tộc. Giống như sự học của tổ chức bắt đầu từ hoài bão và sứ mệnh chung mà tổ chức đó theo đuổi hay sự học của người sẽ bắt đầu từ lẽ sống của người đó, sự học của dân tộc sẽ bắt đầu từ khát vọng quốc gia.

Hàng trăm năm trước, nước Nhật đã thực hiện cuộc Duy Tân Minh Trị, trong đó có chủ trương "*Hòa thần Dương khí*" (Tinh thần Nhật Bản Tinh hoa phương Tây) nhằm đưa tất cả những quyển sách quý nhất của thế giới trong hầu hết các lĩnh vực đến với mọi người dân. Những tinh hoa tri thức của loài người đã phủ đều lên khắp nước Nhật với nhiều triệu bản in của mỗi tựa sách đã được phát hành. Người Nhật trước đó, không hẳn là một dân tộc mê đọc sách cũng không phải là một dân tộc sính ngoại, nhưng khát khao vươn mình, khát vọng đua tranh cùng phương Tây đã làm cho họ hiểu và tin rằng, sự học và tiếp nhận tình hoa tri thức của phương Tây chính là con đường ngắn nhất và khôn ngoan nhất giúp họ có đủ năng lượng để thành công trong cuộc đua tranh này.

Chính khát vọng mãnh liệt ấy của dân tộc đã hun đúc cho hàng triệu công dân của đất nước mặt trời mọc, đã thổi bùng một niềm tin, một động lực ghê gớm, để mỗi ngày, họ dốc sức cho sự học, cho việc tiếp thu tri thức và văn minh của loài người, cho sự phát triển của bản thân, cho sự phồn thịnh và văn minh của quốc gia.

Qua thật, một quốc gia chỉ có thể hùng mạnh khi chia sẻ được nhiều giá trị với thế giới. Điều này đòi hỏi quốc gia ấy phải có nhiều con người có khát vọng và có khả năng tạo ra

những giá trị đẳng cấp toàn cầu thông qua việc cung cấp các "sản phẩm" của mình cho "thị trường" toàn cầu. Chăng hạn như cần có nhiều hơn những doanh nhân tạo ra được những sản phẩm cho thế giới dùng, những nhà văn viết ra được những quyển sách cho thế giới đọc, những nhạc sĩ sáng tác ra được những bản nhạc cho thế giới nghe, những họa sĩ vẽ ra được những bức tranh cho thế giới xem, những nhà khoa học đưa ra được những phát kiến cho thế giới ứng dụng... cần có nhiều hơn những con người có khả năng sống một cách đàng hoàng và làm việc thành công ở bất cứ môi trường nào trên thế giới.

Giáo dục chính là con đường để tạo ra những con người mới cho xã hội tương lai. Và những con người mới này, cũng cần có một hệ giá trị mới, hệ giá trị mới ấy cần lấy phẩm giá con người làm trọng trong mọi chuyện và mọi vấn đề, hệ giá trị ấy cũng cần phải phù hợp với bối cảnh “loài người sống chung" và đang nỗ lực kết nối với các hành tinh khác.

Khát vọng thay đổi mình để thế giới được góp phần đổi thay, hay khát vọng định vị lại hình ảnh quốc gia, tạo dựng vị trí cho tập thể, hay đơn giản hơn là để khẳng định bản thân mình, để được sống với chính mình, luôn là những động lực (bên trong và bên ngoài), những tác nhân (bên trong và bên ngoài) tạo ra sức mạnh lớn lao cho việc học của mỗi người cho mỗi nền giáo dục của quốc gia đó. Khát vọng đó sẽ được thắp lên bởi chính mỗi chủ thể trong hệ thống giáo dục. Nhưng mất bao lâu để thắp nó lên và giữ nó cháy được trong bao lâu, điều đó không chỉ phụ thuộc vào các thành viên cá nhân và các chủ thể khác nhau của xã hội, mà còn cũng phụ thuộc rất nhiều vào sự "đúng việc" trong mọi chuyện và mọi vấn đề của nhà nước vận hành quốc gia đó.

Thay lời kết

Khi tôi chia sẻ về ý tưởng cuốn sách này với một người bạn, câu đầu tiên chị hỏi tôi là: "Anh có thấy áp lực khi viết cuốn sách này không?" Và tôi hiểu ngay lý do vì sao chị hỏi như vậy.

Thật lòng mà nói, trong quá trình viết cuốn sách, không phải không có lúc tôi cảm thấy ngần ngại. Vì lạm bàn về "đúng việc", "sai việc", lạm bàn về việc "sắp xếp lại" mọi thứ, "định nghĩa lại" mọi chuyện (nhất là những chuyện rất hệ trọng và có khi đã được xác tín trong một thời gian dài như làm người, làm dân và làm việc) luôn là một điều quá lớn và quá khó mà sách vở của nhân loại hàng trăm hàng ngàn năm nay cũng đã bàn luận, đã tranh cãi về nó mà vẫn chưa thống nhất được câu trả lời. Chưa kể việc bàn luận về đề tài này cũng khá là... nguy hiểm". Vì nó dễ khiến cho người ta giống như một kẻ mà dân gian hay nói là "ưa dạy đời thiên hạ", hay như "mấy ông triết gia suốt ngày triết lý mấy chuyện đương nhiên ai cũng biết" (Huống chi tôi chỉ là một người làm nghề dạy học!).

Nhưng như Immanuel Kant - triết gia lỗi lạc từng nói (và đây cũng là phương châm của khai minh): "Hãy dám biết và hãy can đảm sử dụng trí tuệ của chính mình!". Trong suốt hành trình thực hiện các công việc làm người, làm dân, làm việc và làm giáo dục của mình, tôi đã luôn cần đến lòng can đảm đó. Riêng với cuốn sách này, tôi cảm thấy nó rất "đáng" để mình lại "dám biết, dám can đảm" thêm một lần nữa. Bởi vì nó là câu chuyện của mọi xứ sở, mọi nhà, mọi tổ chức, mọi cá nhân (mà tôi cũng là một cá nhân trong số đó). Nên viết không chỉ là cách để bộc bạch, để giải tỏa những trăn trở, mà còn là để tự soi rọi, để có thêm dịp chiêm nghiệm chuyện đúng - sai.

Nhưng thật không dễ để kết nối bốn câu chuyện (cá nhân, gia đình, tổ chức và xã hội) trong một câu chuyện mang tên Đúng việc. Vì đó vừa là vấn đề rất chung của mọi xã hội, vừa lại là vấn đề rất riêng của mỗi cá nhân. Làm sao để chọn một cách tiếp cận thỏa mãn cả chung lẫn riêng? Cuối cùng, tôi đã chọn học theo cách mà các đạo diễn điện ảnh hay các nhà văn thường dùng. Trong bộ phim hay tác phẩm của mình, họ thường tập trung khắc họa thân phận của một hay một vài nhân vật; nhưng rồi đằng sau thân phận cá nhân đó, khán giả, độc giả sẽ nhìn thấy bóng dáng thân phận của cả xã hội. Giống như qua thân phận của nàng Kiều, cụ Nguyễn Du đã giúp ta hình dung thêm về "ý thức hệ" hay "hệ giá trị” hay “hệ điều hành" của cả thời đại mà Kiều đang sống vậy!

Chính vì vậy, xuyên suốt cuốn sách này, bên cạnh những ý kiến đại diện cho những giá trị phổ quát của nhân loại, bạn sẽ bắt gặp những câu chuyện rất riêng của những con người cá nhân rất đỗi bình thường như chúng ta. Tôi hi vọng rằng những "lát cắt" đó sẽ giúp độc

giả của mình từ cái chung mà nhìn thấy cái riêng, cũng như từ cái riêng mà suy tưởng về cái chung, dù những "lát cắt" đó có thể còn ít ỏi và chưa đủ để đại diện cho tất cả thân phận trong xứ sở này.

Tôi không kỳ vọng rằng cuốn sách này sẽ đưa ra được một "hệ điều hành" chuẩn mực mà các cá nhân, tổ chức hay xã hội có thể sử dụng và "cài đặt" cho mình để làm người, làm dân và làm việc, nhưng tôi mong rằng nó sẽ khiến mọi người suy nghĩ và quan tâm đến vấn đề này. Hoặc hạnh phúc hơn nữa, là nó sẽ giúp người đọc bắt đầu hình dung ra "khung sườn" của một "hệ điều hành", bắt đầu tìm thấy một con đường, nhìn thấy một phương pháp để biết cách tự kiến tạo "hệ điều hành" của riêng mình, của gia đình mình, của tổ chức mình và cũng từ đó góp phần tạo nên xã hội mình.

Bởi bạn biết đấy, hệ điều hành (hay ý thức hệ hay hệ giá trị) là điều gì đó rất thiêng liêng và hệ trọng. Nó như là một "ông chủ" thực sự của mỗi người, mỗi nhà, mỗi tổ chức và mỗi xứ sở vậy. Nó chính là hệ thống những quan niệm rõ ràng và thuyết phục về những vấn đề nền tảng, là lời đáp cho những câu hỏi lớn lao (chẳng hạn như: thế nào là con người, thế nào là công dân, thế nào là "đúng việc" trong các công việc và nghề nghiệp mà mình chọn, thế nào là thành công, thế nào là hạnh phúc, sống để làm gì, rốt cuộc ý nghĩa của đời ta nằm ở nơi đâu...?) mà mỗi người tự lựa chọn cho mình nhằm làm cơ sở cho mọi ước muốn của mình (dù lớn hay nhỏ), cũng như làm cơ sở cho việc hình thành các nguyên tắc và cách thức nhằm đạt được những ước muốn đó, đồng thời nó cũng chi phối mọi hành vi và thái độ của mình trong cả cuộc sống hàng ngày của mình.

Có một điều nữa mà tôi không thể không chia sẻ trong lời kết của của cuốn sách này, đó là hiểu được hay lựa chọn "hệ điều hành" đã là một việc rất khó, nhưng vẫn chưa phải là việc khó nhất. Tôi cho rằng điều khó hơn hết thảy không phải là chọn một thứ để tín, để đi theo; mà là thực sự sống với những giá trị đó và bảo vệ được những gì mình tin tưởng. Bởi hành trình cuộc đời không chỉ là hành trình không ngừng nghỉ khai phóng bản thân, đi tìm chân lý, mà quan trọng hơn là hành trình sống với những chân lý tìm ra.

Chẳng hạn, khi ta tin rằng đích đến của cuộc đời là con người tự do, con người tự trị thì chỉ riêng việc hiểu được một cách thấu đáo thế nào là con người tự do, con người tự trị đã khó, nhưng sống được như một con người tự do, con người tự trị còn khó hơn ngàn lần. Trong thực tế, không ít người dù rất hiểu và vô cùng trân quý những giá trị cơ bản của "tự do", "tự trị", "nội trị"... nhưng rốt cuộc nhiều khi vẫn sống khá là "nô lệ", "ngoại trị", "bị trị"...

Tuy nhiên, "Nếu bạn không sống với những gì bạn tin tưởng" (live what you believe), rốt cuộc bạn sẽ quay lại tin những gì bạn sống (believe what you live). Thật vậy, một người quen ngày trước của tôi từng tâm sự rằng, khi mới khởi sự kinh doanh, anh đọc gần trăm cuốn sách về quản trị kinh doanh và có thêm nhiều hiểu biết, niềm tin và sức mạnh, và hừng hực khí thế quyết tâm rằng nhất định mình sẽ sống được với những tinh thần và giá trị kinh doanh như thế, làm những điều ý nghĩa như thế. Nhưng rồi thời gian trôi đi, nhuệ khi đó trong mỗi ngày lại mai một dần. Và có những lúc anh hoang mang tự hỏi, phải chăng nhưng gì mà anh đã đọc, đã dặn dò với chính mình ngày ấy chỉ như những khẩu hiệu đẹp treo tường, còn chính thực tế mà anh đang đối mặt hàng ngày và những "chiêu thức" giúp anh tồn tại trong thực tế đó mới là chân lý?

Việc sống với những giá trị và giữ được đức tin của mình trong một xã hội bình thường đã khó như vậy, hãy thử tưởng tượng trong một xã hội mà cái sai đã tồn tại quá lâu đến mức trở thành cái phổ biến, và rồi cái phổ biến được đánh đồng thành cái đúng, thì việc "đi ngược gió" để bảo vệ lựa chọn của mình lại càng khó đến đâu?

Dù vậy, tôi vẫn mong rằng đâu đó trong những trang sách này, bạn sẽ nhìn thấy câu chuyện của mình hoặc của những người quanh mình. Và câu chuyện nhỏ mang tên Đúng việc này của tôi sẽ có ích cho bạn.

Nhưng trên hết, tôi mong bạn sẽ đón nhận nó với niềm tin vào "chuyện tử tế": Tin rằng, gieo nhân "lành" sẽ gặp quả "ngọt", sống tốt thì những điều tốt đẹp sẽ đến với mình, nếu ta chăm chỉ, đàng hoàng và sống hết mình thì sẽ không bao giờ bị thiệt, nếu ta nỗ lực làm ra những điều tích cực thì đổi thay nhất định sẽ đến... Tin rằng, "Thay đổi đến từ TÔI", chứ không quá trông chờ vào ai khác. Và quan trọng hơn nữa là, tin rằng, "Ta là sản phẩm của chính mình"; "hệ điều hành" hay "đạo sống" mà ta chọn chính là "ông chủ" của đời ta, cũng là

nhà lãnh đạo vĩ đại hay đấng tối cao của ta. Nếu ta tự do và biết tự lựa chọn cho đời mình một "đạo sống" tốt và sống đúng với "đạo sống" đó, sống đúng với con người của mình thì cuộc đời đó mới có thể có hạnh phúc đích thực.

Đó là tiền đề quan trọng của cuốn sách này mà nếu không có nó, tất cả những điều được viết ra trong cuốn sách này sẽ là vô nghĩa. Nếu không có nó, có thể bạn cũng chẳng cần phải bận tâm đến câu chuyện của cuốn sách này, vì nó sẽ chăng giúp ích cho bạn điều chi cả.

Và nếu không có nó, có thể tôi đã không viết hay không thể viết cuốn sách này.

Vì với tôi, đó cũng là tiền đề quan trọng nhất mà tôi đã lựa chọn cho cuộc đời mình!

...hiểu được một cách thấu đáo
thế nào là con người tự do đã khó,
nhưng sống được như một con người tự do
còn khó hơn ngàn lần...